

NGON LỬA
TUỔI TRẺ

KÔNGXTANTIN PAUTÓPXKI BỤI QUÝ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

K. PAUTÔPXKI

BỤI QUỲ

(In theo bản in của Nhà xuất bản Văn học)

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BỤI QUÝ

K. PAUTÔPXKI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ HOÀNG

Biên tập:

TRẦN HỮU

Vẽ bìa:

VIỆT HẢI

Sửa bản in:

NGỌC HUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B, Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 8444289-8465596

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Tại Xí nghiệp In Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: 8412644. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 1311/1 do Cục Xuất bản cấp ngày 9.11.1999 và giấy trích ngang KHXB số 11/2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1.2000.

Lời giới thiệu

*Đã có một thời, hàng triệu lượt bạn đọc trẻ Việt Nam say mê tìm đọc và học tập cách sống có lý tưởng cao đẹp trong các tác phẩm văn học được xem là sách gối đầu giường của thanh niên như: **Sống như Anh, Hòn Đất, Thép Đã Tôi Thế Đây, Đội Thanh Niên Cận Vệ, Ruồi Trâu, Xa Mạ Tư Khoa** v.v...*

Những năm gần đây, do sức ép của cơ chế thị trường và tâm lý phù động chạy theo cái mới của thời mở cửa, hầu hết những tác phẩm có giá trị của dòng văn học xã hội chủ nghĩa dần dần bị đẩy lùi vào dĩ vãng.

Điều đó không chỉ là hiện tượng đáng buồn, đáng tiếc mà còn đáng lo ngại đối với những người có trách nhiệm đối với văn học và đối với sự nghiệp giáo dục tâm hồn cho các thế hệ thanh thiếu niên. Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hồ Chí Minh có chủ trương tổ chức Cuộc Vận động đọc, viết và thuyết trình về những tác phẩm được mang tên: “NGỌN LỬA TUỔI TRẺ”.

Để góp phần thực hiện chủ trương này, vừa qua Nhà xuất bản Trẻ đã tái bản một loạt tác phẩm nổi tiếng, gắn liền với truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc và gắn liền với chương trình giảng dạy văn học của nhà trường.

Điều đáng mừng là qua những đợt thi đọc sách trong mùa hè 1999 - chúng tôi nhận ra rằng loạt sách tái bản nói trên đã được bạn đọc đón nhận với thái độ tích cực và với tình cảm nồng nhiệt. Mặt khác dư luận xã hội qua báo chí, phát thanh và thư bạn đọc cũng đã lên tiếng hoan nghênh và đề nghị Nhà xuất bản tiếp tục phát huy thành quả nói trên.

Được sự khuyến khích quý báu đó, một lần nữa, Nhà xuất bản Trẻ lại mạnh dạn và hân hạnh tiến hành giới thiệu thêm một số những tác giả và tác phẩm được nhiều người hâm mộ.

Rất mong sách sẽ đến tận tay bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Trái tim nhút nhát

Bà Vácvara Iakôplepna, nữ y sĩ của viện điều dưỡng lao, không chỉ nhút nhát trước các giáo sư mà cả với bệnh nhân. Bệnh nhân của bà hầu hết là dân Maxkova - những người hay đòi hỏi và không chịu nằm yên. Họ bức bối vì nóng, vì khu vườn bụi bặm của viện, vì thủ tục điều trị, nói tóm lại, vì mọi chuyện.

Cũng do bản tính nhút nhát mà vừa mới về hưu bà Vácvara đã dọn ngay ra ở ngoại ô, trong khu Karantin. Bà tậu một ngôi nhà nhỏ mái ngói, và nấu mình trong đó trốn cái ồn ào và sắc sỡ của phố phường duyên hải. Bà cũng chẳng thiết gì cái không khí nhộn nhịp của miền Nam, âm nhạc khàn khàn của những loa phóng thanh, những tiệm ăn sục nức mùi cừu chiên, những chuyến ô tô buýt, tiếng sỏi lạo sạo dưới bước chân những người đi dạo.

Ở Karantin, nhà nào nhà nấy sạch bong, yên lặng. Trong những mảnh vườn nhỏ có mùi lá cà chua bị hun nóng và mùa khổ ngải. Khổ ngải mọc cả trên tường thành cổ bao quanh khu Karantin. Qua chỗ tường vỡ người ta đã có thể nhìn thấy mặt biển màu xanh đục và những hòn núi

đá. Ông già Hy Lạp Xpirô, râu không bao giờ cạo, suốt ngày quanh quẩn lấy rổ xúc tôm bên những hòn núi đá ấy. Ông để nguyên cả quần áo mà lội xuống, lấy tay sờ soạt bên dưới những tảng đá rồi lại lên bờ ngồi nghỉ. Nước biển từ áo ngoài cũ kỹ của ông chảy xuống dòng dòng.

Bà Vácvara gửi gắm tình thương yêu duy nhất của mình ở đứa cháu mà bà nuôi nấng, dạy dỗ, đứa con trai của em gái bà đã khuất: thằng Vania Ghêraximốp.

Tất nhiên, bà Vácvara phải là một người nuôi trẻ vụng. Vì thế ông hàng xóm cùng ở chung một thửa đất, ông Êgo Pêtrôvich Vêdenxki, một nhà giáo trước kia dạy môn vạn vật, hoặc môn “lịch sử giới tự nhiên” như ông thường nói, hay cần nhần bà. Sáng nào ông cũng đi ửng ra vườn tưới cà chua. Ông soi mói nhìn từng khóm cây sù sì và nếu thấy một cành gãy hoặc một quả cà chua xanh lẫn lóc giữa đường thì thế nào ông cũng hầm hè chửi rửa lũ nhóc hàng xóm.

Bà Vácvara lúi húi trong bếp và nghe tiếng hô hoán giận dữ của ông láng giềng là đã sợ thất thần. Bà biết ông Êgo lại sắp sửa gọi bà ra mà bảo rằng thằng Vania lại phá vườn ông, rằng nuôi trẻ như bà thì nên giao con cho công an để họ tống vào trại cải tạo lao động còn hơn. Thằng Vania nghịch gì ư? Nó lấy hộp sắt tây cắt thành những cánh quạt rồi dùng một cái ống và một sợi dây, phóng lên không, và những mảnh sắt tây ấy vù vù bay vào vườn nhà ông, làm gãy cà chua, đôi khi còn làm gãy cả những khóm cúc vạn thọ

và hoa từ bi nữa. Gớm chưa, nhà phát minh đấy! Xiêncốpski⁽¹⁾. Trẻ con phải dạy chúng đúng đắn, làm những việc hữu ích. Không thì chúng chỉ dầm nước đến phát ốm, chọc lão Xpirô, leo trèo trên tường thành. Không phải trẻ con nữa mà là một bầy khỉ. Thế mà đòi là học sinh Xô viết!

Bà Vácvara chỉ nín lặng. Tất nhiên ông Êgo đã mắng oan thằng bé, điều đó bà biết. Vania của bà là một thằng bé ngoan. Nó luôn loay hoay chế tạo một cái gì đó, vừa vẽ vừa thở khò khè và sẵn sàng giúp đỡ bà trong công việc nội trợ không sung túc gì, nhưng được cái sạch sẽ.

Bà Vácvara chỉ muốn dạy dỗ cháu mình trở thành một người lao động, một người tốt. Tất nhiên, bà không tin Trời. Nhưng bà tin chắc có một định luật bí ẩn trừng phạt con người vì những tội ác mà nó gây ra cho kẻ khác.

Đến khi Vania đã lớn thì bỗng dung ông Êgo lại bắt nó học cách vẽ thảo mộc và phân định các loại cây cỏ do chính ông dạy. Cặp già trẻ này rất chóng thân nhau. Vania thích những căn phòng tranh tối tranh sáng trong nhà ông Êgo, những bông hoa và những chiếc lá khô ép trong những cặp giấy, ngoài có đề chữ “Thảo mộc rừng Krum” và những bức họa phong cảnh treo trên tường. Những bức họa có nét vẽ lạnh lùng và u ám: những thác nước và những ghềnh đá phủ dây leo.

1. Nhà bác học Nga đã đặt nền móng cho thuyết du hành vũ trụ (thế kỷ XIX-XX).

Sau khi tốt nghiệp phổ thông mười năm, Vania nhập ngũ và theo học trường quân sự ở ngoại thành Maxkova. Sau thời gian phục vụ trong quân đội, anh ước mong được học trường mỹ thuật, hoặc hơn nữa, tốt nghiệp học viện mỹ thuật Leningrat. Ông Êgo tán thành ý Vania. Ông cho rằng Vania có thể trở thành một họa sĩ thực vật hoặc “một nhà thảo mộc” như ông thường nói. Có những họa sĩ chuyên vẽ thú vật tài năng có một không hai. Thế thì tại sao lại không có một họa sĩ có thể đưa lên khung vải cả cái phong phú muôn màu muôn vẻ của thế giới thực vật.

Vania về nghỉ có một lần. Bà Vácvara ngắm mãi anh không biết chán: chiếc áo varoi phi công màu xanh, cặp mắt thâm trầm, đôi cầu vai xanh da trời, những chiếc cánh bạc trên cánh tay áo. Còn anh thì đen sạm, cháy nắng nhưng vẫn rứt rứt như trước. Công tác trong quân đội không làm anh thay đổi mấy tí.

Suốt vụ nghỉ, Vania cùng với ông Êgo đi ra ngoài ngoại ô, lên những ngọn núi cần cỗi tìm kiếm cây cỏ và vẽ rất nhiều tranh màu. Bà Vácvara treo tranh của anh khắp tường. Trong nhà vui hẳn lên như thể người ta mở thêm rất nhiều cửa sổ nhỏ và bên ngoài mỗi cửa sổ ấy lại xanh lên một mảng trời và có gió ấm thổi.

Chiến tranh bắt đầu một cách lạ lùng đến nỗi lúc đầu bà Vácvara không hiểu gì hết. Hôm chủ nhật, bà ra ngoại ô hái rau bạc hà và khi về tới nhà bà chỉ còn biết ở lên một

tiếng ngạc nhiên. Ông Êgo đang đứng trên chiếc ghế đầu và lấy bùn loãng pha trong chậu bôi lên bức tường trắng của ngôi nhà.

Thoạt đầu bà Vácvara tưởng ông Êgo lại lên con hấp (trước kia ông vẫn thường bị lên những con hấp như thế) nhưng ngay đấy bà thấy đông đủ cả lân bang hàng xóm. Họ cũng đang vội vã lấy bùn nâu màu đất chung quanh nhà - quét lên tường.

Tối đến, lần đầu tiên những ngọn hải đăng không sáng, chỉ có những ngôi sao mờ chiếu ngoài biển. Trong các nhà không có lấy một ngọn lửa. Ở phía dưới, trong thành phố, như trong một nhà mồ tối tăm, những con chó lo lắng sủa cho đến tận sáng. Chiếc máy bay bảo vệ thành phố chống oanh tạc Đức lượn vè vè trên đầu.

Mọi việc xảy ra bất thành linh, đến sợ. Bà Vácvara ngồi ở ngưỡng cửa cho tới khi trời sáng hẳn. Bà nghe ngóng và nghĩ đến Vania. Bà không khóc. Ông Êgo đi bước một trong vườn, húng hắng ho. Thỉnh thoảng, ông quay vào trong nhà hút thuốc nhưng không ở lâu trong ấy và lại trở ra vườn. Họa hoằn mới có những ngọn gió từ những quả núi thấp thổi xuống, mang theo mùi cỏ, tiếng dê kêu be be và bà Vácvara nghĩ thầm “chiến tranh thực rồi ư?”.

Trước lúc bình minh có một tiếng sấm gần gũi từ biển cả bay vào. Rồi tiếng thứ hai, thứ ba... Trong các sân nhà người ta hấp tấp nói chuyện với nhau. Khu Karantin

không ngủ. Không ai có thể giải thích ngọn nguồn những việc đang xảy ra bên kia chân trời đen kịt. Mọi người chỉ nói rằng ban đêm, trong bóng tối, con người thoải mái hơn, đỡ nguy hiểm hơn, như thể đêm tối che chở cho con người trước tai họa.

Một mùa hè khủng khiếp, đầy lo âu, trôi qua nhanh chóng. Chiến tranh lan đến gần thành phố. Không có thư từ điện tín gì của Vania. Mặc dầu tuổi già, bà Vácvara đã tình nguyện trở về công việc cũ: bà làm y tá trong quân y viện. Cũng như mọi người, bà đã quen với những chiếc máy bay màu đen, tiếng rít của bom rơi, tiếng kính vỡ loảng xoảng, bụi lọt vào đủ mọi chỗ sau khi bom nổ, với bóng tối, bà phải sờ soạn nấu nước chè trong bếp.

Quân Đức chiếm thành phố vào mùa thu. Bà Vácvara không kịp đi. Bà ở lại trong ngôi nhà nhỏ của mình ở Karantin. Ông Êgo cũng ở lại.

Sang đến ngày thứ hai, quân Đức bao vây thành phố. Chúng lặng lẽ vào từng nhà, liếc vội vào đủ mọi góc ngách, lấy bột mì, quần áo ấm. Cả đến chiếc kính hiển vi bằng đồng của ông Êgo chúng cũng không tha. Chúng làm chuyện đó cứ y như trong nhà chẳng có ai và cũng chẳng thèm nhìn chủ nhà lấy một lần.

Trong hang đá đằng sau mũi Bligioni hầu như ngày nào bọn Đức cũng bắn người Do thái. Bà Vácvara quen nhiều người trong bọn họ.

Bà Vácvara đã thấy sợ. Bà đóng hết cửa chớp trong nhà lại và ra ở trong lều chứa củi. Trong lều lạnh lẽo thậ ụng vẫn còn hơn ở trong những căn phòng bị cướp trọi đến nỗi những khung cửa sổ cũng không còn lấy một mảnh kính.

Bọn Đức đặt một khẩu đội pháo sau tường thành. Nòng súng quay ra biển. Biển lúc ấy đã sôi sục, điên cuồng như trong mùa đông. Những tên lính gác mặc áo choàng không kín hết người, quay cuồng, giương những đôi mắt đỏ hoe vì gió nhìn ra chung quanh và thỉnh thoảng lại gọi giạt những khách bộ hành đi một mình.

Một buổi sáng mùa đông, những chiếc phi cơ Xô viết từ ngoài biển ầm ì bay vào. Bọn Đức bắn lên. Đất rung chuyển theo mỗi tiếng nổ. Ngói rơi lả tả. Bụi bốc lên thành những đám mây lớn bên trên thành phố. Súng cao xạ găm thét hết giọng. Những cành dạ hợp gãy văng vào tường. Bọn lính mặc áo choàng xám xịt la hét và chạy đi chạy lại, những mảnh bom rú rít, những ngọn lửa của trận bom nhấp nhóang liên hồi trong những đám mây đen. Còn ở ngoài cảng lửa đã cháy phần phật trong những kho hàng, làm bùng những tấm mái kẽm.

Ông Êgo vừa nghe thấy tiếng nổ đầu tiên đã hấp tấp chạy ra vườn, giơ đôi tay run rẩy hướng về những chiếc máy bay lượn sát khu Karantin, kêu lên những tiếng gì đó và nước mắt tuôn dòng trên đôi gò má trắng bệch và khô héo của ông.

Bà Vácvara mở cửa lều và lạnh toát người khi nhìn thấy những con chim sắt khổng lồ gầm thét, lượn đi lượn lại trên thành phố và ở dưới thân chúng, trên mặt đất, bùng lên những cột lửa vàng.

Ông Êgo hét lên:

- Quân ta! Quân ta đấy, bà Vácvara ơi! Bà không trông thấy sao? Họ đấy!

Một chiếc trong tốp máy bay bông bốc khói và bắt đầu rơi xuống nước. Người phi công nhảy dù. Ngay lập tức, những chiếc xuống máy của bọn Đức rẽ sóng, phóng băng băng, nhả đạn liên thanh không ngớt tiến về phía người phi công sẽ rơi xuống.

Trọng pháo của Đức bị đánh tan tác, đất cát phủ đầy. Ngôi nhà cổ có những cửa cuốn tò vò ngoài phố chính, nơi bộ chỉ huy Đức đóng, cháy rừng rực. Ngoài bến, chiếc tàu vận tải Rumani xanh lốm đốm như một con ếch, bốc khói, chìm dần. Xác lính Đức ngổn ngang khắp phố.

Sau trận oanh tạc, Pasa - một bà dân chài đã có tuổi - lần từ trong thành phố ra và kể lại rằng ở gần chợ có một thiếu phụ còn trẻ và ông lão chủ hiệu thuốc đang ôm bị chết bom.

Bà Vácvara không thể ngồi yên trong nhà. Bà sang nhà ông Êgo. Ông đứng bên bức tường chằng chịt dây nho dại và thần thờ lấy khăn tay lau bụi trắng bám ở lá nho. Lá

nho mùa đông đã khô và khi lau, ông làm chúng rụng hết.

Bà Vácvara khẽ hỏi:

- Sao vậy, ông Êgo? Vậy ra người mình lại giết người mình... Chúng ta đã sống đến cái ngày gì vậy, ông Êgo?

- Cần phải thế! - Ông trả lời và bộ râu ông rung rung -
Đừng hỏi tôi. Tôi đang bận.

Bà Vácvara trả lời:

- Tôi không tin là cần phải thế! Tôi không sao hiểu nổi vì lẽ gì mà người ta nỡ giơ tay đánh những người thân...

- Thế bà tưởng lòng họ nhẹ nhàng lắm khi phải làm chuyện ấy sao? Một chiến công vĩ đại! Vĩ đại!

- Tôi không sao hiểu nổi chuyện đó - Bà Vácvara nói -
Tôi ngu ngốc, tôi già rồi, hẳn là như vậy....

Ông Êgo im lặng hồi lâu và lau lá nho.

- Trời hồi, trời! - Bà Vácvara nói - Thế là thế nào? Ông hãy giảng cho tôi nghe đi, ông Êgo!

Nhưng ông Êgo không muốn giảng giải gì hết. Ông khoát tay và bước vào nhà.

Trước khi trời tối có ba tên lính Đức đi qua khu Karantin. Một tên mang bó cáo thi, tên kia mang cái xô đựng hồ. Một thằng lính tóc hung đeo tiểu liên lê gót đằng sau, luôn miệng nhổ bọt.

Bọn lính dán tờ cáo thị lên chiếc cột gần nhà bà Vácvara rồi bỏ đi. Không ai tới gần tờ cáo thị đó. Bà Vácvara cho rằng hẳn không ai nhìn thấy bọn Đức dán tờ cáo thị ấy. Bà khoác vội chiếc áo gi-lê rách và đi ra cột. Trời đã tối và nếu ở phía tây không còn lại một chút ánh vàng giữa những đám mây rách thì chưa chắc bà đã đọc nổi.

Tờ giấy còn ẩm. Trên đó ghi những hàng chữ:

“Kẻ nào bóc sẽ bị bắn. Lệnh của chỉ huy trưởng. Những tên phi công Xô viết đã tiến hành một cuộc oanh tạc dân lành làm nhiều người thiệt mạng, nhiều nhà cửa bị cháy và phá hủy. Một trong những tên phi công phạm tội đã bị bắt làm tù binh. Tên nó là Ivan ⁽¹⁾ Gêraximốp. Bộ chỉ huy Đức quyết định xử tên man rợ này như đối với kẻ thù của dân chúng và hắn sẽ bị xử bắn. Để cho dân chúng có dịp được nhìn thấy tên bôn-sê-vich đã giết con cái họ và phá hoại của cải của họ, ngày mai, hồi bảy giờ sáng hắn sẽ bị giải qua phố chính. Bộ chỉ huy Đức tin rằng dân chúng có thiện chí sẽ tỏ lòng khinh bỉ tên uống máu người không tanh đó.

Chỉ huy trưởng thành phố

Đại úy Dutxơ”

Bà Vácvara nhìn quanh rồi bóc vội tờ cáo thị giấu vào trong áo gi lê và hấp tấp trở về lều.

1. Ivan là tên chính của tên gọi thân mật Vania.

Lúc đầu bà ngồi lặng đi, không còn hiểu gì hết, chỉ lấy những ngón tay run rẩy lần từng sợi tua của chiếc khăn xám cũ kỹ. Rồi đầu bà nhúc nhối và bà khóc. Những ý nghĩ của bà rối như bông bong. Chuyện gì đã xảy ra? Có lẽ nào ngày mai bọn Đức sẽ giết thẳng Vania của bà ở một cái sân bắn thủ nào đó bên những chiếc xe vận tải nát! Không hiểu sao ý nghĩ rằng chắc chắn chúng sẽ giết Vania ở trong một cái sân, bên cạnh những chiếc xe vận tải, nơi mặt đất sặc sụa mùi xăng dầu, cứ luẩn quẩn trong đầu óc và bà Vácvara không tài nào xua đuổi nó đi cho được.

Làm thế nào cứu được Vania? Giúp Vania cách nào đây? Bà bóc tờ cáo thị trên cột xuống làm gì? Bà sợ cái gì kia chứ? Bọn Đức chẳng? Không. Bà thấy lương tâm cắn rứt trước đồng bào. Bà muốn giấu tờ cáo thị khỏi mắt ông Êgo, khỏi mắt mọi người. Bọn Đức sẽ giết Vania. Chúng có thể giết cả bà vì bà đã bóc cái mảnh giấy nhóp nhép kia. Còn đồng bào? Đồng bào, trừ cái ông Êgo kỳ quặc kia, sẽ không bao giờ tha thứ tội lỗi kia cho bà, vì thiếu phụ bị giết, ông lão chủ hiệu thuốc bất hạnh và những ngôi nhà nát vụn, nơi họ đã sống bao năm, những ngôi nhà mà mọi vật đều quen thuộc, từ nước sơn tróc ở những tay vịn thang gác đến tổ én dưới cửa sổ. Ai là người chẳng biết Vania là đứa trẻ do bà dạy dỗ. Nhiều người còn tưởng anh là con trai của bà.

Bà Vácvara như đã cảm thấy những cái nhìn chằm chằm khó chịu, đã nghe thấy những tiếng thì thào rìn rít

sau lưng. Bà còn mặt mũi nào nhìn mọi người! Thà Vania cứ giết ngay bà đi còn hơn là giết những người kia. Thế mà ông Êgo lại còn nói rằng đó là một chiến công vĩ đại.

Bà Vácvara cứ lần từng sợi tua của chiếc khăn mà khóc cho đến khi trời bắt đầu sáng.

Khi trời sáng hẳn, bà lên ra khỏi lều, đi xuống thành phố. Gió rú rít thổi tàn tro bay trên các phố. Biển reo ào ào trong cái ảm đạm tăm tối, trong sương mù. Hình như đêm chưa đi hẳn, giống như một tên ăn trộm, nó náu mình trong những chỗ ngoặt, từ đó bốc lên một mùi khét lẹt, mùi rêu và mùi vấy sắt nung cháy.

Giờ đây, lúc bình minh, ruột gan bà Vácvara như đã bị nước mắt đốt cháy hết và bà không còn biết sợ là gì nữa. Bọn Đức cứ việc giết bà, đồng bào cứ việc căm thù bà, bà bất cần. Chỉ cốt sao bà được trông thấy Vania, dù chỉ là cái nốt ruồi trên má anh, rồi chết cũng bỏ.

Bà Vácvara đi hấp tấp, mặt cúi gằm xuống. Bà không biết ông Êgo đang đi đằng sau. Bà cũng không trông thấy lão Xpirô cũng lần mò tới đó, tới phố chính, và cả người đàn bà dân chài mặt đầy tàn nhang Pasa nữa. Bà Vácvara vẫn hy vọng rằng có lẽ sẽ chẳng có ai đến xem bọn Đức giải Vania của bà đi đâu. Chỉ có một mình bà đến đó và không có gì ngăn trở bà được nhìn thấy Vania của bà.

Nhưng bà đã nhầm. Những người mặc quần áo xám, lạnh cóng đã tụ tập bên những bức tường.

Bà Vácvara không dám nhìn thẳng vào mắt họ. Bà không ngẩng đầu lên và chờ đợi mãi những tiếng la hét giận dữ. Nếu không bà đã nhìn thấy thành phố quê hương của bà biến đổi như thế nào. Bà sẽ nhìn thấy những mái đầu run rẩy, những bộ tóc khô héo, những vết nhăn đầy bụi và những mi mắt mọng đỏ.

Bà Vácvara đứng lại bên cột dán áp phích, nấp vào sau cột và rúm người lại, chờ đợi. Tay bà vò nát chiếc ví lụa cũ kỹ, trong đó chẳng còn vật gì khác ngoài chiếc khăn tay và chìa khóa lều.

Những mẩu áp phích lơ lửng bám lấy cột. Chúng báo tin những sự kiện như đã xảy ra cách đây hàng nghìn năm; những bản giao hưởng của Sốtxtakôvich, những buổi biểu diễn của nghệ sĩ ngâm thơ Iakhôntôp.

Người ta vẫn cứ im lặng và hấp tấp đổ về. Yên lặng đến nỗi tiếng sóng đập vào bờ còn vọng đến tận phố chính. Sóng đập vào con đê chắn, tan ra thành bọt xám và bốc lên tận những đám mây đen, lẫn ra xa rồi lại vỗ nước mặn vào đê.

Rồi đám đông bỗng thở dài, rùng mình và dịch về phía vỉa hè. Bà Vácvara ngược mắt lên.

Sau lưng những người đứng chắn trước mặt, bà không trông thấy con đường nhựa. Bà trông thấy những chiếc mũ luỡi trai xám, những nòng súng trường ở đằng xa. Tất cả

những vật đó từ từ dịch lại gần, hơi đung đưa và nghiêng ủng ken két.

Bà Vácvara vòng tay ôm chặt lấy cột, ngã hẳn người về phía trước, cái cổ gầy guộc vươn ra.

Có người nào nắm lấy khuỷu tay bà và nói nhanh: “Dừng kêu! Dừng để chúng nó biết!”. Bà Vácvara không nhìn lại, mặc dầu bà nhận ra tiếng ông Êgo.

Bà chăm chú nhìn cái đám đông tối sẫm kia đang tiến lại gần. Giữa đám áo choàng xám nổi bật lên bộ quần áo phi công màu xanh. Bà Vácvara nhìn không rõ, bà chỉ thấy lơ mờ. Bà lau nước mắt, run rẩy nhét chiếc khăn tay vào ví và cuối cùng bà đã trông thấy anh, Vania của bà, đang đi sau một tên sĩ quan Đức vạm vỡ. Anh đi bình thản, nhìn thẳng về phía trước, nhưng trên mặt anh không còn vẻ rụt rè quen thuộc đối với bà.

Bà nhìn anh ghen ngào, cố nín thở, nuốt nước mắt. Đó là anh, là Vania, anh vẫn như xưa, đáng yêu, da sạm nắng, nhưng gầy đi rất nhiều và bên mép đã có những nếp nhăn khắc khổ.

Bất thần tay bà run bắn lên và bà để rơi chiếc ví. Bà trông thấy đám đông cất nhanh mũ xuống trước Vania và nhiều người đưa tay áo lên mắt.

Rồi bà trông thấy một bó hoa Crimê khô héo không rõ từ đâu rơi xuống và xổ tung lên mặt đường uớt dẫm nước

mưa. Bọn Đức đi mau hơn. Vania mỉm cười với một người nào đó và mặt bà tươi hẳn lên qua hàng lệ. Từ trước, anh vẫn chỉ cười như thế với một mình bà.

Khi toán lính đi ngang mặt bà, đám đông đang trước dẫn ra ngay và một vài cánh tay nhẹ nhàng nắm lấy tay bà, du bà ra trước mặt đường và bà chỉ còn cách Vania có mấy bước. Nhìn thấy bà, anh tái mặt nhưng không để lộ một lời nói, một cử chỉ nào chứng tỏ anh quen cái bà lão bé nhỏ đang run rẩy kia. Bà nhìn anh bằng đôi mắt cầu khẩn và tuyệt vọng.

- Vania tha lỗi cho mẹ!

Bà Vácvara nói và khóc rung rức, đến nỗi bà không còn trông thấy Vania liếc nhanh nhìn bà trùi mền, không nghe thấy cả tên sĩ quan Đức hét lên: "Lùi vào!" và văng tục. Bà cũng không nhìn thấy ông Êgo và lão Xpirô kéo bà trở lại đám đông và đám đông lập tức che kín bà khỏi mắt bọn Đức. Về sau bà chỉ còn nhớ là ông Êgo và lão Xpirô đã dẫn bà qua những phố hoang tàn, bước trên ngói vỡ, giữa đám cỏ gai trắng bệch vì vôi.

- Không cần! - Bà Vácvara lầu bầu trong miệng - Bỏ tôi ra! Tôi ở lại đây! Bỏ ra!

Nhưng ông Êgo và ông lão Xpirô vẫn giữ chặt tay bà và không trả lời.

Ông Êgo đưa bà về tận lều, đặt bà nằm xuống chiếc

giường gỗ và lấy tất cả chăn áo ấm đắp lên cho bà. Còn bà thì run rẩy, răng va vào cằm cặp. Bà cố cắn chặt góc chiếc chăn xám cũ kỹ và lẩm bẩm: “Trời, sao thế này? Sao thế này?” và từ trong cuống họng thỉnh thoảng lại bật ra một tiếng nấc thường có ở những người cố giữ nước mắt.

Ngày hôm đó qua đi như thế nào bà Vácvara cũng chẳng nhớ nữa. Ngày hôm đó xám, ẩm thấp và có bão. Những ngày đông như vậy qua đi rất mau. Chẳng ra là đã có những ngày ấy mà cũng chẳng ra là không có. Biển cứ kiên nhẫn gặm thét mãi. Gió vạt bụi cây khô trên những mỏm đá biển, tung mưa đi thành từng dải.

Đến đêm, trong tiếng ầm ì của biển, một tiếng sấm nặng nề xông vào, còi và đại bác rú rít, những tiếng nổ ầm ì, tiếng vọng của súng liên thanh dội vào vách núi. Ông Êgo chạy lại lều bà Vácvara và nói lớn với bà câu gì đó trong bóng tối. Nhưng bà chỉ hiểu ông Êgo nói gì khi nghe thấy cả cái đêm rét muốt bất thần vang dậy tiếng “xung phong”⁽¹⁾ kéo dài ở xa. Tiếng kêu ấy lớn dần, lăn dọc bờ bể, ủa vào trong các phố hẹp của khu Karantin, lăn theo các bậc thang xuống thành phố.

- Quân ta!

Ông Êgo kêu lên và cái yết hầu vàng vàng nơi cổ ông rung lên. Ông khóc rung rức, cười ha hả, rồi lại khóc rung rức.

1. Nguyên văn: Ura.

Trời vừa sáng thì quân đổ bộ Liên Xô đã chiếm được thành phố. Cuộc đổ bộ sở dĩ thành công là nhờ những đồng chí phi công đã ném bom tiêu diệt trọng pháo Đức.

Đó là những gì ông Êgo kể lại cho bà Vácvara nghe. Giờ đây ông quanh quẩn dưới bếp nhà bà, đun trà cho bà.

- Ra thằng Vania nhà tôi cũng thế...? - Bà Vácvara hỏi ông và giọng bà dứt quãng.

- Vania là một ông thánh - ông Êgo nói - giờ tất cả trẻ con trong thành phố này là cháu bà. Một gia đình lớn! Chính Vania đã cứu chúng khỏi chết.

Bà Vácvara quay mặt vào tường và lại khóc nhưng bà khóc rất khẽ nên ông Êgo không nghe thấy.

Ông tưởng bà Vácvara đã ngủ.

Ấm nước trong bếp reo, nắp ấm kêu lạch xạch. Mặt trời ló ra giữa những đám mây đen và thấp. Ánh nắng chiếu vào hơi nước phùn phụt từ vòi ấm tuôn ra và bóng của những dòng hơi nước cứ bay mãi, bay mãi, cuộn cuộn trên bức tường trắng một thứ khói lam nhạt và không sao bay ra ngoài được.

Tuyết

Tachiana Pêtorópna dọn đến nhà cụ Pôtapốp được một tháng thì cụ mất. Nàng ở lại một mình với đứa con gái nhỏ là Varia và người vú già.

Ngôi nhà nhỏ, chỉ có ba gian, ở trên một ngọn đồi trông xuống con sông phía Bắc ngay đầu tỉnh lỵ. Sau nhà, bên kia khu vườn đã trụi lá là một rừng bạch dương phơi màu trắng bạc. Ở đó, từ sáng sớm đến lặn mặt trời, lũ quạ kêu quàng quạc, bay thành từng đám mây đen trên những ngọn cây trần trụi, báo hiệu trời xấu.

Từ khi rời Maxkova, Tachiana vẫn mãi không sao quen được cái tỉnh lỵ đìu hiu với những ngôi nhà nhỏ bé, những cánh cửa hàng rào kêu ken két, những buổi tối vắng lặng nghe rõ cả tiếng ngọn đèn dầu hỏa nổ lép lép.

“Mình ngốc quá! - Nàng nghĩ - Không dung đi bỏ Maxkova, nhà hát và bè bạn! Đáng lẽ phải đưa Varia đến ở với bà vú ở Puskinô, ở đó chưa bị máy bay bắn phá lần nào, còn mình thì cứ việc ở lại Maxkova. Trời mình thật ngốc!”

Nhưng không thể trở lại Maxkova được nữa rồi. Tachiana quyết định biểu diễn trong các trạm quân y lưu

động - trong thị trấn cũng đã có vài trạm - và nàng thấy trong lòng cũng khuây khoả đôi chút. Nàng còn thấy thích cái tỉnh lỵ ấy nữa là khác, nhất là khi đông về và tuyết xuống phủ đầy. Ngày lại ngày, êm dịu và xám ngắt. Sông mãi chưa đóng băng, mặt nước màu xanh lá cây bốc khói.

Tachiana quen dần cả với tỉnh lỵ và cả với ngôi nhà không phải của mình. Nàng đã quen chiếc dương cầm lạc giọng, những tấm ảnh ủa vàng treo trên tường, những tấm ảnh chụp những thiết giáp hạm bảo vệ bờ biển cổ lỗ. Trước kia, cụ Pôtapốp làm thợ máy tàu biển. Trên cái bàn giấy phủ dạ xanh của cụ có đặt mô hình tuần dương hạm “Grômôbô”, trên tàu đó cụ đã làm việc. Varia bị cấm không được sờ vào mô hình ấy. Và nói chung, con bé bị cấm không được sờ vào bất cứ vật gì.

Tachiana biết cụ Pôtapốp có con trai đang phục vụ trong hạm đội Hắc Hải. Trên bàn, bên cạnh mô hình tuần dương hạm, có bức ảnh của anh. Đôi lúc, Tachiana cầm bức ảnh lên xem, mê mải ngắm nghía rồi nhúu đôi lông mày thanh thanh lại, nghĩ ngợi. Nàng cứ có cảm giác là đã gặp anh ở một nơi nào đó, nhưng đã lâu lắm rồi, trước cả cuộc hôn nhân không toại nguyện của nàng. Nhưng ở đâu? Và khi nào nhỉ?

Anh lính thủy nhìn nàng bằng đôi mắt bình thản, hơi có vẻ chế nhạo, như muốn hỏi: “Thế nào chị? Chẳng lẽ chị vẫn chưa nhớ ra được là chúng ta đã gặp nhau ở đâu hay sao?”

- Không, tôi không nhớ.

Nàng trả lời khe khẽ.

- Mẹ ơi, mẹ nói chuyện với ai thế?

Varia từ phòng bên hỏi to.

- Mẹ nói với cái dương cầm con ạ!

Tachiana cười, trả lời con.

Vào giữa mùa đông bắt đầu có những lá thư gửi cho cụ Pôtapốp, những lá thư do cùng một bàn tay viết. Tachiana xếp những lá thư ấy lại trên bàn.

Một lần, đang đêm nàng chợt thức giấc, ánh tuyết mờ mờ chiếu vào cửa kính. Con mèo xám Áckhíp của cụ Pôtapốp để lại đang ngáy khò khò trên đi văng.

Tachiana khoác áo choàng mỏng vào phòng làm việc của cụ Pôtapốp và đứng một lát bên cửa sổ. Một con chim lặng lẽ bay vụt ra khỏi cây làm tuyết đổ ào xuống. Tuyết bay như một thứ bụi trắng, phủ một lớp mỏng lên trên mặt kính.

Tachiana thấp ngọn nến trên bàn, ngồi xuống ghé bành và dăm dăm nhìn ngọn nến. Ngọn nến cũng chẳng buồn động dấy. Sau đó nàng thận trọng lấy ra trong chồng thư một bức, bóc phong bì, nhìn chung quanh và bắt đầu đọc:

"Cha yêu quý, thế là con đã nằm bệnh viện được một tháng - Nàng đọc - Vết thương của con không nặng lắm. Nó

đang lên da non. Xin cha đừng lo lắng và chờ hút hết liều thuốc này đến liều thuốc khác. Con van cha đấy!”.

“Con luôn nhớ đến cha - Tachiana đọc tiếp - đến ngôi nhà của cha con ta, đến tình lý của chúng ta. Tất cả những cái đó xa xăm quá, tương như ở đâu mãi chân trời. Con nhắm mắt lại và thấy con mở cửa hàng rào, bước vào vườn. Mùa đông, tuyết xuống, nhưng con đường nhỏ dẫn tới phong đình bên dốc đã được sửa sang sạch sẽ và bằng bụi phủ đầy những khóm tứ đỉnh hương. Lò sưởi trong phòng kêu tí tách. Khói bạch dương thoang thoảng. Cây dương cầm cuối cùng đã được lên dây lại và cha đã cầm những cây nến vàng hình xoắn ốc con mua từ Leningrat vào những chân đèn. Và vẫn những bản nhạc ấy trên chiếc đàn: bản tư khúc của vợ nhạc kịch “Con đầm Pích” và tình ca “Trên những bờ Tổ quốc xa xôi”. Không biết quả chuông treo ở cửa có kêu không? Thế là con vẫn chưa kịp chữa. Chả lẽ rồi con sẽ lại được gặp tất cả những cái đó? Chả lẽ rồi con lại được đổ nước giếng trong bình ra mà tắm sạch bụi đường xa? Cha còn nhớ không? Ôi, nếu cha biết được rằng ở đây, ở một nơi xa xôi, con yêu mến tất cả những cái đó biết chừng nào! Cha đừng ngạc nhiên, nhưng con nói với cha một cách thật đúng đắn rằng con nhớ đến những cái đó trong những phút ác liệt nhất của trận đánh. Con biết rằng con đang bảo vệ không riêng gì tất cả đất nước mà cả cái góc nhỏ bé và thân yêu ấy trong lòng con: tức là cả cha, cả khu vườn

nhà ta, cả những em bé đầu bù tóc rối trong làng ta, cả những cánh rừng bạch dương bên kia sông và cả con mèo Áckhíp nữa. Xin cha đừng cười và đừng lắc đầu cha nhé!

Có thể là khi ở bệnh viện ra, người ta sẽ cho con về nhà trong một thời gian ngắn. Điều đó chưa chắc lắm. Tốt hơn hết là cha đừng đợi”.

Tachiana ngồi rất lâu bên cạnh bàn, mắt mở to nhìn qua cửa sổ, nơi bình minh bắt đầu hé lên trong một màu xanh dày đặc, và nghĩ rằng sắp tới đây thôi, ngày một ngày hai, có thể sẽ có một người mà nàng không quen biết từ mặt trận trở về ngôi nhà này, và người đó sẽ đau khổ khi phải gặp những người xa lạ ở đây và phải trông thấy mọi vật hoàn toàn không giống như ý người đó muốn.

Sáng hôm sau, Tachiana sai Varia lấy xẻng ra dọn con đường dẫn tới phong đình trên bờ dốc. Cái lều đã hoàn toàn đổ nát. Những cột gỗ mốc meo, rêu phủ đầy. Tachiana tự tay chữa quả chuông con treo trên cửa. Trên quả chuông có một hàng chữ đúc đến buồn cười “Ta treo trên cửa - Hãy giật cho vui”. Tachiana đung vào quả chuông. Nó kêu lên lanh lảnh. Con mèo Áckhíp khó chịu, ve vẩy đôi tai, rồi bực dọc, đi ra khỏi nhà: có lẽ nó cho tiếng chuông vui vẻ kia là cần rở.

Trưa hôm đó, Tachiana, má ửng hồng, cười nói âm ỉ, mắt quàng thâm vì xúc động, từ ngoài phố về dắt theo một

ông lão lên dây đàn, một người Tiệp đã Nga hóa hoàn toàn. Ông lão làm nghề chữa đèn cồn, đèn dầu hỏa, búp bê, áccoócdềông và lên dây đàn dương cầm. Lão thợ chữa đàn có một cái họ rất buồn cười: “Névidan” (Cửa hiểm). Sau khi lên dây đàn, ông già Tiệp nói rằng chiếc đàn cũ nhưng rất tốt. Không cần ông nói Tachiana cũng biết rõ điều đó.

Khi ông lão về rồi, Tachiana cẩn thận lục khắp các ngăn kéo bàn và tìm thấy một gói to những cây nến hình xoắn ốc. Nàng cắm vào các chân nến đặt trên chiếc dương cầm. Buổi tối hôm ấy, nàng thắp nến lên, ngồi trước dương cầm và tiếng nhạc tràn ngập cả ngôi nhà.

Khi Tachiana ngừng chơi và tắt nến đi thì một làn khói thơm tỏa ra khắp các phòng y như trên cây thông ngày lễ đầu năm.

Varia không giữ được nữa.

- Sao mẹ lại đụng vào đồ vật của người khác? - Nó nói với Tachiana - Mẹ cấm con, còn mẹ thì lại đụng vào đủ mọi thứ: nào chuông, nào nến, nào đàn. Mẹ lại đặt những bản nhạc của người ta lên trên dương cầm nữa.

- Bởi vì mẹ là người lớn.

Tachiana trả lời.

Varia chau mày, ngờ vực nhìn mẹ. Lúc này Tachiana không giống người lớn một chút nào. Mặt nàng tươi hân lên và nom nàng giống cái cô thiếu nữ tóc vàng đã đánh rơi

chiếc hài pha lê trong cung vua nhiều hơn. Chính Tachiana đã kể cho Varia nghe chuyện cô gái ấy.

*

* *

Ngay từ lúc còn ngồi trên tàu hỏa, trung úy Nikôlai Pôtapốp đã tính rằng anh chỉ có thể ở nhà với cha anh nhiều lắm là hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Hạn nghỉ phép thì ngắn mà cuộc hành trình đã chiếm mất gần hết thời gian.

Tàu hỏa tới thành phố vào ban ngày. Vừa bước chân xuống ga, trung úy được ông lão trưởng ga là người quen cho biết cha anh mất đã được một tháng và hiện giờ một nữ ca sĩ trẻ tuổi cùng đứa con gái của nàng đang ở nhà anh.

- Chị ta là người tản cư.

Ông trưởng ga nói.

Nikôlai im lặng và nhìn ra ngoài cửa kính, nơi những hành khách mặc áo bông, đi ủng dạ, tay cầm ấm nước, đang chạy. Anh thấy chóng mặt.

- Vâng - ông trưởng ga nói - Cụ nhà là người thật tốt bụng. Thế mà cụ chết đi không kịp gặp con trai.

- Bao giờ lại có tàu ra, thưa bác?

Nikôlai hỏi.

- Năm giờ sáng mai - Ông lão nói, rồi im lặng một lát và

nói tiếp - Anh lại đành tôi chơi. Bà lão nhà tôi sẽ pha trà, dọn bữa tối cho anh. Anh về nhà bây giờ cũng vô ích.

- Cảm ơn bác.

Nikôlai trả lời và bước ra.

Ông trưởng ga nhìn theo, lắc đầu.

Nikôlai đi qua tỉnh về phía bờ sông. Phía trên là một bầu trời xanh xám. Tuyết lơ thơ, bay chênh chếch giữa trời và đất. Mấy con quạ bước đi bước lại trên con đường có những đóng phân ử. Trời sẩm tối. Gió thổi từ bên kia bờ sông, từ những cánh rừng, làm anh chảy nước mắt.

- Làm thế nào được! - Nikôlai nói - Ta về chậm quá! Và tất cả: cả tỉnh lỵ này, cả con sông, cả ngôi nhà, giờ đây đối với ta gần như hoàn toàn xa lạ!

Anh ngoảnh nhìn về phía sườn đồi dốc bên kia thành phố. Ở đó, khu vườn nằm trong băng bụi và ngôi nhà ánh lên một màu đen. Khói bay ra từ ống khói của ngôi nhà. Gió đưa khói bay về cánh rừng bạch dương.

Nikôlai thông thả bước về phía nhà mình. Anh định không vào nhà mà chỉ đi ngang thôi, hoặc có thể, anh sẽ ngó qua mảnh vườn xưa, đứng một lát trong cái lầu nghỉ chân cũ kỹ. Anh không sao chịu nổi, khi nghĩ rằng trong ngôi nhà của cha anh giờ đây đã có những người hoàn toàn xa lạ, vô tình đến ở. Tốt hơn hết là chẳng nhìn thấy gì hết để khỏi phải đau lòng, cứ đi đi và lãng quên dĩ vãng.

- Ờ - Nikôlai nghi bụng - con người mỗi ngày một trưởng thành, mỗi ngày một nhìn sự vật chung quanh một cách khác khổ hơn.

Nikôlai về đến nhà khi trời tối. Anh nhẹ nhàng mở cửa vào vườn, nhưng cánh cửa vẫn kêu ken két. Mảnh vườn như giạt mình. Tuyết đọng trên cành rơi xào xạc. Anh nhìn quanh. Trên con đường nhỏ dẫn tới phong đình, tuyết đã được dọn sạch sẽ. Nikôlai vào trong lầu, đặt hai tay lên trên cái lan can cũ kỹ. Đàng xa, bên kia rừng, bầu trời hồng lên, mờ nhạt: có lẽ trăng đã nhô ra sau những đám mây. Nikôlai cất mũ, lấy tay vuốt tóc. Chung quanh anh yên lặng, chỉ ở dưới kia, dưới chân đồi, mấy người đàn bà xách những chiếc xô rồng kêu loảng xoảng đi lấy nước ở các lỗ băng.

Anh chống cùi tay trên lan can, nói khẽ:

- Có thể nào lại như thế?

Có ai đó nhẹ đặt tay lên vai anh. Nikôlai ngoảnh lại. Đàng sau anh là một thiếu phụ trẻ, có khuôn mặt xanh xao và nghiêm trang, đầu quàng khăn len. Thiếu phụ nhìn anh bằng đôi mắt sâu thẳm và chăm chú. Trên mi mắt và trên má thiếu phụ những bông tuyết tan dần. Có lẽ đó là tuyết từ trên cành rơi xuống.

- Anh đội mũ vào kéo cảm lạnh đấy! - Thiếu phụ nói khẽ - Mời anh vào nhà. Không nên đứng ở đây.

Nikôlai yên lặng. Thiếu phụ nắm lấy cánh tay áo của

anh và dẫn anh theo con đường nhỏ đã được dọn sạch. Nikôlai dừng lại ở bên thềm. Xúc động làm anh nghẹn ở cổ họng, không sao thở được. Thiếu phụ vẫn nói khe khẽ:

- Không sao, xin anh đừng ngại vì chuyện ở đây có tôi. Cảm giác đó sẽ qua ngay thôi.

Nàng dậm chân để rũ tuyết bám vào giày. Tức khắc quả chuông trong phòng mắc áo reo lên lạnh lạnh trả lời. Nikôlai thở dài thật mạnh, lấy hơi.

Anh bước vào nhà, vừa đi vừa bối rối, lăm bắm điều gì. Ở phòng ngoài, mới cởi áo choàng anh đã ngửi ngay thấy mùi khói bạch dương thoang thoảng và nhìn thấy con mèo Áckhíp. Nó đang ngồi trên đi văng, ngáp dài. Một đứa con gái tóc bím đứng bên đi văng và nhìn anh bằng cặp mắt sung sướng. Nhưng nó không nhìn mặt anh mà nhìn mấy viên vàng trên tay áo anh.

- Vào đây, anh!

Tachiana nói và dẫn anh vào bếp.

Trong bếp, anh thấy có bình nước giếng lạnh và chiếc khăn tay gai quen thuộc thêu hình những chiếc lá sồi đã được treo sẵn ở đấy.

Tachiana trở ra. Đứa con gái mang xà phòng cho Nikôlai và nhìn anh cởi áo, rửa mặt. Nỗi bối rối trong lòng anh vẫn chưa tan.

- Mẹ cháu là ai vậy?

Anh hỏi con bé và đỏ ửng mặt. Câu hỏi đó anh hỏi chỉ để mà hỏi.

- Mẹ cháu cứ tưởng mẹ cháu là người lớn - Con bé thì thăm với một vẻ bí mật - Thế nhưng mà mẹ cháu chẳng phải là người lớn tí nào. Mẹ cháu chỉ là một đứa con gái bé nhóc còn xoàng hơn cả cháu nữa kia.

- Tại sao? - Anh hỏi.

Nhưng con bé không trả lời, nó nhoen miệng cười và chạy ra ngoài.

Suốt buổi tối hôm ấy, anh không sao xua đuổi được cái cảm giác kỳ lạ là mình đang ở trong một giấc mộng nhẹ nhàng nhưng rất vững chắc. Mọi vật ở trong nhà xếp đặt đúng theo ý anh muốn. Vẫn những bản nhạc ấy trên chiếc đàn dương cầm, vẫn những cây nến hình xoắn ốc đang cháy, nổ tí tách và chiếu sáng căn phòng làm việc của cha anh. Cả những bức thư anh gửi từ bệnh viện về cũng thấy nằm trên bàn, dưới chiếc đĩa bàn cũ kỹ ngày xưa mà ông cụ vẫn thường dùng chặn lên trên những bức thư.

Sau khi uống trà, Tachiana dẫn Nikôlai ra thăm mộ cha anh ở bên kia rừng. Mặt trăng mờ mờ đã lên cao. Những cây bạch dương lấp loáng một cách yếu ớt trong ánh trăng, ném những bóng nhẹ xuống tuyết.

Đêm đã khuya, Tachiana ngồi trước dương cầm, nhẹ nhàng lựa phím đàn, rồi ngoảnh lại nhìn Nikôlai và nói:

- Lúc nào tôi cũng có cảm giác là tôi đã gặp anh ở đâu rồi.

- Vâng, cũng có lẽ - anh đáp.

Nikôlai nhìn thiếu phụ. Ánh nến ở bên cạnh soi sáng nửa khuôn mặt nàng. Anh đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng rồi dừng lại, anh nói bằng một giọng trầm trầm.

- Không, tôi không sao nhớ ra được!

Tachiana ngoảnh lại, sợ sệt nhìn Nikôlai nhưng không nói gì hết.

Nàng đã sửa soạn chỗ ngủ cho Nikôlai trên chiếc đi văng trong phòng làm việc, nhưng anh không sao nhắm mắt được. Mỗi phút trong ngôi nhà này đối với anh thực quý báu và anh không muốn bỏ mất phút nào. Anh nằm, chăm chú nghe tiếng bước chân rón rén của con mèo Áckhíp, tiếng đồng hồ tích tắc, tiếng thì thào của Tachiana với người vú già sau cánh cửa đóng. Rồi những giọng nói im bật, người vú đã đi, nhưng vệt sáng ở dưới cánh cửa vẫn không tắt. Anh nghe thấy tiếng lật giở các trang giấy loạt soạt: chắc Tachiana còn đọc sách. Anh đoán nàng thức cốt để gọi anh dậy cho kịp tàu. Anh muốn nói với nàng rằng anh cũng không ngủ, nhưng anh không dám gọi.

Bốn giờ sáng Tachiana khe khẽ mở cửa và gọi Nikôlai. Anh cựa mình.

- Anh dậy đi thôi, đến giờ rồi - Nàng nói - tôi rất tiếc

phải đánh thức anh.

Tachiana tiến anh ra ga. Hai người đi qua tỉnh lỵ còn đang ngủ im lìm. Sau hồi chuông thứ hai, họ từ giã nhau. Tachiana đưa cả hai tay cho Nikôlai và nói:

- Anh nhớ viết thư nhé! Giờ đây chúng ta đã là những người thân. Phải không?

Nikôlai không trả lời, anh chỉ gật đầu.

Mấy hôm sau, Tachiana nhận được một bức thư của Nikôlai viết ở dọc đường.

"Tôi đã nhớ ra chúng ta gặp nhau ở đâu - Anh viết - nhưng tôi không muốn nói với em khi còn ở nhà. Em còn nhớ Krum năm một nghìn chín trăm hai mươi bảy không? Mùa thu. Những cây tiêu huyền cổ thụ công viên Livadia. Trời u ám. Biển nhợt nhạt. Tôi đi theo con đường tới Orêanda. Trên chiếc ghế dài bên đường có một thiếu nữ ngồi. Cô ta chừng mười sáu tuổi. Trông thấy tôi, cô ta đứng dậy và đi về phía tôi. Khi chúng tôi gặp nhau, tôi liếc nhìn cô. Cô ta đi qua tôi rất nhanh, nhẹ nhàng, tay cầm một cuốn sách mở rộng. Tôi dừng lại, nhìn theo cô rất lâu. Thiếu nữ đó là em. Tôi không thể nhầm được. Tôi nhìn theo em và cảm thấy rằng có một người con gái vừa đi qua ngay bên cạnh tôi, người đó có thể làm tan vỡ cả đời tôi mà cũng có thể đem lại hạnh phúc cho tôi. Tôi hiểu rằng mình có thể yêu người con gái ấy đến hy sinh cả thân mình. Lúc đó tôi

đã biết rằng tôi phải tìm em cho bằng được, dù cho có phải trả bất cứ giá nào. Tôi nghĩ như vậy, nhưng lại vẫn cứ đứng lặng. Vì sao? Tôi cũng chẳng hiểu. Từ ngày ấy tôi yêu Krum và con đường nhỏ, ở đó tôi đã gặp em trong giây lát và mất em vĩnh viễn. Nhưng cuộc đời đã thương tôi và tôi lại được gặp em. Nếu mọi việc đều ổn thỏa và em cần đến cuộc đời tôi, thì tất nhiên nó sẽ là của em. À, tôi đã thấy bức thư của tôi bị bóc ra để ở trên bàn cha. Tôi đã hiểu tất cả và tôi chỉ biết từ nơi xa xôi này gửi lời cảm ơn em”.

Tachiana đặt lá thư xuống, đôi mắt mờ màng nhìn qua cửa sổ ra mảnh vườn tuyết phủ:

- Trời, mình có ở Krum bao giờ đâu? Chưa bao giờ! Nhưng lúc này cái đó có gì là quan trọng? Và để cho anh ấy tuyệt vọng làm gì? Và cả mình nữa...

Nàng cười, đưa tay lên che mắt. Bên ngoài cửa sổ hoàng hôn mờ mờ vẫn còn cháy đỏ, mãi không sao tắt được.

1943

Kim Ân dịch

Gió biển

Suốt ngày, mưa rơi và gió lạnh thổi từng cơn. Thời tiết như vậy thường có ở Maxkova vào đầu tháng năm. Cái gì cũng xám trời, khói trên những mái nhà, cả đến không khí. Chỉ có con đường nhựa là bóng loáng như một dòng sông đen.

Một anh lính thủy trẻ tuổi tới nhà một bác sĩ già, cô độc, sống trong một ngôi nhà lớn bên bờ sông Maxkova. Năm 1942 anh lính thủy bị thương nặng trong trận bao vây Xêvaxtôpôn và được đưa về hậu phương. Bác sĩ đã chữa cho anh trong một thời gian dài và cuối cùng họ trở thành bạn. Giờ anh lính thủy từ hạm đội Hắc Hải về đây vài ngày. Bác sĩ mời anh lại nhà uống rượu Kakhêtin và nghỉ đêm.

Nửa đêm, đài phát thanh báo tin quân đội Liên Xô đã chiếm lại được Xêvaxtôpôn. Pháo hoa sẽ bắn vào một giờ sáng - vào cái giờ mà phố xá Maxkova hoàn toàn vắng ngắt.

Trong khi chờ đợi pháo hoa, bác sĩ và anh lính thủy ngồi chuyện vãn trong căn phòng làm việc hơi tối.

- Cũng lạ - Bác sĩ vừa nói vừa uống nốt cốc rượu vang

- không hiểu khi bị thương nặng người ta nghĩ gì! Anh chẳng hạn, anh nghĩ gì lúc ở Xêvaxtôpôn?

- Tôi sợ nhất là đánh mất hộp thuốc lá Kadobéch - Anh lính thủy trả lời. Tất nhiên, ông biết đấy, trên nhãn hiệu của nó có in hình núi Kadobéch phủ tuyết. Tôi bị thương lúc gần sáng. Đêm vừa qua đi còn mất ruợi và trong sương mù mặt trời buổi sớm le lói, một ngày nóng bức nặng nề sắp đến. Tôi mất rất nhiều máu nhưng vẫn nghĩ đến cái hộp nọ và tuyết trắng trên núi Kadobéch. Tôi thêm được người ta vùi vào tuyết. Tôi tin rằng như thế máu sẽ thôi chảy và thở sẽ dễ hơn, còn mặt trời thì cứ lên cao mãi. Tôi nằm trong bóng mát một hàng rào nát, nhưng rồi cái bóng mát ấy cứ mỗi phút một nhỏ dần. Cuối cùng mặt trời bắt đầu thiêu chân tôi, rồi tay tôi và tôi phải nâng cánh tay ấy lên, di chuyển nó rất lâu để dùng bàn tay che mắt cho khỏi chói. Lúc đó tôi không thấy đau lắm. Nhưng tôi nhớ rất rõ, rằng lúc nào tôi cũng băn khoăn vì cái hộp thuốc lá.

- Tại sao anh lại sợ mất nó đến thế?

- Biết nói với ông thế nào... Hầu hết những dân mới ra trận đều có một thói quen ngốc nghếch là viết địa chỉ những người thân thuộc trên tất cả những thứ gì họ mang theo: trên mặt nạ chống hơi độc, trên xà cột, trên vải lót mũ chào mào. Anh nào cũng tưởng rằng mình sẽ bị giết và không ai còn có thể tìm ra dấu vết gì nữa. Sau này, tất nhiên chuyện đó cũng bớt dần.

- Thế anh đã viết địa chỉ ai trên hộp thuốc lá? - Bác sĩ hỏi và nheo mắt một cách tinh quái.

Anh lính thủy đỏ mặt, không trả lời.

- Thôi được - Bác sĩ nói một cách vội vàng - Gác chuyện ấy lại cái đã.

Giữa lúc đó có ai bấm chuông. Bác sĩ bước ra phòng ngoài mở cửa. Giọng một thiếu phụ trẻ hớn hển trong bóng tối:

- Pháo hoa sắp bắn bây giờ. Ông làm ơn cho phép tôi được đứng ở bao lon nhà ông để xem pháo hoa nhé?

- Tất nhiên, mời bà! - Bác sĩ nói - Bà sao thế? Chạy từ tầng thứ ba lên tầng thứ tám à? Bà muốn làm hỏng tim hẳn. Tắt đèn đi, anh - Bác sĩ đứng ở gần cửa, bảo anh lính thủy - Ta ra bao lon thôi. Nhưng mặc áo choàng vào. Chưa tạnh hẳn đâu.

Anh lính thủy đứng dậy, tắt đèn. Ở phòng ngoài, anh chào một người đàn bà lạ mặt. Những ngón tay họ chạm nhau trong bóng tối. Người đàn bà sờ soạng tìm thấy tay anh lính thủy và nhẹ nhẹ nắm lấy.

Họ đi ra bao lon. Mùi mái sắt ướt và hương thu thoang thoang. Đầu xuân thường giống thu.

- Này, - bác sĩ rúm người lại vì nước mưa - rồi sau có chuyện gì xảy ra với cái hộp Kadobéch của anh?

- Khi tôi tỉnh lại thì cái hộp đã biến mất. Chắc những người tải thương hoặc cô y tá băng bó cho tôi đã vứt nó đi. Nhưng có cái này là lạ.

- Gì vậy?

- Cô ấy... tức là người có địa chỉ ghi ở hộp, đã nhận được một bức thư báo tin tôi bị thương. Chính tôi không hề viết cho người đó.

- Chẳng có gì là lạ - Bác sĩ nói - Một người nào đó nhặt được cái hộp, thấy địa chỉ, đã viết bức thư ấy. Một câu chuyện hết sức bình thường. Nhưng có lẽ anh thích gán cho việc đó một ý nghĩ thổi phồng.

- Không đâu, tại sao lại như vậy? - Anh lính bối rối - Nhưng nói chung, bức thư nói về tôi đến lúc ấy đã không còn cần thiết.

- Vì sao?

- Ông biết đấy - Anh lính thủy trả lời sau một phút do dự - Tình yêu giống như gió thoảng. Ban ngày nó từ bờ thổi ra. Không phải hết thảy mọi người đều chung thủy và kiên nhẫn chờ đợi ta như ta muốn.

- Anh nói như một nhà thơ chính cống - bác sĩ nhận xét với một vẻ hài hước.

- Trời! - Thiếu phụ kêu lên - Sao mà ông khô khan làm vậy, bác sĩ!

- Không đâu, thua bà! - Bác sĩ bực mình.

Lúc đó loạt súng đầu tiên tung lên một ngọn lửa đỏ tươi. Tiếng gầm của đại bác lẫn trên những mái nhà. Hàng trăm pháo sáng bay lên, xào xạc trong mưa, trên nền trời đục. Chúng soi sáng thành phố và cung Kremli bằng một ngọn lửa nhiều màu. Pháo sáng phản chiếu trên mặt nhựa đường.

Thành phố vùng thoát khỏi bóng tối trong giây phút. Tất cả những gì mà những người dân ở trên những ngôi nhà cao nhìn thấy hàng ngày vụt hiện ra: cung Kremli, những chiếc cầu rộng, những ngôi nhà thờ và nhà của khu phía nam thành phố trên hữu ngạn sông Maxkova.

Nhưng những cái đó khác hẳn lúc ta thấy chúng ban ngày. Cung Kremli như treo lơ lửng trong không khí và rất nhẹ. Cái ánh loang loáng, trơn tuột của pháo sáng và mưa sương làm dịu đi những đường nét khắc khổ những ngôi nhà thờ của nó, những tháp thời nông nô và gác chuông Ivan Đại Đế. Những tòa nhà đồ sộ mất trọng lượng. Chúng hiện ra như những ánh chớp trong khói thuốc của pháo sáng. Trông như chúng làm bằng đá trắng, được chiếu sáng từ bên trong bằng một thứ lửa hồng.

Khi một ánh chớp tắt đi thì những tòa nhà cũng tắt nốt, y như chính chúng là nguồn sáng của ngọn lửa bập bùng kia vậy.

- Đẹp tuyệt! - Thiếu phụ nói - Tiếc là pháo hoa chỉ có hai mươi bốn loạt chứ không phải một trăm hai mươi bốn loạt.

Thiếu phụ im lặng một chút rồi nói tiếp:

- Xêvaxtôpôn! Anh còn nhớ không, nước ở đây mới xanh và mới trong làm sao! Nhất là dưới đuôi tàu. Và hương những cây keo khô bị bắn gãy.

- “Anh còn nhớ không” là nghĩa thế nào? - Bác sĩ nói - Bà hỏi ai vậy? Tôi chưa từng đến Xêvaxtôpôn.

Thiếu phụ không trả lời.

- Thế mà tôi thì lại nhớ những cái đó rất rõ - Anh lính thủy nói - Chị đã ở Xêvaxtôpôn ư?

- Vào khoảng thời gian anh ở đó - Thiếu phụ trả lời.

Pháo hoa đã hết. Thiếu phụ ra về, nhưng qua mấy phút chị trở lại, kêu nhức đầu, xin bác sĩ piramidông⁽¹⁾ rồi lại ra về sau khi bối rối từ biệt mọi người.

Giữa đêm anh lính thủy thức giấc nhìn ra ngoài cửa sổ. Mưa đã qua. Ở những chỗ mây đen bị rách có những vì sao lấp lánh. “Thời tiết thay đổi làm mình đâm ra khó ngủ”. Anh nghĩ. Rồi anh lại thêm thiếp ngủ, nhưng cái giọng nói kéo dài lại thấy vang vang ngay bên cạnh: “Nước ở đây mới trong làm sao!”. Và anh lính thủy tỉnh dậy, mở mắt. Tất

1. Thuốc cảm, nhức đầu.

nhiên, không có ai trong phòng.

Anh đưa tay với hộp thuốc lá trên ghế. Cái hộp rỗng. Anh nhớ ra là anh còn thuốc để trong túi áo choàng. Anh lính thủy ngồi dậy, khoác chiếc áo ngủ vắt trên thành ghế, đi ra phòng ngoài bật đèn. Trên chiếc bàn con, bên cạnh tấm gương, một hộp thuốc lá Kadobéch rách nát và nhãn nhúm nằm trên chiếc mũ lưỡi trai thủy quân. Một vết đen xóa mất hình ngọn núi tuyết.

Anh lính thủy vẫn chưa hiểu gì hết, cầm lấy cái hộp và mở ra: trong hộp không có thuốc. Nhưng bên trong nắp hộp anh nhìn thấy một địa chỉ quen thuộc do chính tay mình viết. “Nó từ đâu lại đây thế này? - Anh lính thủy nghĩ - chẳng lẽ”. Không hiểu sao anh thấy sợ hãi, tắt ngay đèn và nắm chặt hộp thuốc lá trong tay, trở về phòng. Từ lúc ấy đến sáng anh không tài nào chợp được mắt.

Sáng dậy, anh lính thủy không nói gì với bác sĩ. Anh cạo mặt rất lâu, sau đó tắm nước lạnh và tay anh run bần bật. “Ngốc thật! - Anh nghĩ - Thế là cái quái gì?”

Sương mù dầm nắng nằm trên Maxkova. Mọi cửa sổ đều mở toang. Cái tươi mát của ban đêm ulla vào những khung cửa sổ ấy. Buổi sáng ra đời trong ánh lấp loáng ẩm ướt của trận mưa vừa qua. Trong buổi sáng này người ta đã cảm thấy trước một mùa hè dài, những cơn mưa rào ầm ập, những buổi hoàng hôn trong suốt, những cánh hoa đoạn bay dưới chân.

Không hiểu vì sao anh lính thủy tin chắc rằng buổi sáng ấy không thể nào khác thế được. Cái im lặng trong bình minh, rất hiếm có ở Maxkova, không xoa dịu, ngược lại còn làm tăng thêm nỗi bối rối trong lòng anh.

- Thật ra thì thế là cái quái gì? - Anh lính thủy lẩm bẩm - Nói cho cùng những trường hợp như vậy không phải là không có trong cuộc đời.

Anh đoán là thiếu phụ nọ chắc đã làm y tá ở Xêvaxtôpôn, người đầu tiên đã băng bó cho anh, thấy cái hộp có địa chỉ và đã viết bức thư cho cô ta, một người đàn bà khác, người đã quên anh thật là dễ dàng và nhanh chóng. Hôm qua chị nghe được câu chuyện của anh, nhận ra anh và cố ý mang cái hộp Kadobéch đó tới.

"Ồ, nhưng chị ta giữ nó làm gì? Tại sao lại chẳng nói gì cả? Tại tuổi trẻ đây - Anh quyết đoán như vậy - Chính mình cũng thích những điều bí ẩn kia mà. Thế nào cũng phải đến thăm chị ta và cảm ơn mới được". Nhưng cũng ngay lúc đó anh chợt hiểu rằng cần phải có một dũng cảm phi thường mới có thể ấn tay lên nút chuông điện ở cửa phòng thiếu phụ và chưa chắc anh đã dám làm chuyện đó.

Một giờ sau anh lính thủy từ biệt bác sĩ. Lúc xuống thang, anh đi rất chậm. Ở tầng thứ ba anh dừng lại. Có ba cánh cửa trông ra đầu cầu thang.

Anh lính thủy thấy nhẹ người khi nghĩ rằng anh đã

không hỏi bác sĩ tên họ thiếu phụ và phòng ở của chị. Mà hỏi thế cũng không tiện. Còn bây giờ thì không thể nào bấm cả ba cái chuông liên tiếp để hỏi một người mà mình không biết tên.

Giữa lúc đó anh nghe thấy một giọng nói quen thuộc đằng sau một cánh cửa. “Một giờ nữa tôi sẽ về, Masa à. Đêm qua tôi khó ngủ. Ở đây ngọt ngọt quá. Tôi ra sông đây”.

Anh lính thủy chợt hiểu rằng, ngay bây giờ đây, ngay phút này thôi, thiếu phụ sẽ ra và sẽ bắt gặp anh ở đầu cầu thang. Anh lao lại cánh cửa và tìm đập thành thành, anh bấm chuông.

Cánh cửa mở ra tức khắc. Sau cánh cửa là thiếu phụ hôm qua. Gió từ trong cửa thổi ra làm bay tà áo nhẹ của thiếu phụ và làn tóc của chị.

Anh lính thủy yên lặng. Thiếu phụ bước ra, đóng cửa lại, cầm lấy tay anh và nói:

- Ta đi thôi. Tôi sẽ tiễn anh.

- Tôi muốn tới cảm ơn chị - Anh lính thủy nói - Chị đã cứu tôi ở đó... ở Xêvaxtôpôn. Và chị đã gửi theo địa chỉ ấy một bức thư...

- Và hình như tôi đã làm một việc vô ích? - Thiếu phụ mỉm cười - Anh không giận tôi đấy chứ?

Họ xuống thang. Thiếu phụ buông tay anh lính thủy, sửa lại mái tóc.

- Vì sao kia? Anh lính thủy hỏi - tất cả những cái đó thật là kỳ lạ. Và thật là tốt đẹp...

Thiếu phụ dừng lại, nhìn thẳng vào mắt anh.

- Đừng xúc động, anh - Chị nói khẽ - Dù tôi có nói gì cũng thế thôi. Chính tôi cũng xúc động chẳng kém gì anh.

Họ ra bờ sông và dừng lại bên cái lan can bằng gang. Cung Kremli với những bức tường màu hồng sáng lên trong sương mù buổi sớm.

Thiếu phụ lấy tay che mắt và nín lặng. Anh lính thủy nhìn bàn tay chị và nghĩ rằng có lẽ máu anh đã dây trên những ngón tay kia. Trên những ngón tay dịu dàng và nhỏ nhắn.

Thiếu phụ vẫn để nguyên tay trên mắt, nói:

- Không bao giờ em tin rằng cái đó lại đến... ngay tức khắc như vậy... rằng em lại còn được gặp anh lần nữa, sau Xêvaxtôpôn.

Anh lính thủy cầm lấy tay chị. Anh hôn bàn tay nhỏ nhắn và khỏe mạnh đó, không chú ý gì đến những người đi qua. Họ đi ngang hai người, giả tảng như không trông thấy gì hết. Chỉ mãi sau khi đi đã xa, họ mới vụng trộm nhìn lại và mỉm cười ngượng ngịu.

Chú bé chặn bò

Sương xuống nhiều và lạnh, thật đúng là sương tháng chín. Sương từ những bụi cỏ cao vẩy nước vào mặt ta. Sương nhỏ giọt từ cánh cây xuống sông và trên mặt nước tối sẫm những vòng tròn chậm chạp cứ lan rộng mãi.

Người tôi ướt đầm thứ sương ấy và tôi phải nhóm lửa sưởi. Khói bay lên trên ngọn những cây thông và những cây tùng lác diệp. Những cây tùng lác diệp đã trút hết lá. Lá tùng nhỏ như những sợi tóc ngắn vàng óng, rụng xuống không ngừng, mặc dầu trời lặng gió. Có một con chim nào kêu tanh tách trên những cây tùng bên đồng lửa. Thì ra nó là anh thợ cạo của rừng miền này. Chính nó cắt lá, đánh kéo tanh tách, làm lá tùng rơi lả tả xuống đầu tôi, xuống sông và xuống đồng lửa.

Tôi vừa hong người cho khô vừa nhìn ra sông. Lá vàng trôi thành những hòn đảo, thỉnh thoảng lại mắc vào những gốc cây và dừng lại. Từ phía sau đã lại ùn tới từng đồng lá khác.

Những đồng lá chắn ngang dòng sông, bắt đầu từ từ xoay lại, vùng vẫy, cố thoát khỏi những bàn tay xiết chặt

của những rễ cây, cuối cùng thoát ra được và trôi đi. Chúng lúc thì sáng chói lên như vàng khi ra chỗ có nắng, lúc thì tắt đi và đen lại khi bóng cây trùm lên.

Trên sông vẫn còn lại những chiếc cầu phao bỏ đi không dùng nữa từ khi ở đây có những trận đánh với quân Đức: đó là những chiếc bè, trên đó trần và sù mọc đầy. Những chiếc cọc chơ vơ cắm vào những dải cát ngầm làm sủi bọt lên chung quanh.

Những bụi cây bên đông lửa kêu răng rắc. Một cái mồm bò ướt át trong những bụi cây ấy thò ra. Con bò đánh hơi, thở phì một cái thật to và gật cái đầu trắng có chấm đen trên trán chào tôi. Lập tức ở gần đó vang lên tiếng roi vút đánh đét như một tiếng súng và có người nào đó kêu lên.

- Mày đi đâu thế hử, Praxka? Mày chui đi đằng nào rồi, con trời đánh kia? ⁽¹⁾

Praxka lao về một bên, xô gậy những bụi cây và biến mất. Từ trong bụi bước ra một chú bé chần bô - một chú chần bô bình thường mà ta có thể gặp trong bất cứ làng nào nước ta. Chú người nhỏ nhắn, tóc vàng hoe, đôi mũi lưỡi trai rộng, mặc áo bông rách, tay cầm chiếc roi dài. Chú kéo lê chiếc roi theo sau trên cỏ ướt.

Chú chần bô hỉ mũi, đưa ống tay áo dài sát đất lên quét ngang, nhìn tôi và nói bằng một giọng rín rít:

1. Nguyên văn: con có bệnh dịch hạch kia.

- Chào bác! Sương xuống cứ như mưa ấy. Chịu hết nổi, bác ơi!

- Lại đây mà hong, cháu! - Tôi đề nghị.

- Được thôi - Chú chăn bò ung thuận và lại gần, ngồi xôm bên đồng lửa - Bác đi du lịch đấy à?

- Cũng có thể là du lịch - Tôi trả lời.

- Còn cháu thì chăn bò - Chú bé nói - Tên cháu là Alêchxây Kuduskin. Cháu làm việc thay cha cháu. Cha cháu ở ngoài mặt trận. Nói thật tình, cháu chỉ muốn làm nghề chăn ngựa, nhưng ông chủ tịch không nhận. Ông ấy bảo là cháu chưa đến tuổi, thấp quá. Ông ta nhận thằng Lenca. Chăn ngựa gì nó! Nếu choảng nhau thật sự thì cháu được nó ngay. Nó cao lớn, nhưng sức lực chẳng có gì tron. Bởi vì sức con người ở đôi vai mà vai nó thì hẹp như vai dê.

Chú lặng thinh một lát rồi đột nhiên hỏi tôi:

- Bác đã trông thấy sông Mitxixipi chưa? Ở Mỹ ấy mà.

- Chưa, chưa trông thấy. Sao?

- Cháu muốn thấy con sông ấy. Người ta bảo nó rộng lắm, rộng hơn cả sông Vonga. Thế bác đã đến Xtalingrát bao giờ chưa?

- Đến rồi.

Chú bé mỉm cười:

- Cha cháu bị thương ở Xtalingrát, được thưởng huân

chương đấy. Trước chiến tranh, ở làng, cha cháu cũng chăn bò.

- Sao, cháu biết sông Mitxixipi à?

Tôi hỏi.

- Ở trường dạy cháu. Với lại cha cháu cũng nói chuyện cho cháu nghe về con sông ấy. Cha cháu biết đủ mọi thứ, biết từng ngọn cỏ. Biết người ta gọi nó là gì, nó mọc ở đâu, nó có ích hay có hại. Cha cháu có thể giảng giải được tuốt tuốt về nước ta và các nước khác. Có thật là có những núi kim cương, có cái là những trái núi ấy nằm sâu trong lòng đất và phải dùng máy móc đào một trăm năm mới đến nơi, phải không bác?

- Bác không biết - Tôi trả lời - Bác cũng chưa nghe ai nói về những trái núi ấy.

- Ấy thế mà cha cháu đã nghe nói đấy! - Chú bé nói - Cha cháu không phải là người đi du lịch, nhưng lại biết hết mọi chuyện đường xa. Thế bác có biết chuyện những cái chai không?

- Những cái chai nào?

- Những cái chai đựng thu ấy.

- Không, bác không biết.

- Để cháu giảng cho bác nghe - Chú bé nói - thí dụ, có một người du lịch đi trên một con tàu giữa đại dương. Thủy thủ, tất nhiên, nổi loạn. Họ không muốn đi. Ở nhà họ, họ

được ăn uống no nê, lò sưởi suốt mùa đông có lửa, họ có bò sữa, có vườn rau, buổi tối tha hồ la cà sang hàng xóm đánh cờ ⁽¹⁾. Còn ở trên tàu thì nóng nực và nước mênh mông, ngoài ra chẳng có gì trơn. Thế là họ nổi loạn, họ bỏ người du lịch nọ vào một chiếc thuyền con và thả ông ta một mình giữa đại dương. Rồi họ quay buồm lại và trở về. Nhưng đại dương lại vớt ông khách du lịch lên một hoang đảo. Bác đã thấy những hoang đảo bao giờ chưa?

- Chưa - Tôi trả lời.

- Ở con sông làng cháu cũng có những đảo như thế đấy - Chú bé nói, mắt chú sáng lên và mặt đỏ bừng vì xúc động - Ở trên một hòn đảo làng cháu có một con rái cá. Ờ, thế rồi sóng vớt người du lịch lên một hoang đảo. Ở đây chỉ có những cây cọ xào xạc và những con vẹt bay lượn, kêu quàng quạc, và nếu có nước ngọt thì thật là may mắn. Thế là người du lịch nọ lấy ở trong thuyền ra một cái chai viết một mảnh giấy nói vì sao mà ông ta lại bị quăng lên hòn đảo này, rồi đóng nút lại và ném xuống biển. Dòng nước biển cuốn cái chai đi, sau đó, tất nhiên nhiều thủy thủ ở một chiếc tàu nào đó nhặt được và đánh điện đi nói rằng người du lịch kia cần được cấp cứu. Và người ta cứu ông ấy. Sau đó, những tay thủy thủ bị đem ra xử trước tòa án hải quân.

1. Nguyên văn: poddavok, một lối chơi cờ, người nào để cho đối thủ ăn hết quân trước là người được.

- Vì nổi loạn.

- Vì nổi loạn và vì vô nhân đạo.

- Aliôska ⁽¹⁾ - Một giọng đàn bà giận dữ ré lên ở xa -
Mày đâm đầu vào đâu rồi? Con Praxka lại chui vào vườn
rau cải rồi kia!

- Con đây! - Chú chần bò kêu lên - Con đuổi nó đi ngay
bây giờ.

Chú đứng lên, khép áo bông lại.

- Con quái ác! Coi cả đàn bò cũng chẳng nhọc bằng
chăn một mình con Praxka, bác ạ! Thôi, xin chào bác.

Chú bé chạy vào trong những bụi cây. Từ xa vẳng lại
tiếng roi quất đen đét, tiếng kêu: “Đi đâu, đồ quỷ sứ!” và
tiếng bò rống bực dọc.

Tôi tắt lửa, đi xuôi theo dòng sông. Cứ mỗi bước đi con
sông trước mắt tôi lại càng có thêm vẻ bí ẩn và nên thơ. Lúc
thì có những cánh rừng nhỏ toàn liễu hoàn điệp làm thành
một bức tường xám trên bờ sông dựng đứng và những dây
hốt bố vàng treo lơ lửng trên từng khóm liễu như có ai phơi
rải rác đây đó những chiếc chiếu gai mới. Lúc thì một cây
liễu thung lổ chỗ nằm vắt ngang sông như một cái cầu, và
bên cầu, những con cò tung mình lên trên mặt nước. Lúc
thì dòng sông oai vệ uốn khúc đi vào những cánh rừng
vàng ối và xanh biếc mùa thu.

1. Tên gọi thân mật của Alékhxây.

Ở hai bên bờ sông, nước khi thì chảy thành dòng trên những bãi cát sạch bong, khi thì tụ lại thành những vực sâu lặng lẽ. Đứng ở bờ vực, ta có thể nhìn thấy loáng thoáng bóng những cây sồi mun lẫn lóc dưới đáy. Ở một đoạn, trước mặt ta hiện lên con đường dốc, đổ rục những cây phong, còn sau đám lá phong là một nhà thờ nhỏ cũ kỹ, mái tròn đã han rỉ.

Lúc hoàng hôn xuống, tôi ra khỏi rừng, tới đường làng. Con đường nằm dọc bờ sông. Những chiếc bè cỏ mọc đầy lại hiện lên trên dòng sông. Từ xa trông chúng giống như những hòn đảo. Mặt trời đang lặn và trên một chiếc bè có vật gì lấp lánh một cách khó chịu. Tôi chú ý nhìn kỹ nhưng không sao phân biệt được đó là vật gì đang lấp lánh: một cái hộp sắt tây hay là một mảnh kính.

Tôi cẩn thận bước lên một thanh gỗ vút lay lút ở đáy, chuyển sang bè, cúi xuống và trông thấy một chai bia thông thường. Một sợi bìm bìm quấn mấy vòng quanh cổ chai. Tôi nhặt cái chai lên và đưa ra chỗ sáng xem. Nó đã được gắn sáp ong và có vật gì trắng trắng bên trong. Đó là một bức thư gấp thành hình tam giác. ⁽¹⁾

Tôi đập gãy cổ chai và moi bức thư ra nhưng không thể nào xem được: chữ viết bằng bút chì rất nhạt và bóng tối sẫm sẫm dày đặc quá nhanh chóng làm tôi không sao

1. Trong thời chiến, bộ đội Liên Xô gửi thư không phong bì, gấp thành hình tam giác, và không phải trả tiền tem.

phân biệt nổi những dòng chữ không thẳng hàng.

Tôi phải đi vội tới ga trước khi trời tối hẳn. Mùi lá lạnh lẽo bay ra từ các bụi rậm. Ánh sáng mờ mờ còn sót lại trong những cánh rừng thưa. Trên trời cao, một đám mây đỏ rực như lửa đang tắt dần.

Tàu đi Maxkova tới vào giữa đêm. Sau những cánh rừng hoang vắng, không khí lạnh lẽo và cảnh cô đơn, những toa tàu ồn ào đầy khói thuốc đối với tôi thực ấm cúng. Tôi nằm lên tầng trên, bên cạnh đèn, lấy bức thư ra đọc. Bức thư đã cũ. Căn cứ vào ngày tháng mà không hiểu vì sao người gửi đã viết bằng chữ thực to thì bức thư nọ đã nằm trong chai chùng hai năm.

"Cha ạ! Đây là thư của con trai Alêchxây Kuduskin gửi cho cha. Trong khi cha đang đánh nhau ngoài mặt trận, ở nhà ta vẫn bình thường và đang đợi cha về. Mẹ đi chăn bò, còn con thì giúp mẹ. Nhưng con lại muốn làm người chăn ngựa. Bởi vì chăn bò thì cứ phải loay hoay với nó, không được nhìn thấy gì hết. Đi ngựa thì còn có thể có công việc đi nơi này nơi khác, còn chăn mấy con bò sữa thì chỉ biết đọc một con đường, quanh đi quẩn lại hết cánh đồng cỏ Gôrêlui lại cánh rừng Litin. Ở đó chẳng có gì mà xem cho đã mắt. Mà con thì lại muốn xem, muốn biết tất cả mọi thứ. Nếu mẹ mà cho đi thì con xuống ngay bè, bỏ làng ra tận Xtalingrát với cha, nhưng mẹ lại không cho. Người ta bảo không có giấy thông hành thì không được ra mặt

trận. Ở đó cha có thể nhận con vào, đi với cha để mang đạn hay làm một công việc gì khác trong đơn vị. Con có thể làm được những việc ấy lắm. Và cha sẽ kể cho con đủ mọi chuyện nếu trong trận đánh có những phút nghỉ. Con gửi thư này trong chai như người khách du lịch đã làm vì gửi bằng bưu điện thì chả còn gì là thú vị. Sông làng ta chảy ra Vônga, còn cái chai sẽ theo dòng sông Vônga mà đến tay cha. Một anh bộ đội nào đó sẽ nhặt nó lên đọc địa chỉ và chuyển đến cho cha nếu cái chai không bị thủy lôi làm chìm hoặc va vào guồng tàu thủy. Bọn trẻ nói rằng Xtalingrát dài đến bốn mươi tám cây số và cứ mỗi bước lại có một trận đánh. À, mà con gửi thư trong chai để mẹ không đọc được. Mẹ thường hay khóc, nhớ cha và rất khó chịu khi con hoặc bà trông thấy nước mắt của mẹ. Nói để cha biết. Ở nhà đợi cha trở về bình yên vô sự và ngày nào cũng nhớ đến cha. Bởi vậy con luôn luôn yêu mến cha. Xin đừng ở đây, Alêchxây.

Anh Pếtca, con ông xay bột đã làm phi công. Người ta báo anh ấy có bay qua làng ta, nghiêng cánh mấy lần, nhưng con không trông thấy. Ở cái vực bên gốc sồi cụt, cá chếp nhiều vô kể, thích lắm, người ta đánh suốt ngày đêm. Còn ở nhà ông thợ săn Pôtapôp, ban đêm có một con cáo ngốc nghếch mò vào lồng cạp đi mất con vịt rom: nó nhảm. Ông Pôtapôp chửi rủa nó suốt hai ngày. Cha trả lời cho con nhé!".

Ở Maxkova tôi cứ loay hoay mãi, không biết nên giải quyết bức thư như thế nào? Địa chỉ của bố Alêchxây tất nhiên là không còn như cũ. Đành phải dùng một kế lừa dối để chú bé Alêchxây khỏi buồn rầu là gửi một bức thư về làng cho chú kèm theo tờ báo tin là thủy thủ tàu Kraxpôvôtxko đã thấy cái chai có bức thư trên biển Caxpikxôie, nhặt lên tàu và gửi trả lại, bởi vì những trận đánh ở Xtalingrát đã kết thúc thắng lợi từ lâu và người nhận thư đã rời Xtalingrát để đi về phía tây, giành những chiến thắng mới.

1944

Kim Ân dịch

Lời cầu nguyện của madam Bôvê

Ai cũng gọi bà là madam, kể cả anh chở nước thuê Phêđô. Sáng sáng Phêđô chở chiếc thùng tô nô nước màu xanh lá cây tới biệt thự ở ngoại ô Maxkova, nơi *madam* ở.

Madam thường ra giúp Phêđô chuyển vào thùng con và mang mẩu bánh mì cho con ngựa chạ kéo xe già yếu. Con ngựa đang ngủ gà ngủ gật bỗng choàng tỉnh, thận trọng hươi cái mõm ấm ra đón miếng bánh trong tay *madam*, nhai rất lâu và hướng về phía *madam* mà gật gật cái đầu.

- Ô! - *Madam* cười - Con ngựa già này nó lại cảm ơn tôi kìa!

Madam không biết rằng có những người hàng xóm cũng gọi bà, *madam* Gian Bôvê, là “con nghèo già”.

Madam đã có tuổi nhưng nói năng, đi lại vẫn nhanh nhẹn và có đôi má hồng hào đến nỗi người ta phải lầm và đoán bà ít tuổi hơn nhiều so với sự thực.

Từ lâu rồi, *madam* đã sống ở Nga trong những gia đình xa lạ, dạy trẻ con tiếng Pháp và ngâm nga đọc cho

1. Nguyên văn: *madame* (tiếng Pháp nghĩa là *bà*).

chúng nghe chuyện ngụ ngôn của La Fôngten ⁽¹⁾, đưa chúng đi chơi và dạy chúng cách xử thế. Cuối cùng *madam* rồi cũng quên hẳn miền Normandi, nơi đó xưa kia bà còn là một con bé cao lẳng ngẩng.

Khi quân Đức từ phía bắc vòng qua chiến tuyến Maginô và ủa vào nước Pháp, khi quân đội Pháp bị các ông tướng phản bội đã đầu hàng và Pari thất thủ, *madam* không nói một lời. Sáng hôm ấy bà không ra nhà ngoài uống trà.

Lũ trẻ - hai đứa con gái - thì thầm kể cho cha mẹ nghe rằng chúng nhìn thấy *madam* quỳ ở trong phòng, trước cửa sổ trông ra rừng và khóc.

Trong rừng có chim cu cu kêu. Rừng rậm. Mỗi khi cu cu kêu, trong rừng sâu lại có tiếng vọng.

- Giờ thì *madam* chả bao giờ thôi khóc đâu. - Đứa con gái lớn có đôi đuôi tóc tết chấy nắng nói với bố.

- Tại sao?

- Bởi vì *madam* chẳng còn nước Pháp nữa. - Đứa con gái trả lời và nghịch đuôi tóc tết.

- Đừng làm tuột bím tóc - Người cha trả lời - Nước Pháp vẫn còn.

Mãi đến bữa trưa, *madam* mới rời phòng mình. Bà ngồi

1. Jean De la Fontaine 1621-1695, nhà viết ngụ ngôn nổi tiếng của Pháp.

ở bàn, nghiêm nghị và lạnh lùng. Môi bà mím chặt và màu hồng đã biến mất trên đôi gò má nhỏ.

Không ai dám cất lời nói đến nước Pháp. *Madam* cũng im lặng.

Mùa hè năm sau, Đức tấn công Liên Xô. Phi cơ Đức ào ào bay đến Maxkova. Những trái bom nặng rơi xuống gần biệt thự.

Trong thời gian khó khăn đó, ai cũng phải ngạc nhiên vì sự hồi hã của *madam*. Từ sáng sớm tinh mơ cho đến đêm bà chăm lo mọi việc: đi Maxkova mua thực phẩm, giặt giũ, vá quần vá áo, làm những bữa cơm đạm bạc và khâu áo trấn thủ cho bộ đội. Và lúc nào cũng vậy, *madam* vừa bận rộn làm vừa hát khe khẽ một bài hát Pháp: "*Quand les lilas refleuriront*".⁽¹⁾

- "Khi những cây tử đinh hương nở hoa" - Đứa con gái lớn dịch lời bài hát - Sao lúc nào *madam* cũng cứ hát mãi bài ấy hở *madam*?

Madam trả lời:

- Ô, đó là một bài hát cũ. Khi nào cần phải nhẫn nại chờ đợi rất lâu một cái gì đó, bà mẹ đáng thương của ta vẫn thường bảo ta: "Không hề gì, Gian ạ, con đừng nóng ruột, khi nào tử đinh hương nở hoa thì cái đó sẽ đến".

Đứa con gái hỏi:

1. Khi nào tử đinh hương lại nở hoa.

- Thế bây giờ *madam* đang đợi gì?

- Đừng hỏi ta chuyện đó - *Madam* trả lời và nhìn con bé bằng cặp mắt xám, nghiêm nghị - Hiểu không?

Con bé gật đầu và chạy đi. Từ đó nó cũng như *madam*, bắt đầu hát bài hát về hoa tử đinh hương nở. Nó thích bài hát ấy.

Con bé càng ngày càng mơ thấy nhiều thêm một mùa xuân huy hoàng, những khu vườn yên lặng ban mai và những bụi tử đinh hương bên hồ. *Quand les lilas... quand les lilas refleuriront.... refleuriront* ⁽¹⁾

*

* *

Về cuối xuân năm 1944 trời ảm áp và trong trẻo nhờ những trận mưa ngắn thường có. Đến đầu tháng sáu thì tử đinh hương đã khai hoa trong khu vườn gần biệt thự.

Sương phủ đầy những chùm tử đinh hương lạnh ngắt và nếu ai ngủ hoa, người ấy sẽ bị ướt hết mặt. Chim chóc gọi nhau ở trong rừng. Một con chim lạ được người ta đặt cho cái biệt hiệu “bác thợ đồng hồ”, làm mọi người vui. “To r.r.r... - to r.r.r... - to r.r.r...”. Nó kêu như vậy và cái tiếng kêu lạnh lạnh ấy giống hệt tiếng vặn khóa lên dây đồng hồ treo.

1. Khi nào tử đinh hương lại nở... lại nở hoa.

Nhưng đẹp nhất là những lúc trời còn tranh tối tranh sáng và mặt trăng mờ mờ hơi sương vừa nhô lên khỏi những khu rừng bạch dương ảm thấp. Trên bầu trời buổi tối hần hơ bóng những cành liễu mảnh dẻ. Những đám mây trắng đứng yên trên rừng và tỏa một ánh sáng yếu ớt trong bầu không khí màu xám đen phơn phớt xanh. Rồi đêm tràn ngập không khí mát mẻ và mùi nước dưa hương bắt đầu ngự trị trên mặt đất bao la đã trở nên im lặng.

Madam đặt trẻ con ngủ rồi ra vườn, ngồi nghỉ trên chiếc ghế dài bên cạnh một bụi tử đinh hương và chăm chú nghe ngóng. Tiếng động xa xa của những con tàu ngoại ô, tiếng người đi trên đường cái lao xao vẳng đến tai bà. Không một vật gì ở chung quanh nhắc bà nghĩ đến chiến tranh, nhưng chiến tranh vẫn tiếp diễn, nặng nề và khắc nghiệt. Và có lẽ vì thế, trong mùa hè năm nay người ta mới cảm thấy rõ hơn, mạnh hơn, cái đẹp của rừng, tiếng chim kêu, bầu trời đầy sao.

Cũng vào mùa xuân năm ấy, lần đầu tiên *madam* đi tới nhà thờ làng bên. Hôm đó là ngày lễ Ba Ngôi. Nhà thờ được trang hoàng bằng bạch dương. Người ta rắc cỏ lên trên nền đá. Cỏ bị chân người giẫm nát xông lên một hương ngọt và buồn, hương mùa thu, hương lá héo.

Cha xứ già khom làm lễ một cách vất vả, chậm chạp, nhờ đó *madam* hiểu được nhiều. Bà thở dài khi nghe cha cầu nguyện “cho không khí được trong lành, cho mùa màng

được bội thu và cho những thời gian yên ổn được lâu dài". Biết đến bao giờ những thời gian ấy sẽ tới với đất nước xa lắc xa lơ của bà, đất nước mà bà đã gần như quên hẳn!

Tối hôm đó *madam* ra vườn muộn hơn thường lệ. Bà chủ nhà đi Maxkova vắng và *madam* phải làm việc nhiều hơn mọi ngày.

Trong vườn rất yên lặng. Trăng hắt những bóng trong vắt xuống mặt đất.

Madam ngồi suy nghĩ, hai tay đặt trên đầu gối. Rồi bà quay lại và đứng hẳn dậy, có ai chạy ngang biệt thự. *Madam* đến bên hàng rào và trông thấy thằng bé hàng xóm Vania.

- Vania! - *Madam* gọi.

Thằng bé chạy qua, kêu lên:

- Cháu vừa ở Maxkova về. Cuộc đổ bộ đã bắt đầu! Sáng hôm nay! Đổ bộ lên Normandi! Có thể chứ!

- Sao? Sao?

Madam hỏi nhưng thằng bé không trả lời, cứ chạy.

Madam nắm chặt tay, đi rất nhanh về phòng mình. Trong buồng ăn, ông chủ nhà, như thường lệ, đang đọc sách bên cốc nước chè lạnh ngắt.

Madam đứng lại trong khoảnh khắc và thở hỗn hển, bà nói rất nhanh.

- Họ đã đổ bộ... ở nước tôi... ở Normandi. Tôi đã bảo

mà... *Quand les lilas refleuriront.*

Ông chủ nhà ném cuốn sách lên bàn, đứng phắt dậy ngo ngác nhìn theo *madam*. Ông xoa tóc rối bù lên và lẩm bẩm: “Cừ thật!” rồi đi sang biệt thự bên cạnh hỏi thăm tin tức.

Một giờ sau ông trở về và dừng lại ở ngay ngưỡng cửa phòng ăn. Căn phòng sáng rực. Mọi ngọn đèn đều đã được bật lên. Trên chiếc dương cầm những cây nến bằng sáp ong cháy sáng và bốc khói. Cái bàn tròn đã được phủ khăn dày trắng toát. Trên bàn lấp lánh màu thủy tinh đen của hai chai sâm banh.

Và ở khắp nơi: trên bàn, trên cửa sổ, trên dương cầm, trên sân, hoa tử đinh hương cắm đầy bình, lọ, chậu thau và cả trong chiếc xô nước bằng gỗ sồi.

Madam đang đặt ly lên bàn. Ông chủ nhà ngạc nhiên nhìn bà và im lặng. Ông không nhận ra *madam* già của ông, người lúc nào cũng lo lắng, lúc nào cũng tất tả với đôi bàn tay đỏ lên vì công việc, trong người đàn bà nhỏ nhắn, tóc bạc, bận chiếc áo dài lụa xám. Nhưng chiếc áo dài duyên dáng nhưng đã lỗi thời ấy ông chỉ thấy trong những buổi dạ hội và những cuộc vui gia đình khi ông còn nhỏ. Chuỗi hạt trai sáng lấp lánh lên trên nền lụa và chiếc quạt đen treo lủng lẳng bằng một sợi dây chuyền vàng gập lại với một tiếng động còn trong tay bà khi *madam* trông thấy ông chủ nhà, mỉm cười và áp úng:

- Xin *moxio* tha lỗi ⁽¹⁾, nhưng tôi thiết nghĩ nhân việc này ta có thể đánh thức lũ trẻ dậy một lát...

- Vâng, tất nhiên!

Ông chủ lẩm bẩm nhưng vẫn chưa hiểu gì hết.

Madam ra khỏi phòng rồi, mà một hương thơm nhẹ nhàng, chắc là nước hoa *Pari*, vẫn còn lại.

“Sao thế nhỉ! - Ông chủ nghĩ - Đôi mắt sáng long lanh, nụ cười, dáng điệu thoải mái khi bà ta gặp chiếc quạt lại! Những cái đó ở đâu ra? Trời, hẳn lúc trẻ bà ta phải đẹp lắm! Lại còn chiếc áo dài nữa. Chiếc áo duy nhất mà bà mặc trong buổi dạ hội khiêu vũ duy nhất ở *Can* hay ở *Grăngvin*. Đến giờ mà không ai trong nhà này biết *madam* có chiếc áo ấy, chuỗi hạt trai ấy, cái quạt ấy và nước hoa ấy. Còn những chai sâm banh này nữa, bà ta đã giấu ở đâu?”

Lũ trẻ đã xuống, ngạc nhiên và bối rối, *madam* nhanh nhẹn bước theo sau chúng, ngồi xuống trước chiếc dương cầm, sửa lại mái tóc và bắt đầu chơi.

Phải, ông chủ nhà đã đoán đúng! Bao giờ cũng vậy, tìm ông se lại khi nghe thấy điệu nhạc ròn rã làm người nghe ngây ngất:

Vùng lên vì Tổ quốc

Ngày vinh quang đã tới!

1. Tiếng Pháp: ông.

Ông chủ nhà vừa nghe vừa mở sâm banh. Hai đứa con gái đứng nép vào nhau ở giữa phòng ăn, mắt long lanh nhìn *madam*.

Hãy cầm lấy vũ khí, hỡi các công dân!

Bài *Macxâyê* ⁽¹⁾ vang vang, tràn ngập cả rừng và đêm tối.

Madam khóc, đầu gục xuống, mắt nhắm lại nhưng vẫn tiếp tục dạo đàn.

Cây dương cầm ca những tiếng sấm nhịp nhàng. Họ đang đi! Họ đi, con cái của nước Pháp, những đứa con trai và con gái của một đất nước đẹp tuyệt trần! Họ, những người Pháp vĩ đại, đã từ những năm mồ đứng dậy để được trông thấy tự do, hạnh phúc và vinh quang của tổ quốc đã bị người ta làm ô nhục.

"*Hãy cầm lấy vũ khí, hỡi các công dân!*" Gió Normandi, Buôcgônơ, Sămpanhơ và Lănggôđéc thổi khô những giọt nước mắt trên má họ, những giọt nước biết ơn hàng nghìn, hàng vạn người lính Anh, lính Nga và lính Mỹ đã lấy cái chết của chính mình để tiêu diệt chết chóc và giành lại cuộc sống, tổ quốc và danh dự cho một dân tộc cao thượng và đau khổ.

Madam ngừng chơi, vòng tay ôm lấy vai hai đứa trẻ và dẫn chúng đến bên bàn. Chúng nép vào lòng bà, vuốt ve tay bà.

1. La Marseillaise: Quốc ca của nước cộng hòa Pháp.

Ông chủ nhà ngồi trong chiếc ghế bành, lấy lòng bàn tay che mắt và cứ để nguyên như thế, không bỏ tay ra, ông uống cạn cốc sâm banh. Đứa con gái nhỏ tưởng ông bị chói mắt vì trong nhà quá sáng.

*

* *

Trời vừa sáng thì đứa con gái lớn đã tỉnh giấc. Nó lặng lẽ trở dậy, mặc quần áo và chạy sang phòng *madam*.

Cửa phòng mở ngỏ. *Madam* mặc chiếc áo dài bằng lụa xám đang quỳ bên cửa sổ, gục đầu vào bậc cửa, tay cũng đặt lên trên đó, thì thào nói khẽ điều gì.

Đứa con gái lắng nghe. *Madam* thì thầm những tiếng lạ lùng. Con bé không đoán được ngay rằng đó là những lời cầu nguyện.

- Lay Đức Mẹ Maria Đồng trinh! - Bà thì thầm - Lay Đức Mẹ Maria Đồng trinh! Hãy cho con lại được trông thấy nước Pháp, được hôn ngưỡng cửa nhà con và lấy hoa tô điểm năm mốt anh Saclo yêu dấu của con! Lay Đức Mẹ Maria Đồng trinh!

Con bé đứng sững nghe bà cầu nguyện. Mặt trời cất mình lên bên kia rừng và những tia nắng đầu tiên đã lấp lánh trên sợi dây chuyền của chiếc quạt vẫn còn lủng lẳng nơi tay *madam*.

1945

Kim Ân dịch

Bình minh mưa

Tàu thủy đến Navôlôki vào nửa đêm, thiếu tá Kuzmin bước ra boong. Trời mưa phùn. Bến vắng tanh chỉ có một cây đèn lồng leo lét.

“Đâu, tỉnh ở đâu? - Kuzmin nghĩ - Trời tối, mưa roi... thật chẳng ra làm sao hết!”

Chàng co rúm người, cài lại cúc áo choàng da. Từ mặt sông, gió lạnh thổi vào. Kuzmin tìm thuyền phó, hỏi xem tàu có đỗ lâu ở Navôlôki không.

- Khoảng ba tiếng - Thuyền phó trả lời - Còn tùy việc dỡ hàng. Đồng chí hỏi làm gì? Đồng chí còn đi tiếp kia mà.

- Tôi phải chuyển hộ anh bạn cùng nằm quân y viện một bức thư cho vợ anh ấy. Chị ấy ở đây, ở tỉnh này.

- Vậy thì anh phải đi thôi - Thuyền phó thở dài - Trời như mực. Nhớ nghe còi, kéo rút lại đấy nhé!

Kuzmin xuống bến, trèo lên trên những bậc thang trơn nơi bờ sông dựng đứng. Nghe có tiếng mưa rơi tí tách trong những bụi cây. Chàng dừng một lát cho mắt quen với bóng tối và nhìn thấy một cỗ xe xộc xệch với con ngựa buồn bã.

Mui xe đã giương và từ trong xe vẳng ra tiếng ngáy.

- Nay ông bạn! - Kuzmin nói lớn - Ông ngủ quên để xe đi qua thiên đường mất rồi!

Người đánh xe cựa mình, chui ra, hỉ mũi, lấy vạt áo lau, rồi mới hỏi:

- Đi hả?

- Đi. - Kuzmin đồng ý.

- Đi đâu bây giờ?

Kuzmin nói tên phố.

- Thế thì xa - Người đánh xe bối rối - Mãi trên đồi kia. Ít nhất cũng phải chi một chai ngang đấy, ông ơi!

Người đánh xe giật cương, giục ngựa. Chiếc xe uể oải chuyển bánh.

- Thế nào, bác là người đánh xe độc nhất ở Navôlôki này hay sao? - Kuzmin hỏi.

- Có hai lão già chúng tôi thôi. Còn thì đang chiến đấu. Đồng chí đến nhà ai vậy?

- Đến nhà Basilốp.

- Tôi biết - Ông lão nhanh nhẹn ngoái lại - đồng chí đến thăm chị Onga Andrêepna, con gái bác sĩ Andrê Pêtrôvich chứ gì! Chị ấy ở Maxkova về đây, ở nhà cha từ năm ngoái. Bác sĩ mất đã hai năm! Nhưng nhà vẫn là của họ...

Cái xe lắc mạnh, nó kêu lộc xộc và rút được bánh xe ra khỏi một cái hố.

- Bác nhìn đường cho cẩn thận - Kuzmin khuyên - Chớ trông ngang trông ngửa.

- Đường với đất, rõ... - Người đánh xe lầu bầu - Ban ngày mà đi con đường này đến phát sợ. Nhưng đêm thì không sao. Ban đêm không trông thấy ổ gà.

Ông lão im lặng. Kuzmin châm thuốc, ngả người dựa hẳn vào phía trong. Mưa rơi lộp dộp trên mũi. Những con chó sủa xa. Mùi thìa là, mùi hàng rào ướt và hơi ẩm của sông bốc lên. “Ít nhất cũng đã một giờ sáng”, Kuzmin nghĩ. Thực vậy, quả chuông rạn trên một gác chuông nhà thờ nào đâu đấy điểm một tiếng ngay lập tức sau khi anh nghĩ.

“Giá mình cứ ở đây cho đến hết phép - Chàng nghĩ - Chỉ riêng không khí này cũng đủ làm tiêu tan những điều phiền muộn sau khi mình bị thương. Mình sẽ kiếm một căn phòng có cửa sổ mở ra vườn... Trong một đêm như đêm nay mình sẽ mở toang cửa sổ, nằm xuống trùm chăn kín mà nghe mưa gõ trên những cây ngưi bàng”.

- Vậy ra đồng chí là chồng chị ấy?

Ông lão đánh xe hỏi.

Kuzmin không đáp. Ông lão tưởng viên sĩ quan không nghe rõ câu hỏi nhưng không dám hỏi lại.

“Đúng là chồng - Ông lão phán đoán - Thế mà thiên

hạ nói láo là chị ấy đã bỏ chồng từ trước chiến tranh. Rất láo toét”.

- Đồ quỷ! - Ông lão vó lấy dây cương cho con ngựa gầy còm da bọc xương một cái vụt - Cứ sức vào chỗ lấy mà đi!

“Thật vớ vẩn, tàu trễ, mãi đến đêm mới tới đây - Kuzmin nghĩ - Tại sao Basilốp (người bạn nằm cùng phòng với anh) khi biết mình sẽ đi qua Navôlôki lại nhờ chuyển thư tận tay cho vợ anh ta? Thế là đành phải đánh thức họ dậy, có trời biết thiên hạ sẽ nghĩ gì về chuyện ấy!”

Basilốp là một sĩ quan cao lớn, hay giễu cợt. Anh nói nhiều và hay tán dóc. Trước khi nói một câu gì sâu sắc, anh cười không ra tiếng một lúc đã. Trước kia, khi chưa được huy động vào quân đội, Basilốp giúp việc một đạo diễn điện ảnh. Tối nào anh cũng kể tỉ mỉ cho bạn bè cùng phòng nghe những cuốn phim nổi tiếng. Anh em thương binh thích nghe Basilốp kể, chờ đợi những câu chuyện của anh và ngạc nhiên vì trí nhớ của anh. Basilốp nhận xét một cách khắt khe đối với người, sự kiện và sách vở. Anh rất cứng cổ và giễu cợt một cách ranh ma - dùng lời nói đùa nói cạnh khóe và người bị anh giễu cợt thường hai ba giờ sau mới sực hiểu ra rằng mình bị Basilốp nói xỏ và cố nghĩ câu trả lời cho thực cay. Nhưng tất nhiên trả lời được thì đã muộn.

Một ngày trước khi Kuzmin đi, Basilốp đưa cho chàng một bức thư nhờ chuyển cho vợ mình và lần đầu tiên Kuzmin nhìn thấy trên mặt Basilốp một nụ cười bối rối. Rồi đêm ấy

Kuzmin nghe thấy Basilôp trần trọc trở mình và khịt khịt mũi trên giường. “Có lẽ anh chàng cũng chẳng đến nỗi khô khan lắm - Kuzmin nghĩ - Hình như anh chàng đang khóc. Nghĩa là anh chàng yêu. Và yêu một cách nồng nhiệt nữa là khác”.

Suốt cả ngày hôm sau Basilôp không rời Kuzmin nửa bước, thỉnh thoảng lại liếc nhìn chàng và tặng chàng chiếc bi đông phát cho sĩ quan. Lúc Kuzmin sắp lên đường, họ cùng nhau uống cạn một chai vang mà Basilôp đã giấu được.

- Sao anh cứ nhìn tôi chăm chăm như thế?

Kuzmin hỏi...

- Thiếu tá thân mến ạ, anh là một người tốt - Basilôp đáp - Anh có thể là một nghệ sĩ lắm.

- Tôi làm nghề họa đồ - Kuzmin trả lời - Mà những người họa đồ vốn đã là những nghệ sĩ rồi.

- Vì sao?

Kuzmin trả lời lúng lờ:

- Vì họ là những kẻ lang thang.

- “Những kẻ lưu vong đất khách quê người, những kẻ lang du và những nhà thơ” - Basilôp giễu cợt tuyên bố - Ai mà chả muốn được như họ, nhưng rồi chẳng làm nên gì hết.

- Anh trích thơ ai đấy?

- Của Vêlôsin. Nhưng vấn đề không phải ở chỗ đó. Tôi nhìn anh như thế là vì tôi ghen với anh.

- Anh ghen với tôi cái gì kia chứ?

Basilôp xoay đi xoay lại cái cốc trong tay, ngả lưng vào thành ghế và nhếch mép cười. Hai người ngồi ở cuối hành lang quân y viện, bên một chiếc bàn mây. Bên ngoài cửa sổ, gió uốn cong những cây non, reo lên trong lá và đưa bụi bay đi. Một đám mây trắng nước từ ngoài sông đang tiến vào thành phố.

- Tôi ghen gì với anh ư? - Basilôp hỏi lại và đặt bàn tay hồng hào của anh ta lên tay Kuzmin - Tôi ghen với anh vì tất cả, ghen cả với bàn tay anh.

- Tôi không hiểu gì hết - Kuzmin nói và khề rút tay ra. Bàn tay lạnh lẽo của Basilôp chạm vào tay chàng làm chàng khó chịu. Nhưng để Basilôp khỏi nhận thấy điều đó, chàng cầm lấy chai rượu vang và bắt đầu rót.

- Anh mà lại không hiểu! - Basilôp bức bối đáp. Anh ta im lặng một chút, nhìn xuống và nói - Giá mà chúng ta được đổi chỗ cho nhau nhỉ! Nhưng thôi, nói chuyện ấy làm quái gì! Hai ngày nữa anh đã đến Navôlôki. Anh sẽ gặp Onga Andrêepna. Nàng sẽ bắt tay anh. Vì thế mà tôi ghen. Giờ thì anh hiểu rồi chứ?

- Sao anh lại nói thế! - Kuzmin bối rối - Anh cũng sẽ

gặp vợ anh kia mà.

- Nàng không phải là vợ tôi! - Basilôp trả lời giọng gay gắt.

- May mà anh không dùng chữ “phu nhân”.

- Xin anh tha lỗi cho tôi.

Kuzmin lẩm bẩm.

- Nàng không phải là vợ tôi - Cũng vẫn gay gắt như thế, Basilôp nói - Nàng là tất cả. Tất cả cuộc đời tôi. Nhưng thôi ta không nói chuyện ấy nữa!

Basilôp đứng lên và đưa tay cho Kuzmin:

- Vĩnh biệt anh. Xin anh đừng giận tôi. Tôi cũng không đến nỗi tồi hơn những người khác.

*

* *

Chiếc xe đi lên đê. Trời càng tối hơn. Trên những cây bạch liễu cổ thụ mưa ngái ngủ từ những chiếc lá lao xao rơi xuống. Vó ngựa đập trên cầu lát ván.

“Xa thật”! Kuzmin thở dài và nói với ông lão đánh xe:

- Bác đợi tôi ở bên cạnh nhà nhé! Rồi đưa tôi trở lại bến...

- Được thôi - Ông lão bằng lòng ngay tức khắc và nghĩ:

“Không, thế thì không phải chồng rồi. Chồng thì thế nào cũng ở lại vài ba ngày chứ. Chắc người ngoài”.

Bắt đầu đến một con đường đá cuội. Chiếc xe lúc lắc, cái bệ bằng sắt kêu lạch cạch. Ông lão cho xe quật sang vệ đường. Bánh xe kêu êm ái lăn trên cát ẩm. Kuzmin lại suy nghĩ.

Basilôp bảo ghen với chàng. Tất nhiên, anh ta chẳng ghen gì hết. Chẳng qua anh ta đã dùng không đúng từ mà anh ta muốn nói. Sau cuộc nói chuyện với Basilôp bên cửa sổ bệnh viện, Kuzmin, ngược lại, bắt đầu thấy ghen với Basilôp. “Lại không đúng từ rồi sao?”. Kuzmin bực bội tự nhủ. Chàng không ghen. Chàng chỉ tiếc. Chàng tiếc rằng chàng đã bốn mươi, nhưng lại không có được một tình yêu như Basilôp. Lúc nào chàng cũng chỉ có một mình.

“Đêm, mưa rơi xào xạc trên những khu vườn hoang vắng, tĩnh lặng, sương mù từ những cánh đồng cỏ bay qua và thế là cả cuộc đời cũng qua nốt”. Không hiểu sao Kuzmin lại nghĩ như thế.

Chàng lại thấy muốn ở lại đây. Chàng yêu những tỉnh lỵ Nga, nơi đứng ở thềm nhà cũng có thể nhìn thấy những cánh đồng cỏ bên kia sông, những con đường rộng bò lên núi, những chiếc xe chở rom trên những chuyến phà. Tình yêu ấy làm cho chính chàng cũng phải ngạc nhiên. Chàng sinh trưởng ở phương Nam trong một gia đình miền biển. Cha chàng để lại cho chàng tính ham thích tìm tòi, những

bản đồ địa lý và cuộc sống lang thang. Vì thế chàng đã trở thành nhân viên họa đồ. Kuzmin đã coi việc chọn nghề là ngẫu nhiên. Chàng nghĩ, nếu sinh ra vào lúc khác, có khi mình đã là thợ săn hoặc người đi tìm đất mới. Chàng thích nghĩ về mình như thế, nhưng chàng đã nhầm. Tính tình chàng không có gì giống những người kia. Kuzmin nhút nhát và hiền lành đối với xung quanh. Những sợi tóc phơn phớt bạc tố cáo tuổi chàng. Nhưng nếu nhìn người sĩ quan tầm thuốc, gầy gò không ai dám đoán chàng quá ba mươi.

Chiếc xe ngựa cuối cùng rồi cũng đi vào tỉnh lỵ tăm tối. Chỉ có một ngọn đèn xanh cháy sáng sau cửa kính một ngôi nhà, chừng là hiệu thuốc. Đường phố dẫn lên núi. Người đánh xe bỏ chỗ ngồi, bước xuống cho xe nhẹ thêm. Kuzmin cũng xuống theo, chàng đi tụt lại sau xe một quãng và bất thần chàng cảm thấy cả cái kỳ quặc của đời mình "Ta đang ở đâu đây? - chàng nghĩ - Cái tỉnh lỵ Navôlôki nào đó, một nơi xa vắng, móng ngựa làm bật ra những tia sáng. Ở đâu đây có một thiếu phụ mà ta chưa biết. Ta phải chuyển cho nàng giữa đêm hôm khuya khoắt thế này một bức thư quan trọng và chắc không phải là một bức thư vui. Hai tháng trước đang còn là mặt trận, nước Ba Lan, con sông Vixoa ⁽¹⁾ êm đềm và rộng. Thực kỳ quặc! Và cũng thực là thú vị!

1. Sông Vixla (Ba Lan) theo phiên âm tiếng Nga, ở đây người dịch phiên âm theo tiếng Ba Lan.

Xe đã đi qua đồi. Ông lão rẽ ngang vào một phố. Những đám mây đen có chỗ đã tản ra và trong cái đen tối trên đầu, đây đó lấp lánh một vì sao. Ngôi sao vụt ánh lên trong những vũng nước rồi lại tắt ngấm.

Xe dừng lại bên một ngôi nhà có chòi ở giữa.

- Đến rồi! - Ông lão đánh xe nói - Chuông ở cổng phía bên phải.

Kuzmin sờ soạng tìm thấy nắm chuông gỗ và kéo xuống nhưng chàng không nghe thấy chuông kêu, chỉ có tiếng rìn rít của sợi dây thép rỉ.

- Ông cứ giật mạnh vào! - Ông lão đánh xe khuyên.

Kuzmin lại giật mạnh dây chuông. Ở sân trong sau nhà, quả chuông con lúc lắc. Nhưng trong nhà vẫn yên lặng như trước, chắc chưa ai thức dậy.

- Ô... ô... ô...! - Ông lão ngáp - Đêm mưa thế này người ta ngủ say bằng chết.

Kuzmin đợi một lát rồi giật mạnh hơn. Ở phòng áo lát gỗ có tiếng chân vẳng ra. Có người nào đến bên cửa sổ, dừng lại nghe ngóng rồi bực dọc hỏi:

- Ai vậy? Muốn gì?

Kuzmin định trả lời, nhưng ông lão đã nói trước.

- Mở cửa ra, Mácfa - Ông lão nói - Có người ở mặt trận về gặp chị Onga.

- Ai ở mặt trận về? - Giọng nói sau cửa vẫn chẳng dịu dàng hơn trước chút nào - Chúng tôi chẳng đợi ai cả.

- Không đợi, thế mà lại gặp đấy!

Cánh cửa hé mở. Trong bóng tối Kuzmin nói chàng là ai và vì sao chàng tới.

- Trời! - Người đàn bà đứng sau cửa sợ hãi kêu lên - Ông rõ vất vả! Tôi mở cửa ngay bây giờ. Chị Onga đang ngủ. Mời ông vào, tôi sẽ đánh thức chị ấy dậy.

Cửa mở, Kuzmin bước vào phòng áo tối mò.

- Ở đây có bậc - Người đàn bà dặn, giọng nói dỗi hằn, dịu dàng - Đêm hôm thế này mà ông cất công đến! Ông đợi cho một chút kéo vấp. Tôi châm đèn ngay bây giờ, ở đây đêm mất điện.

Bà ta đi. Còn Kuzmin ở lại trong phòng áo. Từ các phòng bay ra mùi trà và một mùi gì nữa, êm dịu. Một con mèo bước ra, cọ mình vào chân Kuzmin, nó kêu gừ gừ rồi trở vào trong các phòng tối như muốn mời Kuzmin đi theo mình.

Đang sau cánh cửa hé mở hắt ra một ánh sáng run rẩy yếu ớt.

- Mời ông. - Người đàn bà nói.

Kuzmin bước vào. Người đàn bà cúi chào chàng. Đó là một bà lão có tầm vóc cao, mặt hơi đen. Kuzmin cố giữ cho khỏi gây ra tiếng động, chàng cởi áo, mũ và treo lên mắc gần cửa.

- Ông đừng ngại, đằng nào cũng phải đánh thức chị ấy. - Bà lão mỉm cười.

Kuzmin khe khẽ hỏi:

- Ở đây có nghe rõ còi tàu ngoài bến không cụ?

- Nghe rõ, ông ạ! Rõ lắm! Cứ như tàu nọ nghe tàu kia thôi! Ông ngồi xuống đi vắng cái đã.

Bà lão ra. Kuzmin ngồi xuống chiếc đi vắng tựa gối. Chàng do dự khi móc túi lấy thuốc hút. Chàng bối rối và nổi bối rối khó hiểu ấy làm chàng tức giận. Cái cảm giác bao giờ cũng có khi ta ban đêm vào nhà người, bước vào một cuộc sống không phải là của ta, đầy bí mật và những điều khó hiểu, xâm chiếm tâm hồn chàng. Cuộc sống ấy giống như một cuốn sách bỏ quên trên bàn ở trang sáu mươi lăm nào đó. Kuzmin nhìn vào trang giấy ấy và cố đoán xem cuốn sách nói về chuyện gì, có gì bên trong?

Ở trên bàn có một cuốn sách ngổ thật. Kuzmin đứng dậy cúi xuống và vừa lắng nghe tiếng thì thào vội vã bên kia cánh cửa và tiếng áo dài phụ nữ sột soạt, vừa đọc thầm những dòng chữ chàng quên bằng từ lâu:

*Cái không thể đã thành có thể
Con đường dài hóa dễ với ta
Nhọc nhằn chi mấy cũng qua
Cuối đường tìm kiếm khi ta thấy nàng.*

Kuzmin ngẩng đầu lên, nhìn quanh. Căn phòng thấp

và ấm áp một lần nữa lại làm chàng muốn ở lại tỉnh lỵ này.

Căn phòng với ngọn đèn treo trên bàn ăn, chup đèn trắng đục, đôi sừng thuần lộc đóng trên bức tranh vẽ con chó bên giường bệnh một em bé gái, có một thứ ấm cúng đặc biệt vô tư. Những căn phòng như thế bao giờ cũng làm ta phải mỉm cười bởi mọi vật ở đó đều cổ lỗ, từ lâu ta đã lãng quên.

Mọi vật chung quanh, đến cả cái gạt tàn bằng vỏ ốc màu hồng chứng tỏ một cuộc sống dài và bình thản làm cho Kuzmin lại nghĩ rằng giá chàng được ở lại đây và sống như những người chủ ngôi nhà cũ kỹ này đã sống một cuộc sống không vội vã, làm rồi nghỉ ngơi, xuân rồi lại đông và những ngày nắng ngày mưa xen kẽ.

Nhưng bên cạnh các vật cũ kỹ, trong phòng còn có những cái khác. Trên bàn cắm một bó hoa đồng nội: hoa cúc, hoa phế hình, hoa thanh lương trà dại. Hoa chắc vừa mới hái. Chiếc kéo và những cành hoa bị cắt bỏ nằm trên khăn bàn.

Và bên cạnh là tập thơ “Con đường dài hóa dễ với ta” để ngỏ của Blôck. Chiếc mũ phụ nữ nhỏ nhắn màu đen đặt trên cuốn sách bìa nhung lam đặt trên mặt đàn dương cầm. Cái mũ hoàn toàn không cổ chút nào, rất hợp thời trang. Một chiếc đồng hồ con, dây mạ kền vút cầu thả trên bàn. Đồng hồ chạy rất êm, kim đồng hồ chỉ một giờ rưỡi... Mùi nước hoa bao giờ cũng phảng phất buồn, nhất là trong đêm

hôm khuya khoắt như đêm nay.

Một cánh cửa kính để mở. Bên ngoài cánh cửa, đằng sau những chậu thu hải đường, một bụi tử đinh hương ướt nước mưa lấp lánh dưới ánh sáng yếu ớt từ trong phòng lọt ra qua cửa kính. Mưa bụi thì thảo trong bóng tối. Những giọt nước nặng hồi hả đập vào lòng máng.

Kuzmin lắng nghe tiếng nước rơi. Ý nghĩ về sự qua đi không thể nào lấy lại mỗi khoảnh khắc nhỏ nhất của thời gian, cái ý nghĩ dẫn vật con người thế kỷ này qua thế kỷ khác, đã đến với chàng chính lúc này, ban đêm trong ngôi nhà xa lạ, từ ngôi nhà ấy, mấy phút nữa thôi, chàng sẽ ra đi và không bao giờ trở lại.

“Cũng là tại tuổi già mà mình nghĩ thế hay sao?”
Kuzmin nghĩ và quay lại.

Một thiếu phụ vận đồ đen đứng ở ngưỡng cửa. Thiếu phụ hẩn vì vội ra tiếp chàng nên chưa chải đầu cẩn thận. Một bím tóc rơi trên vai và thiếu phụ, mắt vẫn không rời Kuzmin bối rối mỉm cười, nâng nó lên, lấy trăm cài vào tóc ở gáy. Kuzmin nghiêng mình chào thiếu phụ. Nàng đưa tay cho chàng và nói:

- Xin lỗi anh. Tôi đã làm anh phải đợi.

- Chị là Onga Andréepna?

- Vâng.

Kuzmin nhìn thiếu phụ. Dáng trẻ trung và đôi mắt

long lạnh, sâu và hơi mờ của thiếu phụ làm chàng sững sốt.

Kuzmin xin lỗi vì đã làm phiền nàng rồi móc trong túi áo, lấy bức thư của Basilôp ra đưa cho thiếu phụ. Thiếu phụ cầm lấy, cảm ơn chàng và đặt bức thư lên mặt đàn dương cầm, không đọc.

- Kìa, chúng ta cứ đứng mãi! - Nàng nói - Mời anh ngồi! Anh ngồi gần bàn đây này. Ở đây sáng hơn.

Kuzmin ngồi xuống bên bàn và xin phép được hút thuốc.

- Anh cứ tự nhiên - Nàng nói - Tôi cũng xin được hút một điếu.

Kuzmin mời nàng một điếu và đánh diêm. Khi thiếu phụ châm lửa, ánh diêm hắt lên mặt nàng và chàng thấy khuôn mặt trầm tư và vắng trăn thanh sạch của nàng có vẻ quen quen đối với chàng.

Onga ngồi xuống, đối diện với Kuzmin. Chàng chờ đợi những câu hỏi, nhưng nàng chỉ im lặng và nhìn ra cửa sổ, nơi mưa vẫn đều đều xào xạc.

- Mácfa! - Onga nói và quay về phía cửa - Bà đặt giúp tôi ấm chè.

- Không, không! - Kuzmin hốt hoảng - Tôi phải đi ngay bây giờ. Người đánh xe còn đợi ngoài phố. Tôi chỉ định chuyển bức thư cho chị và nói với chị ít tin tức về... anh ấy.

- Có gì đáng nói đâu! - Onga trả lời, rút trong bó hoa ra một bông hoa cúc và tàn nhẫn vặt từng cánh - Anh ấy còn sống, thế là tôi mừng.

Kuzmin im lặng.

- Anh đừng đi vội - Onga nói, bình dị như nói với một người bạn cũ - Ở đây nghe rõ còi tàu. Chắc chắn tàu thủy chỉ chạy được trước khi trời sáng.

- Sao vậy?

Bà Mácfá từ bên buồng chỗ sang:

- Tại ở vùng này, phía dưới Navôlôki có một con bon lớn dưới lòng sông. Đêm hôm đi qua đấy nguy hiểm lắm. Vì thế các thuyền trưởng cứ phải đợi trời sáng.

- Đúng như vậy - Onga xác nhận - Từ đây ra bến đi bộ chỉ hết mười lăm phút, nếu đi qua vườn hoa. Tôi sẽ tiễn anh. Còn bác đánh xe thì anh cho về thôi. Ai chờ anh? Có phải bác Vaxili không?

- Cái đó thì tôi lại không biết. - Kuzmin mỉm cười.

- Timôfây chở ông ấy tới đấy! - Bà lão từ cửa phòng bên báo sang. Nghe rõ cả tiếng bà lão lắp ống khói cho ấm xamôva kêu loảng xoảng - Ít nhất ông cũng phải uống trà đã. Chưa chi vừa mới ở ngoài mưa vào đã lại định ra mưa...

Kuzmin nhận lời. Chàng ra cửa trả tiền xe. Ông lão chưa đi vội, còn loay hoay bên con ngựa, chữa lại thất đai.

Khi chàng trở vào thì bàn đã dọn xong. Những chiếc chén cũ màu xanh tô chỉ vàng, một bình sữa hâm nóng mật ong và một chai rượu vang mới mở. Bà Mácfá mang ấm xamôva vào.

Onga xin lỗi vì tiếp khách quá đạm bạc. Nàng nói đã chuẩn bị trở lại Maxkova, nhưng hiện giờ vẫn còn tạm làm việc ở Navôlôki, tại thư viện tỉnh. Kuzmin đợi mãi xem rồi nàng có hỏi gì đến Basilôp không, nhưng nàng không hỏi. Vì thế chàng mỗi lúc một bối rối thêm. Từ khi còn nằm quân y viện chàng đã đoán giữa vợ chồng Basilôp có chuyện lung củng. Nhưng lúc này, sau khi thấy Onga không đọc mà lại đặt thư lên trên mặt bàn thì chàng hoàn toàn tin mình đã đoán đúng. Và chàng cảm thấy như mình chưa làm tròn trách nhiệm đối với Basilôp và có lỗi nhiều trong chuyện đó. “Chắc Onga sẽ đọc thư sau”, chàng nghĩ. Nhưng chàng biết rõ một điều là bức thư mà Basilôp coi trọng và vì nó chàng phải tới ngôi nhà này vào một giờ bất tiện đã không còn cần thiết và chẳng thú vị gì đối với người nhận. Thành thử Kuzmin đã không giúp gì được cho Basilôp mà còn đặt mình vào một tình thế khó xử. Onga như đoán được ý nghĩ của chàng, nàng nói:

- Anh đừng giận. Bưu điện có, điện tín có, không hiểu sao anh ấy lại còn phiền anh làm gì.

- Có gì phiền đâu! - Kuzmin vội nói và sau khi yên lặng một lát, chàng tiếp - Ngược lại, còn rất tốt nữa là khác.

- Anh nói cái gì tốt kia?

Kuzmin đỏ mặt.

- Cái gì tốt kia? - Onga hỏi lại lần này nàng nói to hơn và ngược mắt nhìn Kuzmin. Nàng nhìn chàng như cố đoán xem chàng nghĩ gì một cách nghiêm nghị người đưa hân về phía trước, chờ câu trả lời. Nhưng Kuzmin chỉ im lặng.

- Anh nói đi, cái gì tốt?

Nàng hỏi lại một lần nữa.

- Biết nói với chị thế nào - Kuzmin suy nghĩ, trả lời - Đó là một câu chuyện đặc biệt. Tất cả những gì ta yêu mến thì ta lại ít gặp. Không biết người khác thế nào, nhưng tôi nghiệm bản thân thì đúng như vậy. Mọi điều tốt lành hầu như bao giờ cũng chỉ đi lướt bên ta. Chị hiểu ý tôi chứ?

- Tôi không hiểu lắm.

Onga trả lời và nín đôi lông mày.

- Giải thích thế nào để chị hiểu đây? - Kuzmin nói. Chàng tự giận mình - Chắc là chuyện đó cũng xảy ra cả với chị. Từ trong cửa sổ toa tàu, chị bất thần trông thấy một cánh rừng bạch dương thưa thớt và một lưới mạng nhện mùa thu ánh lên trong nắng và thế là chị muốn nhảy ngay ra giữa lúc tàu đang chạy để được ở lại cánh rừng ấy. Nhưng con tàu cứ đi qua. Chị nhào người ra ngoài cửa sổ và nhìn lại những cánh rừng, những bãi cỏ rộng, những con ngựa, những nẻo đường làng đang vùn vụt chạy về phía sau và

chị nghe thấy một tiếng reng reng mơ hồ. Vật gì kêu, chị không biết. Có thể là rừng hay không khí, hay là tiếng rít của những dây điện thoại. Mà cũng có thể đó là tiếng reo của những thanh ray khi tàu chạy. Cái đó chỉ ánh lên trong khoảnh khắc nhưng ta nhớ mãi suốt đời.

Kuzmin im lặng. Onga đẩy cốc vang lại phía chàng.

- Trong đời tôi - Kuzmin nói và đỏ ửng mặt, chàng bao giờ cũng đỏ mặt khi phải nói về mình - Tôi vẫn hằng chờ đợi những chuyện bất ngờ và đơn giản ấy. Và nếu tôi gặp chúng, ấy là tôi hạnh phúc. Tuy chúng ngắn ngủi, nhưng tôi cũng đã từng gặp.

- Và bây giờ cũng vậy ư?

Onga hỏi.

- Vâng!

Onga nhìn xuống.

- Vì sao? - nàng hỏi.

- Tôi không rõ. Nhưng tôi có cảm giác như vậy. Tôi bị thương trên sông Vixoa, rồi nằm quân y viện. Mọi người đều có thư từ gửi đến, chỉ tôi là không. Chẳng qua chỉ vì tôi chẳng có ai viết cho tôi. Tôi nằm và tưởng tượng đến cuộc sống tương lai của mình sau chiến tranh như mọi người thường tưởng tượng. Tương lai ấy nhất định phải hạnh phúc và khác thường. Rồi tôi khỏi và người ta quyết định cho tôi đi nghỉ. Họ chỉ định một thành phố.

- Thành phố nào? - Onga hỏi.

Kuzmin nói tên thành phố. Onga không nói gì.

- Tôi xuống tàu - Kuzmin nói tiếp - Làng mạc ở hai bên bờ, những bến tàu. Và cảm giác cô đơn, chán ngấy. Tôi xin chị, chị đừng nghĩ rằng tôi than phiền. Trong cô đơn cũng có nhiều cái tốt. Rồi Navôlôki. Tôi sợ ngủ quên. Đêm khuya tôi ra boong tàu và suy nghĩ thật là lạ lùng vì trong bóng tối bao la trùm kín cả nước Nga, dưới bầu trời rả rích mưa, có hàng nghìn người khác nhau đang ngủ một cách yên lành. Rồi tôi đi xe ngựa đến đây và cứ đoán mãi: người tôi sẽ gặp là ai?...

- Nhưng điều gì làm anh hạnh phúc kia chứ? - Onga hỏi.

- Không... - Kuzmin sực tỉnh - Nói chung là tốt.

Anh im lặng.

- Kìa anh? Nói đi chứ!

- Nói gì kia? Tôi nói thế đã nhiều lần lắm, tôi đã nói những điều không đáng nói

- Anh cứ nói hết - Onga trả lời. Nàng như không nghe rõ, những từ cuối cùng trong câu nói của chàng. Nói tất cả những gì anh muốn - Nàng nói thêm - Dù cho điều đó có hơi kỳ quặc đi chăng nữa.

Nàng đứng dậy đến bên cửa sổ, gạt chiếc rèm sang một bên. Mưa vẫn không ngớt.

- Chị nói cái gì kỳ quặc kia? - Kuzmin hỏi.

- Mua vải roi! - Onga nói và quay lại - Đấy, cuộc gặp gỡ như thế này. Và tất cả câu chuyện đêm khuya giữa chúng ta. Cái đó chẳng kỳ quặc hay sao?

Kuzmin bối rối im lặng.

Trong bóng tối ẩm ướt bên ngoài cửa sổ, ở một nơi nào đó dưới chân đồi, con tàu rúc lên.

- Thôi - Onga nói như vừa trút được gánh nặng - Còi rồi!

Kuzmin đứng dậy. Onga vẫn không nhúc nhích.

- Gươm đã - nàng nói, bình tĩnh - Chúng ta ngồi với nhau một lát trước khi anh lên đường. Như tục cũ ngày xưa.

Kuzmin lại ngồi xuống. Onga cũng ngồi xuống, suy nghĩ và quay mặt đi, không nhìn Kuzmin. Chàng đưa mắt nhìn đôi vai nàng nhô lên, nhìn những bím tóc dày búi sau gáy, đường cong thanh tao nơi cổ nàng và nghĩ rằng nếu không có Basilôp thì chàng sẽ chẳng rời bỏ cái tỉnh lỵ này mà đi đâu hết. Chàng sẽ ở đây cho đến hết hạn nghỉ phép và sẽ sống, bởi hồi biết rằng bên cạnh chàng có người thiếu phụ đáng yêu và rất buồn bã giờ đây.

Onga đứng dậy. Trong phòng áo chật hẹp, Kuzmin giúp nàng mặc áo mưa. Onga lấy khăn, choàng lên đầu.

Hai người ra khỏi nhà, im lặng đi bên nhau trên đường

phố tối.

- Trời sắp sáng. - Onga nói.

Bầu trời sũng nước đã rạng xanh bên kia sông, Kuzmin thấy Onga rùng mình.

- Chị lạnh à? - Chàng lo lắng - Chị tiến tới thật vô ích. Tự tôi, tôi cũng có thể tìm được đường ra bến.

- Không, không vô ích đâu.

Onga trả lời ngắn ngủi.

Mưa đã qua nhưng những giọt nước vẫn tì trên mái nhà rơi lộp độp xuống hè phố lát gổ.

Vườn hoa kéo dài tới tận cuối phố. Cổng mở. Liên sau cổng là những con đường rậm rạp, bỏ hoang, không người chăm sóc. Trong vườn có mùi cát ướt, hơi lạnh của đêm khuya. Đó là một khu vườn cũ, đen ngòm những cây bồ đề cao lớn. Chúng đã rụng hết hoa và đưa hương yếu ớt. chỉ mỗi một lần gió ào ào kéo qua và cả khu vườn xao động tưởng chừng như có một trận mưa rào nặng hạt vừa đổ xuống rồi lại tạnh ngay.

Cuối vườn là bờ sông dựng đứng trên mặt nước và bên kia là những chân trời trước rạng đông ướt sũng nước mưa, ánh phù tiêu mờ mờ phía dưới, sương mù tất cả nỗi buồn những ngày mưa mùa hạ.

- Ta xuống thế nào đây?

Kuzmin hỏi.

- Anh lại đây.

Onga rẽ theo con đường thẳng tuột tới bờ sông dựng đứng, đến bên cầu thang gỗ bắc xuống dưới và mất hút trong bóng tối.

- Anh đưa tay đây - Onga nói - Chỗ này có nhiều bậc thang mục.

Kuzmin đưa tay cho nàng và hai người thận trọng lần xuống. Giữa những bậc thang là cỏ ướt nước mưa.

Ở bậc gỗ cuối cùng họ đứng lại. Đã trông rõ bến, những ngọn đèn xanh đỏ của con tàu. Hơi nước xả rít lên. Tim Kuzmin se lại, chàng nghĩ rằng ngay bây giờ thôi chàng sẽ phải chia tay với một thiếu phụ không quen biết nhưng lại gần gũi biết bao, chia tay với nàng mà không nói được gì, không nói gì hết. Cũng chẳng được cảm ơn nàng đã gặp chàng trên đường đời, đã đưa cho chàng bàn tay nhỏ bé, vững chãi sau lần bao tay ẩm, thận trọng dẫn chàng đi trên chiếc cầu thang ọp ẹp và cứ mỗi lần có một cành cây ướt sũng rũ xuống phía trên tay vịn có thể vướng vào mặt chàng thì nàng lại nói khẽ: "Anh cúi đầu xuống". Và chàng ngoan ngoãn vâng theo.

- Chúng ta chia tay nhau ở đây thôi - Onga nói - Tôi không đi xa nữa đâu.

Kuzmin đưa mắt nhìn nàng. Qua nếp khăn choàng,

đôi mắt Onga nghiêm nghị, lo lắng nhìn chàng. Có lẽ nào giờ đây, trong phút này thôi, tất cả sẽ đi vào dĩ vãng và sẽ trở thành một trong những kỷ niệm xót xa trong cả đời nàng và trong cả đời chàng?

Onga đưa tay cho Kuzmin. Kuzmin hôn tay nàng và lại thấy vẫn cái mùi nước hoa thoang thoang mà chàng đã thấy trong căn phòng tối, giữa tiếng mưa rơi xào xạc.

Khi chàng ngẩng đầu lên, Onga nói một câu gì, nhưng nàng nói khẽ đến nỗi chàng không nghe rõ. Chàng ngờ nàng chỉ nói độc một tiếng: "Vô ích...". Có lẽ nàng còn nói điều gì nữa, nhưng con tàu dưới sông đã gầm lên, than thở vì buổi bình minh ẩm ướt, vì cuộc sống lang thang của nó trong những ngày mưa và trong những buổi sương mù.

Kuzmin chạy lên bờ sông, không ngoái lại. Chàng đi qua bến sông thoang thoang mùi vỏ cây và mùi hắc ín, trèo lên tàu và bước ngay lên boong vắng tanh vắng ngắt. Con tàu bắt đầu rời bến, chân vịt quay chậm chạp. Kuzmin đi lại dằng lái, nhìn về bờ sông dựng đứng, nhìn cái cầu thang: Onga vẫn đứng đấy. Trời hừng sáng và khó mà nhìn rõ nàng. Kuzmin giơ tay lên nhưng nàng không vẫy lại.

Con tàu mỗi lúc một đi xa, dồn vào đôi bờ cát những đợt sóng dài, làm những phù tiêu trên sóng lúc lắc và tiếng dội của những bụi miền liễu bên bờ đáp lại tiếng chân vịt vội vã của con tàu.

Cầu vòng trắng

*Ôi, còn đâu những đêm đông, những vì sao
sáng chói lấp lánh và lạnh lùng*

X. Xôlôviep

Họa sĩ Pêtrốp được gọi nhập ngũ vào giữa năm thứ hai của cuộc chiến tranh tại một thành phố lớn ở Trung Á. Từ Maxkova, Pêtrốp đã sơ tán về đây.

Dãy núi Alatao đứng sừng ở phía nam thành phố như một bức tường thành màu xám. Tuyết đã rắc lên các đỉnh núi. Buổi tối trong những căn nhà đều giá lạnh im lìm và tối tăm. Họa hoàn trong vài cửa sổ mới có ánh đèn dầu leo lắt. Trong thành phố đèn tắt rất sớm.

Ban đêm vùng trắng nhô lên trên những rặng thùy dương tro trụi và trong ánh sáng chói chang, thành phố có một vẻ gì dữ dội.

Pêtrốp sống trong căn nhà gỗ nhỏ bên bờ một con suối chảy lượn quanh thành phố sát các lề đường. Tiếng suối reo đều đều không đổi. Đêm đêm trên tấm đệm mỏng trải trên sàn nhà, Pêtrốp nằm lắng nghe tiếng nước tràn qua

những viên đá. Sau tường nhà, con lạc đà già nua của hàng xóm chậm rãi nhai nhai mãi không thôi.

Tàu hỏa rời thành phố vào ban đêm. Nhà ga vắng tanh. Những hàng cây lạnh giá xào xạc. Đêm châu Á vun tuyết thành đồng giữa các toa xe. Chẳng có ai ra tiễn Pêtrốp. Anh không có bạn bè và cũng chẳng để lại đây kỷ niệm nào. Không có gì hết, ngoài cái cảm giác cuộc sống bị ngưng lại. Mới ngoài ba mươi tuổi nhưng cuộc đời phiêu bạt bơ vơ khiến Pêtrốp sớm cảnh thấy mình là một ông già.

Lên tàu, Pêtrốp chui vào một góc toa hút thuốc. Ngoài cửa toa một người lính đang chia tay với một phụ nữ trẻ tuổi. Không hiểu sao Pêtrốp cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe người phụ nữ xưng hô “anh, tôi” với bạn.

Đó là một giọng nữ cõi mờ và trong trẻo. Pêtrốp thầm nghĩ rằng người ta có thể đến với giọng nói ấy như một tiếng gọi từ xa, qua sa mạc, qua những đêm sâu mịt mùng, qua thác ghềnh giá buốt, đi cho đến lúc đôi chân rớm máu, gục xuống lại bò tiếp. Miễn là được nhìn thấy cái cánh cửa, nắm lấy nó và nói: “Đây, tôi đã đến, xin đừng xua đuổi tôi”. Có những giọng nói nghe như một lời hứa hẹn của hạnh phúc.

Tàu chuyển bánh, Pêtrốp ngó ra ngoài cửa sổ. Trên sân ga anh nhìn thấy người phụ nữ trẻ tuổi. gương mặt tái nhợt, nụ cười, bàn tay giơ lên - chỉ có thế. Bóng tối lập tức ập ngay vào khuôn cửa.

“Nếu anh dừng lại ở Maxkova, anh nhớ gọi điện cho Masa nhé!” và chị nói số điện thoại. Pêtrốp nhắm lại số điện thoại hồi lâu và không tin ở trí nhớ của mình, anh ghi nó lên thẻ quân nhân.

Dọc đường, Pêtrốp luôn ngó ra cửa nhìn những đám tuyết dày, những cột điện thoại nối nhau chạy dài vào ngõ xa màu xám. Thành phố Trung Á xa dần không còn đường trở lại với nó nữa. Nó trở thành hồi ức mờ ảo, như hư như thực, lấp lẩn giữa dòng đời như một ngày đã sống qua giữa ba trăm sáu mươi ngày của một năm dài đặc.

Mùa đông, mùa xuân và mùa hè mưa nhiều trôi qua trong những trận đánh. Khi vượt qua tuyến phòng thủ của quân Đức ở Vitép, Pêtrốp bị thương vào đầu.

Ba tháng anh nằm ở bệnh viện. Ra viện anh được gửi đến một nhà nghỉ để hồi sức sau vết thương nặng nề. Pêtrốp yêu cầu được về nghỉ ở thành phố Trung Á, nơi anh đã được gọi vào quân đội. Gần thành phố có một an dưỡng đường nhỏ trên núi.

- Ô, anh bạn thân mến - ông bác sĩ già râu bạc, quân hàm nhàu nát nói với anh - Anh nghỉ lại xem! Anh chỉ có một tháng mà đi về đã mất mười ngày rồi.

- Có khi một ngày còn quý hơn cả một năm - Pêtrốp cãi lại.

- À, nếu vậy thì... Nếu anh có những lý do đặc biệt để về

đấy - Ông bác sĩ lâu bầu, thì tôi chỉ biết giao tay. Tôi đồng ý.

Phải đi qua Maxkova. Tàu đến Maxkova lúc nửa đêm và sẽ rời Maxkova đi Trung Á vào sáng sớm. Cả một đêm dài mệt nhọc đang chờ anh ở đoạn Maxkova. Còn lâu tàu mới đến Maxkova, Pêtrốp hồi hộp, ngay lúc vừa hoàng hôn khi con tàu tỏa khói lên những cánh rừng bạch dương, chạy trên đất Xmôlenxko. Ngoài cửa sổ, những nhà nghỉ tối om, những bãi tuyết, những khu vườn cứng lạnh vùng Kuntxevô lướt nhanh trong bóng đêm. Sau đó hiện lên vùng sáng yếu ớt của bầu trời đêm Maxkova tối mờ và cuối cùng sân ga tắm tối vang động của ga Bêlôruxi về đêm trôi tới rồi dừng lại.

Êlêna Pêtrốpna tắt đèn và kéo tấm rèm cửa. Hơi ấm tỏa lên từ lò sưởi hơi nước. Đêm tối mờ trải trên Maxkova.

- Thế là lại về Maxkova rồi. Lại xa cái vùng Trung Á - Êlêna nói và lấy ngón tay ấn lên đôi mày. Chị thường làm như vậy mỗi khi suy nghĩ. Lại về với công việc quen thuộc, với bạn bè. Mọi chuyện lại như cũ. Còn muốn gì hơn nữa?

- Vậy mình còn mong muốn điều gì hơn nữa? - Chị nhắc lại và im lặng.

Một giọt lệ trào trong khóe mắt, chị không chùi đi mà cứ nhìn chăm chăm vào cửa sổ. Ánh sáng ở cột đèn ngoài ngã tư bỗng trở nên sắc cạnh như những ngôi sao bằng

kim tuyến trên cây Nôen.

- Giá mà biết được hạnh phúc bí ẩn là gì? Nó ở đâu? Khó mà sống mãi thui thủi một mình và nhìn thấy tất cả dù chỉ là đêm nay, và suy nghĩ về mọi điều, không mỉm cười với ai, không đặt tay lên vai ai và không bảo: “Anh xem, tuyết đang rơi kìa”.

Máy điện thoại trên bàn thận trọng reo lên. Êlêna Pêtrópna cầm ống nghe. Giọng nói đàn ông yêu cầu gặp Masa.

- Masa không ở đây nữa - Êlêna Pêtrópna trả lời - Ai hỏi đấy?

- Vấn đề là... tôi không quen cô ấy. - Giọng đàn ông trả lời sau một lát suy nghĩ. Nói tên tôi ra chả có ý nghĩa gì...

- Cũng kỳ đấy - Êlêna Pêtrópna giễu cợt nói.

- Kỳ quá thật! - người đàn ông đồng ý - Tôi vừa ở mặt trận về.

- Anh muốn chuyển gì cho cô ấy chẳng? Anh ở chỗ anh cô ấy về chẳng? Anh ấy cũng ở ngoài mặt trận mà.

- Không, tôi không biết anh cô ấy - người đàn ông trả lời và im bặt.

- Làm thế nào bây giờ? Tôi đợi đây - Êlêna Pêtrópna nói - Hay là bỏ ống nghe xuống.

- Hãy khoan đã - Giọng nói van lơn - Tôi đang ở

Maxkova đợi chuyến tàu. Tôi đang gọi điện từ sân ga Bêlôruxi. Không hiểu người ta có để cho tôi nói hết không. Bên máy có nhiều người đang đợi.

- Nếu vậy anh nói mau lên.

Êlêna Pêtrópna đứng nghe bên cửa sổ. Chị nhú mồm rồi mỉm cười, chìa tay ra cửa sổ - con mèo xám đang bám vào rèm cửa mắt tròn xoe; chị nói: Khế chứ! Mày làm gì thế! - Không, tôi không nói với anh mà nói với con mèo con. Chị bật cười, - Tôi đang nghe anh và chẳng hiểu gì cả. Vâng, vâng. Quả là lạ lùng. Nhưng cũng có thể là điều hay... Tôi không biết... Tôi còn nhớ tất cả: nhà ga, đêm và gió. Chỉ không nhớ có anh thôi. Chẳng lẽ bằng vào giọng nói ư? Anh là một người kỳ lạ. Bao giờ tàu chạy? Tôi cũng chẳng biết nghĩ thế nào nữa... Tất nhiên, đáng tiếc đấy. Anh bị thương nặng ư? Ở đâu à? Ở ngoài ga anh sẽ mệt đến chết mất. Ban đêm anh không được đi lại ở Maxkova đâu. Họ sẽ giữ lại đấy. Vâng tôi nghe đây - Anh nói đi.

Cuộc nói chuyện bỗng nhiên ngắt quãng. Êlêna Pêtrópna chậm rãi buông ống nói.

- Có thể anh ấy sẽ gọi điện nữa - Chị nói và ngồi xuống chiếc ghế dựa trên bàn, nhặt mẩu thuốc hút dở và rít mạnh.

Mười lăm phút, rồi nửa giờ trôi qua. Không có ai gọi điện cả. Đồng hồ điểm hai tiếng.

- Không, thế này thì không thể hiểu được! - Êlêna

Pêtrópna nói to - Mình phát điên lên mất.

Chị lao lại phía cái tủ và mở tung nó ra. Con mèo phát hoảng chui xuống gầm đi vắng. Êlêna Pêtrópna nhanh nhẹn lấy chiếc áo dài đen, dốc lọ nước hoa. Con mèo ngồi ở dưới đi vắng đang thu mình rình chuột, móng vuốt xò ra giỡn bắt khi thì dải đăng ten, khi thì chiếc mùi xoa mỏng lát phát quanh nó. Nó thích trò chơi này mặc dầu nó nhăn mũi lại và còn hắt hơi về mùi hương lạ lùng của các vật lạ này.

Khi Êlêna Pêtrópna ra khỏi nhà, đồng hồ điểm ba giờ. Maxkova ngủ yên trong ánh sáng trắng của tuyết và những cây đèn.

Ở quảng trường Puskin nhóm tuần tra giữ Êlêna Pêtrópna lại. Chị đưa họ xem giấy tờ và nói rằng chồng chị bị thương ở ngoài mặt trận đang qua Maxkova. Bây giờ anh ấy đang ở ga Bêlôruxi và chị cần phải được gặp anh ấy. Khi nói đến chữ “chồng”, Êlêna Pêtrópna đỏ mặt lên, nhưng không chiến sĩ nào trông thấy điều đó. Các chiến sĩ thì thầm nói với nhau, sau đó người nhiều tuổi nói:

- Có thể chị nói thật - Nhưng Maxkova đang giờ thiết quân luật, chị ạ.

- Việc gấp quá, - chị nói đầy thất vọng.

- Vấn đề là như vậy, - người chiến sĩ nhiều tuổi nói - Giá chị có nhiều thì giờ nhất định chúng tôi cũng vẫn giữ chị lại. Đúng thế! Nào Xidôrôp - anh ta nói với người chiến

sĩ thấp lùn - Hãy giữ chiếc xe kia lại.

- Anh chiến sĩ chặn chiếc xe du lịch lại. Người có tuổi kiểm tra giấy tờ của người lái xe, nói gì đó với anh ta rồi quay sang Êlêna Pêtrốpna:

- Chị ngồi vào đây! Xidôrốp đi với nữ công dân đến nhà ga. Để kiểm tra, - anh nói thêm và mỉm cười - Và để chị khỏi bị giữ lại lần nữa.

Êlêna Pêtrốpna nhanh nhẹn bước vào căn phòng xanh nhạt của nhà ga và lập tức chị thấy nghẹn thở. Chị tưởng như trái tim mình dừng lại. Nếu có thể, chị sẽ nhắm mắt lại, dựa vào tường đứng lên để lắng nghe một cái gì đang vang vọng từ xa xăm và rất mỏng manh có thể từ ngọn lửa chum đèn nhà ga, có thể là ngay trong mạch máu thái dương chị.

Những con người mệt mỏi đang ngồi gục trên những ghế dài bằng gỗ. Ở chiếc ghế đằng xa có một sĩ quan gầy gò vẻ mặt nhọc mệt đang ngồi. Mắt trái anh cuốn lớp băng đen.

Êlêna Pêtrốpna lại gần anh và nói:

- Thế đấy...

Người sĩ quan nhanh nhẹn đứng dậy:

- Thế đấy... - Êlêna Pêtrốpna nhắc lại và mỉm cười - Mà anh đứng hệt như tôi nghĩ.

Gian phòng như thụt xuống rồi quay tròn. Pêtrốp đỡ Êlêna Pêtrópna và đặt chị ngồi xuống chiếc ghế nơi anh chiến sĩ đang ngồi, rồi kéo vội bọc quần trang để chị ngồi được thoải mái hơn.

Êlêna Pêtrópna nhìn gương mặt đầy lo lắng đáng yêu và hầu như hoàn toàn quen thuộc của Pêtrốp, khẽ hỏi:

- Anh có hiểu gì không?

- Không, - Pêtrốp trả lời - Và có gì phải hiểu?

- Có lẽ đúng thế, không cần - Êlêna Pêtrópna đồng ý và thở dài - Tội nghiệp anh, em đã làm anh sợ. Tay anh lạnh cóng thế này - Chị cầm bàn tay Pêtrốp và sưởi ấm nó giữa hai lòng bàn tay mình.

- Cái này là về lâu về dài - Chị nói như chính với mình.

Pêtrốp yên lặng. Trong giọng nói của Êlêna Pêtrópna có cả sự dịu dàng và sự lo âu như đêm tháng chạp. Trên sân ga, khi gió từ sa mạc thổi về làm bay tuyết khô. Pêtrốp yên lặng, nhưng anh tưởng rằng anh đã nói hết cả với Êlêna Pêtrópna.

... Thành phố Trung Á đón Pêtrốp với tuyết trắng và vùng mặt trời lỏ lỏ trên bầu trời xuân trong vắt. Tuyết phủ đầy trên các cành cây cổ thụ, trên hàng rào và cả đường dây điện thoại. Đường phố to rộng sáng chói như được xé ra từ những đồng tuyết lấp lánh muôn vàn hình sao tuyết. Dãy núi Alatau tỏa sáng về thành phố qua lớp băng xanh

lam tinh khiết. Đôi khi đất lở trên triền núi và bụi trắng bốc mùi lên.

Những con la đứng đỉnh trên phố lác lác lu đôi tai cứng lạnh. Nước óc ách trong các hố băng và những bông hoa đại cúc phủ đầy tuyết mịn xòe nở trong các thửa vườn nhỏ như những bông hồng mùa đông khổng lồ.

Pêtrốp hít thở say sưa không khí mùa đông thậm chí làm anh choáng váng.

Pêtrốp ngạc nhiên nghĩ rằng thành phố này một năm trước đây tưởng chừng như ảm đạm và dữ dội, giờ đây ký ức thô cứng của anh lại hé ra trong quá khứ những ngày tươi sáng, bầu trời trong trẻo, mùi lá mục và vẻ yên tĩnh của những khu vườn cổ xưa. Trước đây anh không nhận ra điều đó. Vì sao? Có thể vì anh chỉ có một mình và nhìn tất cả chỉ có một mình. Vì bên anh không có bàn tay ấm áp, không có đôi mắt tươi cười và giọng nói trầm ấm.

Pêtrốp sống ở ngoài thành phố trong nhà an dưỡng giữa giá lạnh tuyết vời của núi cao, nơi những ngôi sao tưởng chừng như đông lại về đêm và bọc quanh lớp băng sắc nhọn.

Anh sống trong nỗi hồi hộp lằng lằng không dứt. Sự hồi hộp càng tăng lên biến thành cảm giác của một niềm hạnh phúc hư ảo gần như không thể chịu đựng nổi, khi người ta mang đến cho anh bức điện vồn vện vài chữ: “Đón

em, ngày hai mươi”.

Sau bức điện, tất cả chuyển động như một con lốc tuyết, làm lóa mắt, ngạt thở, biến thế giới thành chiếc cầu vồng trắng.

Sân ga ban đêm, giá rét đôi môi yêu quý run rẩy, giọng nói của nàng, con đường về nhà nghỉ chạy len giữa rừng táo dại, tiếng thác đổ xuống những đám tuyết đầy bọt cùng cây rừng đổ nát.

Và vùng sáng xanh biếc của những vì sao mọc trên đỉnh núi nối đuôi nhau thành chuỗi dài vĩnh cửu lấp lánh. Cả không khí của sa mạc, của núi và mùa đông phà vào mặt họ ở chỗ ngoặt, khi họ dừng lại trong phút chốc để nhìn lên, những dãy núi về đêm lấp lánh ánh sáng của những hạt tuyết rần mờ mờ. Và những lời của Êlêna Pêtrópna nói ra khe khẽ, gần như với sự tuyệt vọng:

- Điều này là lâu dài, lâu dài. Có thể là mãi mãi...

1945

Mộng Quỳnh dịch

Bức điện

Hiếm có tháng mười mà trời lại lạnh và mưa nhiều đến thế. Những mái nhà lợp ván mỏng đen hẳn lại.

Trong vườn, cỏ rối vào nhau, nằm rạp xuống. Chỉ có một bông hướng dương nhỏ bên hàng rào là cứ nở mãi mà không sao nở hết để tàn đi cho được.

Những đám mây đen xóp còn cố bám lấy những cây liễu trụi lá, từ ngoài sông kéo vào lê lét trên những đồng cỏ. Từ những đám mây ấy mưa trút xuống một cách khó chịu.

Đường lầy đến nỗi không thể đi bộ, mà cũng chẳng có thể đi xe được và những người chăn súc vật cũng thôi không lừa đàn vào đồng cỏ.

Tiếng tù và mục đồng im bất cho tới tận mùa xuân. Bà Katêrina Pêtrôpna càng thấy khó trở dậy vào buổi sáng để nhìn vào những vật ấy: những căn phòng có mùi đấng của những chiếc lò sưởi không bao giờ đốt nhen, tập báo “Tin Châu Âu” bụi bặm đầy, những chiếc chén đã ngả màu vàng trên bàn, ấm xamôva từ lâu chưa lau rửa và những bức tranh trên tường. Có thể vì trong các phòng tối quá mà mắt

bà thì đã kém, cũng có thể vì những bức tranh bị thời gian làm bạc màu, nhưng nhìn chúng bà không thể nào hiểu nổi đó là tranh gì. Bà Katêrina chỉ căn cứ vào trí nhớ mà biết đây là chân dung của cha mình, còn bức tranh nhỏ trong khung mạ vàng kia là quà của họa sĩ Kramxkô; phác thảo bức “Người con gái không quen biết mặc áo choàng nhung” của ông.

Bà Katêrina sống nốt những ngày tàn trong ngôi nhà cũ kỹ do cha bà - một họa sĩ danh tiếng - dựng nên.

Khi đã có tuổi, họa sĩ từ Pêterburg về làng cũ, sống yên tĩnh và chăm lo vườn tược. Ông không còn vẽ được nữa, tay đã run và thị giác cũng yếu, mắt ông bị đau luôn.

Theo lời bà Katêrina thì ngôi nhà của bà là nhà “lưu niệm”. Viện bảo tàng địa phương quản lý ngôi nhà này. Nhưng rồi nó sẽ ra sao khi bà - người cuối cùng trong ngôi nhà này - chết đi, bà cũng không biết nữa.

Còn trong làng Zabôriê thì chẳng ai là người có thể nói chuyện với bà về những bức tranh, về cuộc sống ở Pêterburg, về mùa hè ở Pari khi cô Katêrina còn sống bên cha và được chứng kiến đám ma Victo Huygô.

Cũng chẳng có thể kể chuyện đó cho Manhuska, con gái bác hàng xóm thợ giày của nông trường. Manhuska hàng ngày chạy sang lấy nước giếng, quét sàn và đặt ấm trà cho bà.

Bà Katêrina thưởng cho Zabôriê một đôi tất tay đã nhẵn nhúm, những chiếc lông đà điểu, một cái mũ đen gắn hạt cườm.

Manhuska khịt mũi và hỏi bà lão bằng giọng khàn khàn:

- Bà cho cháu làm gì? Cháu có phải là đứa nhặt giẻ rách đâu.

- Cháu đem bán đi - Bà Katêrina thều thào. Đã một năm nay bà yếu hẳn đi và không còn nói to được nữa. - Cháu đem bán đi.

- Cháu sẽ bỏ vào kho đồ cũ. - Manhuska kết luận và nhặt lấy, bỏ đi.

Thỉnh thoảng ông lão coi kho cứu hỏa - lão Tikhôn gầy gò, tóc hung - lại rẽ vào chơi. Lão vẫn còn nhớ việc cụ thân sinh ra bà Katêrina từ Pêterburg về làng, xây nhà, dựng nên cơ ngơi này.

Lúc đó lão Tikhôn còn là một đứa trẻ, nhưng lòng tôn kính họa sĩ già lão giữ đến trọn đời. Nhìn những bức tranh của họa sĩ, lão thở dài thườn thượt:

- Những bức tranh mới tự nhiên làm sao!

Lão Tikhôn thường săn sóc bà một cách vô tư không tính toán, vì lòng thương đối với bà, kể ra lão cũng vẫn giúp được việc vặt trong nhà: lão chặt những cây khô trong vườn, cưa ra và chở thành củi. Và lần nào cũng vậy, khi ra

về, lão cũng dừng lại ở cửa và hỏi:

- Thế nào, bà Katêrina, Naxtia có viết gì về không?

Bà Katêrina nhỏ bé, lưng gù, lặng lẽ ngồi trên chiếc đi văng và cứ lần gỡ mãi giấy má gì không biết trong chiếc ví da nhỏ màu đỏ hung, lão Tikhôn hỉ mũi một lúc lâu, quanh quẩn bên ngưỡng cửa.

- Ờ, thôi! - Lão nói, không đợi câu trả lời - Tôi đi đây, bà Katêrina ạ!

Bà Katêrina thều thào:

- Ờ, đi đi Tisa ⁽¹⁾ Đi đi, trời phù hộ cho lão.

Ông lão bước ra, nhẹ nhàng khép cửa và bà Katêrina bắt đầu sụt sịt. Gió rít ngoài cửa sổ, trên những cành trơ trụi, vạt đi những chiếc lá cuối cùng. Ngọn đèn đêm run rẩy trên bàn. Nó như một sinh vật độc nhất trong ngôi nhà bỏ hoang này. Không có ánh lửa yếu ớt ấy bà Katêrina không biết làm thế nào mà sống được đến sáng.

Đêm dài và nặng nề như những con mắt ngủ. Những buổi bình minh ngày càng chậm chạp thêm, ngày càng đến muộn hơn và bắt đầu dần dần chứng mới le lói qua những cửa kính lâu ngày không cọ rửa. Ở giữa những khung cửa ⁽²⁾ từ năm ngoái vẫn còn lại trên lần bông những chiếc lá

1. Tên gọi thân mật của Tikhôn.

2. Ở xứ lạnh cửa kính thường làm hai cánh trong và ngoài. Và đến mùa đông người ta lấy bông bịt kín các khe hở cho gió khỏi lọt vào.

trước kia là lá thu vàng nhưng bây giờ thì đã bắt đầu mục và đen hần lại.

Naxtia, con gái bà lão và là người ruột thịt duy nhất của bà thì ở xa, mãi tận Leningrát. Ba năm trước, nàng trở về nhà lần cuối.

Bà Katêrina biết Naxtia giờ đây chẳng còn bụng dạ nào mà nghĩ đến bà. Bọn trẻ có công chuyện của họ, có những thú vui khó hiểu của họ, hạnh phúc của họ. Tốt hơn hết là đừng ngăn trở họ. Vì thế, chỉ họa hoàn bà mới viết thư cho Naxtia, nhưng ngày nào bà cũng ngồi trên mép chiếc di văng đã vòng xuống mà nghĩ đến nàng. Bà ngồi yên, lặng lẽ đến nỗi con chuột nhắt cũng bị mắc lừa vì cái yên lặng ấy. Nó bò ra khỏi lò sưởi, cất hai chân trước lên, đưa mũi quay đi quay lại hít hít cái không khí tù hãm của căn phòng.

Naxtia cũng không viết thư về, nhưng cứ hai ba tháng một lần, anh đưa thư trẻ tuổi và vui tính Vaxili lại mang đến cho bà hai trăm rúp gửi bằng thư chuyển tiền. Anh thận trọng giữ tay bà khi bà ký nhận kéo bà lại ký không đúng chỗ.

Vaxili ra về, còn bà Katêrina thì ngồi bồn thần cầm số tiền trong tay. Rồi bà đeo kính vào và đọc đi đọc lại mấy chữ viết trên giấy. Lần nào cũng vẫn những chữ ấy: nhiều việc quá, đến nỗi không có thì giờ để viết một bức thư cho ra thư chứ đừng nói chi đến việc về nhà.

Bà Katêrina thận trọng lần gỡ từng tờ giấy bạc mềm và xốp. Tuổi tác làm cho bà lão quên khuấy rằng tiền ấy đâu có phải tiền Naxtia đã giữ trong tay, nên bà lão cứ cảm thấy như những tờ giấy bạc ấy thoang thoảng mùi nước hoa của nàng.

Một đêm vào cuối tháng Mười, có ai đó gõ rất lâu vào cái cửa chốt chặt đã mấy năm ở cuối vườn.

Bà Katêrina bối rối, mãi mới quần được chiếc khăn len lên đầu, khoác chiếc áo choàng rộng và lần đầu tiên trong năm ấy, bà bước ra khỏi nhà. Bà đi chậm, rờ rẫm. Không khí lạnh làm bà nhức đầu. Những ngôi sao bị quên lãng chòng chọc nhìn xuống đất. Những chiếc lá rơi cản bước đi.

Đứng bên cửa, bà Katêrina hỏi khẽ:

- Ai gọi cửa đấy?

Nhưng bên ngoài hàng rào không có tiếng trả lời.

- Chắc là ta lầm tưởng thế thôi.

Bà Katêrina nói và lần bước trở lại.

Bà nghen thở, dừng lại bên một gốc cây già, đưa tay nắm lấy một cành ướt lạnh và nhận ra đó là cây phong. Bà trông nó đã lâu lắm, từ khi bà còn là một cô gái hay cười, bây giờ nó đã trụi lá, đã chết cồng, nó không biết trốn đâu cho khỏi cái đêm gió rét không nhà này.

Bà lão thương cây phong, đưa tay sờ soạng cái thân xo

xác của nó rồi lần vào nhà và ngay đêm ấy bà viết cho Naxtia một lá thư:

Bà viết:

“Con gái yêu dấu của mẹ. Mẹ không sống qua được mùa đông này đâu. Con hãy trở về lấy một ngày thôi cũng được. Cho mẹ được nhìn con, được cầm lấy tay con. Mẹ già rồi và yếu đến nỗi chẳng nói chi đi, đến ngồi và nằm thôi cũng thấy nhọc nhằn. Chắc thân chết quên mất lối nên mới chưa đến đây đấy thôi. Vườn nhà ta khô héo, chẳng còn như trước, mẹ cũng chẳng ngó ngang gì đến nó nữa. Năm nay mùa thu xấu. Cực quá, cả một đời người tưởng cũng chẳng dài bằng một mùa thu này”.

Manhuska khịt mũi mang bức thư đến trạm bưu điện, ngập ngừng mãi mới nhét vào thùng thư và ngó nghiêng nhìn vào trong xem có gì không? Nhưng ở trong đó nó không nhìn thấy gì hết, chỉ có một khoảng rộng bằng sắt tây.

*

* *

Naxtia làm thư ký trong Hội nghệ sĩ Mỹ thuật. Công việc rất nhiều. Tổ chức các cuộc triển lãm, các cuộc thi sáng tác, nhất nhất đều qua tay Naxtia.

Naxtia nhận được thư của mẹ trong giờ làm việc. Nàng

bỏ thư vào ví, định bụng để đấy việc xong sẽ đọc. Những bức thư của bà Katêrina làm nàng thở ra nhẹ nhõm! Bà cụ viết thư, thế nghĩa là bà cụ còn sống. Nhưng đồng thời nàng cũng băn khoăn, như thế mỗi lá thư là một lời trách móc âm thầm.

Sau giờ làm việc, Naxtia phải đi tới xưởng điêu khắc của nghệ sĩ trẻ Timôfêép xem anh ta sống ra sao để còn báo cáo lên ban lãnh đạo hội. Timôfêép thường kêu ca trong xưởng lạnh, và nói chung, hay phàn nàn rằng người ta làm anh lu mờ và chèn ép không cho anh nổi lên được.

Lên đến đầu cầu thang gác, Naxtia lấy ra chiếc gương nhỏ, nàng đánh phấn và mỉm cười. Lúc này nàng hài lòng về sắc đẹp của chính mình. Các họa sĩ gọi nàng là Xonvai vì nàng có mái tóc màu hạt dẻ sáng với đôi mắt mở to và lạnh lùng.

Timôfêép, con người nhỏ nhắn, quyết liệt và dữ tợn đích thân ra mở cửa cho Naxtia. Anh ta mặc áo ba đồ xuy, có quần chiếc khăn lớn và Naxtia thấy chân anh cũng đi ủng dạ đàn bà.

Timôfêép lầu nhầu:

- Chị đừng cởi áo. Cứ để nguyên áo choàng kéo chết cóng đấy. Mời chị.

Anh dẫn Naxtia đi theo một hành lang tối, bước lên mấy bậc và mở cánh cửa hẹp dẫn vào xưởng.

Từ trong xưởng bay ra mùi khói khét. Trên sân, bên cạnh chiếc thùng đựng đất sét ẩm, một ngọn đèn dầu hỏa đang cháy. Những bức tượng phủ giẻ ướt đặt trên giá. Bên ngoài khung cửa kính rộng, tuyết bay cheo chéo, phủ một màn sương lên dòng Nêva và tan trong nước tối. Gió rú rít trong khung cửa và lay động những tờ báo cũ trên sàn.

- Trời ơi, lạnh quá! - Naxtia nói và nàng cảm thấy trong xưởng còn lạnh hơn vì những phù điêu trắng bằng cẩm thạch treo bề bộn trên tường.

- Đấy, chỉ thử ngắm mà xem! - Timôfêép vừa nói vừa đẩy chiếc ghế bành lăm bệбет đất sét về phía Naxtia - Không hiểu vì lẽ gì mà tôi chưa tắt thở trong cái hang gấu này ⁽¹⁾. Còn ở xưởng của Pécsin thì có lò sưởi, gió ở đấy bay ra cứ nóng như từ sa mạc Xahara.

- Anh không ưa Pécsin ư? - Naxtia thận trọng hỏi.

Timôfêép giận dữ nói:

- Hắn là một thằng chơi trội. Một anh thợ thủ công. Thân tượng của hắn không có vai mà chỉ là cái mắc áo ba đờ xuy. Còn cô nông trường viên của hắn là một mụ đàn bà bằng đá đeo tạp dề. Anh công nhân của hắn giống như một người *něנגđэctan* ⁽²⁾. Hắn nặn tượng bằng một cái xẻng gỗ. Nhưng mà hắn khôn ngoan bà chị của tôi ạ, hắn khôn

1. Hang gấu đào sâu trong tuyết ở Bắc cực.

2. Người thượng cổ dưới hình thú hầu nhân.

ngoan như một Hồng y giáo chủ.

- Cho tôi xem ông Gôgôn của anh nào?

Naxtia yêu cầu nhà điêu khắc. Nàng muốn chuyển câu chuyện sang hướng khác.

- Chị sang đây! - Nhà điêu khắc cau có nói - Ấy không, không phải ở phía ấy! Đây, góc này cơ! Thế!

Nhà điêu khắc gỡ những mảnh giẻ ướn ra khỏi một bức tượng và chăm chú nhìn xoi mói đủ mọi phía rồi ngồi xổm xuống bên cây đèn dầu hỏa, đưa tay ra vuốt và nói:

- Gôgôn đấy! Giờ thì mời chị.

Naxtia rung mình. Một con người lưng còng, mũi nhọn đang nhìn nàng một cách nhạo báng như người đó nhìn suốt được tâm can nàng. Naxtia trông thấy mạch máu nhỏ bé bị cứng lại trên thái dương ông chạy rần rật.

"Còn bức thư chưa bóc trong ví? - Hình như đôi mắt nhìn thăm thẳm của Gôgôn nói với nàng - Chao ôi, con ác là!"

Timôfêép hỏi:

- Thế nào? Bác ta trông bộ chững đấy chứ?

- Tuyệt! - Naxtia phải khó nhọc mới trả lời được - Thực là tuyệt!

Timôfêép cười cay đắng:

- Tuyệt! - Anh ta nhắc lại - Mọi người đều nói: Tuyệt!

Cả Pécsin, cả Matiaso, cả một lô một lốc nhà uyên bác ở các thứ hội đồng. Cái đó có ích gì? Ở đây thì tuyệt, nhưng ở kia, nơi quyết định số phận của tôi, số phận một nhà điêu khắc, thì anh chàng Pécsin kia chỉ cần “hùm” một tiếng không rõ ràng là xong tất. Mà Pécsin đã “hùm” thì có nghĩa là hết! Đêm tôi không tài nào chợp mắt - Timôfêép kêu lên và chạy quanh xưởng, dậm đôi ủng dần bà thành thành - Đất sét ẩm làm tay tôi tê tháp! Ba năm tôi đọc từng lời, từng chữ về Gôgôn. Tôi chỉ mơ thấy toàn những cái mồm lộn.

Timôfêép nhắc đóng sách đặt trên ghế lên, lắc lắc chúng trên không rồi ném xuống thật mạnh. Bụi thạch cao trên bàn bay mù lên.

- Đấy, tất cả những gì nói về Gôgôn đấy! - Anh nói và bỗng bình tĩnh lại - Thế nào? Hình như tôi đã làm bà chị sợ! Xin lỗi bà chị, nhưng nói có trời, tôi sẵn sàng choảng nhau ngay bây giờ.

- Thì đã sao, chúng ta sẽ hợp sức lại mà choảng.

Naxtia nói và đứng dậy.

Timôfêép bắt tay nàng thật chặt và Naxtia ra về với ý nghĩ cương quyết là dù sao mặc lòng nàng cũng phải đưa con người tài năng kia ra ngoài ánh sáng.

Naxtia về Hội, gặp ông chủ tịch và nói chuyện với ông rất lâu. Nàng nổi nóng, chứng minh rằng cần phải tổ chức cuộc triển lãm tác phẩm Timôfêép ngay lập tức. Ông chủ

tịch Hội gõ gõ cây bút chì trên mặt bàn, lưỡng lự hồi lâu rồi cuối cùng ông đồng ý với Naxtia.

Naxtia trở về nhà, về căn phòng cổ kính, trần đắp hình nổi mạ vàng ở phố Moika, ở đó nàng mới đọc bức thư của mẹ.

- Đi đâu được bây giờ kia chứ! - Nàng nói và đứng dậy
- Giờ thì dứt ra làm sao được?

Nàng nghĩ đến những chuyến tàu chật ních, đến việc phải chuyển từ xe hỏa sang tàu thoi, đến chiếc xe ngựa xóc nảy người, khu vườn khô héo, những giọt nước mắt không thể nào tránh được của mẹ, về cái buồn dai dẳng không có gì tô điểm được của những ngày sống ở làng quê. Rồi nàng bỏ bức thư vào ngăn kéo bàn viết.

Naxtia mất hai tuần lễ vào việc tổ chức triển lãm cho Timôfêép.

Trong hai tuần đó nàng đã cãi lộn rồi lại làm lành mấy lần với nhà điêu khắc trái tính trái nết nọ. Timôfêép gửi tác phẩm đến triển lãm như cách đem chúng đi phá hủy.

- Bà chị thân mến của tôi ơi, việc làm của chị chẳng đem lại cái cóc khô gì đâu! - Anh ta nói với Naxtia bằng một giọng độc ác hả hê, như thể nàng tổ chức triển lãm cho nàng chứ không phải cho anh ta - Nói thực đấy, tôi chỉ có mất thì giờ vô ích mà thôi!

Lúc đầu Naxtia tuyệt vọng và giận nhà điêu khắc mãi

cho tới khi nàng hiểu ra rằng cái khó tính khó nết của anh chẳng đáng một trinh, rằng nó giả dối và trong thâm tâm, Timôfêép rất sung sướng vì cuộc triển lãm sắp tới của mình.

Triển lãm khai mạc vào buổi tối, Timôfêép nổi giận nói rằng không thể để người ta xem tượng dưới ánh sáng điện.

- Ánh sáng chết! - Anh ta cầu nhàu - Ngán chết người! Thà dùng dầu hỏa còn hơn.

Naxtia phát câu:

- Vậy thì anh còn cần cái ánh sáng nào nữa, hử con người bất ung kia?

Timôfêép đau khổ kêu lên:

- Cần nén! Nén! Để Gôgôn dưới ánh điện làm sao được! Phi lý!

★

★ ★

Các nhà điêu khắc, các họa sĩ đều có mặt trong buổi khai mạc. Nếu chỉ nghe những câu chuyện của các nhà điêu khắc nói với nhau thì người ngoài cuộc không phải lúc nào cũng có thể hiểu được là họ khen hay họ chửi tác phẩm của Timôfêép. Nhưng Timôfêép hiểu rằng cuộc triển lãm đã thành công.

Một họa sĩ đầu bạc, tính khí nóng nảy, đến bên Naxtia

và vỗ vào tay nàng:

- Xin cảm ơn chị. Nghe nói chính chị đã đưa Timôfêép ra ánh sáng. Chị làm vậy hay lắm. Ở nước ta, chị biết đấy, có rất nhiều người ưa ba hoa khoác lác về sự quan tâm tới các nghệ sĩ, về sự chăm sóc và thông cảm đối với họ, nhưng khi việc đến tay thì những người ấy lại chẳng động cựa gì hết. Xin cảm ơn chị một lần nữa.

Cuộc thảo luận bắt đầu. Người ta nói nhiều, người ta khen ngợi, nổi nóng và ý nghĩ mà họa sĩ già nói về sự quan tâm đến con người, đến nhà điêu khắc trẻ bị quên lãng một cách bất công, được nhắc đi nhắc lại trong mỗi lời phát biểu.

Timôfêép ngồi ra dáng cau có, nhìn mãi xuống sàn nhà những vẫn cứ liếc những người phát biểu, không biết là đã có thể tin họ được chưa hay tin như thế còn sớm quá.

Cô Dasa, văn thư của Hội - một cô gái tốt bụng và ngốc nghếch - hiện ra ở cửa và ra hiệu cho Naxtia. Naxtia ra chỗ Dasa, cô ta cười tủm tỉm một cách ranh mãnh và đưa cho nàng một bức điện.

Naxtia về chỗ, kín đáo bóc ra xem. Nàng đọc xong mà chẳng hiểu gì hết.

“Katia ⁽¹⁾ hấp hối. Tikhôn”

“Katia nào? - Naxtia bối rối nghĩ - Tikhôn nào? Chắc không phải điện gửi cho mình”.

1. Tên gọi thân mật của Katêrina.

Nàng nhìn địa chỉ, nhưng không, đó là điện gửi cho nàng. Lúc ấy nàng mới nhìn thấy những chữ in nhỏ trên băng giấy “Zabôriê”.

Naxtia vò nát bức điện và cau mày.

Pécsin đang phát biểu.

- Trong thời đại chúng ta - Ông ta nói, tay đỡ cặp kính, người lắc lư - sự chăm sóc con người đã trở thành một thực tế tốt đẹp, nó giúp chúng ta làm việc và trưởng thành. Tôi lấy làm hạnh phúc mà nhận thấy rằng trong hàng ngũ của chúng ta, trong hàng ngũ những nhà điêu khắc và họa sĩ, đã xuất hiện sự chăm sóc ấy. Tôi muốn nói cuộc triển lãm tác phẩm của đồng chí Timôfêép. Có được cuộc triển lãm này chúng ta phải hoàn toàn hàm ơn - nói như vậy không phải có ý xấu với ban lãnh đạo Hội đâu - một nữ đồng chí trong những người công tác bình thường của Hội ta, đồng chí Naxtia thân yêu của chúng ta.

Pécsin nghiêng mình hướng về phía Naxtia và mọi người đều vỗ tay. Vỗ tay hồi lâu, Naxtia lúng túng, cảm động đến rơi nước mắt.

Có người ở đằng sau khẽ chạm vào tay Naxtia. Đó là ông họa sĩ già nóng tính.

- Gì vậy? - Ông già thì thảo hỏi và đưa mắt chỉ bức điện nhàu nát trong tay Naxtia - Không có chuyện chẳng lành đấy chứ?

- Không! - Naxtia trả lời - Của một người bạn gái.

- Thế à!

Ông già lẩm bẩm và lại bắt đầu nghe Pécsin.

Mọi người đều nhìn Pécsin nhưng Naxtia lúc nào cũng cảm thấy có một đôi mắt nặng nề nhìn mình thấu suốt tâm can và nàng không dám ngẩng đầu lên: “Ai vậy? - Nàng nghĩ - Chẳng lẽ có người đã đoán ra sao? Ngốc chưa! Óc mình lại loạn rồi”.

Nàng gắng sức ngược mắt lên nhưng lại phải quay đi ngay. Gôgôn nhìn nàng, mỉm cười. Hình như trên thái dương ông mạch máu cũng khô đang đập một cách nặng nhọc. Naxtia cảm thấy như Gôgôn nói khê qua hàm răng nghiến chặt: “Ồ, may!”

Naxtia đứng ngay dậy, bỏ ra ngoài. Ở tầng dưới, nàng mặc áo vội vã và chạy ra ngoài phố.

Tuyết ướt roi. Trên nhà thờ Ixaakiep đã thấy có băng bụi xám. Bầu trời ảm đạm cứ hạ thấp mãi xuống thành phố, xuống Naxtia, xuống dòng Nêva.

“Con gái yêu dấu của mẹ! - Naxtia nhớ lại bức thư mới nhận được - Con gái yêu dấu!”

Naxtia ngồi xuống chiếc ghế dài ở công viên gần trụ sở bộ Đường thủy và cay đắng khóc. Tuyết tan trên mặt nàng hòa lẫn với nước mắt.

Naxtia rung mình vì lạnh và bất thần nàng chợt hiểu rằng không có ai yêu nàng như cái bà lão bé nhỏ, già yếu và bị hết thảy mọi người quên lãng kia, trong cái làng Zabôriê đáng ngán ấy.

- Muộn mất rồi! Ta sẽ chẳng còn được nhìn thấy mẹ ta nữa.

Nàng tự nhủ và sực nhớ rằng trong suốt một năm qua lần này là lần đầu tiên nàng nói lên tiếng gọi thân yêu thời thơ ấu: “mẹ”.

Nàng bật dậy, bước nhanh. Tuyết rơi ngược, quất vào mặt nàng.

- Sao, mẹ ơi! Sao!? - Nàng nghĩ và không còn trông thấy gì hết - Mẹ ơi, sao lại có thể xảy ra chuyện như thế được! Trong đời con, con có còn ai nữa đâu. Không có và sẽ không có ai thân yêu hơn mẹ! Cần phải đi cho kịp, chỉ cần mẹ được trông thấy con, tha tội cho con.

Naxtia ra đại lộ Nepxki và đi đến nhà ga thành phố.

Nàng đến chậm. Vé không còn.

Naxtia đứng bên cửa bán vé, môi run run, nàng không nói được và biết trước rằng nếu nói thì chỉ được tiếng đầu tiên là nàng đã khóc òa.

Bà bán vé đứng tuổi, đeo kính trắng, ngó ra ngoài ghi sê.

- Chị làm sao vậy?

Bà ta nói với giọng khó chịu.

- Không sao! - Naxtia trả lời - Mẹ tôi...

Naxtia quay ngoắt lại và bước nhanh ra cửa.

Bà bán vé gọi:

- Chị đi đâu? Đáng lẽ phải nói ngay cho tôi biết. Đợi đây một chút.

Tối hôm đó Naxtia rời Leningrát. Suốt dọc đường nàng thấy chuyến tàu "Mũi tên đỏ" ⁽¹⁾ chạy chậm rì rì trong khi chính con tàu đang lao băng băng qua rừng đêm, phủ hơi nước lên trên rừng và kêu những tiếng dài báo hiệu.

*

* *

Lão Tikhôn tới trạm bưu điện thì thảo với anh đưa thư Vaxili, lấy một mảnh giấy viết điện, hươ hươ mấy lần rồi lấy tay áo chùi bộ ria mép và viết mấy chữ ngoằn ngoèo lên mảnh giấy. Sau đó lão cẩn thận gấp bức điện lại, nhét vào chiếc mũ lông và lần bước đến nhà bà Katêrina.

Đã mười ngày nay bà Katêrina không dậy. Bà không bị đau gì, những cái yếu đuối thường làm bà ngất đi cứ đè nặng lên ngực, lên đầu, lên chân và bà thở rất nặng nhọc.

Sáu ngày đêm Manhuska không rời bà Katêrina. Ban

1. Tàu tốc hành.

đêm nó cứ mặc nguyên quần áo mà ngủ ngay trên chiếc đi văng đã lún. Thỉnh thoảng Manhuska cảm thấy như bà Katêrina ngừng thở. Thế là nó sợ, khóc ti tỉ và gọi:

- Bà? Bà ơi? Bà còn sống đấy chứ?

Bà Katêrina động dậy bàn tay dưới lằn chăn và Manhuska lại thấy yên tâm.

Ngay từ sáng, bóng tối tháng mười đã đứng lặng trong mọi góc phòng, nhưng được cái trời ấm. Manhuska nhóm lò sưởi. Khi ngọn lửa vui tươi đã soi sáng những bức tường gỗ ghép, bà Katêrina lại khe khẽ thở, bởi vì nhờ ánh lửa, căn phòng trở nên ấm áp hơn, nhiều sinh khí hơn, giống như trước kia, đã lâu lắm rồi khi Naxtia còn ở nhà. Bà Katêrina nhắm mắt lại và một giọt lệ nhỏ bé, chỉ một giọt thôi, từ trong mắt bà trào ra, lăn trên thái dương vàng xạm và lăn vào trong những sợi tóc bạc.

Tikhôn đến. Lão ho, hỉ mũi và rõ là lão đang bị xúc động.

- Thế nào, Tisa?

Bà Katêrina hỏi bằng một giọng yếu đuối.

- Trời trở lạnh rồi, bà Katêrina ạ! - Lão Tikhôn nhanh nhẩu nói và bối rối nhìn xuống chiếc mũ - Tuyết sắp xuống! Trời sẽ tốt hơn. Đường sẽ có băng và thế là cô ấy đi cũng dễ dàng hơn.

- Ai cơ?

Bà Katêrina mở mắt ra và bàn tay khô héo của bà lấy bầy vuốt vuốt tằm chần.

- Còn ai nữa, ngoài Naxtia - Lão Tikhôn cười một cách gượng gạo và lấy bức điện trong mũ - Còn ai vào đây nữa, nếu không phải là cô ấy.

Bà Katêrina định ngồi dậy nhưng không được, bà lại ngã xuống gối.

- Dây này!

Lão Tikhôn nói, thận trọng giờ bức điện và đưa cho bà Katêrina.

Nhưng bà Katêrina không cầm lấy bức điện mà vẫn cứ trán trán nhìn lão Tikhôn bằng một cái nhìn cầu khẩn.

- Ông đọc đi - Manhuska nói, giọng rụt rè - Bà không đọc được nữa đâu. Mắt bà yếu rồi.

Lão Tikhôn lo sợ nhìn quanh, sửa lại cổ áo, vuốt mấy sợi tóc hung lơ thơ, và bằng một giọng nói ồm ồm, thiếu tự tin lão đọc: “Mẹ hãy đợi. Con đã đi. Naxtia, con gái yêu mẹ mãi mãi”.

- Thôi, Tisa! - Bà Katêrina nói khẽ - Thôi, lão. Trời phù hộ cho lão! Cảm ơn lão đã kiếm lời an ủi ta, đã săn sóc ta.

Bà khó nhọc quay mình lại phía tường và hình như đã ngủ thiếp.

Lão Tikhôn ngồi hút thuốc ở căn phòng ngoài lạnh lẽo,

trên chiếc ghế dài, nhổ bọt luôn miệng, đầu cúi xuống và cứ thở dài mãi cho tới khi Manhuska bước ra và làm hiệu cho lão vào phòng.

Lão Tikhôn đi rón rén, lấy cả năm ngón tay chùi mặt. Bà Katêrina nằm yên, người nhọt nhọt, nhỏ bé, như thể bà ngủ thiếp đi một cách bình thản.

- Thế là bà lão đã không đợi được con - Lão Tikhôn lẩm bẩm - Chao ôi, nỗi khổ của bà thực là cay đắng, cực không tài nào tả xiết! Còn mày, con ngu ngốc kia - Lão giận dữ nói với Manhuska - chớ như giống cú vọ, người ta tốt với mình thì mình cũng phải tốt trả lại. Ngồi đây, tao còn phải chạy đến báo cáo Ủy ban xã.

Ông lão đi, còn con Manhuska thì ngồi co cả hai đầu gối lên chiếc ghế dài, run rẩy và chăm chăm nhìn bà Katêrina.

*

* *

Ngày hôm sau người ta tổ chức đua đám bà lão. Trời trở lạnh. Tuyết nhẹ rơi. Ngày trắng ra và bầu trời khô khan, sáng nhung xám, như có ai căng ở trên đầu một mảnh vải gai giặt sạch, cứng đơ vì băng giá. Bên kia sông, những phương trời xa mang một màu xám phơn phớt xanh. Từ những chân trời xa ấy phảng phất hương tuyết hăng và

vui tươi, hương vỏ liễu bị băng đầu mùa che phủ.

Các lão bà và bọn trẻ con tập hợp lại đi đưa đám. Lão Tikhôn, anh Vaxili và anh em ông già Maliavin mặc quần áo vải gai y như thể người họ mọc đầy những xơ gai sạch sẽ, khiêng quan tài ra nghĩa trang. Manhuska và thằng em trai Vólótka khiêng nắp quan tài ⁽¹⁾ mắt đăm đăm nhìn về phía trước.

Nghĩa trang ở sau làng, trên bờ sông. Trên nghĩa trang có những cây liễu cao, vàng vì rêu mốc.

Trên đường đi, họ gặp cô giáo. Cô giáo mới ở tỉnh lỵ về và ở thôn Zabôriê nàng chưa quen ai.

- Cô giáo kìa! Cô giáo!

Lũ trẻ thì ào.

Cô giáo còn trẻ, đáng e thẹn, có đôi mắt xám, trông như một cô bé. Trông thấy đám tang, nàng rụt rè dừng lại, sợ sệt nhìn bà lão nhỏ nhắn nằm trong quan tài. Những bông tuyết nhỏ rơi xuống và không tan đi trên mặt bà lão. Cô giáo còn mẹ ở trên tỉnh. Bà cũng nhỏ nhắn như thế, bà suốt đời chỉ lo lắng cho con và tóc cũng bạc như thế.

Cô giáo dừng lại một lát và chậm chạp theo sau quan tài. Các bà lão nhìn nàng và thì thầm nói với nhau rằng

1. Theo tục lệ Nga, khi khiêng người chết ra nghĩa trang, người ta để mở nắp quan tài cho người thân được nhìn mặt. Quan tài chỉ đóng khi hạ huyệt.

sao mà cô giáo nhu mì đến thế và hẳn cô sẽ phải vất vả với lũ trẻ trong thời gian đầu; ở Zabôriê trẻ mỗ cứng đầu cứng cổ và nghịch ngợm quá lắm.

Cuối cùng, cô giáo đánh bạo hỏi bà lão Matrena trong đám lão bà:

- Chắc bà cụ đây chỉ có một thân một mình?

- Hờ... bà ơi! - Bà lão Matrena lập tức nỉ non ⁽¹⁾ - Người ta tưởng bà chỉ có một thân một chiếc. Bà tốt bụng biết bao, chân thật biết bao! Bà thường ngồi mãi ở nhà, trên cái đi văng, chả có ai mà nói với một lời. Tội nghiệp chưa? Bà có một người con gái ở Lêningrát nhưng hẳn cô ta đã bay bổng đâu rồi. Thế là bà mất đi không cả họ hàng, không người thân thích.

Ở nghĩa trang, người ta đặt quan tài xuống bên huyệt mới đào. Các bà lão cúi rạp xuống, những bàn tay đen sạm chạm đất, chào bà Katêrina. Cô giáo đến bên quan tài, cúi xuống và hôn lên bàn tay vàng vọt khô xác của bà Katêrina. Rồi nàng ngẩng vội lên, quay lại và đi về phía hàng rào gạch đỏ nát.

Bên kia hàng rào, trong tuyết bông bênh, là quê hương yêu dấu đượm buồn.

Cô giáo nhìn dăm dăm, nghe sau mình tiếng các cụ già nói chuyện, tiếng đất rơi trên nắp quan tài và ở xa, trong

1. Nguyên văn: hát.

các sân, những con gà trống cất những giọng khác nhau báo trước những ngày trong sáng, hơi giá và mùa đông lặng lẽ.

*

* *

Naxtia về tới làng Zabôriê sau đám tang hai ngày. Nàng chỉ còn thấy nấm mồ mới trên nghĩa trang - đất trên mồ đã rấn lại thành cục - và căn phòng lạnh lẽo của bà Katêrina. Tưởng chừng cuộc sống rời bỏ căn phòng này đã lâu lắm.

Trong căn phòng ấy, Naxtia đã thức suốt đêm, khóc cho đến lúc ánh bình minh mờ đục và nặng nề bắt đầu xanh lên ngoài cửa sổ.

Naxtia lén lút rời Zabôriê để không ai trông thấy nàng và để họ không thể hỏi nàng chuyện gì. Nàng cảm thấy không có ai, ngoài mẹ nàng, có thể tha cho nàng lỗi lầm không sao chuộc lại được và cũng không ai ngoài mẹ nàng có thể cất cho nàng cái gánh nặng không sức nào chịu nổi.

1946

Kim Ân dịch

Chiếc nhẫn bằng thép

Cụ Kudoma sống với cháu gái Varusa ở làng Mokhova sát bên rìa rừng.

Mùa đông đến thật khắc nghiệt, gió mạnh và tuyết nhiều. Suốt cả mùa đông không có một ngày ấm lên. Từ trên các mái nhà gỗ bao không có những giọt nước tuyết tan lã chã chảy xuống. Đêm đến những con chó sói ở cổng sủa vu vơ. Cụ Kudoma bảo chúng sủa vì ghen tị với người: chó sói cũng thèm được sống ở trong nhà, được nằm gãi và sủa bên lò sưởi, để làm ấm lại bộ lông xù cứng lạnh.

Vào khoảng giữa đông, thuốc hút của cụ cạn hết. Cụ ho nhiều, than phiền rằng người không được khỏe và bảo nếu được kéo vài hơi thì người sẽ khá ngay lên.

Chủ nhật Varusa sang làng Pereboru bên cạnh kiếm thuốc hút cho ông. Đường sắt chạy qua bên rìa làng. Varusa mua thuốc xong, cho vào cái túi thêu buộc lại rồi ra ga xem xe lửa. Ít khi chúng dừng lại ở Pereboru. Hầu như bao giờ chúng cũng chỉ phóng qua với tiếng ầm ầm rin rít.

Có hai chiến sĩ đang ngồi trên sân ga. Một người để

râu có đôi mắt xám vui vẻ. Tiếng còi tàu rúc lên và đã thấy rõ nó đang phăng phăng lao tới ga từ khu rừng đen sẫm, thân tỏa ra hơi nước mù mịt.

- À, tàu tốc hành! Chú chiến sĩ để râu nói - Cháu gái coi chừng kéo tàu nó thổi bay đấy. Khéo lại bay lên tới trời!

Con tàu lấy hết đà lao vào ga. Tuyết bay tung làm mờ cả mắt. Sau đó những bánh xe xinh xịch nối nhau chạy tới. Varusa ôm lấy cột đèn và nhắm mắt lại: coi chừng kéo nó bị cuốn bổng lên khỏi mặt đất và hút theo con tàu thực... Khi con tàu đã phóng qua, bụi tuyết còn quay cuồng trong không khí rồi đậu xuống đất, chú chiến sĩ có râu hỏi Varusa:

- Túi cháu đựng gì đấy. Có phải thuốc lá không?

- Thuốc đấy ạ - Varusa trả lời.

- Bán cho chú nhé. Đang thèm hút quá!

- Ông Kudoma cháu không cho bán - Cô bé nghiêm nghị trả lời - Cái này để chữa cho ông cháu khỏi ho.

- Ô, cái cô bé giống như bông hoa mọc trong ủng này, nghiêm thế hả?

- Chú cần hút chừng nào cứ lấy chú ơi. Varusa nói và chìa cái túi - Chú hút đi!

Chú chiến sĩ bỏ vào túi ít thuốc lá vụn, cuộn một điếu to, hút, rồi lấy tay nâng cằm Varusa vừa cười vừa nhìn vào cặp mắt xanh biếc của cô bé.

- Ôi, cây hoa tử la tết đuôi sam! Chú biết cảm ơn cháu bằng cách gì bây giờ? Chả lẽ bằng cách này?

Chú chiến sĩ lấy từ trong túi áo khoác chiếc nhẫn nhỏ bằng thép, thổi vụn thuốc và muối bám quanh chiếc nhẫn rồi đeo vào ngón tay giữa cho Varusa.

- Cháu đeo chiếc nhẫn này cho mạnh khỏe. Chiếc nhẫn này tuyệt lắm. Trông xem, nó sáng thế này này!

- Nó tuyệt thế nào hở chú? - Varusa đỏ mặt lên hỏi.

- Nó có cái phép lạ thế này. Nếu cháu đeo ở ngón giữa nó sẽ mang lại sức khỏe, cả cho cháu lẫn ông Kudoma. Nếu đeo nó vào ngón này, ngón thứ tư - chú chiến sĩ chìa ngón tay đỏ ửng giá lạnh cho Varusa - Cháu sẽ có niềm vui lớn. Còn nếu cháu muốn xem tất cả cảnh đất trời với trăm nghìn vẻ đẹp tuyệt diệu thì cháu đeo vào ngón trỏ. Nhất định cháu sẽ thấy hết.

- Thật ư, chú? - Varusa hỏi.

- Cháu cứ tin chú ấy - anh chiến sĩ mặc áo khoác cổ bẻ ngược lên nói - Chú ấy biết làm phép đấy. Cháu biết chú ấy không?

- Cháu có nghe thấy rồi.

- Thế đấy - Anh chiến sĩ cười - Chú ấy là lính công binh kỳ cựu. Đến mình còn phải kiêng chú ấy đấy.

- Cảm ơn chú - Varusa nói và chạy về làng Mokhova.

Gió cuốn tuyết rơi mù mịt. Varusa cứ sờ vào chiếc nhẫn mãi, xoay đi xoay lại, nhìn nó sáng lên trong ánh sáng mùa đông.

- Sao chú bộ đội quên không nói đến ngón tay út nhỉ? Cô bé nghĩ. Nếu đeo vào đó thì sao. Mình thử đeo vào xem thế nào?

Nó đeo vào ngón tay út. Ngón tay nhỏ tí, chiếc nhẫn không vừa và rơi ngay xuống tuyết sâu. Varusa kêu ối, lấy tay bới tuyết. Nhưng không thấy chiếc nhẫn đâu. Những ngón tay đã tím ngắt lại, cứng queo vì rét đến nỗi không gập lại được nữa. Varusa khóc òa. Mất chiếc nhẫn rồi. Có nghĩa là ông Kudoma sẽ không khỏe, nó sẽ không có niềm vui lớn và không được nhìn thấy thế gian với mọi vẻ đẹp tuyệt vời nữa. Varusa cầm một cành thông già xuống tuyết, đúng chỗ chiếc nhẫn rơi và đi về nhà. Nó lấy bao tay chùi nước mắt, nhưng nước mắt cứ trào ra, đóng lại làm mắt cộm lên nhức nhối.

Ông Kudoma thấy thuốc về mừng rỡ hút thuốc thở ra nhà đầy khói, còn chuyện chiếc nhẫn ông nói:

- Cháu đừng buồn, con bé gốc ghếch của ông! Nó rơi ở đâu thì vẫn ở nguyên đấy thôi. Bảo Xidorơ nó đi tìm cho. Nó sẽ tìm thấy cho cháu thôi.

Con sẻ già Xidorơ đang đậu trên chiếc sào ngủ, mình tròn như một quả bóng nhỏ. Suốt mùa đông Xidorơ sống

trong nhà ông Kudoma đang hoàng như chủ nhân. Nó không những bắt Varusa phải nể nó mà cả ông Kudoma nữa. Nó ăn com từ trong chén còn những mẩu bánh thì mổ từ tay người. Khi nào người xua đuổi nó thì nó phật ý, xù lông ra, bắt đầu gậy gở, kêu ầm lên giận dữ đến nỗi những con chim sẻ ở gần đấy thấy ồn cũng bay đến, nghe ngóng rồi sau đó bàn cãi ầm ĩ, chê trách Xidoro. Được sống trong nhà, được no và ấm và vẫn chưa cho là đủ. Hôm sau Varusa bắt con Xidoro gói vào chiếc khăn tay mang vào rừng. Từ dưới tuyết chỉ nhô lên có đoạn đầu của cành thông. Varusa đặt con sẻ lên cành cây và bảo:

- Tìm đi, bói tuyết ra nào! Có khi mày thấy đấy!

Xidoro liếc mắt, nhìn tuyết nghi ngờ và kêu:

“Khiếp, khiếp, tìm được chú ngốc! Khiếp, khiếp!”, Xidoro lạy đi lạy lại bay khỏi cành cây vào nhà.

Và chiếc nhẫn thế là không tìm thấy.

Ông Kudoma ngày càng ho nhiều hơn. Sang mùa xuân cụ leo lên bếp lò. Gần như không rời khỏi nơi ấy, và cứ đòi uống nước luôn. Varusa đưa nước lạnh cho cụ uống từ trên một cái gáo sắt.

Bão tuyết quay cuồng trên các mái nhà, làm ngập các căn nhà đến tận mái. Các cây thông gập trong tuyết và Varusa đã không thể tìm ra nơi chiếc nhẫn rơi ở trong rừng. Nó thường cứ chúi vào đằng sau bếp lò luôn và khóc khe

khẽ vì thương ông và trách mình.

- Thật là đồ ăn hại! Cứ mãi chơi mãi đến nỗi đánh rơi mất chiếc nhẫn. Thật đáng đánh lăm. Đáng lăm!

Nó tự đâm vào mình để tự phạt mình. Cụ Kudoma hỏi:

- Cháu đang cãi nhau với ai đấy?

- Dạ, với Xidoro - Varusa trả lời - Nó không nghe lời. Chỉ muốn gây sự thôi.

Một buổi sáng Varusa thức dậy vì Xidoro nhảy nhót ở bậc cửa sổ, mở mở vào mặt kính. Varusa mở mắt và nheo mắt lại. Từ trên mái nhà những hạt nước dài nối nhau chảy xuống. Ánh sáng nóng hổi rọi vào cửa kính. Những con quạ con kêu quàng quạc.

Varusa bước ra phố. Gió ấm thổi vào mắt em, làm tóc bay lòa xòa.

- Ô, mùa xuân đến rồi! - Varusa nói.

Những cành cây đen nhấp nhóang, tuyết ướt lao xao trượt từ trên mái nhà xuống. Rừng ẩm ướt rì rào vui vẻ và trang trọng ở ngoài làng. Mùa xuân lướt trên đồng ruộng như một nữ chủ nhân trẻ tuổi. Nó chỉ vừa nhìn xuống các rãnh lạch đã thấy suối chảy róc rách lấp lánh. Mùa xuân bước đi và mỗi bước đi các con suối reo xa càng nhộn nhịp tung bùng hơn.

Tuyết trong rừng đen lại. Đầu tiên là những lá thông

nâu mùa đông rơi xuống lộ ra. Sau đó là nhiều cành khô - bão đã bẻ gãy nhiều hồi tháng chạp. Sau đó là đám lá vàng rơi từ năm ngoái đất sạch tuyết nhô lên. Và bên rìa những đống tuyết muộn đã nở những bông hoa Mạ - Di ghẻ đầu tiên.

Varusa tìm thấy trong rừng cành thông già - cái cành cây mà nó đã cắm xuống tuyết nơi đánh rơi chiếc nhẫn và bắt đầu thận trọng gạt ra đám lá cũ, những quả thông rỗng do những con chim gõ kiến vút bừa bãi, những cành gãy và rêu mục. Dưới một chiếc lá đen thấy một đốm sáng lấp lánh. Varusa reo lên, rồi ngồi xuống. Nó đây rồi, chiếc nhẫn! Nó không gỉ đi chút nào. Varusa chộp lấy chiếc nhẫn đeo vào ngón tay giữa và chạy về nhà. Ngay từ xa khi chạy gần về tới nhà nó trông thấy cụ Kudoma. Cụ ra khỏi nhà ngồi trên đống gỗ, khói thuốc lá màu lam tỏa trên người cụ, bốc lên trời và tưởng rằng cụ đang ngồi hóng dưới mặt trời mùa xuân và hơi nước đang bay trên người cụ.

- Này cháu ơi, - ông già nói - cháu cứ như cái chong chóng, ra khỏi nhà quên cả đóng cửa và gió nhẹ thổi ulla vào phòng. Thế là ông hết cả bệnh. Giờ ông ngồi hút thuốc một lát, rồi lấy cái riu ông chẻ ít củi, ta nhóm lò làm một mẻ bánh ăn chơi.

Varusa cười phá lên, vuốt mớ tóc bạc bù xù của ông cụ và bảo:

- Cảm ơn chiếc nhẫn! Nó đã làm ông khỏe đấy, ông ạ.

Cả ngày Varusa đeo chiếc nhẫn ở ngón giữa để làm cho ông được khỏe hẳn. Mãi đến tối khi sửa soạn đi ngủ nó mới tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón giữa đeo vào ngón thứ tư. Sau đó sẽ phải có một niềm vui lớn. Nhưng sao nó mãi không đến. Varusa không đợi được, ngủ thiếp đi.

Nó dậy rất sớm, mặc quần áo, đi ra khỏi nhà. Ánh dương ấm áp lặng lẽ tỏa trên mặt đất. Ở phía cuối trời còn mấy ngôi sao chưa tắt. Varusa đi về phía rừng. Nó dừng lại bên bìa rừng. Có cái gì ngân vàng trong rừng như có ai đang lắc những quả chuông nhỏ.

Varusa cúi xuống nghe ngóng và giơ cả hai tay ra. Những bông hoa điểm tuyết trắng rung rinh chào đón bình minh, mỗi bông hoa đều ngân nga như trong đó có một con bọ dừa đánh chuông và đang đập chân vào những sợi mạng nhện bằng bạc. trên ngọn từng con gõ kiến gõ năm tiếng. “Năm giờ!”, Varusa nghĩ. Sớm quá. Yên tĩnh quá! Ngay lúc đó trên cành cao, một con vàng anh cất tiếng hót.

Varusa đứng há miệng giữa ánh nắng vàng, vừa nghe vừa mỉm cười. Một làn gió ấm áp và hiền hòa ào thổi vào người nó, bên cạnh có cái gì xào xạc. Rừng rung động, từ những chùm hoa bồ đào phấn vàng rơi xuống. Ai đó vô hình đang thận trọng rẽ các cành cây đi lướt qua bên người Varusa. Phía trước những con chim cu đang cất tiếng gáy chào mừng người đó.

“Ai vừa đi qua nhỉ? Thế mà mình không nhìn thấy!”,

Varusa nghĩ.

Em không biết rằng mùa xuân vừa đi qua.

Varusa cười rộ vang cả khu rừng và chạy về nhà. Và một niềm vui lớn - lớn đến không thể ôm xuể được - rộn ràng reo vui trong ngực em.

Mùa xuân mỗi ngày một bùng sáng tươi vui và rực rỡ hơn. Bầu trời chan hòa ánh sáng đến nỗi mắt cụ Kudoma thu hẹp lại và cụ cười vui luôn. Và sau đó trong khắp rừng, tận các nội cỏ và các khe nương muôn ngàn đóa hoa nở rộ như có ai rắc lên đó một thứ nước thần.

Varusa nghĩ toan đeo chiếc nhẫn sang ngón trở để được nhìn thấy muôn ngàn cảnh lạ tuyệt trần của trái đất, nhưng nhìn những bông hoa ấy, những nồn lộc cây bạch dương, bầu trời trong vắt và ánh nắng ấm áp, nó không đeo nhẫn vào ngón trở nữa. “Mình còn kịp thấy tất cả - cô bé nghĩ. Không có ở đâu trên thế gian có thể đẹp bằng làng Makhova, làng mình. Thật là tuyệt vời. Không phải vô có ông Kudoma bảo rằng quê mình là thiên đường thực sự và chẳng có đâu mảnh đất tuyệt vời như vậy trên khắp trái đất này”.

1946

Mộng Quỳnh dịch

Bình minh tuyết phủ

Tuyết bắt đầu rơi từ chiều tối và đến đêm thì đã trắng xóa cả bình nguyên.

Đại dương đẩy những bọt sóng dài lên bãi cát. Năm qua tháng lại sóng ầm ì không mỏi và Alan đã quen với tiếng sóng đến nỗi chàng không còn để ý đến nó nữa. Ngược lại, sự yên lặng ở chung quanh lại làm chàng ngạc nhiên. Chàng có cảm giác như cùng với tuyết, yên lặng đang từ trên trời rơi xuống.

Tuyết lạnh và những tấm kính cửa sổ thâm màu phản chiếu hình ngọn nến. Hẳn từ tít tắp ngoài đại dương, nơi chiếc xuồng đánh cá đang vật vã với sóng, người ta cũng có thể nhìn thấy ngọn nến. Và những dân chài nhìn ngọn lửa yếu ớt nọ, hẳn phải nghĩ đến cái chảo đang sôi trên bếp và cái giường không ướt nước.

Alan nhếch mép cười. Lại vẫn cái sự tự dối mình, lại vẫn cái ngây thơ của những hy vọng và mơ ước! Giá mà họ, những người dân chài ấy lại đổ vào bờ mà vượt bình nguyên để đến nhà chàng thì tốt biết mấy! Họ sẽ nhìn thấy gì ở đây? Căn phòng trống rỗng, ngọn nến, chiếc giường lính

và tro lạnh trong lò sưởi. Và Alan, chàng quần chiếc khăn rách, người rét cóng và buồn bã đến nỗi không thể cất lời. Bởi vì Alan cô độc, không có ai cô độc như Alan. Cả con chuột lục súc trong đồng tro kia cũng hạnh phúc hơn chàng. Nó là con chuột nhất xám và vui tính, còn chàng là nhà thơ vĩ đại và không ai cần tới của châu Mỹ, của đất nước rộng lớn, nơi mùa đông dài dằng dặc này đang bắt đầu.

Thường họ thích lý sự về hạnh phúc. Nhưng không ai hiểu rằng hạnh phúc lớn nhất là sự hiểu nhau. Alan không thèm muốn vinh quang, không mong yên tĩnh. Chàng chỉ muốn có một điều là sao cho người ta hiểu rằng trí tưởng tượng của chàng, tài làm vui cho mọi người của chàng đủ dùng cho hàng nghìn người chứ không phải chỉ vài ba.

Chàng muốn cho người mãi mãi. Chàng càng cho bao nhiêu thì lại càng giàu thêm.

Chàng có thể ngồi trên phiến đá ở ngã ba đường mà kể cho một chú bé da đen nghe một ý sáng tác mới của mình. Ý đó giống một câu chuyện thần tiên đến nỗi Alan bật cười vì những điều bất ngờ chợt đến khi chàng kể. Và chú bé da đen kia cũng cười ầm ĩ và lấy đôi bàn tay đen thui của chú mà vỗ vỗ vào đùi.

Chàng có thể nói với cô bạn đồng hành trên một chuyến xe về tình yêu vừa chớm nở bất thần, ngay lúc đó, với nàng. Đoạn kết của cuộc tình quá ngắn ngủi: nó kết thúc ngay nơi trạm đỗ đầu tiên, khi nàng bước xuống. Nhưng đồng

thời Alan biết rằng mối tình ấy sẽ không có đoạn kết. Bởi vì có trí nhớ và trí nhớ sẽ chẳng dễ yên ta.

Alan tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ ấy rất rõ đến nỗi tưởng chừng chàng phải ngồi ngay xuống bên bàn để viết về nó. Khuôn mặt mệt mỏi vì đường xa của người con gái, tiếng hải âu kêu lạnh lạnh trên mặt nước đục mờ, tiếng ngựa thở phì phì, tiếng cát rít dưới bánh xe và rồi, sau một vài chữ của chàng bởi một phép màu nào đó, cả thế giới vui tươi nở khắp chung quanh.

Thiếu phụ ngược mắt lên, mỉm cười và chàng nhận thấy vẻ bối rối trên mặt nàng. Người này là ai? Phải chăng là người khách từ cái xứ sở mà chúng ta thường nghĩ đến một cách thâm kín, nhưng lại không tin rằng nó có thực? Hay là một người điên?

Tại sao nắng lại chọc thủng những tròng mây ẩm ướt và bọt biển lại chói lợi như tuyết kia tung tóe? Tại sao anh xà ích lại hát về người con gái đã đánh cắp trái tim anh mà không hề nói với anh một lời yêu thương? Tại sao từ những đồi xa vẫn vẳng lại tiếng ì ầm của rừng, còn những giọt mưa hiếm hoi lại nặng nề nện trên mui xe ngựa? Tại sao cầu vồng kia lại đổ nhào trên bình nguyên y như một cái cổng trên đường qua biên giới? Có tiếng rì rào nào ồn lên như thế? Chẳng lẽ có một con bộ rùa vàng vừa bay qua cửa sổ? Tại sao tay nàng run rẩy và môi nàng gặng nói "Chàng là ai? Đáng lẽ không nên nói với em điều đó".

Alan biết nàng nói đúng, rằng chàng đã phá hủy dòng đời mà năm tháng đã làm cho nó trở thành thiêng liêng, rằng từ nay căn phòng phát giấy sọc của nàng, giọng nói của chồng nàng, tiếng lao xao của chiếc cối xay cà phê và những ông khách đứng đắn, tốt bụng - tất cả những cái đó đối với nàng sẽ chẳng còn chút sinh khí và đáng ngán như một ngày tầm thường đẩy những công việc quá sức.

“Người ta có thể buộc mình tội thiên vị đối với đàn bà và trẻ con”, Alan nghĩ thầm.

Thôi được. Ta hãy nhớ đến một chuyện khác, đến bệnh viện ở Môrixton và bác tiểu phu đang hấp hối ở giường bên. Ông lão bị một cây thông đổ đè lên và chỉ còn nằm chờ chết.

Và tất nhiên, ông lão không sống nổi. Nhưng đêm ấy, hai giờ trước khi ông lão qua đời, ông mở mắt ra và hỏi Alan:

- Ông bên cạnh ời, ông bên cạnh! Ông có biết rừng nó thế nào không ông?

- Biết chứ! - Sau khi suy nghĩ một lát, Alan đáp - Nó cũng na ná như đại dương nếu ta đứng từ một đỉnh cao cô độc mà nhìn xuống. Rừng ồn ào, lay động và năng tất dần trong cành lá như trong một khoảng tối tăm vô tận. Và nếu có con chim nào đỗ xuống bên trên đầu ta và kêu năm tiếng thì cái đó có nghĩa là ở đâu đây, cách chỗ tay đứng năm thước có một kho vàng xưa ai chôn giấu. Tìm thấy kho vàng

ấy và lôi từ trong cát ra một cái rương bọc sắt thì chả có gì khó. Bác có thể đập cái rương ấy ra và tìm thấy ở trong đó, không phải những đồng tiền vàng đâu, mà là một bộ quần áo cưới thời xưa cho con bác. Hình như tên cô ấy là Samen có phải không?

- Vâng - Bác tiểu phu nói - tên cháu là Samen.

- Thế bác có chạm trán với gấu bao giờ chưa? Alan hỏi.

- Còn phải nói! - Bác tiểu đáp - Nó giương đôi mắt xanh ra mà nhìn tôi một lúc lâu, rồi tôi và nó nháy nhau một cái rồi ai đi đường nấy. Chúng tôi đều là dân rừng, chẳng vạ gì gây gỗ với nhau. Còn cháu Samen! - đột nhiên bác tiểu nói thêm - thì mới mười chín tuổi. Tôi đã biên thư cho cháu, nói rằng tôi sắp khỏi.

Có thể lấy gì an ủi ông lão lúc ấy? Chỉ còn có nói dối.

- Bác ạ - Alan nói - Bác chỉ cần nhắm mắt lại, hít một hơi thật mạnh và nhớ đến cháu và thế là mọi việc sẽ xảy ra đúng như ý bác muốn. Bác cứ thử mà xem! Nào! Gió về chiều tối bao giờ cũng lặng đi và nắng chiều chiều rọi những ngọn thông trên lều bác. Bác hãy nhìn lên trời và dù cho có nhìn mãi bác cũng chỉ thấy có độc một đám mây, nó nhỏ bé như một chiếc lông mà một con cà cưỡng nào đó đã đánh rơi và chỉ có thế mà thôi. Tôi biết thừa là bác muốn đợi tối hẳn, khi trên trời kia có những vì sao lấp lánh. Thế có nghĩa là buổi tối đã đến rồi. Và thức ăn, tất nhiên, đã xong xuôi;

Samen đang đung bát loảng xoảng và hát khe khẽ một bài. Bực quá, tôi lại quên mất lời bài hát ấy rồi!

- À, - bác tiểu đoán ra - hẳn đó là bài hát về con gấu con ăn mỳ van xin cô bé của bố thí.

- Đúng, đúng vậy đấy! Tôi nhớ ra bài hát ấy rồi. Tôi sẽ hát nhé, nhưng chỉ hát khe khẽ thôi để các cô hộ lý khỏi nghe thấy. Họ tưởng đâu tất cả những gì làm ta vui đều có hại.

Alan bắt đầu hát:

*Tốc tốc! Tiếng gõ cửa
Con thú nào ướt át -
Con gấu con đói khát
"Xin lỗi cô, cô nhá,
Có thể vay cô Samen
Một ít tiền không ạ?"*

Bác tiểu phu nghe chàng hát, thiếp đi và cứ thế, bác không trở dậy nữa. Cuộc sống lặng đi trong bác như một tiếng chuông xa.

Người ta chôn bác tiểu phu ở nghĩa trang bên bệnh viện. Mấy con ngựa bị cột chân tìm ăn bên những nấm mộ xanh cỏ.

Alan tự động khắc hàng mộ chỉ lên trên cây thập tự gỗ. Chàng nói:

"Nơi đây yên nghỉ người sơn tràng Tômaso Biron, 63

tuổi, thiệt mạng bởi một cây thông đổ. Ông làm việc suốt đời và vì thế ông là một người cao thượng. Xin Chúa hãy rủ lòng thương ông trên đất đai những chiến lạnh của Chúa”.

Alan dần khỏi bệnh và ở nốt những ngày cuối cùng trong bệnh viện. Chàng thường đến thăm mộ bác Tômaso. Chàng thích được nghĩ rằng dưới gò đất cỏ chưa mọc kín kia có một người đáng lẽ có thể trở thành bạn của chàng đang nằm.

Hai người chắc chắn sẽ hiểu nhau, bởi vì đối với bác tiểu không cần phải giải thích tất cả những điều phiền toái của cuộc đời là những cái gậm nhấm sự sinh tồn của Alan. Với bác, Alan sẽ được nghỉ ngơi trong những câu chuyện về cách rửa cửa và thú bắn chim.

Trước khi rời bệnh viện, Alan viết thư cho con gái ông tiểu phu biết về những phút cuối cùng của đời cha cô và Alan biến mất tức khắc, như thể chàng sợ Samen sẽ tới và ở Môrixton cô sẽ bắt gặp chàng.

*

* *

Alan bước đến bên cửa sổ. Đại dương nổ tung và lay chuyển mọi bờ.

- Không bao giờ! - Alan nói và rúm người lại vì lạnh - Không bao giờ!

Chàng nhắc lại.

Không bao giờ cuộc đời đã qua sẽ trở lại. Alan thương nàng. Nếu như bỏ đi những năm dối khổ, mất mát và lấm lạc, xuất hiện trong bất cứ lần nào chàng chung đụng với mọi người thì cũng vẫn cứ còn lại vài chục ngày dịu dàng và êm ả như cái êm ả của tuyết đang rơi này.

Viécginia đã mất. Người ta gọi nàng là “hoa Tam vị”. Đó là tên mà người ta đặt cho thứ hoa xuân thanh tú trong tiểu bang.

Alan có lỗi trong cái chết của nàng. Chàng không có khả năng kiếm được mấy chục đôla để mời thầy thuốc, để nhóm cái lò sưởi trong túp lều cũ kỹ của hai người và tạo cho Viécginia gọi là lấy một chút yên tĩnh. Chàng chỉ có thể mơ ước. Đó là công việc duy nhất của đời chàng.

Chàng còn có thể làm được gì nữa kia chứ? Chàng chỉ biết lấy chiếc áo choàng rách của mình mà đắp cho Viécginia khi nàng sốt nằm trên nệm cỏ. Và quay mặt đi, nuốt nước mắt. Đến nỗi con mèo hoang đã ở quen nhà họ cũng còn biết lúc ấy cần phải làm gì hơn là Alan. Những đêm cuối cùng nó nằm trên ngực Viécginia và lấy hơi ấm của nó sưởi cho nàng.

Lúc đó cũng vào một mùa đông như thế này và đại dương cũng ôn ào như bây giờ. Đại dương hơi đầu mà bận lòng với những đau khổ của Viécginia! Hàng ngàn năm đại

duyên tấp lên đất liền những núi nước màu xanh lục. Công việc ấy vĩ đại đến nỗi những đau khổ của con người trước mắt nó chỉ còn là những vật thoáng qua như tiếng lạo xạo của những hạt cát.

- Chẳng lẽ không bao giờ nữa ư? - Alan hỏi và quay mặt lại nhìn căn phòng tối.

Sao mà chàng chung sống với những đồ vật tồi tàn này lâu đến thế! Sao mà chúng nhẫn nhục chịu đựng được cùng chàng cả cái nhọc nhằn của cuộc sống đến như vậy! Khi Viécginia còn sống, chúng đã có ở đây. Tay nàng đã đụng vào những đồ vật ấy. Ta có thể nói chuyện thì thầm với chúng nhưng dù sao mặc lòng, không bao giờ ta có thể nghe thấy ở chúng một tiếng trả lời.

- Tại sao các người còn sống nhẫn mà nàng thì không?

Alan hỏi to.

Lũ đồ đạc im lặng.

- Thôi được, không hề chi, - Alan nói - các người đừng giận. Ta sẽ không bao giờ bỏ các người.

Lũ đồ đạc không trả lời.

- Trời ơi - Alan kêu lên - Làm sao chịu nổi được đêm nay.

Chàng ngồi xuống bên bàn và bắt đầu viết. Công việc làm cho chàng bình tĩnh hơn chút ít mặc dầu chàng cũng

hiếu rằng mỗi một truyện mới viết của chàng sẽ gây ra trong người đọc một nỗi băn khoăn độc địa, hoặc may ra, một nỗi băn khoăn kính trọng. Ở nước Mỹ, chàng bị coi như một kẻ từ hành tinh khác đến.

Tại sao tên nhà thơ đói khát kia lại dám dùng lời văn sắc bén và óng ả của hấn phá nát những tập tục đứng đắn và những quan niệm vững chắc, biến thế giới tĩnh táo thành hình nộm cho những nụ cười giấu cọt? Sao hấn lại dám đánh lẫn lộn trắng với đen, trí tưởng tượng của hấn với thực tế, chẳng hạn như sự tồn tại của các sổ giao dịch, lá cờ sao, nhà thờ và bàn giấy?

Cái đó cho ta gì ngoài niềm vui nguy tạo ngấn ngủi và nỗi buồn day dứt mãi trong tim? Đầu độc những trái tim và kể những điều đẹp đẽ không có thực làm chi? Để thiên hạ phải nhỏ những giọt nước mắt thừa chẳng? Để người ta vô mộng ư? Để làm gì kia chứ?

“- Không đúng! - Alan tự nhủ - tôi là một anh chàng vui vẻ và nhẹ dạ. Xin các ngài đừng nhăn nhó làm gì? Hãy cười lên mà đón tôi! Tôi muốn tặng các ngài thêm một giọt hạnh phúc. Thế mà các ngài lại lảng tránh giọt hạnh phúc ấy, như lảng tránh thuốc độc. Đồ ngốc!”

Alan viết:

“Tôi tin hết sức chắc chắn rằng con người có thể tạo dựng những điều kỳ diệu. Nếu tôi không chứng minh được

điều đó thì năm mươi năm nữa hoặc một trăm năm nữa sẽ xuất hiện một người khác, người đó sẽ chứng minh điều nói trên tốt hơn tôi. Có trời chứng giám, tôi không hề có ý muốn nói rằng tôi chính là người có thể tạo nên điều kỳ diệu. Nhưng dù sao thì tôi vẫn cứ nhận rằng người ta sẵn sàng tin những câu chuyện mà tôi bịa ra cho họ và họ kể lại những chuyện ấy cho nhau nghe tức khắc. Thế là trong họ đã nảy sinh một niềm tin vững chắc vào sự tồn tại của cái mà tôi nghĩ ra và là cái chưa từng có trong cuộc đời. Cái đó chẳng phải là một điều kỳ diệu sao?

“Chúng ta đều biết rằng những con tàu của Magiolăng đã đi vòng quanh thế giới và đô đốc Nenxon bị giết trong trận Trafanga. Và cũng với một sự chính xác như vậy, chúng ta biết đã có một hoàng tử Hamlet, còn *lady* ⁽¹⁾ Mác-bét thì không thể rửa sạch những vết máu trên tay...”

Có người nào đập mạnh, hẳn là bằng nắm đấm, vào tường. Alan lấy mảnh giấy úa vàng với những hàng số cong queo vút lẩn lóc trên bàn che trang giấy đã viết kín lại, rồi đứng lên và bước ra gian ngoài. Gió lùa qua cửa kính vỡ, nghe rõ tiếng ngựa thở phì phì, nóng nảy đập chân trên đất giá ở bên ngoài.

Không hỏi tên người khách đến giữa đêm hôm khuya khoắt. Alan ra mở cửa.

1. Tiếng Anh *Lady*: phu nhân. Hamlet và Mác-bét là hai nhân vật trong hai vở bi kịch của Sếch-xpia.

- A! - Chàng nói - Bác sĩ Grêgori! Đêm khuya thế này mà ông cũng cất công đến nhà tôi ư?

Grêgori cúi mình, bước vào tiền phòng, bỏ mũ và rũ tuyết. Đó là một người cao lớn, khô khan với đôi má màu gạch nung. Ông ta nheo đôi mắt không cần nheo cũng đã nhỏ tí, mỉm cười và chìa tay cho Alan.

- Đó là nghĩa vụ của tôi - ông ta trả lời bằng giọng khàn khàn - Tôi vừa ở nhà Fridero, cách đây không xa. Ông ta đang chết dở vì phù thủng. Đã hai tuần nay không thấy ông ở Uextơ Pointơ, tôi mới quyết định rẽ qua xem ông có được khỏe không, ông Alan ạ.

Họ vào phòng.

- Rất tiếc... - Alan lẩm bẩm và nhìn cái lò sưởi đen lạnh ngắt.

- Bạn tâm làm chi - Grêgori đáp - khi trong túi lúc nào cũng có cái này... còn ly thì có khi nào mà không kiếm ra.

Grêgori lôi trong túi ra một chai *uytxki* và đặt lên bàn.

Lúc đầu họ uống chậm chạp và lặng lẽ. Đại dương gầm thét mỗi lúc một giận dữ hơn, nó đã nổi cơn thịnh nộ. Ngọn nến run rẩy trên khuôn mặt bằng đá của nữ thần Pallado - tượng bán thân của nữ thần đặt trên cái từ cũ kỹ.

- Nhà ông bụi bặm ghê - Grêgori sau hết cất lời - Bụi bặm và lạnh giá!

Ông ta quay lại tượng Palladô.

- Ông hãy đập tan cái đầu mù này đi cho tôi, cái mù nữ thần chiến thắng này!

- Để làm gì kia chứ?

- Mù ta chẳng đưa lại cho ông cái gì hết ông ơi, chiến thắng cũng không mà cả đến thành công cũng không nốt.

- Biết thế nào mà nói được.

Alan ý tứ trả lời.

- Con biết gì nữa! - Grêgori kêu lên - Số phận ông đã rành rành như cái ly này. Ông muốn coi mình là gì cũng được. Sứ giả nhà trời. Hay sứ giả của địa ngục. Đối với tôi điều đó chẳng có nghĩa lý gì hết. Ông còn có thể bịa ra những gì nữa hả ông Alan? Nhiều lắm ư? Tuyệt! Và ông sẽ kiếm được cái gì khi làm cái chuyện bịa đặt đó? Bụi bặm và lạnh giá. Và tiếng kêu chín chít của lũ chuột nhắt ở kia, trong lò sưởi?

Alan chăm chú nhìn Grêgori. Bác sĩ uống ít nhưng đã say và như thường lệ, bắt đầu gây sự. Alan nhếch mép cười.

- Ông tự hào về trí tưởng tượng của mình - Grêgori giận dữ - Thế mà ông không nặn trong trí tưởng tượng của ông ra được lấy một xu. Ông không biết cuộc đời là thế nào. Ông hãy đi đêm như tôi đây này. Dưới mưa tuyết thế kia. Cuối một con ngựa già. Mà để làm gì kia chứ? Để được bọn

ăn mày và bọn vô công rồi nghề biết ơn hay sao? Lòng biết ơn của chúng, cũng như thơ của ông, chẳng thế nào nặn ra được một trĩnh.

- Tôi đang nghe ông rất chăm chú đây.

Bác sĩ đập mạnh nắm tay xuống bàn.

- Mẹ kiếp, đáng lẽ tôi phải được sống sung sướng hơn kia! Tôi đã tình nguyện làm thầy thuốc trong quân đội của tướng Taylo. Chiến tranh Mẽ Tây Co, tôi khoái nó. Ở đó phát cực kỳ.

- Châu Mỹ đầy rẫy những tên vô lại và bọn tìm thú phiêu lưu.

Alan từ tốn nhận xét.

- Những kẻ tìm vàng - Grêgori chữa lại - Trong thời đại này làm một thằng ngốc là vô lối, ông Alan ạ!

Grêgori nhìn chăm chăm vào mặt Alan.

- Hình như tôi uống hơi nhiều. Đúng! Có phải không ông? Ông có thể rũ những điều mơ ước của ông ra lấy hẳn một đôla không? Và sau đó thì cái đầu ông sẽ đáng giá bao nhiêu?

- Ông cứ nói đi.

- Ho! - Bác sĩ kêu lên - Tôi sẽ không đổi đầu ông thậm chí lấy cái ô rách của tôi.

- Tôi không thích nghe bất cứ câu chuyện nhảm nhí

nào của người say. Ông cản trở tôi làm việc rồi đấy.

Alan bình tĩnh nói.

- Dù sao mặc lòng ông cũng chẳng còn có thể chọn đâu được người tiếp chuyện khác - Grêgori lầu bầu - Tôi cản trở gì? Phát minh ra đá triết ⁽¹⁾ ư? Hay thuốc trường sinh bất lão?

Mất Alan tối sầm lại vì cảm tức.

- Được! - Chàng kêu lên - Nếu ông đã giấu cọt trí tưởng tượng của tôi thì... ông có nhìn thấy mảnh giấy rách với những con số này không?

- Bản tính tiền của một tên chủ quán - Grêgori nói và rút uytxki cho mình - Tôi nhìn thấy rồi. Để xem ông còn bịt ra được chuyện gì nữa. Trong hoàn cảnh hiện tại của ông.

- Đây không phải là bản tính tiền của một tên chủ quán dẫu, thưa ông. Ông là một người không sáng ý, ông Grêgori ạ! Nhất là khi ông uống say và ăn nói lỗ mãng. Tôi tìm thấy tờ giấy này trong một cuốn sách khổ đôi cổ lỗ. Đó là cuốn sách nói về sự phát hiện ra đất Florida của đô đốc Pôngxê đờ Lêông. Tôi mua được cuốn này của một người da đen ở Uextơ Pointo. Nó sặc mùi hạt tiêu và mùi của nhiều thế kỷ.

1. Vật chất kỳ diệu trong quan niệm của các thuật sĩ luyện đan thời trung cổ, nhờ vật chất đó có thể biến mọi kim loại thành vàng và chữa được bách bệnh.

- Chỉ còn mùi bọm mọi đen - Grêgori phản đối.

- Mảnh giấy này được dán giữa hai trang sách. Căn cứ vào mực, giấy và chữ viết thì mảnh giấy này đã được gần hai trăm năm. Đó là một mảnh giấy ghi những điều bí mật. Liệu ông có thể khám phá nổi nó không?

- Tôi cũng chẳng có ý định khám phá nó làm gì!

- Đó chẳng qua chỉ vì trí thông minh của ông không đủ sức để làm nổi chuyện ấy - Alan mỉm cười, lịch sự giải thích - Cần phải tìm ra chìa khóa. Tôi đã tìm thấy nó và giải được mảnh giấy này, thưa ông. Trong vài tiếng đồng hồ.

- Thế cơ đấy! - Grêgori dài giọng một cách hờ hững - vậy thì ở trong đó có gì đặc biệt thưa ông?

- Trong trường, ông đã được học lịch sử xâm chiếm châu Mỹ. Tất nhiên, ông cũng biết về những tên cướp biển và bọn cường đạo. Trong số đó có một người tên là Bléck. Hẳn người Anh, nhưng phụng sự vua Tây Ban Nha.

- Cảm ơn ông đã cho biết những tin tức nóng hổi - Grêgori lầu bầu - Bléck! Một thằng ba que giàu nhất trái đất này.

- Trước khi chết, Bléck đã chôn tuốt tuốt của cải của hắn... Không ai biết của cải đó để đâu. Người ta đã tìm kiếm một trăm năm nay và...

- Tìm thấy? - Grêgori hỏi.

- Không. Nhưng bây giờ thì chẳng cần tìm làm gì nữa.

Grêgori tuyệt vọng vẫy tay.

- Ôi, đó là những chuyện cổ tích, ông Alan ơi! Những câu chuyện cổ tích dành cho các bà già bại liệt ngồi bên lò sưởi.

- Ông hãy chép đi! - Alan nói một cách nghiêm trang - Tôi sẽ giải thích những con số của tờ giấy ghi cũ kỹ này và đọc cho ông. Giờ đây, tôi đọc những con số này cũng dễ dàng như ông kê đơn thuốc mà thôi. Nhưng cho đến nay, tôi vẫn chưa có lúc nào rỗi rãi để biến tờ giấy ghi bằng số này ra chữ.

- Kể cũng hay đấy! - Grêgori lầu bầu, cầm lấy bút, gạt mạnh những trang bản thảo của Alan sang một bên và sửa soạn viết.

- Ông hãy viết đi! "Ta, nhờ ơn Chúa thương, là Bléck mà thiên hạ đều nghe tiếng, trời lại cho ai là kẻ đọc được chúc thư của ta, kẻ không dùng nó làm điều ác cho mọi người mà dùng nó làm việc thiện, ta nhận lời thề của kẻ ấy rằng hắn sẽ tuân theo những điều trên đây trước ngai vàng của Chúa cao cả trên hết các Chúa. Trong trường hợp kẻ đó tìm thấy của cải ta dành dụm được trong các trận đánh trên biển cả - xin Chúa hãy tha tội cho ta vì những dòng máu vô tội đã chảy! - thì hắn hãy lấy một phần trăm, phần còn lại thì đem cho đứa con gái nhỏ mà hắn gặp đầu tiên

trong những vùng quê với điều kiện là ngoài chiếc áo rách, trên mình con bé không còn vật gì khác.

Nếu như mệnh lệnh của ta không được thi hành thì đến ngày Phán xét ta sẽ từ trong mồ trở dậy để thanh toán với tên lường gạt kia bằng những hình phạt ghê gớm nhất mà trí óc con người có thể nghĩ ra.

Kho của chôn ở phía Nam pháo đài Brunxuyk, trên đảo Jékin, sau ngọn đồi thứ ba nếu đi từ mỏm phía bắc của đảo, từ mũi Kim đến. Từ đến giữa đồi, phải đếm một trăm mười bảy bước về phía Tây Nam, đến chỗ có một tảng phenxpát màu đen nằm lẫn lóc giữa những tảng đá ngổn ngang. Từ tảng đá đó đếm thêm ba mươi bước nữa theo góc hai trăm bốn mươi một độ và lúc đó hãy bắt đầu công việc.

Những báu vật đó có thể làm cho cả loài người lóa mắt. Đến cả đức vua muôn vàn tôn kính của ta cũng không có được lấy một phần ba số của cải đó, mặc dầu trên đất đai của người mặt trời không bao giờ lặn và bất cứ trận bão nào chưa lọt tới trung tâm những đất đai ấy cũng đã phải tan!

- Ông chép xong chưa? - Alan hỏi sau khi đợi cho Grêgori viết nốt chữ cuối cùng.

-Ồ, câu chuyện hay đấy.

- Xin cảm ơn ông - Alan cầm lấy tờ giấy Grêgori vừa viết ở dưới tay y và cầu thả đặt vào trong cuốn sách - Giờ hẳn ông đã tin ở sức mạnh của trí tưởng tượng?

Grêgori chậm rãi đưa mắt nhìn Alan, nháy mắt nhìn cuốn sách, lấy đôi tay sung đỏ vỗ vào đầu gối và cười phá lên.

- Ông tài đánh lừa người ta lắm - Ông ta thú thực một cách vô tư - Thế tại sao cho đến nay ông vẫn chưa đào kho vàng đó lên, ông Alan? Hả? Không có thì giờ ư? Hay là ông giàu quá rồi nên chẳng cần đến nó?

Alan không trả lời.

- Thôi được? - Grêgori hòa giải - Đủ rồi. Ta hãy gạt những câu chuyện hão huyền của con nít ấy qua một bên. Tôi đang muốn biết chuyện khác. Ông thấy trong người thế nào?

- Mất ngủ - Alan trả lời - Cái đó cực hơn hết. Tôi muốn ghi lại tất cả những ý nghĩ lướt qua suốt một đêm trong đầu tôi. Những lúc đó những ý nghĩ ấy dừng lại.

- Và yếu nữa chứ? - Grêgori hỏi.

- Vâng. Và yếu.

- Thân kinh căng thẳng như dây đàn - Grêgori nhận xét - Mà nó thì lại chẳng bền hơn một sợi tơ nhện.

Ông ta suy nghĩ.

- Tôi biết làm gì với ông đây? Tôi nói thẳng cho ông biết: ông cần phải đi nằm viện.

- Lại bệnh viện! - Alan rầu rĩ kêu lên - Không! Không đời nào.

- Trời ơi! - Grêgori thở dài - Ông lúc nào cũng vẫn thế! Tôi có thể cho ông thuốc ngủ. Nhưng cái đó cũng chẳng cứu nổi ông.

- Chẳng có gì có thể cứu nổi tôi.

Grêgori nghiêm khắc nhìn Alan, lấy ở trong túi áo gi lê ra mấy gói giấy, lục lọi rồi đưa một gói cho Alan:

- Ông uống ngay bây giờ đi. Như thế đến sáng ông sẽ ngủ. Uống với uytxki cũng được. Thuốc sẽ mạnh thêm.

Alan trút bột thuốc trắng tơi tả vào trong ly uytxki và uống cạn một hơi.

- Đêm sắp qua - Grêgori nói - Tôi có thể ngồi với ông tới sáng để theo dõi bệnh trạng ông. Nhưng ai sẽ đóng cửa cho tôi khi ông ngủ thiếp đi?

- Tôi có thể đóng ngay bây giờ.

Ông lúc nào cũng vậy, lịch sự quá đi mất.

Grêgori đứng phắt dậy mạnh đến nỗi không khí vụt chuyển động làm tắt nến. Đèn lập tức tái nhợt đi và qua cửa sổ Alan nhìn thấy chân trời đại dương nổi bọt, nhìn thấy gốc cây đen bên cửa trong một ánh sáng giống như ánh phản chiếu của lửa trắng lạnh lẽo.

- Kia ông? - Grêgori nói một cách độc ác - Ông có định đóng cửa hay không đây? Tôi khuyên ông hãy thấp nền lên.

Grêgori bước ra phòng ngoài và vấp phải chiếc ghế. Ông ta ra, cởi dây buộc ngựa, vỗ vào cổ nó rồi nói lớn:

- Chúc ông ngủ ngon!

Alan không trả lời. Chàng ra đến phòng ngoài khi qua cánh cửa để ngỏ đã nghe tiếng chân ngựa xa dần. Ngựa phi nước đại.

- Tiếng vó ngựa ròn vang trong thung lũng - Alan ngâm nga, cố ý để âm sắc của những từ ăn nhịp với tiếng chân ngựa đập - Tiếng vó ngựa ròn vang trong thung lũng!

Chàng trở vào phòng, đốt nến, cầm lấy cuốn sách, nhấc lên trên mặt bàn và rũ. Rồi chàng gỡ hết cuốn sách, từng tờ một. Tờ giấy Grêgori chép không còn nữa. Alan bật cười.

- Ta đã thắng. Cả đến cái đế giày khô khắc kia, ta cũng đã thắng. Mặc cho hấn đào tung cả đảo Jêkin lên. Ở đó nhiều cát đến nỗi đủ cho hấn đào một ngàn năm.

Alan cầm lấy tờ giấy có ghi số. Đó là một trang giấy xé ra từ một quyển vở học trò ở một quán hàng nào đó. Người ta đã dùng nó để gói cho Alan một miếng pho mát. Trên mảnh giấy vẫn còn lại những vết mờ.

"Tội nghiệp thằng bé? Nó không sao giải được một phương trình có hai ẩn số".

Một tiếng đại bác ở xa bất thần lặn trên mặt đại dương. Ánh sáng đỏ thắm vụt lóe lên.

Alan tắt nến đi và nhìn vào bóng tối. Có chuyện gì xảy ra ở ngoài kia? Bình minh đến nhanh đã nhuộm màu đồng âm đậm cho sóng và chàng trông rõ một con tàu bốn chục pháo. Con tàu căng hết buồm và nổ súng. Trên cột buồm, lá cờ đen có hình tay người màu trắng bay phấp phật.

Bléck! Hẳn đang đuổi theo ai vậy? Khói súng che khuất sóng. Phải, tất nhiên đó là Bléck, người khách từ thế kỷ trước đến.

Nhưng tại sao hẳn lại đi từ bờ biển đến nhà Alan, chân lún xuống cát và gió làm cho gấu tay áo choàng thêu ren của hẳn bay lất phất? Tên Bléck mũi to với bộ mặt búng. Tên cường đạo và là kẻ ưa đùa đã nghĩ ra chuyện về cánh tay người trên lá cờ.

“Ta sẽ dễ dàng nói chuyện với hẳn” Alan nói và nhắm mắt lại, gục đầu xuống bàn.

Trời trở nên tối và ngọt ngào hẳn, nhưng trong bóng đêm Alan vẫn nhìn thấy bình nguyên nở đầy hoa tím. Từ những đóa hoa phát ra một âm thanh mảnh dẻ, tưởng chừng trong mỗi bông hoa có một sợi dây đàn nhỏ bé.

“Phải, đó là mộng - Alan nghĩ một cách khoan khoái - Liều thuốc độc mới ngọt làm sao? Ta muốn sống, nhưng ta không còn sức chống lại nó. Ta muốn sống, nhưng ta không còn sức chống lại nó. Viécginia, hoa Tam vị của em nở rồi kìa. Đưa tay đây cho anh! Thế! Sao tay em lạnh và anh

không nhận ra tiếng em! Anh nhớ từng ngón tay em một, bởi vì có lúc nào đó trước kia anh đã lần lượt kể cho chúng nghe những chuyện cổ tích. Ta bị hút vào cái vực nào như vực Manxtrem kia nhỉ?

Hãy giúp anh! Mở mắt hộ anh, Viécginia!"

*

* *

Buổi sáng, một cô gái gầy gò, nhút nhát đi về phía nhà Alan. Đó là Samen.

Gió đã lặng hẳn, nhưng trời âm u. Một màu xanh thấp thoáng trên đại dương.

Samen gõ cửa những không ai trả lời. Nàng thấy cửa không cài then. Nàng rón rén bước vào nhà.

Một người đàn ông gầy gò, tằm thước ngồi ở bàn. Đầu người đàn ông gục trên cuốn sách khổ đôi để ngủ.

- Ông Alan! - Samen gọi.

Người đàn ông không trả lời.

Samen tim đập mạnh, đến gần Alan và nâng đầu chàng lên. Chàng đã chết.

Samen phải vất vả mới đặt được chàng lên chiếc giường nhà binh.

Trên cổ Alan có một sợi dây chuyền mang một chiếc

médayông nhỏ ⁽¹⁾. Samen mở ra. Trong đó có chân dung một thiếu phụ trẻ tuyệt đẹp. Ở bên cạnh tấm ảnh có một dòng chữ tự tay Alan viết: “Mẹ tôi”.

Samen cúi xuống, khẽ khàng lấy lòng bàn tay nâng đầu Alan lên, dịu dàng ôm chặt lấy và hôn vào môi chàng.

Mặt Alan lúc ấy rất đẹp. Hình như không bao giờ chàng xứng đáng với một tình yêu lớn như bây giờ.

Alan được chôn cất trên một cồn cát gần đại dương.

Trên mộ chàng người ta đặt một tấm bia đá có khắc tên chàng và một hàng mộ chí ghi rằng chàng đã sống trên đời này cả thấy bốn mươi năm.

*

* *

Một năm sau khi Alan qua đời, trong một đêm giông bão lạnh lẽo, bác sĩ Grégori cưới một con ngựa già phi tới mộ chàng. Ông ta xuống ngựa, nhìn quanh rồi đến bên mộ nhanh nhẹn rút trong áo mưa ra một chiếc búa tạ và vung hết sức, đập vào tấm bia. Tấm bia vỡ tan thành nhiều mảnh.

Nhất búa làm con ngựa sợ, nó nhảy lùi lại và phi nước đại dọc theo bờ biển. Grégori lặng lẽ chạy theo, nhưng lại

1. Nguyên văn: médaillon. Thời trước người ta thường dùng một hộp tròn hoặc bầu dục nhỏ đựng kỷ vật, đeo nơi cổ.

dùng bước để vút chiếc búa xuống biển. Rồi cả người, cả ngựa biến mất.

Mùa xuân từ những kẽ nứt của tấm bia đá, những nụ hoa Tam vị vươn lên và chẳng bao lâu cả tấm bia đã bị ngập trong những vòng hoa nhẹ ấy.

1949

Kim Ân dịch

Người đầu bếp già

Một buổi tối mùa đông năm 1786, trong ngôi nhà gỗ nhỏ ở ngoại ô thành Viên, người đầu bếp cũ của bá tước Tun - một ông lão mù - đang hấp hối. Nói cho đúng, đó cũng chẳng phải là nhà, mà chỉ là một chiếc lều canh rách rưới ở sâu trong vườn. Khu vườn ngập những cành mục bị gió đánh gãy. Những cành cây kêu rảng rác dưới mỗi bước đi và con chó dục xích trong chuồng bắt đầu gầm gừ khe khẽ. Nó cũng như chủ nó, đang hấp hối vì tuổi già và giờ đây không còn sửa được nữa.

Người đầu bếp bị hồng mắt vì hơi nóng của bếp lò từ mấy năm về trước. Viên quản lý của bà bá tước cho ông lão ở trong túp lều canh và thỉnh thoảng cho ông vài *flôrin*⁽¹⁾

Ông lão ở với con là Maria, một cô gái mười tám tuổi. Đồ đạc ở trong lều vền vẹn có một cái giường, mấy chiếc ghế khập khiễng, một cái bàn thô, một số đồ sứ đã rạn nứt và một cái dương cầm kiểu cổ - của cải độc nhất của Maria.

Cái dương cầm đã cũ lắm, cũ đến nỗi mỗi khi có những tiếng động vang lên ở chung quanh những dây đàn lại

1. Đơn vị tiền tệ của nước Áo.

rung lên rất lâu và khê. Người đầu bếp gọi đùa cái dương cầm là “anh gác của nhà ta”. Không ai có thể bước vào nhà mà không được cây đàn đón tiếp bằng một âm thanh run rẩy và già yếu.

Khi Maria đã làm xong việc rửa mình cho người cha hấp hối, mặc chiếc áo trắng và lạnh giá vào cho ông, ông lão bảo cô:

- Cha không hề ưa bọn thầy tu và bọn nhà dòng. Vì vậy cha không thể mời cha xứ đến rửa tội, nhưng trước khi chết cha muốn cho lương tâm cha được trong sạch.

- Vậy phải làm thế nào, thưa cha? - Maria lo lắng hỏi.

Ông lão nói:

- Con hãy ra đường và mời người đầu tiên mà con gặp vào nhà để rửa tội cho một người đang hấp hối. Không ai nỡ từ chối con đâu.

- Phố nhà thì vắng tanh.... - Maria lẩm bẩm, vớ lấy khăn choàng lên đầu và bước ra.

Nàng chạy qua khu vườn, khó nhọc mở hai cánh cổng sắt gỉ và dừng lại. Phố vắng. Gió lùa lá rụng chạy trên mặt đường và từ trên bầu trời đen tối những hạt mưa rơi lạnh lẽo.

Maria đợi rất lâu và nghe ngóng. Cuối cùng nàng thấy một người đi dọc theo hàng rào, vừa đi vừa hát. Nàng tiến lên mấy bước, va phải anh ta và kêu lên. Người đàn ông dừng lại hỏi:

- Ai vậy?

Maria nắm tay người đàn ông và nàng run rẩy nói lại lời yêu cầu của cha mình.

- Được rồi - người đàn ông bình thản nói - Tôi không phải thầy tu, nhưng không sao. Ta đi thôi.

Hai người bước vào nhà. Dưới ánh sáng của ngọn nến Maria nhìn thấy một người gầy gò bé nhỏ. Chàng vút chiếc áo mua ướt xuống ghế. Người lạ mặt ăn vận sang trọng và giản dị - ánh nến lấp lánh trên chiếc ca mi dón màu đen ⁽¹⁾, trên những khuy pha lê và chiếc cổ áo thêu ren.

Người lạ mặt còn trẻ lắm. Chàng lắc đầu như một đứa con nít, sửa lại bộ tóc giả rắc phấn, nhanh nhẹn đẩy chiếc ghế đầu lại bên giường rồi ngồi xuống, đầu hơi cúi, chăm chú và vui vẻ nhìn vào mặt người hấp hối.

- Xin cụ cứ nói! - Chàng bảo - Rất có thể, với quyền lực không phải do trời, mà do nghệ thuật mà tôi phụng sự đã cho tôi, tôi sẽ làm cho những phút cuối cùng của cụ được thanh thản và cất đi gánh nặng đè lên tâm hồn cụ.

- Tôi suốt đời làm việc cho tới khi bị mù hai con mắt - Ông lão lẩm bẩm và nắm tay người lạ mặt kéo lại gần mình hơn - Và ai làm việc người đó không có thì giờ để phạm tội. Khi vợ tôi bị lao - vợ tôi tên gọi Mácta - thấy thuốc cho nàng một đơn gồm nhiều thứ thuốc đắt tiền, buộc phải cho nàng

1. Một thứ áo đàn ông, không có tay, dùng thay gi lê.

ăn kem sữa và vả khô, uống rượu vang đỏ hâm nóng, vì vậy tôi đã ăn cắp trong bộ đồ ăn của bà bá tước Tun một chiếc đĩa vàng nhỏ đập vụn ra rồi mang bán. Tôi rất khổ tâm phải nghĩ đến việc này bây giờ, và cũng khổ tâm khi phải giấu con gái tôi: tôi đã dạy nó không đụng đến một hạt bụi trên bàn người khác.

- Vậy chứ có ai trong những người hầu bá tước phu nhân bị vạ lây vì vụ đó không? - người lạ mặt hỏi.

- Thưa ngài, tôi xin thề rằng không có ai phải khổ vì chuyện đó - Ông lão trả lời và khóc - Nếu tôi biết rằng vàng cũng chẳng cứu được Mácta thì tôi đã chẳng lấy trộm!

Người lạ mặt hỏi:

- Tên cụ là gì?

- Iôhan Mâyê, thưa ngài.

- Vậy thì thưa cụ Iôhan Mâyê! - Người lạ mặt nói và đặt tay lên đôi mắt mù của ông lão - Trước mọi người cụ không có tội. Việc cụ đã làm chẳng phải là tội lỗi, cũng chẳng phải là ăn trộm, ngược lại, có thể coi nó như một chiến công của tình yêu.

- Amen! - Ông lão nói khẽ.

- Amen! - Người lạ mặt nhắc lại - Còn bây giờ, cụ hãy nói cho tôi biết ước nguyện cuối cùng của cụ.

- Tôi muốn có người sẽ săn sóc Maria.

- Tôi sẽ làm việc ấy. Cụ còn muốn gì nữa không?

Người hấp hối bỗng mỉm cười và nói lớn:

- Tôi muốn được nhìn thấy Mácta một lần nữa, thấy cả buổi đầu gặp gỡ, khi tôi còn trẻ. Tôi muốn nhìn thấy mặt trời và khu vườn cũ này khi nó nở hoa vào mùa xuân. Nhưng cái đó không thể nào có được, thưa ngài. Xin ngài đừng bực mình vì những lời lẽ ngu xuẩn đó. Bệnh tật đã làm cho tôi không còn sáng suốt.

- Được - Người lạ mặt nói và đứng dậy - Được - chàng nhắc lại, đến gần chiếc dương cầm và ngồi xuống chiếc ghế đầu kê trước đàn - Được - Chàng nói lớn một lần thứ ba và bất thần một âm thanh lạnh lạnh vang dội khắp lều như thể có hàng trăm viên pha lê rơi xuống sàn - Cụ hãy nghe đây - người lạ mặt nói - Cụ hãy nghe và hãy nhìn đi.

Chàng bắt đầu chơi, Maria về sau nhớ lại khuôn mặt của người khách lạ khi phím đàn đầu tiên rung lên dưới tay chàng. Một sắc tái kỳ lạ phủ lên trán chàng và trong đôi mắt chột tối đi của chàng có một ngọn nền lung lay.

Lần đầu tiên sau nhiều năm, chiếc dương cầm ca hết giọng. Tiếng đàn tràn ngập không riêng gian lều mà cả khu vườn. Con chó già bò ra khỏi chuồng, đầu ngả về một bên, nó chăm chú nghe, vẫy đuôi khe khẽ. Tuyết bắt đầu rơi, nhưng con chó chỉ ve vẩy đôi tai.

- Tôi thấy rồi, thưa ngài - Ông lão nói và gắng gượng

ngồi đây - Tôi thấy ngày tôi gặp Mácta và nàng vì xúc động đã đánh vỡ vò sữa. Lúc ấy vào mùa đông, và Mácta cười. Nàng cười - ông lão nhắc lại, chú ý nghe theo những tiếng róc rách của cung đàn.

Người lạ mặt tiếp tục chơi, mắt nhìn vào khung cửa sổ tối.

- Còn bây giờ, - chàng hỏi - cụ có nhìn thấy gì không?

Ông lão im lặng nghe ngóng.

- Chẳng lẽ cụ không nhìn thấy ư? - người lạ mặt nói nhanh và vẫn tiếp tục chơi. - Đêm đang đen bỗng thành màu lam nhạt, rồi lại thành màu da trời và ánh sáng ấm áp đã từ một nơi nào trên cao kia chiếu xuống. Trên những cành khô của cây cối vườn cụ những bông hoa trắng đang nở. Tôi cho đó là hoa táo mặc dù từ trong nhà này nhìn ra chúng giống hoa tuylip hơn. Cụ thấy không: tia nắng đầu tiên đã rơi xuống bức tường đá, sưởi ấm cho nó và từ đó hơi nước đang bốc lên. Chắc đó là do đám rêu ẩm ướt nước tuyết tan đang khô dần. Còn trời thì cứ cao lên mãi, xanh thêm mãi, đẹp thêm mãi và từng đàn chim đang bay trên thành Viên cổ kính của chúng ta về phương bắc.

- Tôi trông thấy tất cả những cái đó - Ông lão kêu lên.

Bàn đạp rít lên khe khẽ và chiếc dương cầm cất cao giọng một cách trịnh trọng như thể không phải chỉ riêng mình nó mà là tiếng hát của hàng trăm giọng vui mừng.

- Không, thưa ngài - Maria nói với người lạ mặt - hoa đó không hề giống tulip. Đó là những cây táo cùng nở rộ vào một đêm.

- Vâng. - người lạ mặt trả lời - Đó là hoa táo nhưng chúng có những cánh lớn.

- Mở cửa sổ ra, Maria! - Ông lão bảo.

Maria mở cửa sổ. Một luồng không khí lạnh ùa vào phòng. người lạ mặt chơi rất khê và rất chậm.

Ông lão ngã xuống gối, thở dốc, đôi tay quờ quạng trên tấm chăn. Maria chạy vội lại. Người lạ mặt ngừng chơi. Chàng ngồi lặng trước chiếc dương cầm như bị mê đi bởi âm nhạc của chính mình.

Maria kêu lên. Người lạ mặt đứng dậy và bước đến bên giường bệnh. Ông lão vừa thở hổn hển vừa nói:

- Tôi đã trông thấy tất cả, rất rõ như trong những năm xưa. Nhưng tôi không muốn chết đi mà không được biết... tên... tên ngài...

- Tôi là Vônfrăng Amêđây Môza - Người lạ mặt trả lời.

Maria lùi lại và cúi xuống, đầu gối gần sát đất, trước nhạc sĩ vĩ đại.

Khi nàng đứng dậy thì ông lão đã qua đời. Bình minh cháy đỏ ngoài cửa sổ và trong ánh sáng ban mai, khu vườn đã phủ đầy hoa tuyết ước.

Kim Ân dịch

Lăng quả thông

Mùa thu, nhà soạn nhạc Edua Grigo thường về ở trong những khu rừng gần thành phố Bécghen.

Mọi khu rừng đều đẹp với bầu không khí phảng phất mùi nấm, với tiếng lá rì rào. Nhưng những khu rừng trên núi và gần biển mới thực là đẹp. Đứng ở đó ta nghe rõ cả tiếng sóng vỗ bờ. Suong mù và biển cả thường xuyên tràn vào và vì khí ẩm quá nhiều nên rêu mọc rậm rịt. Rêu từ trên cành cây xõa dài trên mặt đất như những mớ tóc xanh.

Ngoài các thứ đó ra, trong những khu rừng trên núi, còn trú ngụ một tiếng vang vui tính - Giống như một con khướu nó chỉ làm độc một việc là rình mò để chớp lấy bất kỳ tiếng động nào để rồi liệng lại qua những vách đá.

Một hôm Grigo bắt gặp trong rừng một em bé có đôi bím tóc nhỏ xíu, con ông gác rừng. Em bé đang nhặt những quả thông bỏ vào trong lồng.

Trời đang thu. Nếu như ta có thể lấy hết đồng và vàng trên trái đất đem đánh thành muôn vàn lá cây rất mực tinh xảo thì những chiếc lá đó cũng chỉ có thể làm thành một

phần rất nhỏ bộ quần áo mà mùa thu đang trải trên những ngọn núi kia mà thôi. Vả lại, những chiếc lá nhân tạo nọ sẽ rất thô kệch nếu so với lá thật, nhất là những lá liễu hoàn diệp. Mọi người đều biết rằng chỉ cần một tiếng chim hót thôi cũng đã đủ làm chúng run rẩy.

- Cháu tên là gì nào? - Grigo hỏi.

- Cháu là Đanhi Pêdecxen - Em bé lí nhí trả lời.

Em bé trả lời lí nhí không phải vì sợ, mà vì bối rối. Nó sợ sao được khi cặp mắt của Grigo đang cười.

- Rõ tiếc... - Grigo nói - Bác chả có quà gì cho cháu cả. Trong túi bác chả có búp bê, chả có băng, đến cả những con thỏ nhung cũng không có nốt.

- Cháu có con búp bê cũ của mẹ cháu - Em bé trả lời - Trước kia nó cũng biết nhắm mắt cơ bác ạ. Như thế này này...

Nó từ từ nhắm mắt lại. Khi nó mở mắt, Grigo nhận thấy con người của nó có màu xanh lá cây nhạt và vòm lá rừng lấp lánh trong mắt nó như những đốm lửa nhỏ.

- Nhưng bây giờ thì nó ngủ mở mắt - Em bé buồn rầu nói tiếp - người già hay khó ngủ lắm. Ông cháu cũng vậy, cứ kêu rên cả đêm.

- Nay Đanhi này, bác nghĩ ra rồi - Grigo nói - Bác sẽ cho cháu một món quà thú vị. Nhưng không phải ngay bây giờ, mà độ mười năm nữa.

Danhi đập hai tay vào nhau:

- Ôi thế thì lâu quá!

- Cháu hiểu không, bác còn phải làm ra nó đã chứ.

- Nhưng nó là cái gì kia, bác?

- Sau này cháu sẽ biết.

- Chẳng lẽ suốt đời bác, bác chỉ làm được có dăm sáu thứ đồ chơi thôi hay sao? - Em bé nghiêm nghị hỏi.

Grigo bối rối.

- Không, không phải thế - Ông cãi lại một cách không được quả quyết - Có thể bác sẽ làm xong vật ấy trong vài ngày. Nhưng những thứ đó người ta không cho trẻ con. Bác thường chỉ làm ra những món quà cho người lớn.

- Cháu sẽ không đánh vỡ đâu mà - Danhi năn nỉ và nắm lấy ống tay áo ông kéo lại - Mà cháu cũng chẳng làm hỏng đâu. Đây, rồi bác xem! Ông cháu có một chiếc thuyền thủy tinh bé tí tẹo. Cháu vẫn lau bụi cho nó đấy nhưng cháu có làm sút nó tí nào bao giờ đâu.

"Cái con Danhi này làm mình rối tinh lên rồi đây". Grigo bực bội nghĩ thầm và rồi ông lặp lại những điều mà người lớn thường nói với trẻ con khi lâm vào thế bí.

- Cháu hãy còn bé và có nhiều điều cháu không hiểu. Hãy học tập tính kiên nhẫn. Còn bây giờ thì cháu đưa cái lăng đây cho bác. Cháu à ạch mãi mới mang nổi nó kia kia.

Bác sẽ đưa cháu về nhà và chúng ta sẽ nói với nhau về một chuyện gì khác.

Danhi thở dài và đưa cái lẵng cho Grigo. Cái lẵng quả khá nặng. Trong quả thông có nhiều nhũ, vì thế quả thông nặng hơn quả tùng bách.

Khi nhà người gác rừng đã hiện ra giữa đám cây, Grigo bảo cô bé:

- Thôi, cháu Đanhi, bây giờ cháu chạy về một mình nhé. Ở Na uy có rất nhiều em bé gái trùng tên trùng họ với cháu. Bố cháu tên gì nhỉ?

- Hagrup ạ! - Đanhi trả lời và hỏi tiếp, vâng trăn nhăn lại - Bác không vào chơi nhà cháu ư? Nhà cháu có chiếc khăn trải bàn này, có con mèo hung này, lại có chiếc thuyền bằng thủy tinh nữa. Ông cháu sẽ cho phép bác cầm nó đấy.

- Cảm ơn cháu. Bây giờ bác không có thì giờ. Chào cháu, Đanhi ạ.

Grigo vuốt tóc em bé rồi đi về phía bờ biển. Đanhi chau mày trông theo. Em xách cái lẵng nghiêng về một bên và những quả thông rơi xuống đất.

"Ta sẽ làm một bản nhạc - Grigo quyết định - và trên trang bìa ta sẽ cho in: "Tặng Đanhi Pêđécxen, con gái người gác rừng Hagrup Pêđécxen, khi cô mười tám tuổi".

Ở Bécghen không có gì thay đổi.

Tất cả những gì có thể làm cho âm thanh bị nuốt đi như thảm, rèm cửa bằng vải dày, giường, ghế, đệm, Grigo đã loại ra khỏi nhà. Chỉ còn lại một chiếc di văng cũ kỹ đủ chỗ cho một người khách ngồi là Grigo vẫn chưa dám bỏ đi nốt.

Các bạn của nhà soạn nhạc nói rằng nhà của ông giống nơi ở của một tiểu phu. Chỉ có mỗi chiếc dương cầm là vật trang sức cho ngôi nhà. Người giàu tưởng tượng có thể nghe thấy giữa những bức tường trắng ở đây nhiều điều kỳ diệu, từ tiếng gầm thét của Bắc băng dương - cái đại dương đang đôn sóng từ trong màn sương mù và gió ra ngoài, và bên trên sóng gió nó rú rít kể câu chuyện cổ xưa man rợ - cho đến bài hát của đứa con gái ru con búp bê bằng giẻ rách.

Chiếc dương cầm có thể ca về tất cả: về tâm hồn con người đang phấn khởi vươn tới cái cao cả và về tình yêu. Những phím đàn đen và trắng, lướt nhanh dưới những ngón tay chắc nịch của Grigo, buồn bã, cười cợt âm ỉ, réo lên giông tố và căm thù rồi bất thần lặng hẳn đi.

Trong phút lặng lẽ ấy chỉ còn một sợi dây đàn nhỏ bé là còn rung mãi như thể nàng Lọ Lem bị các chị mắng mỏ đang than khóc.

Grigo ngả người ra lắng nghe theo cái âm thanh cuối cùng ấy cho đến khi nó tắt hẳn ở trong bếp, nơi chú đế mèn đã dọn đến cư ngụ từ lâu.

Đến lúc ấy mới nghe rõ tiếng vòi nước nhỏ giọt, đếm từng giây, hết như một cái máy đo tiết điệu. Những giọt nước nhấn mạnh rằng thời gian không chờ đợi ai và cần phải hối hả làm cho xong những điều dự định.

Grigo viết bản nhạc tặng Đanhi Pêdécxen trong hơn một tháng.

Mùa đông bắt đầu. Sương mù cao xấp xỉ đầu người phủ khắp thành phố. Những con tàu biển han rỉ từ nhiều nước kéo đến gà gât bên những bến cảng lát gỗ, khe khe phì phò thở hơi nước.

Chẳng bao lâu tuyết bắt đầu xuống. Grigo nhìn qua cửa sổ nhà mình thấy những bông tuyết bay chệnh chéch cố bám lấy ngọn cây. Tất nhiên, không thể nào truyền đạt âm nhạc bằng lời, dù cho ngôn ngữ của chúng ta có phong phú đến thế nào chăng nữa.

Grigo sáng tác về cái đẹp vô cùng của lòng trinh trắng và của hạnh phúc.

Ông viết và trông thấy cô gái có đôi mắt xanh đang ghen ngào vì sung sướng, chạy đến với ông. Cô gái vòng tay ôm lấy cổ ông, áp bên má nóng bừng của cô vào cái má đầy những sợi râu bạc lâu ngày không cạo của ông. "Cảm ơn bác" - cô nói trong lúc chính cô cũng chẳng biết cô cảm ơn ông vì lẽ gì.

"Cháu như mặt trời - Grigo nói với cô - Cháu như làn

sóng êm dịu, như buổi sáng tươi mát. Một bông hoa trắng ngần đã bùng nở trong tim cháu và làm tràn ngập thân cháu hương ngát mùa xuân. Ta rất hiểu cuộc đời. Cháu ạ, dù người ta có nói với cháu những gì đi nữa thì cháu hãy cứ tin rằng cuộc đời thật là kỳ diệu và tuyệt đẹp. Ta già rồi, nhưng ta đã hiến tất cả cuộc đời ta, sự nghiệp và tài năng của ta cho tuổi trẻ. Ta đã hiến tất cả mà không đòi trả lại. Vì thế, có thể, ta còn hạnh phúc hơn cả cháu nữa kia, Đanhi ạ!

Cháu là đêm trắng với ánh sáng huyền ảo của nó. Cháu là hạnh phúc. Cháu là ánh lấp lánh của bình minh. Tiếng nói của cháu làm trái tim mọi người rung động.

Cầu Chúa ban phước lành cho mọi vật chung quanh cháu, cho tất cả những gì chạm tới người cháu và những gì cháu chạm tới, những gì làm cháu sung sướng và bắt cháu phải trầm ngâm suy nghĩ”.

Grigo suy nghĩ và những gì ông suy nghĩ, ông gửi vào phím đàn. Ông ngờ rằng có người nghe trộm ông. Ông còn đoán được ai đang nghe trộm ông nữa. Đó là những con sơn tước trên cành, những tay thủy thủ ngoài cảng quá chén đang lang thang, chị thợ giặt bên hàng xóm, chú đế mèn, những bông tuyết từ trên bầu trời trĩu nặng kia rơi xuống và nàng Lọ Lem trong bộ quần áo vá chằng vá đụp.

Mỗi người nghe ông theo cách của họ.

Những con sơn tước bối rối. Nhưng dù chúng có loay hoay thế nào mặc lòng, những câu chuyện huyền thuyên của chúng cũng không thể át nổi tiếng đàn. Những tay thủy thủ quá chén lang thang ngồi xuống bậc thềm nhà ông, vừa nghe vừa nức nở. Chị thợ giặt đứng thẳng lên, lấy lòng bàn tay lau cặp mắt đỏ hoe và lắc đầu. Chú đế mèn chui ra khỏi kẽ nứt của chiếc lò sưởi lát gạch sứ vuông và nhòm Grigo qua một khe hở.

Một bông tuyết rơi, ngập ngừng, lơ lửng giữa tầng không, nó nghe thấy tiếng nhạc lạnh lạnh đang chảy từ trong nhà ra như những dòng suối. Còn cô Lọ Lem thì mỉm cười nhìn xuống sàn. Một đôi giày xinh xắn bằng pha lê nằm bên chân cô. Đôi giày run rẩy, va vào nhau, đáp lại những hợp âm đang từ trong phòng nhà soạn nhạc bay ra.

Grigo đánh giá những thánh giả ấy cao hơn nhiều so với những quý ngài ăn vận sang trọng và lịch sự vẫn thường tới dự những buổi hòa nhạc của ông.

Năm mươi tám tuổi Đanhi học hết trung học.

Nhân dịp này cha nàng cho nàng về chơi ít lâu với bà Magoda, em gái ông, ở Krixtania. “Cho con bé (cha nàng vẫn coi nàng là một con bé con, mặc dầu Đanhi đã là một cô gái có một thân hình cân đối với đôi bím tóc vàng nặng trĩu) biết cái thế giới này nó ra sao, người ta sống thế nào, và cho

nó được giải trí một chút”.

Ai biết được rồi đây tương lai sẽ dành cho Đanhi những gì? Có thể, tương lai sẽ dành cho nàng một người chồng chân thật và yêu nàng nhưng lại đáng giận và keo kiệt? Hay một chân bán hàng ở một quán tạp hóa trong làng? Hoặc việc làm tại một trong vô vàn những hãng tàu biển ở Bécghen.

Bà Magoda làm thợ may trong một nhà hát. Chồng bà, ông Ninxo, cũng làm trong nhà hát ấy. Ông làm nghề tết râu tóc giả.

Hai vợ chồng ở trong một phòng nhỏ ngay dưới mái nhà hát. Từ trong phòng nhỏ nhìn ra có thể trông rõ biển sặc sỡ những lá cờ hiệu hàng hải và pho tượng Ipxen ⁽¹⁾.

Những con tàu suốt ngày cứ chõ vào các cửa sổ bỏ ngõ mà la hét. Ông Ninxo đã nghiên cứu những tiếng kêu của lũ tàu thủy ấy kỹ đến nỗi, theo ông nói, ông có thể biết chắc chắn chiếc tàu nào đang kéo còi: tàu Nôđéc mây từ hải cảng Copenhagen đến, tàu “người ca sĩ xứ Êcôtxo” từ Giazgô hay tàu “Gian d’Ar” từ Boócđô.

Trong phòng bà Magoda, có rất nhiều vật dùng của nhà hát, gấm thêu, lụa, tuyền, băng, đồ ren, những chiếc mũ dạ thời xưa gắn lông đà điểu đen, những chiếc khăn san của người digan, những mớ tóc giả bạc trắng, những

1. Ipxen. Nhà văn và nhà viết kịch người Na Uy (1818-1906).

đôi ủng cao với cựa bằng đồng, những lưới guom, những chiếc quạt và những đôi giày dát bạc đã nát ở những nếp gấp. Tất cả những thứ đó đòi hỏi phải được vá víu sửa chữa, lau chùi và là phẳng.

Trên tường treo những tranh nhỏ cắt ra từ sách và tạp chí: những kỵ sĩ thời vua Lui XIV, những cô gái đẹp bận váy hồng, những trang hiệp sĩ, những người đàn bà Nga trong bộ xaraphan ⁽¹⁾ những tay mạch nô và lũ hải tặc Viking ⁽²⁾ trên đầu mang những vòng lá sồi.

Muốn lên tới phòng phải leo một cái thang dựng đứng. Ở cầu thang bao giờ cũng phảng phất mùi sơn và mùi vecni bốc lên từ lớp vàng mạ.

*

* *

Đanhi thường hay đi xem hát. Đó là một việc hết sức thú vị. Nhưng sau khi xem xong những vở kịch về, Đanhi thường thao thức mãi không ngủ được và đôi khi nàng còn nằm trên giường mà khóc.

Bà Magoda lấy thế làm lo lắng và thường an ủi Đanhi.

-
1. Một kiểu áo liền váy, không tay, có thắt lưng và gấp nếp ở ngực của phụ nữ Nga thời trước.
 2. Quân cướp, người Xcăngđinavơ, hoành hành ở châu Âu thế kỷ XI và XII.

Bà nói rằng không nên mù quáng tin những gì diễn ra trên sân khấu. Nhưng ông Ninxo thì vì thế lại gọi bà là “mụ nói xê” và nói rằng ngược lại, nên tin tất cả những gì xảy ra trên sân khấu. Nếu không thế thì người ta cũng chẳng cần đến nhà hát nào nữa. Và Đanhi tin lời ông.

Tuy vậy bà Magoda vẫn cứ nhất định đòi đi nghe hòa nhạc để đổi món.

Ông Ninxo không chống lại ý kiến ấy của bà. Ông nói “Âm nhạc, đó là tấm gương của thiên tài”.

Ông Ninxo thích dùng những danh từ cao siêu và mơ hồ. Ông bảo Đanhi giống như hợp âm đầu tiên của một tự khúc. Còn bà Magoda thì, theo lời ông, lại có một quyền lực siêu phàm đối với mọi người. Quyền lực đó là ở chỗ bà may những trang phục sân khấu. Mà có ai chẳng biết rằng con người cứ mỗi lần thay một bộ quần áo khác là lại biến đổi hẳn. Thành thử anh diễn viên hôm qua còn là tên giết người bỉ ổi, hôm nay đã trở thành chàng nhân tình si mê diên đại, ngày mai lại là anh hề của nhà vua, còn ngày kia anh ta đã lại thành vị anh hùng của nhân dân.

Trong những trường hợp đó bà cô của Đanhi thường kêu lên:

- Đanhi! Cháu hãy bịt tai lại đi và đừng có nghe những lời ba hoa góm ghiếc của chú ấy làm gì! Chú ấy chả biết chú ấy nói gì đâu, lão triết gia kiết xác ấy.

Lúc ấy là tháng sáu, trời ẩm. Đang hồi những đêm trắng. Những buổi hòa nhạc được tổ chức ngoài trời, tại công viên thành phố.

Danhi đi nghe hòa nhạc cùng cô Magoda và chú Ninxo. Nàng muốn mặc chiếc áo dài trắng độc nhất của mình, nhưng chú Ninxo lại bảo rằng người con gái đẹp cần phải biết ăn mặc sao cho nổi bật hẳn lên giữa những người chung quanh. Nói chung, bài diễn văn dài dòng của ông về chuyện đó có thể tóm tắt lại là trong những đêm trắng nhất thiết phải mặc áo đồ đen và ngược lại, trong những đêm tối trời nên bận đồ trắng để phô sắc trắng lấp lánh của nó.

Không thể nào cãi lại ông Ninxo, Danhi mặc chiếc áo dài nhung đen, loại nhung lụa tuyết rất mịn. Bà Magoda đã mượn trong kho phục trang của nhà hát cho nàng chiếc áo đó.

Khi Danhi đã mặc xong, bà Magoda phải chịu là ông Ninxo có lý: không có gì có thể tôn nước da mai máng nghiêm nghị trên gương mặt của nàng và đôi bím tóc dài lấp lánh vàng muời của nàng bằng thứ nhung huyền bí ấy.

- Nay Magoda, mình trông mà xem - Chú Ninxo nói khê - Con Danhi đẹp như thế nó đi gặp người yêu trong buổi đầu tiên ấy.

- Đúng vậy - Bà Magoda trả lời - Thế mà lần hẹn đầu tiên khi ông đến gặp tôi, tiếc rằng tôi lại chả được thấy ông

là một anh chàng điển trai si tình. Ông chỉ là một anh chàng ba hoa.

Và bà Magoda đặt một cái hôn lên mái tóc của chồng.

Buổi hòa nhạc bắt đầu sau khi khẩu đại bác cũ kỹ ở ngoài cảng nổ phát súng thường lệ buổi tối. Phát súng báo hiệu mặt trời lặn.

Mặc dầu là buổi tối, cả nhạc trưởng, cả các nhạc công đều không thấp những ngọn điện nhỏ trên những giá nhạc. Tối hôm đó trời sáng đến nỗi những cây đèn lồng được thấp trong tán lá bồ đề hắt hắt cũng chỉ cốt để tạo cho buổi hòa nhạc một không khí hội hè.

Lần đầu tiên Đanhi được nghe một bản giao hưởng. Bản nhạc gọi lên trong lòng cô một nỗi xốn xang kỳ lạ. Những âm thanh chuyển tiếp và những hồi sấm của dàn nhạc gọi lên trong trí Đanhi không biết bao nhiêu là hình ảnh giống như trong những giấc mơ.

Bỗng Đanhi giật mình, ngược mắt lên. Nàng có cảm giác như người đàn ông gầy gò mặc áo đuôi tôm đang tuyên bố chương trình biểu diễn vừa gọi đến tên nàng.

- Chú gọi cháu đấy ư, chú? - Đanhi hỏi ông Ninxơ và ngay đó nàng cau mặt.

Chú nàng nhìn nàng một cách không ra là kinh hãi mà cũng không ra là thán phục. Và cả bà Magoda nữa, bà cũng nhìn Đanhi như vậy, chiếc khăn áp vào miệng.

- Có chuyện gì xảy ra vậy? - Đanhi hỏi.

Bà Magoda nắm lấy tay nàng và nói rất khẽ:

- Nghe kia!

- Các vị thính giả ở những hàng ghế cuối yêu cầu tôi nhắc lại. Vậy, thưa quý vị, dàn nhạc chúng tôi sẽ trình bày hiến quý vị một khúc nhạc nổi tiếng của nhạc sĩ Êdua Grigo sáng tác tặng cô Đanhi Pêdécxen, con gái ông gác rừng Hagrup Pêdécxen, nhân dịp cô mười tám tuổi.

Đanhi hít một hơi dài đến nỗi nàng thấy tức ngực. Nàng muốn dùng hơi thở đó để giữ những giọt nước mắt đang trào lên họng, nhưng vô hiệu. Đanhi cúi xuống và giấu mặt trong đôi bàn tay.

Thoạt đầu nàng không nghe thấy gì hết. Một con giông đang cuộn cuộn trong lòng nàng. Cuối cùng nàng nghe thấy tiếng tù và mục đồng rúc lên trong buổi sớm tinh sương và dàn nhạc dây khẽ giạt mình, đáp lại bằng hàng trăm tiếng hát.

Điệu nhạc du dương lớn dần, cất mình lên cao; nó gào lên, bay nhanh qua các ngọn cây, như một luồng gió, vật hết lá, thổi rạp cỏ xuống đất, quất vào mặt người những giọt nước nhỏ xíu và mát rượi. Đanhi cảm thấy có một luồng không khí do âm nhạc đẩy lên phải đến và nàng gắng bình tĩnh lại.

Phải, đó đúng là cánh rừng của nàng, quê hương nàng.

Đó là những ngọn núi của nàng, những bài hát của những chiếc tù và, tiếng động của biển quê.

Những con tàu bằng thủy tinh làm nước sủi bọt. Gió reo ca trong những dây buồm. Từ lúc nào không biết, tiếng hát đó đã chuyển thành tiếng những quả chuông nhỏ trong rừng đồ hồi, tiếng đàn chim đang nhào lộn trên không huyết gió, tiếng trẻ con hú gọi nhau trong rừng thành bài hát về người con gái: lúc bình minh người yêu của nàng đã ném một vốc cát vào cửa sổ phòng nàng. Bài hát đó Đanhi đã nghe thấy trên những ngọn núi quê hương.

Vậy ra đó chính là bác ấy. Chính cái ông già đã giúp cô bé Đanhi mang lẵng quả thông về đến tận nhà. Đó là Edua Grigo, người làm ra phép lạ và nhạc sĩ vĩ đại! Và người mà nàng đã trách là không biết cách làm mau chóng.

Thì ra đó chính là món quà mà ông đã hứa cho nàng mười năm sau.

Danhi khóc, không giấu giếm những giọt lệ biết ơn. Đến lúc ấy bản nhạc đã tràn ngập khoảng không giữa đất đai và mây trời giăng mắc trên thành phố. Sóng nhạc du dương làm cho những đám mây gọn lên lẫn tẩn và qua những gọn sóng ấy, những vì sao lấp lánh.

Bản nhạc đã không còn ca hát. Nó đang kêu gọi. Nó kêu gọi con người hãy đi theo nó đến một xứ sở, nơi không đau khổ nào có thể làm nguôi lạnh tình yêu, nơi không có

ai đi giành giật hạnh phúc kẻ khác, nơi mặt trời sáng chói như vòng triều thiên trên đầu một nàng tiếng trong cổ tích.

Trong dòng âm thanh cuộn cuộn chảy trôi ấy bỗng nổi lên một giọng nói quen thuộc “Cháu là hạnh phúc - Giọng đó nói - Cháu là ánh lấp lánh của bình minh”.

Bản nhạc tắt. Những tràng vỗ tay lúc đầu còn chậm chậm, sau mỗi lúc một mạnh thêm, vang lên như sấm dậy.

Danhi đứng lên và đi nhanh về phía cổng công viên. Mọi người cùng quay đầu lại nhìn nàng. Có thể, có một số người trong đám thính giả đã thoáng nghĩ rằng nàng chính là Đanhi Pêđécxen, người con gái mà Grigo đã dành tặng tác phẩm bất tử của ông.

“Bác ấy mất rồi ư? - Đanhi nghĩ - Vì sao? Giá mà nàng lại được gặp ông! Nếu ông lại hiện ra ở đây? Hẳn nàng sẽ chạy ào ngay lại với ông, tim đập rộn ràng nàng sẽ bá lấy cổ ông, sẽ áp bên má ướt đầm nước mắt vào má ông và sẽ nói chỉ một câu: “Cảm ơn bác” - “Cháu cảm ơn ta vì lẽ gì cơ chứ?”. Hẳn ông sẽ hỏi như thế. “Cháu cũng chẳng biết nữa... - Hẳn nàng sẽ trả lời - Vì bác đã không quên cháu. Vì lòng hào hiệp của bác. Vì bác đã cho cháu thấy cái tuyệt mỹ, mà con người thì phải sống bằng cái tuyệt mỹ ấy”.

Danhi đi trên những đường phố vắng tanh. Nàng không biết rằng bà Magoda đã phái ông Ninxo đi theo nàng, nhưng ông giấu không để nàng trông thấy. Ông đi lảo đảo

như một chàng say rượu, miệng lẩm bẩm không biết những gì về câu chuyện thần kỳ xảy ra trong cuộc đời của họ.

Bóng tối nhọt nhọt của đêm vẫn còn trải trên thành phố. Nhưng trong các cửa sổ đã thấy lấp lánh ánh vàng mạ yếu ớt của bình minh phương bắc.

Danhi đi ra bờ biển. Biển vẫn còn ngủ say, không một tiếng sóng vỗ.

Danhi nắm chặt hai tay lại và rên rỉ vì một cảm giác tuy còn chưa rõ ràng đối với nàng, nhưng đã chiếm lĩnh toàn cơ thể nàng cảm giác về cái đẹp của cuộc đời.

- Đời ơi, hãy nghe đây! - Danhi nói khẽ - Ta yêu Người.

Và nàng cười, mở to mắt nhìn những ngọn đèn trên những con tàu biển đang chậm rãi ngã nghiêng nơi nước xám và trong vắt.

Ông Ninxo đứng ở đằng xa đã nghe thấy tiếng cười đó và ông quay về nhà. Giờ đây ông đã yên tâm về Danhi. Giờ đây ông hiểu rằng cuộc đời cháu gái ông sẽ không qua đi vô ích.

1954

Kim Ân dịch

Bụi quý

Tôi không sao nhớ ra được là mình đã biết câu chuyện anh thợ quét rác thành Pari tên là Giăng Samet như thế nào. Samet kiếm sống bằng nghề quét dọn những xưởng thủ công trong khu phố anh ở.

Samet sống trong một túp lều ở ngoại thành. Tất nhiên, có thể tả tỉ mỉ khu ngoại ô và như vậy sẽ đưa độc giả ra ngoài lề câu chuyện. Nhưng thiết tưởng chỉ cần nhắc lại rằng đến nay ở những khu ngoại thành Pari vẫn còn lại những tường thành cổ bằng đất cũng đủ. Vào khoảng thời gian xảy ra câu chuyện, những bụi hoa kim ngân và sơn trà vẫn mọc um tùm trên tường thành và chim chóc làm tổ trong những bụi đó.

Túp lều của anh thợ quét rác nằm ép sát vào chân tường thành phía bắc, kề bên những ngôi nhà nhỏ bé của các bác hàng thiếc, các bác thợ giày, những người đi nhặt đầu mẩu thuốc lá và những người ăn mày.

Nếu như Môpatxăng ⁽¹⁾ để ý đến cuộc sống của những

1. Maupassant (1850-1893), nhà văn hiện thực Pháp.

người cư trú trong những túp lều nọ, hẳn ông đã viết thêm được một số truyện ngắn tuyệt hay. Có khi chúng sẽ làm cho vinh quang vốn đã vững chắc của ông thêm nhiều vòng hoa chiến thắng mới.

Đáng tiếc là không một người ngoài cuộc nào để mắt đến những nơi ấy, trừ lũ mật thám. Mà bọn này cũng chỉ ló mặt tới đây trong trường hợp phải đi lùng kiếm đồ vật mất trộm.

Bằng vào biệt hiệu “Gỗ kiến” mà hàng xóm láng giềng đặt cho Samet, ta phải hình dung anh là một người gầy gò, mũi nhọn và dưới vành mũ bao giờ cũng lủng lẳng một mớ tóc giống như mào chim.

Trước kia, Samet đã từng được sống những ngày sung sướng. Anh đăng lính trong quân đội của “Tiểu Napôlêông” ⁽¹⁾ trong thời gian chiến tranh ở Mêhicô.

Samet gặp may. Anh bị sốt rét nặng ở Vera-Krux. Anh lính ốm yếu chưa từng qua một trận độ súng thực sự nào liền được gửi về nước. Viên chỉ huy trung đoàn nhân dịp bèn nhờ Samet đưa đứa con gái lên tám của ông tên là Xuyzan về Pháp.

Viên chỉ huy góa vợ, vì thế đi đâu ông cũng phải lẻo đẻo mang con gái theo. Nhưng lần này ông quyết định chia

1. Tức Napoléon III (1808-1873), người đã theo đuổi cuộc chiến tranh can thiệp vào Mêhicô (1862).

tay với con và gửi nó về cho người chị ở Ruăng. Khí hậu Mêhicô rất độc đối với trẻ con Âu. Thêm vào đó cuộc chiến tranh du kích hỗn độn ở đây chẳng thiếu gì những nguy hiểm bất ngờ.

Trên đường Samet về Pháp khí nóng bốc ngùn ngụt trên Đại tây dương. Con bé suốt ngày im lặng. Thậm chí nhìn những con cá bay vọt lên khỏi mặt nước bóng nhảy nó cũng chẳng mỉm cười.

Samet hết sức chăm sóc Xuyzan. Tất nhiên, anh cũng hiểu rằng con bé không chỉ mong được anh chăm sóc, mà còn muốn được âu yếm vuốt ve. Mà anh, tên lính của một trung đoàn thuộc địa, anh có thể nghĩ ra được cái gì triu mến kia chứ? Anh có thể mua vui cho nó bằng cách gì đây? Đánh mặt chược với nó chẳng? Hay hát cho nó nghe những bài hát thô tục của lính tráng.

Nhưng dù sao thì cũng không thể cứ nín lặng mãi. Càng ngày anh càng hay bắt gặp cái nhìn băn khoăn của con bé. Cuối cùng anh đánh liều bắt đầu kể cho nó nghe một cách không có mạch lạc, cuộc đời mình, nhớ lại những tình tiết nhỏ nhặt nhất về một vịnh chài trên bờ biển Măngso, những bãi cát toi, những vùng nước khi triều xuống, ngôi nhà thờ nhỏ trong thôn với quả chuông rạn, chuyện bà mẹ anh chữa cho hàng xóm láng giềng khỏi chứng đau rất thực quản.

Samet không tìm được chuyện gì buồn cười trong những

mẫu ký ức đó để làm vui cho Xuyzan. Nhưng anh ngạc nhiên thấy con bé háo hức nghe những chuyện ấy và thậm chí còn bắt anh kể đi kể lại, đòi biết thêm những tình tiết mới.

Samet nặn óc tìm cho ra những tình tiết ấy mãi cho đến khi anh không còn tin được là chúng có thật. Đó không còn là những ký ức, mà chỉ là bóng dáng mờ nhạt của chúng. Chúng tan ra như những mảnh sương mù. Thực vậy, Samet không hề ngờ rằng sẽ có lúc anh phải khôi phục lại trong trí nhớ quãng thời gian vô ích ấy của đời mình.

Có lần anh mang máng nhớ tới một bông hồng bằng vàng. Cũng chẳng ra là Samet đã trông thấy bông hồng thô kệch đánh bằng vàng đã xuống nước móc vào cây thánh giá Chúa trong nhà một bà lão dân chài, mà cũng chẳng ra anh đã nghe những câu chuyện về bông hồng đó do những người láng giềng kể lại.

Không, đúng là anh thậm chí đã thấy bông hồng đó và còn nhớ nó sáng lấp lánh như thế nào, mặc dù bên ngoài cửa sổ không có nắng và cơn bão buồn thảm đang sục sôi ngoài eo biển. Càng về sau Samet càng nhớ rõ thêm cái ánh lấp lánh ấy; nó giống như mấy ngọn lửa nhỏ cháy sáng dưới một trần nhà thấp.

Mọi người trong thôn đều ngạc nhiên thấy bà lão dân chài không chịu bán vật quý của mình. Bán nó đi bà có thể thu được món tiền lớn. Chỉ một mình mẹ Samet cả quyết

rằng bán bông hồng vàng ấy đi là có tội bởi vì đó là quà chúc phúc của người tình bà lão tặng bà, khi bà còn là một cô gái tuổi hơn hôn làm ở nhà máy đóng hộp cá xác đìn ở tỉnh Ôđécno.

- Trên thế gian này hiếm ai có được những bông hồng vàng - mẹ Samet nói - Nhà nào có nó, nhà ấy sẽ được hạnh phúc. Mà không riêng gì họ, ai đụng tới bông hồng đó, người ấy cũng sẽ được như vậy.

Thằng bé Samet sốt ruột đợi mãi ngày bà lão dân chài sẽ được hưởng hạnh phúc. Nhưng cả đến bóng dáng của hạnh phúc cũng chẳng thấy đâu. Ngôi nhà của bà lão run rẩy trước gió và tối tối trong nhà cũng chẳng có ánh lửa.

Thế rồi Samet bỏ làng ra đi, không đợi được đến ngày cuộc đời bà lão đổi thay. Mãi một năm sau, một người quen làm thợ đốt lò trên con tàu chở thư ở Lor Havro mới kể cho anh nghe rằng con trai bà lão bất thành lính đã từ Pari trở về, anh chàng họa sĩ đó râu xồm, vui nhộn và có tính khí kỳ quặc. Từ ngày ấy, người ta không còn có thể nhận ra túp lều kia nữa. Nó trở nên ồn ào và dư dật. Người ta khoe nhau rằng bọn họa sĩ vẽ lãng nhãng cũng kiếm được ỏi tiền.

Một hôm, ngồi trên boong tàu, Samet đang dùng chiếc lược sắt của mình chải mớ tóc rối tung trước gió cho Xuyzan thì con bé hỏi anh:

- Anh Giảng ơi, rồi cũng có người cho em một bông hồng vàng chứ?

- Rất có thể - Samet trả lời - Rồi cũng sẽ có một thằng dở hơi nào đó cho em, Xuyzan ạ! Trong đại đội anh có một chú lính gầy nhom. Thằng cha thật tốt số lạ lùng. Hắn nhặt được trên chiến trường một chiếc hàm giả gãy bằng vàng. Cả đại đội bèn bán đi lấy tiền nhậu. Chuyện đó xảy ra hồi chiến tranh Annam ⁽¹⁾. Các chàng pháo thủ say rượu mới lấy súng cối bắn chơi cho vui, đạn rơi vào miệng ngọn núi lửa đã tắt, nổ tung trong đó, và bị cú bất ngờ này núi lửa liền thở phì phì và phun lửa. Có trời biết tên cái núi lửa ấy là gì? Hình như là Kraka-Taka thì phải. Nó phun mới dữ làm sao! Bốn chục người dân bản xứ đang yên lành lẫn cổ ra chết. Chỉ vì một cái hàm giả hồng mà gần ấy người toi mạng, thật quá quẩn! Về sau mới biết ra là hàm răng ấy của chính ông đại tá đơn vị bọn anh đánh rơi. Vụ này rồi sau cũng được dẹp đi - uy tín của quân đội trên hết mà. Nhưng bọn anh thì chuyện ấy say bí tỉ.

- Chuyện ấy xảy ra ở đâu hả anh? - Xuyzan nghi ngờ hỏi.

- Anh đã nói rồi mà, ở nước Annam, ở Đông Dương. Ở đấy đại dương bùng bùng lửa cháy, chẳng khác gì dưới địa ngục, còn những con sứa thì giống như những cái váy viên đăng tên của vũ nữ. Ở đấy lại còn ẩm ướt nữa chứ, đến nỗi

1. Nguyên văn.

chỉ một đêm thôi, nắm đã mọc lên trong ủng của bọn anh. Anh mà nói dối thì xin cứ treo cổ anh lên.

Trước đó Samet đã nghe nhiều chuyện bịa đặt của lính tráng, nhưng riêng anh, anh chưa từng bịa chuyện bao giờ. Không phải anh không biết nói dóc, chẳng qua anh chưa bao giờ thấy cần phải làm như vậy. Còn giờ đây anh coi việc làm vui cho Xuyzan là một bổn phận thiêng liêng.

Samet đưa con bé đến Ruăng và trao tận tay cho bác gái của Xuyzan - một người đàn bà cao lớn, có đôi môi tái nhợt và mím chặt. Bà lão đeo hạt cườm đen khắp mình trông như một con rắn ở rạp xiếc.

Con bé vừa nhìn thấy bà ta đã vội bám chặt lấy Samet và nép vào cái áo ca pốt bạc phéch của anh.

- Không sao! - Samet thì thầm và khẽ đẩy vào vai Xuyzan. - Bọn lính trơn các anh cũng chẳng được lựa chọn cho mình các ông đại đội trưởng đâu. Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ!

Samet bỏ đi. Anh ngoảnh lại mấy lần nhìn lên những khung cửa sổ của ngôi nhà buồn tẻ, ở đó đến gió cũng chẳng buồn lay động những bức rèm. Nghe rõ tiếng đồng hồ hồi hã trong những quán nhỏ nằm trong các phố hẹp. Trong túi dệt Samet còn giữ lại một kỷ niệm của Xuyzan, một cái nơ buộc tóc đã nhàu nát màu xanh. Có trời biết vì sao cái băng đó lại thơm dịu đến thế, như thể nó được để lâu trong một giàn hoa tím.

Bệnh sốt rét Mêhicô đã hủy hoại sức khỏe Samet. Anh chưa được thăng chức đội thì đã bị thải rồi. Samet trở về cuộc sống dân thường với hàm binh nhì.

Năm tháng qua đi trong cảnh thiếu thốn đơn điệu. Samet nếm hết nghề khốn khổ này đến nghề khốn khổ khác và cuối cùng anh trở thành người hốt rác thành Pari. Từ đó mùi bụi bặm và rác rưởi lúc nào cũng ám vào anh. Anh cảm thấy nó cả trong con gió thoảng từ phía sông Xen luồn vào trong phố, cả trong những bó hoa ướt át mà các bà lão ăn vận sạch sẽ đứng bán trên các đại lộ.

Ngày lại ngày quện lấy nhau trong một màu vàng đục. Nhưng đôi khi trong cái màu vàng đục ấy, Samet lại thấy hiện lên trong lòng mình một áng mây hồng; đó là bộ áo dài cũ của Xuyzan. Từ tấm áo ấy phảng phất hương xuân tươi mát như thể người ta cũng để nó lâu trong một giàn hoa tím.

Xuyzan giờ ở đâu? Em sống ra sao? Samet biết ngày nay Xuyzan đã là một cô gái trưởng thành, còn cha nàng thì đã bị tử thương.

Đã nhiều lần Samet định đi Ruăng thăm Xuyzan. Nhưng anh cứ lần lữa mãi cho đến lúc chợt hiểu rằng mình đã bỏ lỡ thời gian và chắc chắn Xuyzan đã quên hẳn anh rồi.

Anh tự mắng mình là đồ bị thịt, khi nhớ đến cuộc chia

tay với Xuyzan. Đáng lẽ phải hôn con bé thì anh lại ấn vào lưng nó, đẩy nó tới chỗ con quạ già nọ và bảo "Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ!"

Ai cũng biết những người thợ hốt rác chỉ làm việc ban đêm. Có hai nguyên nhân buộc họ phải làm đêm như vậy: đó là vì rác rưởi do hoạt động náo nhiệt và không phải lúc nào cũng có ích của con người thải ra tích tụ nhiều nhất vào cuối ngày và ngoài ra, những người thợ hốt rác không được phép xúc phạm thị giác và khứu giác của người đất kinh kỳ. Ban đêm hầu như chẳng có ai trông thấy việc làm của những người hốt rác, trừ lũ chuột cống.

Samet đã quen với công việc về đêm và còn thích thú cái khoảng thời gian ấy là đằng khác. Nhất là lúc ánh bình minh uể oải bắt đầu chọc thủng màn đêm trên thành phố. Sương mù vương vất trên sông Xen, nhưng sương không bao giờ bay lên quá thành cầu.

Một hôm, cũng vào một buổi bình minh mờ mịt hơi sương như thế, Samet đi trên cầu Phế binh và gặp một thiếu phụ mặc áo dài màu tím nhạt, dính dăng ten đen. Thiếu phụ đứng bên thành cầu và nhìn xuống sông Xen.

Samet dừng lại, cất bỏ chiếc mũi bụi bặm và nói:

- Thưa tiểu thư, nước sông Xen lúc này lạnh lắm. Tiểu thư nên để tôi đưa về nhà thì hơn.

- Giờ đây cô ỉng chẳng có nhà.

Thiếu phụ trả lời rất nhanh và quay về phía Samet.

Samet để rơi chiếc mũ.

- Xuzi! - Anh nói bằng một giọng tuyệt vọng và sung sướng đến cực độ - cô lính Xuzi! Cô bé của anh! Thế là cuối cùng anh đã gặp em. Chắc em quên anh rồi. Anh là Giảng Ecnet Samet đây, cái anh binh nhì ở trung đoàn thuộc địa số Hai mươi bảy đã đưa em về cho mẹ bác gái tằm lợm ở Ruăng đấy. Em bây giờ xinh quá đi thôi! Tóc em chải mới khéo nữa chứ! Còn anh, cái thằng lính quèn ⁽¹⁾ này thì chẳng biết cách chải cho em.

- Giảng! - Thiếu phụ kêu lên, dậm bổ tới ôm lấy cổ anh và khóc. - Giảng, anh vẫn tốt như xưa. Em còn nhớ hết mà!

- Ô rõ vớ vẩn! - Samet lầu bầu trong miệng - Lòng tốt của anh thì lợi lộc gì cho ai. Có chuyện gì đã xảy ra với em vậy, em gái bé nhỏ của anh?

Samet kéo Xuyzan lại gần mình và làm cái việc mà anh không dám làm trước kia ở Ruăng: anh vuốt ve và hôn lên mái tóc óng ả của nàng. Rồi anh vội lánh ra, sợ Xuyzan ngửi thấy mùi hôi của chuột cống trên áo ngoài của anh. Nhưng Xuyzan lại càng nép chặt vào vai anh hơn.

- Có chuyện gì vậy, em bé nhỏ của anh? - Samet bối rối nhắc lại.

1. Nguyên văn: lính bổ sung, ý khinh miệt.

Xuyzan không trả lời. Nàng không nén được tiếng nức nở. Samet hiểu rằng lúc này chưa nên hỏi nàng chuyện gì hết.

- Anh có một cái hang ở chỗ tường thành - Samet vội vã nói - Hơi xa đây một chút. Tất nhiên ở nhà chẳng có gì hết, nhẵn như chùi. Nhưng được cái có thể hâm nước cho nóng và nằm ngủ trên giường. Ở đó em có thể tắm táp và nghỉ ngơi. Và nói chung em muốn ở bao nhiêu lâu tùy thích.

Xuyzan ở nhà Samet năm ngày. Năm ngày ấy một mặt trời kỳ lạ cất lên trên thành Pari. Hết thảy mọi ngôi nhà, kể cả những nhà cũ nhất, ám khói, tất cả những khu vườn và thậm chí cả cái hang của Samet nữa đều rực rỡ trong những tia sáng của vùng thái dương ấy như là những vật báu.

Ai chưa từng được xúc động với hơi thở nhẹ nhàng của thiếu nữ trong giấc ngủ, người đó chưa thể hiểu thế nào là dịu dàng. Mỗi nàng tươi hơn cả những cánh hoa ẩm ướt và những hàng mi của nàng lấp lánh những giọt lệ đêm.

Phải, những gì đã xảy ra với Xuyzan quả đúng như Samet dự đoán. Người tình của nàng - một diễn viên trẻ - đã phụ nàng. Nhưng năm ngày Xuyzan sống bên Samet đã đủ để cặp tình nhân làm lành với nhau.

Samet tham dự vào việc hòa giải đó. Anh phải mang thư của Xuyzan lại cho anh chàng diễn viên và đã dạy cho

cái gã diễn trai đáng ngán nộ một bài học về phép lịch sự khi gã định dúi vào tay anh vài xu tiền thưởng.

Sau đó ít lâu anh chàng diễn viên đáp xe ngựa đến tìm Xuyzan. Và đâu lại vào đó: một bó hoa, những cái hôn, tiếng cười qua nước mắt; lời xin lỗi và đáng vô tư ngượng ngáp ⁽¹⁾.

Khi đôi bạn trẻ lên đường, Xuyzan vội vã nhảy lên xe, nàng quên cả từ biệt Samet. Liền đó nàng sực nhớ ra, đỏ mặt và ngượng ngùng đưa tay cho anh.

- Em đã chọn lấy cuộc sống theo ý em, anh chỉ còn biết chúc em hạnh phúc - cuối cùng Samet mới lầu bầu nói.

- Em chưa biết rồi sẽ ra sao? - Xuyzan trả lời và mắt nàng ngấn lệ.

- Em băn khoăn như vậy thực là vô ích, em bé nhỏ của anh ạ! - anh chàng diễn viên trẻ dài giọng và nhắc lại - Em bé xinh đẹp của anh.

- Giá có ai tặng em một bông hồng vàng! - Xuyzan thở dài - Cái đó chắc chắn sẽ mang lại cho em hạnh phúc. Em vẫn nhớ câu chuyện anh kể trên tàu, anh Giảng ạ!

- Biết đâu đấy! - Samet trả lời - Nhưng dù sao thì người mang bông hồng vàng đến cho em cũng chẳng phải là cái anh chàng quý phái này đâu. Em tha lỗi cho anh, anh là một thằng lính. Anh không ưa bọn công tử bột.

1. Nguyên văn: đã hơi bị sứt mẻ.

Hai người trẻ tuổi đưa mắt cho nhau. Gã diễn viên nhún vai. Chiếc xe chuyển bánh.

Thường thường cứ hết ngày là Samet đổ đi tất cả những rác rưởi mà anh quét dọn ở các xưởng thủ công. Nhưng sau lần gặp Xuyzan anh thôi không đổ bụi ở những hiệu kim hoàn đi nữa. Anh giấu giếm bỏ chúng vào một cái túi và mang về lều mình. Hàng xóm cho rằng anh chàng hốt rác nọ đã trở thành “ngân ngò”. Hiếm người biết rằng trong bụi đó có chứa một ít bột vàng, bởi vì những người thợ kim hoàn khi làm việc thế nào cũng làm hao đi một ít kim loại quý đó.

Samet quyết định sẽ sàng bụi lấy vàng, đúc thành một thoi nhỏ và dùng nó đánh một bông hồng vàng mang lại hạnh phúc cho Xuyzan. Mà rất có thể, như mẹ anh đã nói, nó còn mang lại hạnh phúc cho nhiều người bình thường khác nữa. Biết đâu đấy! Anh quyết không gặp lại Xuyzan khi bông hồng chưa được làm xong.

Samet không kể cho ai nghe chuyện đó. Anh sợ bọn cảnh sát và nhà cầm quyền. Ai mà biết được bọn quan tòa nhiều sự sẽ giở trò gì. Chúng có thể buộc anh tội ăn cắp, tống anh vào tù và lấy mất số vàng anh có. Dù sao vàng cũng chẳng phải của anh.

Trước khi đăng lính, Samet là cố nông trong trang trại của một ông mục sư nông thôn và vì thế anh biết sàng sảy. Những hiểu biết đó đối với anh bây giờ hóa ra lại có ích.

Anh nhớ rằng khi quạt lúa mì thì những hạt nặng rơi xuống đất còn bụi thì bị gió cuốn đi.

Samet làm một cái quạt gió nho nhỏ và đêm đêm, ở sân nhà, anh quạt bụi lấy được trong các hiệu kim hoàn. Anh hồi hộp mãi cho đến lúc trông thấy lơ mờ một lớp bụi vàng vàng lấp lánh trên ngăn gỗ.

Đến lúc có đủ bụi vàng để đánh được một thỏi thì đã mất nhiều thời gian lắm. Nhưng Samet chưa đưa cho thợ kim hoàn đánh bông hồng vàng vội.

Không phải Samet thiếu tiền thuê thợ: bất cứ người thợ kim hoàn nào cũng bằng lòng đánh bông hồng để lấy tiền công bằng một phần ba thỏi vàng và như thế họ cũng đã hài lòng lắm rồi.

Duyên do không phải vì thế. Càng ngày, giờ gặp gỡ Xuyzan càng gần. Nhưng không biết từ lúc nào, Samet bắt đầu sợ cái giờ ấy.

Tất cả sự trù mến từ lâu dồn nén trong đáy lòng, Samet muốn dành cho nàng, cho Xuzi. Nhưng ai cần đến cái trù mến của con người tàn tạ và dị dạng kia chứ! Samet từ lâu đã nhận thấy rằng gặp anh người ta chỉ muốn bỏ đi cho nhanh và quên phút cái bộ mặt hốc hác xám ngoét với làn da chảy xệ và đôi mắt chòng chọc của anh.

Trong túp lều của Samet có một mảnh gương vỡ. Họạ hoàn lắm Samet mới soi gương, nhưng hễ cứ soi vào là anh

văng một câu chửi tục và quăng vội mảnh gương đi. Thà đừng nhìn thấy mình còn hơn, cái thân hình góm ghiếc lê lét trên đôi chân tê thấp khắp khiêng.

Cuối cùng, khi đã đánh xong bông hồng, Samet mới biết Xuyzan đã rời Pari đi Mỹ từ một năm trước, và theo người ta nói nàng đi hẳn, không về nữa. Không ai có thể cho Samet biết địa chỉ của nàng.

Thoạt đầu, Samet thậm chí còn thấy nhẹ hẫng người. Nhưng rồi tất cả sự chờ đợi cuộc gặp gỡ dầm ảm và thanh thản với Xuyzan không hiểu sao đã biến thành một mảnh sắt rỉ. Mảnh sắt nhọn ấy mắc trong lồng ngực anh, ngay ở bên tim và Samet cầu trời cho nó mau mau đâm thẳng vào trái tim ốm yếu ấy đi, cho tim anh vĩnh viễn ngừng đập.

Samet bỏ việc quét dọn trong các xưởng kim hoàn. Anh nằm trong túp lều của mình mấy ngày liền, quay mặt vào tường. Anh im lặng và chỉ mỉm cười một lần, đưa cánh tay áo cũ lên mắt. Không có ai nhìn thấy anh khóc. Hàng xóm láng giềng cũng chẳng có ai sang thăm anh: người nào cũng có chán vạ cái lo âu bận bịu của mình.

Chỉ có một người theo dõi Samet. Đó là người thợ bạc đứng tuổi đã đánh từ thỏi vàng ra một bông hồng rất tinh xảo. Cùng trên một cành, bên cạnh bông hoa, người thợ bạc đánh thêm một nụ hồng bé nhỏ và nhọn hoắt.

Người thợ bạc đến thăm Samet nhưng không mang

thuốc đến cho anh. Ông ta cho rằng có mang cũng vô ích.

Thực thế, Samet đã lặng lẽ qua đời, trong một lần đến thăm của người thợ bạc. Ông ta nâng đầu anh thợ quét rác lên, lấy ở dưới cái gối xám ra bông hồng vàng bọc trong cái nơ nhàu nát màu xanh, khẽ khếp cái cánh cửa cọt kẹt lại, rồi thông thả đi ra. Từ chiếc nơ xông lên mùi chuột.

Lúc đó vào cuối thu. Màn đêm rung động vì gió và vì những đốm lửa nhấp nháy. Người thợ bạc nhớ đến nét đổi thay trên mặt Samet sau khi anh chết. Bộ mặt trở nên nghiêm nghị và trầm tĩnh. Người thợ bạc thấy niềm cay đắng hiện trên mặt anh còn tuyệt đẹp nữa là khác.

“Cuộc sống không cho người ta cái gì thì cái chết lại đem cho người ta”, người thợ bạc vốn quen với những ý nghĩ rẻ tiền nghĩ như vậy và thở dài.

Ít lâu sau người thợ bạc đem bông hồng vàng nọ bán cho một nhà văn đã có tuổi ăn mặc lôi thôi lố thốc, và theo nhận xét của bác thợ, nhà văn này cũng chẳng giàu gì cho lắm để có thể cho phép mình mua một vật đắt tiền đến thế.

Hẳn câu chuyện về bông hồng vàng do người thợ bạc kể lại cho nhà văn đã đóng vai trò quyết định trong việc mua bán nọ. Như những ghi chép của nhà văn già mà mới có người biết được câu chuyện đau buồn trong đời người cựu binh trung đoàn thuộc địa thứ Hai mươi bảy là Giảng Samet.

Trong những ghi chép của ông, nhà văn đại khái có viết:

“Mỗi phút, mỗi lời tình cò được nói ra và mỗi cái nhìn vô tình ta bắt gặp, mỗi ý nghĩ sâu sắc hoặc vui đùa, mỗi rung động thâm lặng của con tim, cũng như cả đến một bông xấp của hoa dương đang bay hay lửa sao trong một vũng nước đêm - tất cả những cái đó đều là những hạt rất nhỏ của bụi vàng.

Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn dãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt cát đó, lặng lẽ thu góp lại cho mình, biến chúng thành một hợp kim và rồi từ hợp kim đó ta đánh “bông hồng vàng” của ta - truyện, tiểu thuyết hay là thơ.

Bông hồng vàng của Samet! Đối với tôi có phần nào là hình tượng tương lai của hoạt động sáng tạo của chúng ta. Thật là lạ lùng khi chẳng có ai chịu bỏ sức lao động của mình ra nghiên cứu xem từ những hạt bụi quý ấy đã phát sinh ra nguồn văn học sinh động như thế nào.

Nhưng cũng giống như bông hồng vàng của người thợ hốt rác già kia làm ra là để cho Xuyzan được hạnh phúc, sáng tác của chúng ta là để cho cái đẹp của trái đất, cho lời kêu gọi đấu tranh vì hạnh phúc, vì niềm vui và tự do, cho cái cao rộng của tâm hồn người và sức mạnh của trí tuệ chiến thắng bóng tối và cho chúng rực rỡ như một mặt trời không bao giờ tắt”.

Chuyến xe đêm

Tôi muốn viết hẳn một chương riêng về sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó tới đời sống của chúng ta. Nhưng sau khi suy nghĩ, tôi đã viết thay vào đó một truyện ngắn về nhà thơ Andécxen. Tôi nghĩ rằng truyện ngắn này có thể thay thế cho chương sách và hơn nữa, nó có thể làm ta hình dung rõ ràng trí tưởng tượng hơn là những câu chuyện chung chung về đề tài này.

Trong cái khách sạn bẩn thỉu và cũ kỹ này của thành Vonizo không bói đâu ra mực, mà kể ra ở đây người ta cần quái gì phải có mực kia chứ. Để viết những bản thanh toán quá giá cho khách trọ chẳng?

Thật ra, khi Andécxen mới đến khách sạn này thì trong cái bình mực bằng thiếc cũng vẫn còn lại một ít. Chàng dùng mực ấy viết một câu chuyện cổ tích. Nhưng câu chuyện mỗi lúc một nhợt nhạt trông thấy bởi Andécxen đã mấy lần pha thêm nước lã vào mực. Thế là chàng không viết hết được câu chuyện - cái đoạn kết vui vẻ của nó vẫn còn nằm ở lại đáy lọ.

Andécxen tùm tùm cười và quyết định sẽ đặt tên cho câu chuyện cổ tích sau là *Câu chuyện còn nằm dưới đáy bình mực cạn*.

Chàng yêu mến Vonizo và đặt tên cho nó là “bông sen úa”.

Những đám mây đen, thấp, cuộn cuộn trên mặt biển mùa thu. Trong những con sông đào róc rách một thứ nước hôi hám. Gió lạnh thổi trên những ngã ba, ngã tư đường phố. Nhưng khi mặt trời vừa ló ra thì màu đá hồng nổi lên từ dưới đám rêu xanh và sau khung cửa sổ, cả thành phố hiện ra như một bức tranh của nhà danh họa già Kanalettô ⁽¹⁾ của thành Vonizo.

Thật vậy, Vonizo tuy hơi buồn nhưng thật là đẹp. Nhưng đã đến lúc phải xa nó để đi tới những thành phố khác.

Vì thế mà Andécxen đã chẳng luyến tiếc bao nhiêu khi bảo gã bồi phòng đi mua vé cho chuyến xe đêm sang Vêrôn.

Gã bồi phòng thật xứng với cái khách sạn. Đó là một anh chàng lười biếng, lúc nào cũng ngà ngà say, hay cấp vật nhưng có bộ mặt hồn nhiên và cởi mở. Gã chưa hề dọn phòng cho Andécxen lần nào, đến nỗi có việc quét cái sàn đá thôi gã cũng chẳng làm.

Từ những cái màn nhung đỏ thắm ở cửa, mỗi bay ra

1. Antonio de Canaletto, nhà danh họa người Ý (1698-1786).

trông giống những đàn ong vàng óng. Muốn rửa mặt phải dùng cái chậu sứ rạn có hình những cô gái vú nở đang tắm. Cây đèn dầu đã gãy. Thay vào đó người ta đặt trên bàn một chân nến nặng nề bằng bạc trên có một mẫu nến thừa - thứ nến làm bằng mỡ lợn - chưa cháy hết. Có lẽ từ thời vua Tixian người ta chưa hề lau rửa cho nó.

Từ dưới tầng thứ nhất, nơi có đặt quán rượu rẻ tiền sặc sụa mùi thịt cừ rán và mùi tỏi. Những cô gái trẻ bận áo lót nhung xò xạc buộc lỏng lẻo bằng những dải đã đứt, suốt ngày cười oang oang và gây lộn với nhau.

Đôi khi họ đánh nhau, giằng kéo, túm lấy tóc nhau. Những lúc ấy nếu Andécxen đi qua đám đánh nhau thì chàng dừng lại và thán phục nhìn những mái tóc rối tung, những bộ mặt đỏ gay vì tức giận và những con mắt long lanh khao khát trả thù.

Nhưng đáng yêu hơn cả tất nhiên vẫn là những giọt nước mắt tức giận trào ra và chảy trên gò má như những hạt kim cương.

Khi thấy chàng, họ diu đi, ngượng ngùng trước cái ông khách gầy còm và lịch sự có cái mũi thanh tú. Họ tưởng chàng là một người làm trò quỷ thuật vừa ghé qua đây mặc câu họ gọi chàng là “xi nho thi sĩ”⁽¹⁾ với một vẻ kính nể. Theo hiểu biết của họ chàng là một nhà thơ kỳ dị. Chàng

1. Ngài thi sĩ, tiếng Ý, tỏ vẻ kính trọng.

sống không hăng say. Chàng không hát theo cây đàn lục huyền những khúc thuyền ca làm tan nát lòng người và không mê hết người đàn bà này đến người đàn bà khác. Chỉ có mỗi một lần chàng rút lấy bông hồng đỏ thắm vẫn thường cài ở khuyết áo ra tặng cho cô bé rửa bát xấu xí nhất bọn. Hơn nữa cô ta lại còn đi khắp khiêng, lác lư như một con vịt.

Khi gã bồi phòng đi rồi, Andécxen chạy lại cửa sổ, hé mở chiếc rèm nặng nề và trông thấy gã vừa đi vừa huýt sáo miệng dọc bờ con sông đào. Khi đi ngang qua chị hàng tôm mặt đỏ gay gã liền giơ tay ra bóp vú và bị một cái tát văng óc.

Sau đấy, gã đứng lại rất lâu trên chiếc cầu cong và chăm chú nhỏ vào cái vỏ trứng rồng trôi lênh bênh dưới chân cầu. Cuối cùng gã nhỏ trứng và chiếc vỏ trứng chìm lỉm. Đoạn gã lại gần chú bé đội chiếc mũ dạ rách. Chú bé đang câu cá. Gã bồi phòng ngồi xuống một bên, dăm dăm nhìn chiếc phao và chờ xem có con cá lang thang nào cắn không.

- Trời! - Andécxen tuyệt vọng kêu lên - Chẳng có lẽ mà hôm nay mình sẽ không đi Vêrôn được vì cái thằng dân dộn này ư?

Andécxen mở toang cửa sổ ra. Tiếng kính cửa rung mạnh đến nỗi gã bồi phòng nghe thấy và ngẩng đầu lên. Andécxen giơ hai tay lên trời, phần nộ lác lác hai quả đấm, dọa nạt.

Gã bồi phòng giật chiếc mũ của thằng bé, hoan hỉ giơ chiếc mũ vẫy Andécxen rồi chụp lên đầu thằng bé và nhảy lên, biến mất vào một góc phố.

Andécxen phá lên cười. Chàng không tức giận chút nào. Cả đến những chuyện ngộ nghĩnh vặt vãnh như thế cũng chỉ làm cho thú say mê du lịch trong người chàng mỗi ngày một mạnh thêm.

Du lịch bao giờ cũng hứa hẹn những điều bất ngờ. Ai mà biết trước được lúc nào sẽ có cái nhìn hóm hỉnh của người đàn bà ánh lên trong khóe mắt; lúc nào những ngọn tháp của một thành phố không quen biết sẽ hiện ra ở đằng xa, và những cột buồm của những con tàu lớn sẽ nghiêng ngả ở chân trời! Ta không thể biết trước những vần thơ nào sẽ đến với ta trước cảnh con giông gầm thét trên dãy núi Anpơ, và giọng ai sẽ hát cho ta nghe, như tiếng nhạc ngựa đường xa, bài hát về một cuộc tình duyên dang dở.

Gã bồi phòng mang tám vé xe về những không trả lại tiền thừa. Andécxen túm lấy cổ gã và lịch sự tổng ra ngoài hành lang. Ở đó chàng đùa bỡn đập nhẹ lên gáy gã một cái và gã bồi phòng liền phóng thẳng xuống cái cầu thang ọp ẹp, nhảy cách bậc và hát âm ỉ.

*

* *

Xe vừa đi khỏi Vonizo thì trời bắt đầu mưa lâm thâm.

Đêm tối hạ xuống đậm lấy.

Người đánh xe nói rằng chính quý vương đã bày ra chuyện bắt xe từ Vonizo đến Vêrôn phải đi đêm đi hôm thế này.

Hành khách không trả lời. Người đánh xe im lặng rồi giận dữ nhỏ bọt và báo trước để hành khách biết rằng ngoài mẩu nến tàn trong cái đèn bằng sắt tây, không còn một cây nến nào hết.

Không ai chú ý đến chuyện đó. Người đánh xe bèn tỏ vẻ hoài nghi về đầu óc minh mẫn của khách trên xe và nói thêm rằng Vêrôn là một chốn hang cùng, người đứng đắn không ai đến đó làm gì.

Hành khách biết gã nói bậy nhưng chẳng ai buồn phản đối.

Trên xe cả thấy có ba người: Andécxen, một giáo sĩ đã có tuổi, vẻ mặt cau có, và một thiếu phụ mặc chiếc áo choàng màu sẫm. Andécxen có cảm giác như thiếu phụ lúc thì trẻ, lúc thì già, lúc thì đẹp, lúc thì xấu. Tất cả cái đó là do ánh lửa lập lờ của ngọn nến sắp cháy hết trong đèn gây nên.

- Hay là ta tắt nó đi? - Andécxen hỏi - Giờ cũng chẳng cần đến nó. Rồi đến lúc cần lại chẳng có gì mà thấp.

Giáo sĩ kêu lên:

- Đây là một ý nghĩ không bao giờ có thể có trong đầu một người Ý.

- Tại sao vậy?

- Người Ý không biết phòng trước cái gì hết. Họ sợ nhớ ra và kêu la ầm ĩ khi đã chẳng còn cách nào cứu vãn.

Andécxen hỏi:

- Thưa cha, vậy thì chắc cha không phải là người của cái dân tộc nhẹ dạ ấy?

- Tôi là người Áo!

Giáo sĩ trả lời một cách giận dữ.

Câu chuyện dứt. Andécxen thổi tắt ngọn nến. Một lát sau thiếu phụ lên tiếng:

- Ở cái vùng này của nước Ý đi đêm không đèn thế mà lại hay cơ đấy.

- Dù thế nào thì tiếng bánh xe cũng vẫn cứ tố cáo chúng ta đang ở trên xe - giáo sĩ phản đối và nói thêm - Đàn bà đi đêm đi hôm, lẽ ra phải có người nhà đi hộ tống.

Thiếu phụ trả lời và cười hóm hỉnh:

- Người hộ tống của tôi ngồi kế tôi đó.

Thiếu phụ muốn nói Andécxen. Chàng liền trật mũ cảm ơn người bạn đồng hành.

Ngọn nến vừa tắt thì tiếng động và mùi hương xông lên càng mạnh, như thể chúng mừng rỡ vì đối thủ của mình đã biến mất. Tiếng vó ngựa, tiếng lạo xạo của bánh xe lăn trên sỏi, tiếng nhíp xe cọt kẹt và tiếng mưa vỗ lộp bộp vào

mùi xe nghe càng to. Mùi cỏ ẩm ướt và mùi bãi lầy lọt vào qua cửa xe cũng đậm thêm.

- Là thật! - Andécxen nói - Ô Ý, tôi định mình sẽ được thấy mùi rừng buổi, hóa ra lại gặp cái không khí đất nước phương bắc của tôi.

Thiếu phụ nói:

- Sắp khác rồi, ông ạ! Xe đang lên đồi. Trên kia không khí ẩm hơn.

Ngựa đi bước một. Quả thực xe đang lên một sườn đồi thoải thoải.

Nhưng đêm không vì thế mà sáng hơn. Trái lại, trời càng tối vì hai bên đường kéo dài những hàng du cổ thụ. Dưới cành lá lòa xòa bóng tối càng dày đặc hơn và im lặng hơn. Chỉ hơi nghe rõ tiếng mưa rì rào trên lá.

Andécxen hạ cửa xuống. Một cành du ngó vào xe. Andécxen bút vài chiếc lá làm kỷ niệm.

Giống như nhiều người giàu tưởng tượng, chàng say mê thu lượm đủ mọi thứ lật vật trong những chuyến đi. Nhưng những cái lật vật ấy có một đức tính quý báu: chúng làm sống lại dĩ vãng, nhắc lại cái trạng thái tâm hồn đã có trong chàng đúng lúc chàng nhặt những mảnh vỡ của một bức môzai ⁽¹⁾ một chiếc lá du hay móng sắt của một con lừa nào đó.

1. Bức họa ghép bằng các mảnh đá màu hoặc sứ màu.

- Đêm rồi! - Andécxen tự nhủ.

Lúc này chàng thích bóng tối hơn là ánh sáng mặt trời. Bóng tối cho phép chàng được yên tĩnh suy nghĩ về mọi thứ trên đời. Và khi chàng suy nghĩ đã chán thì bóng tối lại giúp chàng tưởng tượng ra đủ mọi thứ chuyện trong đó nhân vật chính là bản thân chàng.

Trong những câu chuyện đó Andécxen bao giờ cũng hình dung mình là một người rất đẹp trai, trẻ trung, hoạt bát. Chàng hào hiệp phân phát cho người xung quanh những lời nói làm họ say sưa, những lời mà các nhà phê bình đa cảm gọi là “hoa thơ”.

Thực ra, chàng rất xấu trai và biết rõ điều đó. Chàng cao ngồng và nhút nhát. Tay chân chàng lỏng thòng như tay chân con rối dưới sợi dây treo. Nhưng con rối mà ở tổ quốc chàng trẻ con gọi là “hampenman”.

Với những đặc tính như thế chàng không hy vọng gì được phụ nữ chú ý. Nhưng khi những thiếu phụ đi qua mặt chàng như qua một cái cột đèn thì lòng chàng vẫn cứ thấy đau đau.

Andécxen thiu thiu ngủ.

Khi chàng mở mắt, vật mà chàng nhìn thấy trước tiên là một ngôi sao lớn màu lá mạ. Nó tỏa sáng ngay sát mặt đất. Đêm chùng đã khuya.

Xe đã dừng lại. Ở bên ngoài có tiếng nói lao xao.

Andécxen lắng tai nghe. Người đánh xe đang mà cả với máy cô gái vừa gọi xe đỗ lại giữa đường.

Những giọng nói của các cô gái cứ ngọt lịm và ròn vang đến nỗi cái cuộc mà cả du dương ấy giống như là khúc ngâm của một vở ca kịch cổ.

Người đánh xe không bằng lòng cho họ tới một thị trấn chắc là rất nhỏ bé nào đó với giá tiền họ trả. Những người con gái nhao nhao nói rằng họ đã gom góp tất cả tiền túi của họ lại và cả ba không còn tiền nữa.

- Thôi được! - Andécxen bảo người đánh xe - Tôi sẽ trả nốt số tiền thiếu mà anh đã cần rõ đòi họ. Tôi sẽ còn trả thêm nữa nếu như anh thôi không ăn nói bất lịch sự với khách và tán dóc.

- Thôi được, mời các mỹ nương lên - Người đánh xe nói với các cô gái - Hãy cảm ơn Đức mẹ đã dun dủi cho các cô gặp cái ông hoàng ngoại quốc quen ném tiền qua cửa sổ này. Thực ra, ông ấy chẳng qua không muốn xe phải đậu lại vì các cô, thế thôi. Chứ ông ấy bấu các cô lắm đấy!

- Giêsu, lạy Chúa tôi! - nhà tu hành rên rỉ.

- Các cô lại ngồi gần tôi cho ấm - thiếu phụ nói.

Mấy cô gái chuyển cho nhau đồ đạc, rì rầm bàn tán và lên xe, chào mọi người, bẽn lẽn cảm ơn Andécxen rồi ngồi xuống và im lặng.

Họ mang theo lên xe mùi phở mát sữa cừu và mùi bạc

hà. Andécxen lơ mờ trông thấy lấp lánh những hạt thủy tinh trong những đôi hoa tai rẻ tiền của các cô gái.

Xe đi. Sỏi lại lạo xạo dưới bánh. Các cô gái bắt đầu thì thầm nói chuyện:

- Họ muốn biết ông là ai, có thật là một ông hoàng ngoại quốc không? Hay chỉ là một du khách bình thường?

Thiếu phụ lên tiếng và Andécxen đoán rằng nàng đang mỉm cười trong bóng tối.

- Tôi là nhà tiên tri - Không dẫn do, Andécxen đáp - Tôi có tài biết được tương lai và nhìn rõ trong bóng tối. Nhưng tôi không phải là một tên bịp bợm. Và, nếu như bà muốn, tôi là một thứ ông hoàng, nếu có thể nói như thế, một ông hoàng nghèo ở cái xứ sở mà Hamlet đã sống ngày xưa.

- Ông làm thế nào trông rõ được trong đêm như mực thế này? - một cô gái ngạc nhiên hỏi.

- Như cô chẳng hạn - Andécxen trả lời - Tôi nhìn thấy cô rõ đến nỗi trước vẻ kiêu diễm của cô lòng tôi đã phải say mê.

Chàng nói điều đó và cảm thấy mặt mình lạnh toát. Cái trạng thái mà chàng thường trải qua mỗi lần sáng tác thơ hoặc chuyện cổ tích đã đến gần.

Nỗi ưu tư nhẹ nhàng, những thác từ ngữ không hiểu từ đâu đến, cảm giác bất ngờ về sức mạnh của thơ ca, về quyền lực của mình đối với trái tim người, tất cả hòa hợp

trong trạng thái ấy.

Giống như trong một câu chuyện chàng viết, nắp chiếc rương thần cũ kỹ bỗng bật mở với một tiếng động ròn rã. Trong chiếc rương đồ giấu kín những ý nghĩ chưa thốt thành lời và những tình cảm còn ngủ yên, tất cả sự mê hoặc của trái đất - tất cả những màu, những sắc, những âm thanh, những làn gió ngát hương, những chân trời bát ngát của biển cả, tiếng ồn ào của rừng, những đàn vật của tình yêu và tiếng líu lo của con trẻ.

Andécxen không biết gọi trạng thái ấy là gì. Người thì gọi nó là cảm hứng, người thì gọi là sự phấn khởi, còn người khác thì lại gọi nó là tài xuất khẩu thành chương.

Im lặng một lát, chàng điềm đậm nói:

- Tôi tỉnh giấc và nghe thấy giọng các cô nói trong đêm. Các cô gái xinh đẹp ơi, như thế cũng đủ để cho tôi quen biết các cô và còn hơn thế nữa, đủ để cho tôi yêu các cô như những cô em gái qua đường. Tôi nhìn thấy các cô rất rõ. Đây này, thí dụ như cô, cô con gái có mái tóc sáng và nhẹ. Cô là cô gái hay cười khanh khách và cô yêu hết thảy mọi vật đến nỗi những con sáo rừng cũng phải sà xuống đậu trên vai cô khi cô vun xới trong vườn.

Một cô gái lớn tiếng thì thào:

- Ôi, Nicôlina, ông ấy nói dằng ấy đấy!

- Cô có một trái tim sôi nổi, cô Nicôlina ạ - Andécxen

vẫn điềm dạm nói tiếp - Nếu như chẳng may có chuyện gì không lành xảy tới với người yêu của cô, cô sẽ chẳng dẫn đo suy nghĩ vượt qua ngàn dặm núi tuyết và sa mạc để gặp mặt và cứu chàng. Tôi nói đúng không nào?

Nicôlina bối rối, ấp úng:

- Vâng, em sẽ đi thật... Nếu ông đã nghĩ như thế.

- Các cô tên là gì? - Andécxen hỏi.

Một cô trong bọn vui vẻ trả lời thay các bạn:

- Chúng em là Nicôlina, Maria và Anna.

- Cô Maria ạ, tôi thực không muốn nói về sắc đẹp của cô. Tôi nói tiếng Ý không thạo. Nhưng từ lúc thiếu thời tôi đã nguyện với Nàng Thơ rằng tôi sẽ ca tụng sắc đẹp, bất cứ tôi gặp nó nơi nào.

- Lạy Chúa tôi! - nhà tu hành nói khẽ - Ông ta bị nhện độc cắn rồi. Ông ta đã hóa rồ.

- Có những người đàn bà, quả là đẹp mê hồn. Phần nhiều, họ là những người bản tính kín đáo. Họ sống với niềm đam mê cháy bỏng trong lòng, không thổ lộ với ai. Niềm mê say đó tưởng chừng như từ bên trong tỏa ra làm cho mặt họ nóng bừng. Cô là một người như thế đấy, cô Maria ạ! Số mệnh của những người đàn bà ấy thường là kỳ lạ. Hoặc là rất đau khổ, hoặc là rất hạnh phúc.

- Ông đã gặp những người đàn bà như thế bao giờ chưa? - thiếu phụ hỏi.

- Ngay lúc này đây, tôi đã gặp họ - Andécxen trả lời - Tôi không phải chỉ nói về cô Maria mà cả về bà nữa, thưa bà.

- Tôi mong rằng ông nói thế không phải cốt cho đêm dài chóng qua - người đàn bà nói, giọng run run - Điều ông vừa nói thật là tàn ác đối với cô gái kiều diễm này.

Và nàng nói thêm, khe khẽ:

- Và cả với tôi.

- Thưa bà, chưa lúc nào tôi nghiêm chỉnh như lúc này.

- Vậy thì sao? - Maria hỏi - Liệu em có hạnh phúc hay không?

- Cô mong muốn nhận lãnh của cuộc đời rất nhiều mặc dầu cô chỉ là một cô gái quê giản dị. Vì thế mà cô không dễ dàng được hưởng hạnh phúc. Nhưng rồi cô sẽ gặp một người xứng đáng với trái tim hay đòi hỏi của cô. Người cô chọn tất nhiên là một người xuất sắc. Có thể người đó là họa sĩ, là nhà thơ, là chiến sĩ đấu tranh cho tự do của nước Ý... Mà cũng có thể đó chỉ là một chàng mục đồng hay một thủy thủ, nhưng là người có một tâm hồn lớn. Nói cho cùng, họ cũng chẳng có gì khác nhau.

- Thưa ông, em không nhìn thấy ông, vì thế em cứ hỏi mà không thẹn thùng - Maria rụt rè nói - Biết làm thế nào, nếu người ấy đã làm chủ trái tim em rồi. Em mới gặp chàng có vài bận, thậm chí cũng chẳng biết chàng bây giờ ở đâu.

- Cô cứ tìm đi! - Andécxen nói lớn - Rồi cô sẽ tìm thấy, chàng khắc yêu cô.

Anna vui vẻ nói:

- Maria! Thì đó là cái anh chàng họa sĩ ở Vêrôn đấy chứ ai...

- Im đi! - Maria mắng át.

Thiếu phụ nói:

- Vêrôn chẳng phải là một thành phố to lớn quá để đến nỗi không tìm nổi một người. Cô nhớ lấy tên tôi nhé. Tôi là Êlêna Guytsiôli. Tôi hiện ở Vêrôn. Cô cứ hỏi nhà tôi thì người Vêrôn nào cũng biết, họ sẽ chỉ cho cô. Còn cô Maria, cô đến Vêrôn đi. Và sẽ ở cùng tôi đến tận cái ngày hạnh phúc mà ông bạn đường thân yêu của chúng ta đã tiên đoán cho cô.

Trong bóng tối, Maria tìm bàn tay Êlêna và áp vào bên má nóng hổi của mình.

Mọi người im lặng. Andécxen nhận thấy ngôi sao xanh đã tắt. Nó đã rẽ xuống phía dưới chân trời. Nghĩa là đã quá nửa đêm.

- Kia, sao ông không đoán gì cho em? - Anna, cô gái nhanh mồm nhanh miệng nhất bọn hỏi.

- Cô sẽ có rất nhiều con - Andécxen nói một cách quả quyết - Chúng nó sẽ xếp thành hàng, nối đuôi nhau nhận phần sữa. Cô sẽ mất rất nhiều thì giờ để tắm rửa và chải

dầu cho cả lũ. Nhưng chồng cô sẽ giúp cô một tay.

- Có phải là Pêtrô không? - Anna hỏi - Em cần cái anh chàng béo ục ịch lắm đấy!

- Rồi cô còn mất nhiều thì giờ nữa để hôn vài lần trong một ngày những con mắt long lanh của hết thầy những thằng cu, cái dĩ của cô.

- Trong đất đai của giáo hoàng mà nó những lời lẽ điên rồ ấy thì thật là quá quẩn!

Giáo sĩ nói một cách bức bối nhưng không ai chú ý đến câu nói của ông ta.

Mấy cô gái lại thì thào với nhau chuyện gì không rõ. Tiếng cười luôn luôn cắt đứt tiếng xì xào. Cuối cùng Maria nói:

- Thưa ông, bây giờ đến lượt chúng em muốn biết ông là người thế nào. Chúng em thì lại không nhìn được trong bóng tối.

- Tôi là một nhà thơ đi khắp đó đây - Andécxen trả lời - Tôi còn trẻ. Tóc tôi rậm, uốn sóng và mặt tôi rậm rắng. Đôi mắt xanh của tôi hầu như lúc nào cũng cười bởi tôi sống không chút ưu tư và lòng chưa yêu ai. Công việc duy nhất của tôi là đem những món quà nhỏ tặng người khác và làm những việc lãng nhãng cốt sao cho mọi người được vui.

- Thí dụ những việc gì, thưa ông? - Êlêna hỏi.

- Biết kể chuyện gì cho bà nghe đây? Mùa hè năm ngoái tôi ở nhà một người quen làm nghề kiếm lâm ở xứ Giúytlan. Một hôm tôi dạo chơi trong rừng và tới một quãng rừng thưa, nơi có rất nhiều nấm. Ngay ngày hôm đó tôi trở lại cánh rừng ấy và giấu dưới mỗi cây nấm hoặc một cái kẹo bọc giấy bạc, một quả chà là, một bó hoa tí xiu bằng sáp, hoặc một cái dê khâu và một mẫu băng lụa. Sáng hôm sau tôi đi cùng với cháu gái con ông kiếm lâm vào cánh rừng đó. Cháu bé lên bảy. Thế là dưới mỗi gốc nấm cháu tìm thấy những vật bé nhỏ kỳ lạ kia. Chỉ thiếu có quả chà là. Hỏi một chú quạ nào đã tha đi mất. Ô, nếu bà được trông thấy đôi mắt sáng rực lên vì sung sướng của em bé! Tôi quả quyết với cháu rằng những vật đó là của những chú quỷ lùn đã giấu ở đấy.

- Ông đã đánh lừa một đứa bé ngây thơ! - giáo sĩ phản nộ - Đó là một tội lỗi lớn.

- Không đâu, đó chẳng phải là chuyện đánh lừa. Em bé sẽ nhớ ngày hôm đó suốt đời. Và tôi xin quả quyết với cha rằng trái tim cháu sẽ lâu cần cỗi hơn trái tim những người không được hưởng chuyện cổ tích ấy. Ngoài ra, thưa cha, tôi cũng muốn nói để cha biết rằng tôi vốn không ưa nghe những lời răn dạy mà người ta muốn buộc tôi phải nghe.

Xe dừng lại. Các cô gái ngồi im không nhúc nhích như bị bỏ bùa. Êlêna cúi đầu không nói.

Người đánh xe kêu lên:

- Này, các mỹ nương! Tỉnh dậy thôi! Đến nơi rồi.

Các cô gái lại thì thảo chuyện gì và đứng dậy.

Trong bóng tối Andécxen bỗng thấy hai cánh tay khỏe mạnh ôm lấy cổ chàng và một đôi môi nóng hổi áp vào môi chàng.

- Cảm ơn ông!

Đôi môi nóng hổi ấy thì thâm và Andécxen nhận ra giọng nói của Maria.

Nicolina cảm ơn chàng và hôn chàng một cách thận trọng và âu yếm, tóc cô mơn man trên mặt chàng. Cái hôn của Anna thì kêu và khỏe. Các cô gái nhảy xuống đất. Xe lại chuyển bánh trên con đường lát đá. Andécxen nhìn ra ngoài cửa kính. Nhưng chàng chẳng nhìn thấy gì ngoài những ngọn cây đen thẫm in trên nền trời đang chuyển dần sang màu lục nhạt. Bình minh bắt đầu.

*

* *

Thành phố Vêrôn làm chàng ngạc nhiên vì những tòa nhà tráng lệ. Mặt tiền trang nghiêm của những công trình xây dựng đó ganh đua với nhau. Sự hòa hợp của kiến trúc đáng lẽ phải giúp cho lòng người yên tĩnh. Nhưng lòng

Andécxen lại xáo động.

Buổi tối hôm đó, Andécxen đến giặt chuông căn nhà cổ kính của Êlêna trong một phố hẹp dẫn tới pháo đài.

Chính Êlêna thân ra mở cửa cho chàng. Cái áo nhung xanh bó sát lấy thân, màu xanh của nhung hất lên mắt nàng làm cho đôi mắt trở thành xanh và đẹp vô tả.

Nàng giơ cả hai tay đón chàng, những ngón tay lạnh của nàng nắm chặt lấy bàn tay to lớn của chàng, nàng đi giặt lùi kéo chàng vào một gian phòng nhỏ.

- Tôi nhớ quá chừng! - nàng nói một cách bình dị và mỉm cười như có lỗi - Tôi đã cảm thấy thiếu ông rồi.

Andécxen tái mặt. Cả ngày hôm ấy chàng chỉ nghĩ đến Êlêna, lòng xáo động âm thầm. Chàng biết rằng mình có thể yêu đến đau khổ mỗi lời nói của người đàn bà ấy, yêu từng chiếc lông mi rơi của người đó, từng hạt bụi vương trên tà áo nàng. Chàng hiểu điều đó. Và chàng nghĩ rằng một mối tình như thế nếu cứ để cho nó bùng lên thì trái tim chàng sẽ không chứa nổi. Nó sẽ mang lại biết bao đau vật, biết bao niềm vui, nước mắt và tiếng cười làm chàng không đủ sức chịu đựng tất cả những đổi thay và những bất ngờ của tình yêu đó.

Và biết đâu, chỉ vì mối tình kia mà những chuyện cổ tích của chàng, như một đàn ong sắc sỡ, sẽ chẳng nhạt phai, sẽ chẳng bỏ chàng bay đi để không bao giờ trở lại. Lúc

đó chàng sẽ còn giá trị gì?

Dù sao thì rồi tình yêu của chàng cuối cùng cũng sẽ chẳng được đáp lại. Bao lần chàng đã gặp những chuyện như thế. Những người đàn bà như Êlêna chỉ vâng theo những ý thích nhất thời. Một ngày đáng buồn kia nàng sẽ nhận thấy chàng xấu xí. Chính chàng cũng cảm thấy gớm ghiếc bản thân mình. Luôn luôn chàng cảm thấy ở sau lưng những cái nhìn chế giễu. Những lúc ấy đáng đi của chàng trở nên cứng quèo, chàng vấp ngã và chỉ muốn chui xuống đất.

Chàng tự nhủ: “Tình yêu chỉ có thể vĩnh cửu trong trí tưởng tượng và chỉ có trong tưởng tượng tình yêu mới có thể vĩnh viễn là thơ là mộng. Hình như tôi có thể tưởng tượng ra tình yêu giỏi hơn là được hưởng tình yêu trong thực tại”.

Chính vì thế mà chàng đã đến nhà Êlêna với ý định cương quyết là gặp nàng xong chàng sẽ đi ngay để không bao giờ gặp lại.

Chàng không dám nói thẳng điều đó ra với nàng. Giữa hai người đã có gì đâu. Họ chỉ mới gặp nhau ngày hôm qua trên một chuyến xe và chưa hề nói với nhau điều gì.

Andécxen dừng lại bên cửa phòng. Trong một góc, bức tượng đầu nữ thần Dian ⁽¹⁾ bằng đá trắng toát dưới ánh

1. Nữ thần săn bắn, bà chúa rừng, theo thần thoại La Mã.

sáng của những cây đèn, hình như tái nhợt đi vì xúc động trước sắc đẹp của chính mình.

- Ai đã làm cho gương mặt bà trở thành bất tử trong pho tượng Dian kia vậy! Andécxen hỏi.

- Canôva ⁽¹⁾ đấy!

Êlêna trả lời và cúi mặt xuống. Hình như nàng đã đoán được tất cả những gì đang xốn xang trong lòng chàng.

- Tôi đến đây để từ biệt bà - Andécxen lăm bắm bằng một giọng trầm trầm - Tôi sắp trốn khỏi Vêrôn.

- Tôi biết ông là ai rồi - Êlêna nhìn thẳng vào mặt chàng - Ông là Krixtian Andécxen, nhà thơ và người viết truyện cổ tích danh tiếng. Nhưng hóa ra trong cuộc đời ông lại sợ chuyện cổ tích. Đến nỗi ông cũng chẳng có đủ nghị lực và can đảm, thậm chí cho một cuộc tình ngắn ngủi.

Andécxen thú nhận:

- Đó là cây thập tự nặng nề của tôi.

- Vậy thì nhà thơ phiêu lãng thân yêu của em! - Êlêna chưa chát nói và đặt tay lên vai Andécxen - Anh hãy chạy đi. Chạy cho thoát! Chúc cho đôi mắt anh mãi mãi tươi cười. Đừng nghĩ gì đến em. Nhưng nếu một ngày kia, tuổi già, nghèo nàn và bệnh tật có làm anh đau khổ thì anh chỉ cần nhấc cho em một lời, em sẽ như cô Nicôlina nọ, sẽ đi bộ vượt

2. Antonio Canova (1751-1822) nhà điêu khắc nổi danh người Ý.

qua ngàn dặm qua những núi tuyết và những sa mạc khô cằn để tới an ủi anh.

Nàng gieo mình xuống chiếc ghế bành và lấy tay che kín mặt. Những ngọn nến trên giá nổ lách tách.

Andécxen nhìn thấy một giọt nước mắt long lanh rỉ qua những ngón tay nhỏ nhắn của Êlêna rơi xuống vạt áo nhung và lăn đi.

Chàng xô tới, quỳ xuống trước mặt nàng, áp mặt vào đôi bàn chân ấm áp, khỏe mạnh và dịu dàng của nàng. Êlêna vẫn nhắm mắt, đưa tay ra ôm lấy đầu chàng, nàng cúi xuống và hôn vào môi chàng.

Giọt nước mắt nóng hổi thứ hai rơi xuống mặt chàng. Chàng cảm thấy vị mặn của nó.

- Anh đi đi! - nàng nói khề - Cầu cho Nàng Thơ tha mọi tội lỗi cho anh.

Chàng đứng dậy, cầm lấy mũ và bước vội ra ngoài.

Chuông châu đỏ hồi trên toàn thành Vêrôn.

Hai người không bao giờ gặp nhau nữa, nhưng luôn luôn nghĩ đến nhau.

Có lẽ vì thế ít lâu trước khi nhắm mắt Andécxen đã nói với một nhà văn trẻ:

- Tôi đã trả bằng một giá đắt, có thể nói vô cùng đắt cho những truyện cổ tích của tôi. Vì chúng, tôi đã chối bỏ

hạnh phúc mà lẽ ra tôi được hưởng và đã bỏ lỡ mất khoảng thời gian mà đáng lẽ trí tưởng tượng, dù cho có mạnh mẽ và hào nhoáng đến mấy, cũng phải nhường chỗ cho thực tế.

Bạn ơi, phải biết cách vận dụng trí tưởng tượng không phải để tạo ra đau buồn, mà để mang lại hạnh phúc cho mọi người và cho bản thân mình.

Đám đông trên đại lộ bờ biển

Con tôi, một thiếu phụ trẻ, vốn thích gây ra những chuyện bất ngờ, nói với tôi:

- Khi nào cha đặt chân lên bờ biển Nêapôn thì xin cha hãy đem con *matoriôska* này tặng em bé gái Ý đầu tiên mà cha gặp.

Tôi đồng ý. Biết đâu việc con tôi nhờ lại chẳng dẫn đến một sự kiện trớ trêu nào đó. Chúng ta đã mất hết thói quen đối với những sự kiện loại đó.

Rất có thể không phải ai cũng hình dung được *matoriôska* là cái gì. Đó là một con búp bê gỗ, giống như con lật đật. Nó mang hình một cô thôn nữ Nga. *Matoriôska* rỗng ruột và dễ dàng tách ra làm đôi. Ở trong *matoriôska* người ta đặt vài *matoriôska* nhỏ hơn, đặt theo độ lớn của từng con. Nếu ta đem *matoriôska* cho một người lạ mặt, thí dụ như một người ngoại quốc, thì chưa chắc anh đã đoán được rằng trong con *matoriôska* kia còn giấu nhiều con *matoriôska* giống như thế.

Trước ngày tôi lên đường, con *matoriôska* choàng khăn san đỏ thắm vẫn đứng trên bàn làm việc của tôi. Thân nó được quét một lượt sơn dày và lấp lánh như làm bằng thủy tinh.

Trong mình con *matoriôska* còn giấu năm con *matoriôska* nữa, mỗi con quàng một chiếc khăn san màu khác nhau: xanh lá cây, vàng, xanh lam, tím và sau rốt là con *matoriôska* nhỏ nhất, nhỏ bằng cái đê, quàng khăn trang kim.

Người thợ cả nông thôn đã tặng cho các *matoriôska* sắc đẹp Nga: những đôi lông mày đen nhánh như lông hắc điểu thử và màu da hồng như những hòn than rực cháy. Trên đôi mắt xanh của các *matoriôska* ông vẽ những hàng lông mi dài đến nỗi chúng chỉ cần chớp một cái thôi cũng đủ để những trái tim đàn ông tan nát.

Từ thuở còn thơ tôi đã hình dung Nêapôn một cách khá rõ ràng, thậm chí còn với một số chi tiết.

Trong thực tế, Nêapôn hình như đã xê dịch trong không gian và trong màu sắc. Mọi cái mà tôi quen hình dung là ở bên phải thì lại ở bên trái, cái có màu trắng trong tường tượng thì lại là màu ô liu hay màu nâu, còn những đám khói cổ điển trên núi của Vêduyvo thì đã biến mất hoàn toàn. Vêduyvo không phun khói đã hai năm. Người ta nói rằng nó vĩnh viễn tắt.

Tàu của chúng tôi cập bến ⁽¹⁾ gần lâu đài Caxten - Nuôvô vào lúc sáng sớm. Trên bến tùm tùm những cô mục bận đồ đen và đội khăn trắng ⁽²⁾. Từ xa họ đã hồi hả làm dấu và ban phúc lành cho tàu chúng tôi.

Bất thành linh một bà Nhất già to béo đi *xcuto* ⁽³⁾ đến gần các cô mục và giậm dũ thét lớn. Các cô mục sợ hãi nhìn quanh rồi lon ton chạy nước kiệu khỏi tàu chúng tôi và lẫn vào trong nàn sương sớm của phố phường Nêapôn. Bà Nhất rú máy *xcuto*, phóng theo họ.

Chắc là đã xảy ra một sự nhầm lẫn, các cô mục đã đón tiếp và ban phúc lành cho một con tàu hoàn toàn không phải là con tàu mà họ chờ đợi.

Đúng như vậy, một lát sau chiếc Palécmô già cỗi, vẹo một bên thành, đến cập bến bên cạnh chúng tôi. Lá cờ Ý đã bạc màu ử rử treo phía lái. Tàu Palécmô chở những người hành hương từ Palestín đến viếng mộ Chúa.

Từ tàu Palécmô bay ra mùi bã cà phê và mùi *ladan* ⁽⁴⁾. Trong các phòng treo những cây thánh giá đen và những bó nhỏ cỏ gai. Đó là những giống mao thảo và cỏ gai, thức

1. Đập chắn sóng, đồng thời dùng làm bến đỗ.

2. Loại khăn riăng, là cứng bề thành hình xòe ra trên đầu những cô mục, bà mục (phụ nữ đi tu kín theo đạo Thiên chúa).

3. Loại xe thấp ai bánh hơi, chạy bằng máy nổ, nói chung các xe như Vespa, Lamtetta.

4. Một thứ như cây ở đảo Crếp dùng làm thuốc hay hương phẩm.

ăn thảm hại của lạc đà, cừu, những loại cỏ cứng như gỗ của sa mạc.

Palécmô đổ những người hành hương lên bộ rồi lập tức dựa vào bến, ngủ thiếp đi. Thỉnh thoảng nó lại khoan khoái xả hơi nước. Những cây rong biển xù xì rậm rịt treo mình lủng lẳng nơi đáy tàu sơn đỏ, tưởng chừng con tàu già khom này đã mệt mỏi với chuyến đi dài kia đến nỗi nó chẳng còn đủ sức để cạo râu.

Nhưng rủi cho Palécmô, người ta không cho nó ngủ được lấy nửa tiếng. Hai chiếc tàu dặt lổ mẫm với những ống khói lệch về một phía đến bên Palécmô, móc dây cáp vào con tàu còn đang mê ngủ, kéo nó ra khỏi bến để lấy chỗ cho chiếc tàu Hoa Kỳ "Tổng thống Huve".⁽¹⁾

Anh chàng Hoa Kỳ nọ trắng, dài và dẹt ngán. Nó chở tới Nèapôn các du khách, phần lớn là những người đứng tuổi. Trên boong, những bà quý phái bị phấn li đi lại lại, lạch bạch trong những bộ quần áo tắm nhả nhúm với những cặp kính râm đủ mọi hình thù quái dị: hình con dơi, hình bình hành, hình những con bướm nhiệt đới và hình dù nhảy. Bọn đàn ông mặc quần đùi đi lại không hề ngượng ngập với đôi chân gà trống xanh lợt của mình.

Nhưng ở đây, ở Nèapôn nơi màu sắc trời mây và biển đang biến toàn thế giới hữu hình thành một làn khói lam

1. Herbert Charles Hoover - Tổng thống Hoa Kỳ từ 129 đến 1933.

uyển chuyển, và đêm đêm nức nở giọng những người hát rong trên các phố, cái lạ đồng thời cũng khó chịu nhất chính là ở chỗ lũ đàn ông và đàn bà Hoa Kỳ kia hóa ra là những kẻ đáng ngán và vô vị hết chỗ nói và tất nhiên, là những kẻ không chịu từ bỏ lấy một chút gì trong những thói quen hủ lậu của họ. Đối với họ, thế giới này chẳng có gì đáng ngạc nhiên hết. Đất đai đã không cho họ đủ sở cú để mà khâm phục, mặc dầu thỉnh thoảng nó cũng xứng với những cái vỗ vai khích lệ.

Qua gian phòng hải quan rộng lớn với hình những con thuyền buôn đời xưa bằng gạch đắp trên nền, chúng tôi bước ra đập chân sóng và đặt chân lên đất Ý. Đất lát đá củ đậu thông thường. Từng đàn bồ câu lang thang trên những hòn đá.

Những viên cảnh sát đội mũ cát trắng, thắt lưng trắng nhìn chúng tôi một cách chăm chú chờ đợi. Thỉnh thoảng cặp mắt của họ như cầu khẩn chúng tôi điều gì mà chúng tôi không sao hiểu. Một lát sau mới vỡ lẽ rằng những viên cảnh sát muốn xin chúng tôi đồ lưu niệm Matxcova ("Suveniro de Moskva"), nhất là những huy hiệu có cảnh cung Kremli. Hỏi thẳng thì họ không dám.

Tôi đi ra đại lộ Bờ biển. Tôi không quên em bé gái người Ý và mang theo con *matoriôska* bọc trong giấy mỏng. Những nhà sưu tầm đồ lưu niệm còn lặng lẽ leo đèo đi theo chúng tôi với vẻ trách móc một lát rồi mới chịu rút lại.

Tôi không gặp ngay lúc đó một em bé gái nào hết. Nói cho đúng, rất có thể tôi đã bỏ quên mà không thấy em bé đó vì tôi cứ dừng lại và nhìn vào mãi trong những phố rẽ ra đại lộ Bờ Biển.

Những đường phố sâu thẳm có vẻ bí hiểm và lôi cuốn. Nó lôi cuốn bởi sự hỗn tạp chằng chịt một cách dị kỳ những cột cuốn lớn với những cành thủy tùng đen, những biển quảng cáo âm ỉ với những tia nước hoàn toàn trong vắt tựa pha lê ở các bồn phun những nữ thần vú nở có cánh ở mặt tiền các nhà với ánh lấp lánh nhiều màu cửa kính của nhà thờ, những mái che bằng vải kẻ sọc trên những quán cà phê với mùi hoa trúc đào ngào ngạt làm ta mê mẩn. Những bông hoa màu hồng của chúng khẽ lung lay trước những cơn gió xe hơi liên tiếp. Như những dòng sông, phố phường mang ra đại lộ Bờ Biển nóng bỏng một luồng không khí lạnh lẽo từ những tòa nhà cẩm thạch.

Vẫn không thấy em bé gái nào. Tôi hờn giận mà nghĩ rằng hẳn em bé đã lướt qua tôi mà tôi không nhận thấy. Cuối cùng tôi phải buộc lòng phải phớt lờ cảnh phố phường ven bờ và nhìn dọc theo đại lộ Bờ Biển. Trước tiên, mắt tôi tối sầm lại vì ánh nắng đậm đặc, rồi lại hoa lên trước những cành hoa lạ được bày bán ở dọc đường, để rồi cuối cùng tôi đã gặp em.

Trên đường đi tới những bờ biển của nước Ý, đôi lúc tôi đã hình dung ra em bé gái đầu tiên mà tôi sẽ gặp ở Nêapôn.

Trong trí tôi, em giống như cô gái hái nho trẻ trong bức tranh nổi tiếng của Briulốp, cũng mớ tóc xanh lấp lánh tràn trề ánh nắng ấy, cũng đôi mắt tinh quái và đôi má đào ngăm đen ấy.

Cô bé lúc này đang đi về phía tôi hoàn toàn không giống như thế. Em độ lên mười. Em dắt theo một chú nhóc. Chú bé cứ liếc mãi một cái gì đó đang làm trí tưởng tượng của chú sững sốt và vì thế chú đi ngang như cua. Cô bé phải lôi chú xềnh xệch và giận dữ mắng mỏ chú.

Cảnh tượng sau lưng chú tất nhiên không phải là cảnh hoàn toàn bình thường. Người ta đang kéo một anh lừa dầu hời lên một chiếc tàu thủy nhỏ (chắc chiếc tàu ấy đi không xa, nó chỉ đến Xorrientô hoặc Caxtellamarê). Anh lừa không chịu bước lên cầu gỗ, anh ta chống cả bốn chân xuống mà cưỡng lại, rồi nấc lên một cách đáng tởm vì tức giận. Cuối cùng người ta buộc dải đeo vào thân anh ta và câu lên tàu bằng một trục kéo hơi nước. Hẳn người ta làm như vậy chỉ để nghịch chơi.

Các trục kéo kêu kèn kẹt. Hơi nước phả ra từ cần trục. Những tay khuân vác ở bến cảng bận sơ mi sặc sỡ huyết sáo và võ tay hoan hô anh lừa, nhưng anh ta không mảy may chú ý đến chuyện đó.

Tôi nhìn cô bé. Em đẹp hơn cô gái hái nho của Briulốp - giản dị, nghèo và đẹp hơn hẳn.

Em mặc quần áo đen cũ kỹ đã sờn hai khuỷu tay, đi đôi tất màu sáng đã mạng và một đôi dép cũ, cũng đen. Và tất cả những vật màu đen ấy ăn nhập một cách kỳ lạ với khuôn mặt gầy, xanh và đôi bím tóc không ngờ lại sáng và hơi hung đỏ tét bằng những nút cầu thả buông lơ trên ngực.

Khi em lại gần, tôi gỡ lần giấy bọc mỏng tang và lôi ở trong đó ra con *matoriôska*.

Em bé nhìn thấy con *matoriôska* thì dừng lại và mỉm cười, những ngón tay ngăm đen ôm lấy ngực. Vì sao em cười, tôi không rõ. Có thể em cười với sắc đẹp của cái đồ chơi lạ mắt đang rực lên trong nắng Nêapôn. Người ta thường cười như thế khi những giấc mơ mà họ yêu mến hoặc những giấc mơ tức cười của họ biến thành sự thực.

Tôi chìa con *matoriôska* cho em. Em không cầm. Em thôi không cười nữa, em nhúu đôi lông mày màu sẫm lại và sợ sệt chạy tạt qua một bên. Tôi nắm lấy tay em và gần như cưỡng ép bắt em phải cầm lấy.

Em cúi đầu ngồi xuống và nói rất khẽ:

- *Graxiê, xínhô rô* ⁽¹⁾.

Em lại ngồi xuống và ngược đôi mắt ướt sáng long lanh lên nhìn tôi. Lúc đó tôi khó mà tin được rằng em lại có thể mừng rỡ đến thế chỉ vì một vật nhỏ nhặt như con *matoriôska*.

1. Cảm ơn ông (tiếng Ý).

Nhưng rồi nhìn gần, tôi thấy cặp xương quai xanh gây guộc hiện lên dưới lớp áo mỏng nặc mùi madút, tôi còn nhìn thấy những dấu hiệu khác của sự nghèo nàn nhần nhục và tôi tin rằng đối với một em bé gái như thế con *matoriôska* quả thực đã là một niềm vui lớn.

Lúc đó tôi chưa được thấy những khu phố hôi thối vì rau mục của Nêapôn, chưa thấy cả khu ngoại ô phía bắc thành phố, nơi khói vàng tươi sặc mùi atxít lơ lửng trên những vùng hoang vắng. Thế mà ở tất cả những nơi đó người ta đang sống.

Tất cả những cái đó sau này tôi mới thấy, còn ngay giờ đây Nêapôn đang lấp lánh một cách vô tư lự, hào phóng trở lại cho biển ánh lấp lánh mà biển đã đổ tràn lên thành phố.

Cô bé cứ cảm ơn tôi mãi. Chú bé thì còn nhỏ quá đến nỗi chú có ngẩng đầu lên mấy, có cố gắng mấy chú cũng không nhìn thấy được chuyện gì đã xảy ra với chị chú, không nhìn thấy con *matoriôska*. Nhưng dù sao mặc lòng, chú cũng cứ bắt chước chị, từ phía dưới, từ đầu gối chị chú, chú ồm ồm nói lên bằng giọng trầm.

- *Graxiê, xinhô rô.*

Tôi cúi xuống chú bé, nhưng cùng lúc đó có người nào đó đứng bên đã ôm lấy cổ tôi, nhìn vào mặt tôi và tôi trông thấy bên mình, một đôi môi rắn chắc đang cười và một cặp mắt to sung sướng.

Một thiếu phụ trẻ, chắc là một cô gái nông thôn, mặc váy xanh có viền ren ở gấu với chiếc khăn voan mỏng màu đen choàng trên vai, áp một bên má nóng hổi của cô vào má tôi trong giây lát và nói bằng một giọng cổ êm ái cũng những chữ ấy.

- *Graxiê, xinhô rô.*

Đó là một trong những cô bán hoa ở đại lộ Bờ Biển. Cô đã chạy đến bên tôi và cảm ơn tôi vì tôi đã tặng một em bé gái người Ý thứ đồ chơi hiếm có như thế.

Một phút sau, cái đám đông đủ mọi màu sắc của những cô bán hàng đã ới ới gọi nhau xung quanh tôi. Họ bỏ liều những met cam, những met san hô rẻ tiền, những met hoa, băng lụa, kẹo cao su Mỹ và thuốc lá. Họ vỗ vai tôi, ôm lấy tôi, lớn tiếng nói thẳng vào mặt tôi một điều gì đó và mắt họ cười tí.

Con *matoriôska* được chuyển từ tay này qua tay khác. Những người đàn bà nhìn nó như nhìn vào mặt trời, lấy lòng bàn tay che mắt và chắc chắc lưỡi vì thần phục. Họ hỏi sẵn hỏi đón em bé, chúc mừng em và sửa lại bộ áo cũ kỹ cho em. Một thiếu phụ trong bọn nhanh nhẹn tết lại bím tóc cho em và thắt vào đó một dải băng màu da cam.

Những người đàn bà ra sức trang điểm cho em bé, thậm chí họ còn gài vào áo em một nụ hồng vàng. Và thực vậy, em bé như tươi tỉnh hẳn lên dưới những ngón tay họ.

Trong tất cả sự sẵn sóc ồn ào ấy ta thấy rõ nổi bần khoản của những người đàn bà trước một người ngoại quốc, trước “một xinhô rô xô viết” - nổi bần khoản vì khuôn mặt hốc hác của em bé, vì bộ quần áo tả tơi và toàn thể bộ dạng nghèo túng của em.

Đám đông lớn dần. Những chiếc xe tắc xi đang phóng nhanh trên đại lộ Bờ Biển đỗ lại bên chúng tôi. Những tay lái xe hỏi xem chuyện gì đã xảy ra rồi vội vàng cùng với hành khách trong xe nhảy xuống, len vào gần em bé. Công nhân cảng, những người vừa huyết sáo hoan hô con lừa già, chen vào phía sau. Các em học sinh không biết từ đâu tràn đến. Chúng lấy những cuốn sách đập vào nhau hoan hô con *matoriôska* và từ trong đó rơi ra những trang giấy. Những chàng lính bộ đội mũ lưỡi trai có gắn lông đuôi gà trắng nhảy từ trên xe nhà binh xuống và lẫn vào đám đông.

Bác xà ích già leo lên bậc ngồi của chiếc *vêturinô* - chiếc xe trang hoàng hoa và nhạc như thể một rạp xiếc lưu động - giờ hai tay lên trời và hát bằng một giọng the thé của đàn bà một bài nào đó.

Cô bé cứ tươi hơn hớn lên vì tất cả cái chuyện bất thường ở cảng ấy.

Bất thình lình mọi người lặng hẳn đi. Tôi ngoảnh lại. Một kiểm soát viên hải quan đội mũ lưỡi trai đính lon vàng và đeo một khẩu súng lục nhỏ xíu như đồ chơi trẻ con đứng trong bao da sơn trắng ở thất lung chậm chạp tiến về phía

đám đông.

Ông ta rẽ đám đông ra mà đi một cách đường bệ. Khuôn mặt với bộ ria cắt ngắn hoàn toàn lãnh đạm.

Viên kiểm soát hải quan đến bên em bé, giằng lấy con *matoriôska* và nhúu đôi lông mày lại, bắt đầu xem xét một cách tỉ mỉ. Cô bé cầu khẩn nhìn ông ta. Mấy lần em rụt rè đưa tay về phía con *matoriôska* nhưng rồi lại rụt ngay lại.

Viên kiểm soát hải quan ngẩng đầu lên và đưa mắt nhìn bao quát cả đám đông. Đến lượt hàng chục đôi mắt chăm chú và lo lắng nhìn lại ông. Tức thì ông ta tùm tùm cười và bật tay đánh tách. Đám đông lập tức làm ồn lên một cách khó hiểu.

Viên kiểm soát hải quan giơ con *matoriôska* lên trên đầu, xoay nó về đủ mọi phía như một người làm trò quỷ thuật: “Ô la la!” rồi bằng một cử động nhanh và hoàn toàn kín đáo, ông mở con *matoriôska* và lôi ra con thứ hai - con choàng khăn màu xanh lá cây tươi tắn.

Một tiếng ồn ào khâm phục lan khắp đám đông. Viên kiểm soát hải quan lại tặc lưỡi cái nữa và từ trong con *matoriôska* xanh lá cây lại hiện ra nhanh như chớp con *matoriôska* vàng, rồi con xanh, con tím, và sau hết ông dùng hai ngón tay cặp lấy và nâng lên con *matoriôska* cuối cùng, con bé nhất choàng khăn trang kim.

Đến lúc ấy thì đám đông như nổ tung. Một con lóc

tiếng reo hò lướt ào ào trên đám đông. Người ta vỗ tay, người ta huýt sáo, người ta vỗ vào đùi, dậm chân và cười ha hả.

Viên kiểm soát hải quan, cũng vẫn điềm tĩnh như thế lấp tất cả sáu con *matoriôska* vào làm một và trả lại cho em bé. Em không áp con *matoriôska* vào ngực, mà áp thẳng vào cái cổ họng đang phập phồng vì sung sướng, nắm lấy tay thẳng bé em và chạy thẳng.

Viên kiểm soát hải quan nói với tôi một cách kẻ cả và khô khan bằng thứ tiếng Pháp cộc cạch của ông:

- Ngài đã phạm một lỗi nhỏ, thưa *moxio*.

- Lỗi gì vậy?

- Ngài có thể tặng thứ đồ chơi nọ không phải cho một mà cho sáu cô bé thành Nêapôn.

Tất nhiên về cái điểm cho sáu cô bé thì ông ta có lý. Có lẽ vì thế mà ông ta đã trình trọng đưa bàn tay đeo găng trắng lên ngang mũi chào tôi và bỏ đi một cách rất kiêu hãnh.

Có thể nói đó là tất cả những gì đã xảy ra với con *matoriôska* ở hải cảng Nêapôn vào buổi sáng hôm ấy, nếu không kể đến một điểm nữa. Điểm đó thuộc về loại những hiện tượng có lẽ chỉ có trong trí tưởng tượng của chúng ta và nó là kết quả của những gì ta mong ước. Nhưng mặc dầu vậy, chúng cũng vẫn cứ tác động đến dòng ngày tháng

sau này của chúng ta với một sức mạnh không thể nào phủ định được.

Cô bé chạy đi, quên bằng mất cảm ơn tôi lần cuối. Cũng vẫn cô thôn nữ trẻ mặc váy xanh viền ren nọ đã đến bù lại khuyết điểm của em. Cô lại ôm lấy tôi lần nữa lại áp một bên má nóng rực ngăm ngăm đen của cô vào má tôi và nói với tôi, nhưng giờ đây khê và bối rối:

- *Graxiê, mia cara xinhôrô* ⁽¹⁾

Rồi ngay đấy cùng với những chị bán hàng khác, cô chạy về với những dành hoa của mình, nhưng trên má tôi vẫn còn phảng phất mùi thơm dăng dăng, kéo dài của mặt cô. Nó giống như mùi cỏ cải hương.

Mùi thơm đó thực là bền, nó còn mãi mấy ngày sau và chỉ mất đi ở Rôma nơi tôi rời Nêapôn đến ở trong mấy hôm. Có lẽ tôi cảm thấy mùi thơm ấy lâu đến thế chỉ vì tôi muốn được thấy nó.

Khi con tàu Nêapôn - Rôma suốt đường lúc nào cũng định vắng khỏi đường ray để đổ xâm xuống những khe núi Apenin màu vàng, nó lao băng băng đến Rôma, tôi nhìn qua cửa sổ ra những thành phố nhỏ bé trên núi và nghĩ rằng mỗi thành phố ấy có thể là quê hương của cô thôn nữ kia.

1. Cảm ơn, ông thân mến.

Đó là những thành phố rất cổ kính trên đỉnh những trái núi, là những pháo đài lởm chởm, bao bọc những bức tường răng ngựa. Ở đó những quả chuông trên những thánh đường sâu thẳm đổ hồi, nơi chưa biết chừng những bức bích họa của Djôttô ⁽¹⁾ hay của chính Rafael ⁽²⁾ vẫn còn sáng lên trong khoảng tối mờ những bàn thờ Chúa.

Những con đường trắng ngời ngoằn ngoèo và hoang vắng từ những thung lũng bị hạn hán thiêu đốt chạy lên trên những thành phố ấy, và trên đường, những chú lừa lon ton chạy. Ta trông rõ hơn cả những đôi tai sẫm màu của chúng. Chân lừa khắng khiu lẫn vào trong màu bụi đá đen và vì thế không thể nào trông thấy.

Tôi ngắm mãi những thành phố ấy, những phố hẹp bên những mặt nhà héo khô vì già lão, những biển quảng cáo chiếu bóng sặc sỡ và đá cẩm thạch nứt nẻ trong những bồn phun nước vỡ, những cây ô liu xù xì như đúc bằng thiếc xộp trong các vườn, và nghĩ rằng có thể, trong thành phố kia tôi đã có một trái tim gần gũi - trái tim kia cũng êm dịu như hơi ấm của bên má nhỏ bé và rục rỏ của cô thôn nữ nọ. Và nếu như trong cuộc sống có lúc lòng tôi trĩu nặng thì trái tim hồn nhiên kia sẽ chẳng khi nào từ chối giúp đỡ và an ủi tôi.

1. 1276-1337, danh họa người Ý, một trong những người đầu tiên của trào lưu hiện thực thời kỳ Phục hưng.
2. Một trong những danh họa lớn nhất của thế giới, người Ý (1466-1524).

Tôi tin chắc ở điều đó. Và niềm tin đó làm cho cuộc sống trở nên vô cùng nhẹ nhàng.

Trên đường về, xe lửa từ Rôma đến Nêapôn vào đêm khuya. Gió biển ẩm áp thoảng mùi dầu hỏa thổi vào các cửa sổ bỏ ngỏ của toa tàu. Trong những ngôi nhà chật hẹp dọc đường sắt tất nhiên đã không còn ánh sáng và chỉ ở trong trạm gác đường rục đèn còn một thanh niên có râu và khuôn mặt của Yvơ Môngtăng⁽¹⁾ đang ngồi trên bậc cửa chơi măngdôlin.

Đó là ấn tượng cuối cùng của tôi về Nêapôn.

Xe lửa ra thẳng bến tàu và tàu lập tức rời bến. Trong ánh sáng chói lọi của những cây đèn lồng từ trên boong tôi nhìn rõ chỗ ngồi của những chị, những cô bán hàng ban ngày trên đại lộ Bờ Biển. Tôi chăm chú nhìn vào đó, không dám thú nhận với mình rằng tôi đang chờ một sự màu nhiệm, tôi đang chờ cho trên con đường hiu quạnh kia bỗng hiện ra cô thôn nữ bận váy xanh viền ren và cô sẽ chạy trên bến đuổi theo con tàu lúc đó đã chậm chạp lấy mùi thép cắt màn đêm tăm tối và nước vịnh màu đen.

Trong giây lát tôi tưởng chừng như đã thấy bóng dáng lơ mơ một thôn nữ. Nhưng đó chỉ là một trong vô vàn những cái bóng mỏng manh thường có trên bến cảng về đêm.

Tôi ngồi trên boong cho tới tận bình minh, mãi đến khi

1. Diễn viên kịch, điện ảnh và danh ca nổi tiếng của Pháp (hiện đại).

những ánh đèn đảo Xácdinhơ hiện ra trong nước biển bao la đang dần xanh lên màu da trời nhợt nhạt.

Tôi đón bình minh với cảm giác tiếc rẻ trong lòng. Tôi biết mỗi ngày qua sẽ đẩy lùi quá khứ xa thêm và nhận chìm nó trong bóng tối cũng chậm chạp và chắc chắn như một ánh sáng điện qua máy biến trở đang tắt dần trên sân khấu.

Taruxa 1957

Kim Ân dịch

Cuộc phiêu lưu của Bọ sùng

Khi bác Piốt Têrenchiép từ già xóm làng lên đường ra trận, cậu xúu của bác là Xtêpa nghĩ mãi mà không biết lúc chia tay nên tặng bố cái gì. Rốt cuộc Xtêpa tặng bố chú bọ sùng già. Xtêpa bắt được bọ sùng ở ngoài vườn và bỏ chú ta vào bao diêm. Bọ sùng nổi giận, đập thành thành, đòi phải thả chú ta ra. Nhưng Xtêpa không thả mà lại nhét vào trong hộp vài sợi cỏ để bọ sùng khỏi chết đói. Bọ sùng gặm cỏ nhưng vẫn cứ đập thành thành và văng tục.

Xtêpa khoét một cửa sổ tí teo ở bao diêm cho không khí mát lọt vào. Bọ sùng liền thò cái chân lông lá ra ngoài cửa sổ và cố tóm lấy ngón tay của Xtêpa. Hẳn chú muốn cào Xtêpa một trận cho hả giận. Nhưng Xtêpa không đưa ngón tay cho bọ sùng. Tức thì bọ sùng nổi dóa và kêu vù vù. chú làm âm ỉ đến nỗi mẹ của Xtêpa là bà Akulina phải kêu lên:

- Thả ngay cái của quý ấy ra cho tao. Suốt ngày cứ vù vù vù đến vỡ đầu với nó mất.

Trông thấy món quà của con trai, bác Piốt mỉm cười, lấy bàn tay xù xì xoa đầu cậu bé và cất bao diêm đựng bọ sùng vào túi dệt đựng mặt nạ phòng độc.

- Bố đừng đánh mất nó đấy, bố nhé! Phải giữ nó cho cẩn thận - Xtêpa nói.

- Quà quý thế này đánh mất sao đang - bác Piốt trả lời
- Bố sẽ kiếm cách giữ gìn chu đáo.

Không biết tại bộ sùng ta ưa cái hơi cao su hay tại người bác Piốt toàn mùi áo choàng dạ và mùi bánh mì đen dễ chịu nên chú ta làm lành và cứ thế chú cùng với bác Piốt ra tới tận mặt trận.

Ở ngoài tiền tuyến bộ sùng làm anh em bộ đội ngạc nhiên, họ sờ mó cái sùng rắn chắc của chú, nghe bác Piốt kể chuyện món quà của con trai và nói:

- Thằng bé nghĩ mới sâu làm sao! Anh chàng bộ sùng này ra phết con nhà lính. Rõ ra đáng một hạ sĩ chứ chẳng bộ sùng một tẹo nào.

Các anh bộ đội bắn khoăn: không biết bộ sùng có sống được lâu không, vấn đề thực phẩm đối với chú ra sao, bác Piốt cho chú ăn gì, uống gì. Không có nước thì dù có là bộ sùng chú cũng chẳng sống nổi.

Bác Piốt bối rối mỉm cười rồi trả lời là chỉ cần cho bộ sùng một bông hoa nhỏ thôi, chú cũng đã đủ ăn một tuần lễ. Chú không cần nhiều.

Một đêm bác Piốt mơ mơ màng màng ngủ trong chiến hào, để rơi mất bao diêm đựng chú bộ sùng ra ngoài túi dệt. Bộ sùng ta cựa quậy hồi lâu, tách được khe hở của bao diêm

và chui ra, động dẩy đôi ria, nghe ngóng. Đất ẩm ẩm rung chuyển ở xa và những tia chớp vàng lóe lên.

Bọ sùng trèo lên khóm hương mộc ở mép hào để nhìn cho rõ hơn. Chưa bao giờ chú được thấy một con giông như thế. Chớp nhiều quá thế. Những ngôi sao không treo chặt tại chỗ như ở quê hương chú, trong làng Pêtrốp, mà lại bay vọt từ dưới đất lên, soi rõ mọi vật chung quanh bằng một thứ ánh sáng chói lòa rồi bốc khói và tắt ngấm. Sấm động không ngừng. Có những con bọ sùng nào đó lao qua bên cạnh, kêu rin rít. Một con vấp mạnh vào khóm hương mộc đến nỗi làm những quả đỗ rụng rào rào. Chú bọ sùng già ngã xuống, giả vờ chết và không dám cựa quậy một lúc lâu. Chú hiểu rằng không nên dây với lũ bọ sùng nọ: chúng rất đông và đang kêu rin rít chung quanh.

Bọ sùng ta cứ nằm nguyên như thế cho đến khi mặt trời lên. Chú mở một mắt ra, nhìn lên trời. Trời xanh, ấm áp. Ở làng chú không có bầu trời như thế. Những con chim khổng lồ vừa lao từ trên bầu trời ấy xuống vừa hú lên như những con diều hâu. Bọ sùng vội trở mình, đứng lên và chui xuống dưới một chiếc lá ngưu bàng. Chú sợ diều hâu sẽ mổ chết chú.

Sáng ngày ra bác Piốt thấy mất chú bọ sùng, liền sờ soạng quanh quẩn trên mặt đất.

- Gì thế bác? - một anh bộ đội ở bên cạnh bác có bộ mặt cháy nắng đến nỗi người ta có thể lầm anh là một người da

đen, nói;

- Thế là mất tong con bọ sùng! - Bác Piốt nói một cách buồn phiền - Thật là tai họa!

Anh bộ đội da cháy nắng nói:

- Có vậy mà cũng buồn với phiền! Con bọ sùng gì thì cũng chỉ là con bọ sùng không hơn không kém, một thứ côn trùng. Từ xưa đến nay nó có mang lại lợi lộc gì cho người lính.

- Chuyện đâu phải ở chỗ lợi lộc - Bác Piốt phản đối - Chẳng là con bọ sùng này là một vật kỷ niệm. Con trai tôi mãi mới cho tôi đấy. Bọ sùng không quý nhưng vật kỷ niệm thì quý, anh ạ.

- Đúng thế! - Anh bộ đội da cháy nắng đồng tình - Cái đó, tất nhiên là chuyện khác. Có điều, tìm nó thì chả khác gì tìm một sợi thuốc lá ngoài biển cả. Thế là mất tong con bọ sùng.

Chú bọ sùng già nghe tiếng bác Piốt liền kêu lên vù vù rồi cất mình lên khỏi mặt đất, bay mấy đoạn rồi đậu vào tay áo choàng của bác. Bác Piốt mừng rỡ, cười ha hả, còn anh bộ đội da cháy nắng thì nói:

- Đồ bọm! Nghe tiếng chủ là bò đến ngay khác gì con chó. Côn trùng mà thông minh gớm.

Từ đó bác Piốt thôi không bỏ chú Bọ sùng vào bao diêm nữa mà mang chú ngay trong túi dết đựng mặt nạ phòng

hơi độc. Anh em bộ đội lại càng ngạc nhiên “Kìa cậu xem, chú bộ sùng rõ đã trở thành con vật nuôi trong nhà rồi kìa”.

Những lúc rỗi rãi thỉnh thoảng bác Piốt lại thả bộ sùng ra và chú ta bò quanh tìm những rễ cây gì đó và gặm lá. Lá cũng chẳng giống lá trong làng. Thay vào lá bạch dương ở đây có rất nhiều lá xu và lá liễu. Và bác Piốt lý luận với đồng đội:

- Chú bộ sùng của tôi đổi món, chuyển sang dùng thức ăn chiến lợi phẩm.

Một hôm vào lúc trời tối, một làn gió mát toàn hơi nước thổi vào chiếc túi dệt đeo mặt nạ phòng hơi độc và bộ sùng bò ra ngoài xem mình đã đến vùng nào.

Bác Piốt cùng với đồng đội đứng trên phà.

Phà bơi ngang một con sông lớn và sáng. Bên kia sông, mặt trời vàng đang lặn, hai bên bờ sông, trên những cây dương, có những con cò chân đỏ bay lượn.

- Vixoa! - Những người lính nói, lấy bi đông múc nước uống, có người còn rửa bộ mặt bụi bặm trong dòng nước mát - Thế là chúng ta đã uống nước sông Đông, sông Đupero và sông Bugơ, giờ đã lại uống nước sông Vixoa. Nước Vixoa thật là ngọt.

Chú Bộ sùng hít hít hơi mát mẻ của con sông, ngoe ngoáy đôi râu rồi chui vào túi ngủ thiếp đi.

Bộ sùng tỉnh giấc vì một cái lắc mạnh. Cái túi đựng

đưa nhảy lên nhảy xuống. Bọ sùng vội vã bò ra ngoài nhìn chung quanh. Bác Piốt chạy trên cánh đồng lúa mì, còn những anh bộ đội chạy bên cạnh bác, miệng kêu “xung phong”. Trời đã hừng sáng. Sương long lanh trên những chiếc mũ của anh bộ đội.

Bọ sùng lúc đầu cố hết sức bám chặt chân vào túi dết nhưng sau chú biết rằng có cố mấy cũng chẳng bám nổi, liền giương cánh, buông người ra, bay bên cạnh bác Piốt và kêu vù vù như động viên bác.

Có một người nào đó mặc bộ quân phục bắn thủ màu xanh lá cây giương súng trường nhắm bác Piốt, nhưng bọ sùng đã bay thẳng đến, húc vào mắt hắn. người đó lảo đảo đánh rơi khẩu súng trường và chạy mất.

Bọ sùng bay theo bác Piốt rồi bám vào vai bác và chỉ bò vào trong túi dết khi bác Piốt ngã xuống và gọi một người nào đó: “Tai hại chưa! Tôi bị thương vào chân rồi!”. Lúc đó lũ người mặc quân phục bắn thủ màu xanh lá cây đã tháo chạy, vừa chạy vừa ngoái cổ lại và tiếng kêu “xung phong” to như sấm vẫn bám sát chúng.

Bác Piốt nằm trạm quân y đã chiến một tháng, còn bọ sùng thì được người ta giao cho một cậu bé người Ba Lan trông coi. Cậu bé ở ngay trong sân, nơi trạm quân y đã chiến đóng.

Sau khi xuất hiện bác Piốt lại ra trận; bác chỉ bị thương

nhẹ. Bác đuổi kịp đơn vị của bác khi đơn vị đã ở trên đất Đức. Từ những trận đánh lớn, khói bốc lên nhiều đến nỗi tưởng chừng cả trái đất bốc cháy và ném ra ngoài thung lũng những vùng mây đen khổng lồ. Mặt trời nhợt nhạt hẳn đi. Bọ sùng ta chắc hẳn đã bị diếc đặc vì tiếng đại bác âm âm, chú ngòi yên trong túi dệt, không động dấy.

Nhưng rồi một buổi sáng chú bắt đầu cựa quậy và bò ra ngoài. Một luồng gió ấm thổi, mang những dải khói cuối cùng về phương Nam xa tắp. Mặt trời trong trẻo đậu trên cao, chói lọi trong khoảng không vô tận màu xanh. Chung quanh yên lặng đến nỗi bọ sùng nghe thấy cả tiếng lá rì rào ở ngọn cây trên đầu. Hết thấy lá cây đều đứng nguyên, bất động, chỉ có một cái ve vẩy và kêu âm ĩ như thể trong lòng nó có điều gì vui sướng và nó muốn kể lại niềm vui đó cho tất cả những cái lá khác.

Bác Piốt ngồi bệt trên mặt đất, tu nước trong bi đông. Những giọt nước chảy dòng trên cái cầm không cạo của bác, đùa giỡn trong ánh nắng. Uống xong bác Piốt cười và nói:

- Chiến thắng rồi!

- Chiến thắng rồi !

Những anh bộ đội ngòi bên nhấc lại.

Một anh bộ đội lấy tay áo chùi mắt và nói thêm:

- Vinh quang đời đời! Đất đai thân thương đã khao

khát lắm bàn tay của chúng ta. Giờ đây chúng ta sẽ làm cho nó trở thành một vườn hoa và, anh em ơi, chúng ta sẽ được sống trong tự do và hạnh phúc.

Sau đó ít lâu bác Piốt về nhà. Bác gái kêu lên và chạy nước mắt vì sung sướng, Xtêpa cũng khóc và hỏi:

- Chú bọ sùng còn sống chứ, bố?

- Vẫn còn sống, đồng chí của bố ạ! - Bác Piốt trả lời - Đạn không đụng đến nó. Nó đã trở về quê hương cùng với những người chiến thắng. Và ta sẽ thả nó ra Xtêpa ạ!

Bác Piốt lấy chú bọ sùng trong túi dệt ra, đặt lên lòng bàn tay.

Bọ sùng ngồi một lúc lơ lảo nhìn quanh, ngoe nguẩy cặp râu rồi kiễng hai chân sau lên, giương cánh ra rồi lại cụp lại, suy nghĩ một chút rồi bất thành linh bay vút lên, kêu vù vù rõ to. Chú đã nhận ra cảnh quê hương. Chú bay một vòng trên miệng giếng, trên luống thửa là trong vườn, bay qua con suối, vào rừng, nơi bọn trẻ kiếm nấm và trái phúc bồn tử đại đang gọi nhau í ới. Xtêpa chạy theo chú bọ sùng một lúc lâu, vừa chạy vừa vẫy mũ.

- Thế là từ bây giờ anh chàng kêu vù vù này sẽ kể cho các bạn nó nghe chuyện chiến tranh và hành động anh dũng của nó. Anh chàng sẽ tập hợp tất cả bầy bọ sùng lại dưới cây đỗ tùng, cúi chào bốn phương anh em và sẽ kể chuyện đấy! - Bác Piốt nói khi Xtêpa trở về.

Xtêpa cười và bác Piôt gái nói:

- Ông đã lại bịa chuyện cổ tích kể cho thằng bé. Nó tin là thật đấy.

- Thì cho nó tin. - Bác Piôt trả lời - Chẳng cứ gì trẻ con, đến bộ đội cũng còn thú chuyện cổ tích nữa là.

- Rõ cái ông này! - Bác gái đồng ý và ném những quả thông vào lò ấm xamôva. Ấm xamôva kêu u u như chú bộ sùng già. Khói xanh từ ống khói của ấm xamôva bay lên trên bầu trời chiều, nơi có trăng lưỡi liềm soi bóng trong các hồ ao, trên mặt sông và từ trên cao kia nhìn xuống đất đai thanh bình của chúng ta.

Kim Ân dịch

Vườn nhà bà

Từ ngày bố Nikita của Masa ra trận, trong thửa vườn già ở gần nhà bà nội những con đường và các luống đất đã mọc đầy ngưu bàng và thìa là, còn cây tầm ma thì dựng thành một bức tường đầy gai góc đến nỗi Masa chẳng dám lại gần.

Bà nội Xêraphima chỉ còn biết thở dài - bà già nua thế sức lực còn đâu mà dẹp cái đám cỏ ấy với những cây cối và bụi rậm ương bướng ấy.

Trong đám cỏ rậm ấy tụ tập những con ong đất suốt ngày kêu vu vu. Đôi khi chúng vọt lên khỏi đám cỏ, và bay thẳng va vào mặt Masa đánh đập rồi bay vút lên cao, cao hơn cả tổ sáo, thích thú vì đã làm Masa sợ hãi. Nhưng chúng khoái chí vô ích, ở trên cao, nơi có những sợi tơ bô công anh luôn lơ lửng, những con ong đất cũng hết đời. Ở đó những con sáo nhanh nhẩu bay tới tấp lấy chúng và nuốt chửng. Và không có con sáo nào bị nghẹn cả mặc dù ong đất con nào cũng béo núc ních.

Trong cái thùng đựng nước mưa ở bên tam cấp có một con ếch sống. Trước đây nước trong vại vẫn dùng để tưới

hoa, nhưng bây giờ không ai lấy nước nữa và nước để đọng lâu ngày đã trở nên xanh lè và nóng ảm. Masa thích nhìn vào trong vại, nơi có những con vật gì đó bé tí xiu bơi lặn. Chúng giống như những cái đinh ghim đầu đen bằng thủy tinh bà vẫn thường cắm vào tấm thảm ở đầu giường. Con ếch chiều tối mới chui ra khỏi thùng và phồng má ra ngồi chồm hổm ở bậc tam cấp nhìn các con sáo. Nó sợ chúng.

Những con sáo thường đánh nhau với các con quạ con và khi đã bình tĩnh lại chúng ngồi rải ra trên các cành cây đoạn bách niên hót riu rít như những tràng liên thanh. Cái tiếng riu rít ấy không chỉ làm cho con ếch vốn quen với yên tĩnh mà cả bà cũng phải thấy đau đầu. Bà ra tam cấp mắng lũ sáo, lấy khăn mặt xua chúng. Khi đó những con sáo nhảy lên cành cao hơn, im hơi một lúc, rồi lại bắt chước những người tiểu phu của gỗ. Như thế lại còn tệ hơn cả những tràng liên thanh.

Con ếch sợ con ếch ương - thứ ếch nhỏ chuyên sống bám vào gỗ, dùi to. Nó ngồi trên cành cây dương mắt nhìn và im lặng. Ít khi nó kêu lắm, chỉ họa lúc trời sắp mưa. Lúc đó trong rừng im phăng phắc và nghe thấy tiếng sấm từ bầu trời xa vang lại.

Con chó hung Buinui lục xục trong chuồng mãi không yên, xéo nát cỏ chán rồi lại thở dài hậm hực - nó hoàn toàn không cần đến những trận mưa.

Buinui là con vật nhút nhát - hề thấy người lạ là nó

chui ngay vào ống thông hơi bên nhà và không cách nào nhử nó ra được. Dỗ dành thế nào nó cũng chỉ vẫy đuôi và càng rúc sâu hơn vào bóng tối.

Thế rồi bọn Đức tiến đến gần khu vườn của bà. Lúc đó cụ già Xêmiôn nặng tai đến nhà và đào ở sau bụi tử đinh hương một cái hố lớn.

Cụ Xêmiôn vừa đào vừa chửi bọn Đức, bảo với Masa: “Cháu cứ nhìn ông nhổ nước bọt vào tay đào hố thế này làm gì, tốt hơn là vào nhà giúp bà đóng gói hòm xiểng. Ông sẽ đem chôn xuống đất. Ngày mai ông thắng ngựa, ta đi về Prôluxôvô.

“Thế sau đó thì sao?” - Masa hỏi - “Bọn Đức không thể đi qua Prôluxôvô được”, - cụ Xêmiôn trả lời - “Ở đó có quân ta giữ rồi, bọn Đức không thể có đường đi được....”

Cụ Xêmiôn đào xong, lại gần cái giếng, múc lên một gầu nước, định uống, nhưng nghĩ sao lại thôi, cụ gọi bà Xêraphima ra chỉ vào gầu nước nói: “Bà xem đấy, đến phải đi khỏi đây thật...”

Bà nhìn vào gầu nước, lắc đầu. Nước giếng bao giờ cũng trong vắt mà bây giờ đầy dất, vỏ cây mục và cả những cây nấm con nưa. Masa không hiểu gì. Bà giải thích là ban đêm đất rung, từ thành giếng rác rưởi rơi xuống. Mặt đất rung như vậy là có đánh nhau ở gần.

Buổi tối cụ Xêmiôn chôn chiếc hòm với các đồ dùng của

bà xuống, những chiếc khăn san, chiếc đồng hồ báo thức cũ, những tấm ảnh, những chiếc thìa bạc và cái đồ chơi yêu quý nhất của Masa - Hai con gà sống gỗ trên tấm bảng. Một con đen, một con đỏ, cả hai đều có thể mổ hạt tanh tách được.

Buổi sáng cụ Xêmiôn cưới con ngựa Tsalô tới, buộc nó vào chiếc xe ở sân rồi đi vào nhà - để chia tay với ngôi nhà. Nhưng cụ đã không phải chia tay với nó. Một đoàn chiến sĩ đông đúc đi ngang qua nhà. Tất cả đều đội mũ sắt, đen sạm, đầy bụi bặm và vui vẻ. Cụ Xêmiôn xách ra cổng nhà một xô nước uống. Masa mang ra chiếc ca.

Các chiến sĩ dừng lại lau mồ hôi, uống nước và kể chuyện đêm qua mặt trận quân Đức đã bị chọc thủng, chúng đang rút lui, vứt bỏ cả đại bác và tiểu liên, và bây giờ - hoàn toàn yên tĩnh rồi - có thể đào chiếc hầm lên và sống bình yên được rồi. Đất của ta quyết không để cho quân Đức chiếm!

Bà Xêraphima cứ khóc mãi, nhìn theo các anh chiến sĩ, nhìn vào đàng lưng cháy nắng đầy bụi của các anh làm dấu phép như trước đây đã làm dấu phép cho bố Nikita của Masa. Cụ Xêmiôn lại nổi cáu bảo: “Bà Xêraphima Petrôpna. Bà chẳng hiểu đúng tí nào cả. Buồn bà cũng khóc, vui bà cũng khóc. Như thế theo tôi không được đâu”.

Sau đó những chiếc máy bay bay đến lượn trên các thửa rừng, trên các nóc nhà, thân lấp lánh, tiếng máy gầm rú đến nỗi những con ong đất trong vườn nằm ngửa cả

người lên và giả vờ chết vì sợ quá. Masa biết rõ quá cái tính láu vặt của chúng.

Những con sáo tụ lại ở tít trên ngọn cây đoạn dừa nghịch với Masa, làm rụng cả hoa đoạn, ngửa cổ lên nhìn những chiếc máy bay và kêu riu rít: “A, a, quân ta. A, a, quân ta...”

Sáng hôm sau một anh chiến sĩ tay buộc băng bước vào sân ngồi xuống bên bậc tam cấp, bỏ chiếc mũ sắt ra và nói:

- Xin bà con cho phép chiến sĩ cận vệ bị thương ngồi nghỉ nhờ một lát.

Bà gọi anh bộ đội vào nhà, đưa anh đến bên bàn.

Anh đi lại trong phòng, nhẹ nhàng nhắc đôi ủng. Căn phòng lập tức sực lên mùi bánh mì mùi thuốc và ngai cứu.

Anh bộ đội xin lỗi vì đã làm rơi vụn bánh xuống sàn nhà, anh ăn bằng một tay nên lúng túng. Masa cắt bánh và thức ăn cho anh ăn. Bà hí hoáy đun ấm xamôva, lấy ra từ trong tầng ong thứ mật ong đen sẫm.

Anh chiến sĩ thấy mật hít thở căng cả lồng ngực - thứ mật này mới thật quý!

Buinui ngồi ngoài bậc cửa, bối rối nhìn anh chiến sĩ rồi lại nhìn những mẩu bánh vụn trên sàn, nhưng không dám lại nhặt, chắc nó nghĩ làm thế là không lịch sự với anh chiến sĩ.

Ăn xong anh chiến sĩ cảm ơn rồi lại ra bậc tam cấp ngồi nghỉ hút thuốc. Khói lam tỏa trên thuở vườn. Hàng chục con nhện treo mình lộn ngược trên những sợi tơ lơ lửng trên đầu, kinh hãi chạy tít lên cao, cuốn theo những sợi tơ. Những con sáo lặng yên nhìn anh chiến sĩ từ bên trái, bên phải rồi chúng cười, ríu rít nhả ra hàng tràng liên thanh. Anh chiến sĩ nhìn vào thùng nước thấy những con vật nhỏ tí đầu dính ghim và con ếch bèn cười và bảo:

- A, những con cung quăng! Cái thùng này tốt đấy. Chính con là thợ đóng thùng mà lại biết làm cả thìa gỗ nữa, con người gần thành phố Gorki bên sông Nây đấy.

- Thợ làm thìa gỗ là cái gì hở chú? - Masa hỏi.

- Đấy, chú làm những cái thìa như thế này, - anh chiến sĩ nói - Đeo từ gỗ đoạn. Chỉ có tô màu thì chú không biết làm. Cái đó là cô em gái chú là Dasa hay làm.

Bà phàn nàn với anh chiến sĩ là vườn mọc hoang dại hết cả, nhưng anh chiến sĩ không lấy thế làm phiền lòng, ngược lại vỗ về bà, anh bảo:

- Vườn của cụ thích lắm. Cứ để cho nó nghỉ ngơi cho đến khi con trai cụ ở mặt trận về. Cả đất đai và cây cỏ đều cần phải nghỉ ngơi để lấy lại sức lực.

Ở ngoài nắng ấm áp và buồn ngủ, từ trên những bậc tam cấp nhựa cây đoạn rỏ xuống. Người chiến sĩ du đưa; anh ngủ gật. Bà định đưa anh vào ngủ trên di văng trong

phòng, nhưng anh chiến sĩ nhất định không chịu và xin nếu có thể cho anh lên ngủ trên gác xép.

- Con thích ngủ ở trên gác xép. Co duỗi thoải mái. Trên đó khô ráo lại gần mặt trời nó ấm áp. Lại có gió thổi vào cửa thông gió. Tuyệt lắm.

Masa đưa anh chiến sĩ lên gác xép. Ở đó trải dây cỏ khô. Anh trải tấm áo choàng lên đó và nằm xuống. Lập tức từ ống khói bay ra những con ong trắng và bắt đầu lượn tròn trên đầu anh chiến sĩ. Masa kinh hãi:

- Chúng không cho chú ngủ đâu! - Em nói - chúng nó đốt đấy.

- Nó không động đến người chú đâu, anh chiến sĩ nói. Vì vết thương của chú có bôi thuốc. Chúng sợ mùi thuốc mà. Còn muốn ngủ mau chú đã có cách rồi.

- Cách à? - Masa hỏi.

- Chú sẽ đếm những chiếc lá cây, anh chiến sĩ trả lời. Kia, trên cây đoạn sau ống thông gió kia kia. Chú đếm đến một trăm là ngủ thôi.

Masa chào anh chiến sĩ, thận trọng bước xuống cầu thang gác xép cọt kẹt. Qua cửa sổ kính mùi hoa đoạn ngọt ngào bay vào.

Khi Masa dừng lại ở cuối cầu thang đã nghe thấy tiếng ngáy khe khẽ; những con ong vò vẽ đã yên lặng bay vào

ống khói bếp lò.

Masa bước ra vườn và nhìn lên cây đoan bật cười. Ôi làm sao mà đếm hết những chiếc lá đoan được! Chúng nhiều đến hàng nghìn, hàng nghìn, đến nỗi nắng cũng không thể xuyên qua được. Chú bộ đội này ngộ thật.

Mộng Quỳnh dịch

1945

Ixắc Lêvitan

Đôi tay gầy của họa sĩ Xavraxốp ⁽¹⁾ lấy bầy. Ông không thể uống một ly trà mà không làm tung tóe nước lên chiếc khăn bàn bằng vải thô bản thủ. Từ bộ râu bờ phờ của họa sĩ xông lên mùi bánh mì và mùi rượu vótka.

Sương tháng ba trải trên thành Maxkova một làn khói xanh xám. Trời bắt đầu tối. Băng ở các máng nước bằng sắt tây đang tan dần. Băng rơi ầm ầm xuống vỉa hè và vỡ ra, để lại những đồng thủy tinh màu xanh da trời nhạt. Thủy tinh kêu lạo xạo dưới những đôi ủng bản thủ và lập tức biến thành bùn.

Tiếng chuông quyền quý rầu rĩ vang trên những nhà kho bằng gỗ và những ngõ cụt của Maxkova cổ - Maxkova trong những năm thứ tám mươi của thế kỷ trước.

Họa sĩ Xavraxốp uống rượu vótka bằng cái ly nhỏ, xám xịt và đã cũ. Học trò của Xavraxốp và Lêvitan ⁽²⁾ - thằng bé còm nhom mặc vét tông, kẻ ô vuông đã vá, chiếc quần xám

1. Xavraxốp A.K. - họa sĩ danh tiếng của nước Nga thế kỷ XIX (1830-1897).

2. Họa sĩ danh tiếng của nước Nga thế kỷ XIX (1861-1900).

ngắn cùn cùn - ngồi trước bàn và nghe Xavraxốp.

- Nước Nga chúng ta không có kẻ thể hiện nó - Xavraxốp nói - Chúng ta còn phải xấu hổ với đất nước chúng ta như khi còn thơ ấu ta đã phải xấu hổ vì bà của ta đi ăn xin. Bà lão ít nói, đôi mắt nhỏ bé và đỏ hoe của bà cứ hấp háy luôn. Khi bà lão chết, bà cho ta ảnh thánh Xergây Radône Gioxki. Bà trời lại: “Đấy, cháu của ta, cháu hãy học vẽ thế nào để cho cả tâm hồn ta phải khóc vì cái đẹp của đất trời”. Trên bức ảnh có vẽ cỏ và hoa - những bông hoa bình thường nhất ở nước ta, vẫn thường mọc ở các con đường hoang, và một cái hồ đầy hoàn diệp liễu. Bà lão mới tinh làm sao! Hồi đó ta đang vẽ tranh thuốc nước để bán cho các chàng công tử giẻ rách ở phố Truba. Nhớ lại những bức vẽ ấy mà ta ngượng mặt. Những lâu đài hoa hoét với những gác chuông, những hồ nước với lũ thiên nga màu hồng. Rặt những thứ ba lẳng nhăng và nhục nhã. Từ trẻ đến già ta toàn phải vẽ những cái mà lòng ta không hề muốn.

Thằng bé rụt rè im lặng. Xavraxốp thấp ngọn đèn dầu hỏa. Con chim kim tước bên phòng bác thợ thuộc da hàng xóm kêu quẹt quẹt và lên tiếng hót.

Xavraxốp ngập ngừng đẩy ly rượu cạn ra xa.

- Ta đã vẽ nhiều phong cảnh Pêtergốp và Oranienbaum đến nỗi không thể nào đếm xuể. Chúng ta, lũ ăn mày, cúi đầu kính cẩn trước cái trắng lệ đó. Mơ ước của những người tạo ra những lâu đài và những khu vườn đó làm cho ta

rừng mình. Sau tất cả những cái đó chúng ta còn có thể nào nhận ra và yêu mến được những cánh đồng ướt át, những túp nhà xiêu vẹo, những mảng rừng thưa và bầu trời thấp lè tè!

Xavraxốp khoát tay và rót vốtka vào ly. Ông xoay ly rượu rất lâu trong những ngón tay khô xác. Rượu trong ly rừng mình vì tiếng ầm ầm của chiếc xe tang bánh sắt chạy ngang ngoài phố. Xavraxốp vụng trộm nốc cạn ly rượu.

- Ở nước Pháp có một họa sĩ đại tài tên là Côrô ⁽¹⁾ Xavraxốp nói và ho sặc sụa - Ông ta tìm được cả cái đẹp trong những đám sương mù và những bầu trời xám, trong những vùng nước mênh mông. Mà cái đẹp ấy nào có thường! Còn chúng ta ấy à... Chúng ta không mù mà mắt chúng ta lại không biết vui mừng trước ánh sáng. Chúng ta là những con cú, những con cú đêm... - Ông giận dữ nói và đứng lên - Quáng gà, vô tích sự và nhục nhã!

Lêvitan hiểu rằng đã đến lúc nên về. Cậu bé thèm ăn nhưng Xavraxốp nửa tỉnh nửa say quá mãi chuyện đã quên khuấy không cho học trò mình bữa trà.

Lêvitan ra. Những người đánh xe ngựa tải đồ văng tục, họ đi bên những chiếc xe, làm lộn tuyết với nước. Ở những đại lộ, tuyết chùm bám chặt lấy những cành cây trần trụi. Hơi nước ở các quán rượu phả vào mặt người như

1. Camin Côrô - họa sĩ danh tiếng Pháp, chuyên vẽ phong cảnh (1796-1875).

ở các tiệm giặt là.

Lêvitan tìm thấy trong túi ba mươi kôpếch - quà của các bạn cùng trường hội họa và điêu khắc thỉnh thoảng lại góp nhau giúp cậu - và bước vào quán rượu. Chiếc máy hát rung nhạc leng keng và chơi bài "Trên đường cũ Kalusoxkôie". Anh hầu bàn quần áo luộm thuộm chạy bên các bàn ăn, nhe răng ra và lớn tiếng nói với chủ:

- Cho thằng nhóc Do Thái một xúc xích bột lọc.

Lêvitan - thằng bé nghèo khổ và đói khát, cháu của một ravin ⁽¹⁾ ở thị trấn Kibarta thuộc tỉnh ly Kôvenxkô - ngồi gập người xuống bàn ăn trong quán rượu Maxkova và nhớ đến những bức tranh của Côrô. Những người mặc quần áo bẩn thỉu ồn ào chung quanh, than vãn hát những bài ca đầy nước mắt, phun khói Makhorka ⁽²⁾ hăng xè và xì xụp húp nước sôi màu vàng trong những chiếc đĩa con đã được liếm sạch. Tuyết ướt bám vào những khung kính đen và những quả chuông đồ hồi miễn cưỡng.

Lêvitan ngồi lâu trong quán rượu - cậu chờ vợ đi dẫu. Cậu ngủ trong những phòng học lạnh lẽo của trường cậu ở phố Miatnitskaia, trốn con mắt lão gác cổng mang biệt hiệu "Con ma". Cậu chỉ có một người ruột thịt là chị gái của cậu. Cô sống nhờ người khác, thỉnh thoảng cho cậu ăn và mạng

1. Một chức sắc trong cộng đồng những người Do Thái chuyên trách về đời sống tinh thần, phong tục tập quán của những người này.
2. Một thứ thuốc lá rất nặng.

chiếc áo vét tông cũ cho cậu. Tại sao cha cậu lại bỏ thị trấn ra Maxkova, vì lẽ gì mà cả cha cả mẹ cậu chết sớm như thế, để lại Lêvitan và chị gái ngoài đường phố, cậu không hiểu. Sống ở Maxkova thật khó khăn, thật cô đơn, nhất là đối với cậu, một tên Do Thái.

- Cho thằng bé Do Thái một suất bột lọc nữa - Anh hầu bàn có đôi chân đĩnh đoảng như chân gà trống nói với chủ - Rõ là Đức Chúa Trời của bọn Do Thái nuôi thằng bé kém quá.

Lêvitan cúi thấp xuống. Cậu thèm ngủ và muốn khóc. Ấm áp làm đôi chân đau dữ. Còn đêm thì cứ đắp mãi đắp mãi những mảng tuyết tháng ba ướt dẫm lên trên cửa kính.

Năm 1879, cảnh sát đuổi Lêvitan ra khỏi Maxkova, tới vùng Xantukópka ở ngoại thành ⁽¹⁾. Nhà vua vừa ra một đạo dụ cấm người Do Thái sống trong “trong thủ đô chính thống của nước Nga”. Lúc đó Lêvitan mười tám tuổi.

Sau này Lêvitan nhớ lại mùa hè ở Xantukópka như một mùa hè khó khăn nhất trong đời. Trời nóng hầm hập. Hầu như ngày nào dông bão cũng phủ kín trời, sấm nổ rền, cỏ dại dưới cửa sổ xào xạc trong gió, nhưng không có lấy một giọt mưa rơi.

Những khi trời chập choạng tối mới đặc biệt khó chịu. Ở trên ban công bên biệt thự hàng xóm người ta đốt đèn.

1. Nguyên văn: vùng biệt thự.

Những con bướm đêm kéo đến như những đám mây, đập mình vào “kính đèn. Trong sân quần ⁽¹⁾ bóng đập chan chát. Các cậu học trò trung học và các cô gái đùa cột, cãi vã cho đến hết ván, và rồi tới khuya một giọng nữ hát ngoài vườn một bản tình ca buồn rượi.

Giọng em đối với anh vừa âu yếm vừa uể oải....

Lúc đó là lúc những bài thơ của Pôlônxki, Maikốp và Apukhotin ⁽²⁾ còn nổi tiếng hơn là những âm điệu giản dị của Puskin, đến nỗi Lêvitan cũng chẳng biết lời bản tình ca là của Puskin.

Tối tối từ bên này hàng rào chàng nghe giọng hát của thiếu phụ không quen biết, chàng nhớ thêm một bản tình ca nữa, bài hát nói về chuyện “tình yêu nức nở” như thế nào.

Chàng muốn được thấy thiếu phụ, người có giọng hát sao mà buồn và thánh thót, muốn được thấy các cô gái chơi quần và các cậu học trò trung học vẫn thường dồn những quả bóng gỗ đến tận nền đường sắt với tiếng reo hò chiến thắng. chàng muốn được uống trà trong những ly sạch trên ban công, lấy chiếc thìa con động vào lát chanh, đợi một lúc lâu cho mút mơn từ cái thìa con ấy chảy xuống thành một sợi chỉ trong suốt. Chàng muốn cười phá lên và cọt nhả, chơi

1. Một lối chơi quần vợt gọi là *crôket*.

2. Những nhà thơ đương thời với Lêvitan.

trò “Cháy đi” ⁽¹⁾ hát cho tới nửa đêm, chạy thật nhanh với những bước khổng lồ và nghe tiếng thì thào cảm động của những cậu học trò trung học về nhà văn Garsin, người viết truyện ngắn “Bốn ngày” bị sở kiểm duyệt cấm. Chàng muốn được nhìn vào đôi mắt của thiếu phụ đang hát nọ: mắt của những người đang hát bao giờ cũng chỉ hé mở và tràn ngập nỗi buồn tuyệt đẹp.

Nhưng Lévitan nghèo, chàng gần như một người hành khất. Chiếc áo vét tông kẻ ô vuông cuối cùng đã rách tan. Chàng đã lớn vượt ra ngoài chiếc áo đó. Đôi tay lem nhem sơn dầu thò ra ngoài ống tay áo như chân một con chim. Suốt mùa hè Lévitan đi đất. Trong bộ y phục như thế làm sao chàng có thể đến trước mặt những người vui tươi đi nghỉ ở biệt thự kia được.

Và Lévitan lẩn tránh. Chàng lấy một chiếc thuyền và ra bãi sậy trên hồ làm phác thảo: trên thuyền không ai ngăn trở chàng.

Về phác thảo trong rừng hoặc trên nững cánh đồng thì nguy hiểm hơn. Ở đó chàng có thể chạm trán với chiếc dù màu tươi của một bà quý phái đang đọc tác phẩm của Anbốp trong bóng bạch dương hoặc một bà gia sư đang cục

1. Một trò chơi, trong đó người đứng đằng trước, theo hiệu lệnh của những người tham gia khác, bắt mọi người chạy từng đôi ra khỏi hàng. Trong khi chơi, người ta hát “Cháy đi, cháy đi cho sáng, kéo tắt bây giờ!”.

ta cục tác đưa lũ trẻ đi dạo. Mà không có ai tài khinh khi sự nghèo túng bằng các bà gia sư.

Lêvitan trốn những người đi nghỉ mát, nhớ thiếu phụ hát đêm và vẽ phác thảo. Chàng quên bằng đi mất rằng ở trường chuyên nghiệp hội họa và điêu khắc, Xavraxốp đã tiên đoán cho chàng danh tiếng của Côrô, còn các bạn chàng - anh em Kôrôvin và Nicôlai Tsêkhốp - lần nào xem tranh chàng cũng cãi vã về cái đẹp của phong cảnh thực sự ở nước Nga. Cái danh tiếng tương lai của Côrô ấy chìm ngấm trong những cơn hờn giận cuộc đời, đôi khuỷu tay áo rách và những đế giày vệt gót.

Mùa hè năm ấy Lêvitan vẽ rất nhiều ở ngoài trời. Xavraxốp dẫn chàng làm như vậy. Một lần vào mùa thu Xavraxốp say rượu đến xưởng họa ở phố Miatnitskaia, giận dữ đập tan tấm kính của bụi bặm và bị thương ở tay.

- Các anh vẽ cái gì vậy? - Ông hét lên bằng một giọng đầy nước mắt, lấy chiếc khăn tay bẩn lau máu - Khói thuốc lá? Phân bón? Hay là cháo xám?

Bên ngoài cánh cửa bị đập vỡ, những đám mây bay vùn vụt, nắng trải trên mái vòm những vệt nóng và bóng bồ công anh bay khắp trời - vào khoảng thời gian đó bồ công anh mọc lên rất nhiều trong các sân nhà ở Maxkova.

- Các anh hãy dồn nắng lên khung vải - Xavraxốp hét lên và người gác già "Con ma" nhìn vào cửa bằng một con

mất khó chịu - Các anh đã bỏ qua tiết trời ấm áp mùa xuân! Tuyết tan biến thành nước lạnh chảy ở các khe - tại sao tôi không thấy cái đó trên những phác thảo của các anh? Đoạn đã nở hoa, những cơn mưa đẹp như thể không phải nước lã nữa mà là bạc chảy từ trên trời xuống - những cái đó đâu rồi trên khung vải của các anh? Vô tích sự và nhục nhã.

Sau lần bị mắng nhiếc tàn tệ ấy, Lêvitan bắt đầu làm việc ngoài trời. Lúc đầu chàng khó quen với cảm xúc mới về màu sắc. Nhưng gì trong các phòng đầy khói thuốc lá tưởng là trong sáng thì ở ngoài trời không hiểu vì sao đã mờ hẳn đi, bị phủ một màng đục.

Lêvitan cố vẽ sao cho trong tranh của chàng có thể cảm thấy được không khí đang lấy cái trong vắt của nó mà ôm ấp từng ngọn cỏ, từng chiếc lá và từng đồng cỏ khô. Mọi vật chung quanh hình như bị ngập trong một cái gì bình thản, lấp lánh và xanh biếc. Lêvitan gọi cái gì đó là không khí. Nhưng đó không phải là cái không khí mà chúng ta thấy. Chúng ta thở hít nó, chúng ta cảm thấy hương của nó, cái lạnh hay ấm của nó. Còn Lêvitan thì cảm thấy không khí là một môi trường vô tận của thứ vật chất trong suốt, nó mang tới cho những bức tranh của chàng chất dịu mát làm ta phải mê say.

Mùa hè hết. Giọng hát của thiếu phụ không quen biết vắng dần. Một hôm, vào lúc chiều tối, Lêvitan gặp ở cổng nhà mình một thiếu phụ trẻ. Đôi tay nhỏ nhắn của nàng

trắng lên dưới lần ren đen khâu ở cổ tay. Mây đen mềm mại phủ kín trời. Mưa lác đác. Ở các mảnh vườn con trước cửa, hoa xông lên mùi đắng. Các mũi tên hiệu đường sắt đã lên đèn.

Thiếu phụ không quen biết đứng ở cửa và cố giương chiếc ô nhỏ nhưng không sao mở được. Cuối cùng chiếc ô xòe ra và mưa bắt đầu reo trên mặt lụa. Thiếu phụ chậm bước đi ra ga, Lêvitan không nhìn thấy mặt nàng chiếc ô che khuất. Nàng cũng không nhìn thấy mặt Lêvitan mà chỉ thấy đôi chân không giày bản thủ của chàng và nhấc ô lên để khỏi vướng vào chàng. Trong ánh sáng mờ mờ chàng nhìn thấy một khuôn mặt nhợt nhạt. Chàng cảm thấy khuôn mặt ấy quen quen và xinh đẹp.

Lêvitan trở về căn phòng nhỏ của chàng và nằm xuống. Ngọn nến bốc khói, mưa rú rít, những người say rượu nước nỏ ngoài ga. Nỗi buồn nhờ tình yêu của mẹ, của chị, của đàn bà đã bước vào tim chàng từ đó và không rời bỏ chàng cho tới những ngày cuối cùng của cuộc đời chàng.

Đúng vào mùa thu năm ấy, Lêvitan vẽ bức: "Một ngày thu ở Xôkônnik". Đó là bức tranh đầu tiên của chàng, trong đó mùa thu xám và vàng, buồn như cuộc sống nước Nga thời bấy giờ, như cuộc sống của bản thân Lêvitan, thở hơi ấm nhẹ nhàng từ nền vải làm người xem đau nhói nơi tim.

Trên con đường nhỏ trong công viên Xôkônnik một thiếu phụ trẻ mặc đồ đen đi trên những đám lá rụng - thiếu

phụ mà giọng hát của nàng Lêvitan không thể nào quên. *"Giọng em đối với anh vừa âu yếm vừa uể oải..."*. Nàng đi một mình giữa rừng thu, và cái cô độc ấy vây lấy nàng bằng một cảm xúc buồn rầu và tư lự.

"Một ngày thu ở Xôkônnik" là bức phong cảnh duy nhất của Lêvitan trong đó có con người mà cũng lại là do Nikôlai Tsêkhốp vẽ thêm vào đó. Sau đó, trong tranh của Lêvitan không bao giờ có người nữa. Người đã được thay thế bằng những khu rừng, những đồng cỏ, những dòng nước lũ mù sương và những túp lều nghèo đói của nước Nga, những túp lều câm lặng và cô độc như con người câm lặng và cô độc thời bấy giờ.

Những năm học ở trường chuyên nghiệp hội họa và điêu khắc đã hết: Lêvitan vẽ bức cuối cùng, bức tranh lấy bằng tốt nghiệp: một ngày có mây, cánh đồng, những luống lúa mì bó chặt.

Xavraxốp liếc qua bức tranh và lấy phấn viết vào mặt trái: "Huy chương bạc lớn".

Các thầy giáo ở trường vẫn gồm Xavraxốp. Lúc nào cũng say rượu, hay sinh sự, ông đối xử với học trò như những người ngang hàng, còn mỗi khi rượu vào là lại xô toét tất cả, la hét âm âm về sự bất tài của các họa sĩ được mọi người công nhận và đòi trên nền vải phải có không khí, có khoảng rộng bao la.

Các thầy giáo trút mọi ác cảm đối với Xavraxốp lên đầu học trò yêu của ông ta là Lêvitân. Ngoài ra, thằng bé Do Thái tài năng nọ còn làm một thầy giáo khác bức bối. Theo ý họ, người Do Thái không được đụng đến phong cảnh Nga - đó là việc của những họa sĩ gốc Nga. Bức tranh của Lêvitân bị coi là không đáng thưởng huy chương. Lêvitân không được lĩnh danh hiệu họa sĩ, người ta cấp cho chàng tấm bằng thầy giáo dạy môn viết tập.

Cùng với mảnh bằng phẩm hại đó đã bước vào đời một trong những họa sĩ tinh tế nhất thời đó, người bạn sau này của Tsêkhốp, người ca ngợi đầu tiên và hãy còn rụt rè của thiên nhiên Nga.

Ở gian nhà chứa đồ trong làng Macximốpka, nơi Lêvitân sống mùa hè, anh em Tsêkhốp treo một cái biển: "Quỹ cho vay của thương gia Ixắc Lêvitân".

Mơ ước về một cuộc sống vô tư cuối cùng đã được thực hiện. Lêvitân đánh bạn với họa sĩ Nikôlai Tsêkhốp, với gia đình Tsêkhốp và đã sống cùng họ ba mùa hè. Vào khoảng thời gian đó, nhà Tsêkhốp năm nào cũng về nghỉ hè ở làng Bapkin gần Tân Giêruxalem.

Gia đình Tsêkhốp là một gia đình gồm những người tài năng, ồn ào và hay giễu cợt. Trong nhà họ không bao giờ ngớt những câu nói đùa. Mỗi chuyện cỏn con, cả đến cuộc đi câu cá giếc hoặc một chuyến đi dạo trong rừng hái nấm cũng biến thành một sự kiện vui vẻ. Từ sáng, những

câu chuyện bịa, những tiếng cười ha hả đã bắt đầu quanh bàn trà. Tiếng cười không lúc nào lặng đi cho đến khuya. Mỗi nét ngộ nghĩnh của con người hoặc một chữ tức cười lập tức được mọi người hưởng ứng và làm có cho những câu nói đùa, những chuyện bỡn cợt.

Lêvitan là người bị làm tình làm tội nhiều nhất. Ông thường xuyên bị lên án trong bất cứ tội pha trò nào và cuối cùng mọi người tổ chức tòa án để xử ông. Antôn Tsêkhốp⁽¹⁾ hóa trang làm công tố viên đọc lời buộc tội. Thính giả cười bỏ ra. Nicôlai Tsêkhốp giả làm một nhân chứng ngốc nghếch. Ông đưa ra những lời khai lộn xộn, lẫn lộn cái nó với cái kia, sợ hãi và trông ông giống như anh chàng nông dân của Antôn Tsêkhốp trong truyện ngắn "Tên bất lương" - cái anh chàng tháo êcu ở đường sắt làm quả cân. Alếchxandro Tsêkhốp - trạng sư - lên giọng ngâm nga một bài diễn văn khoa trương như một diễn viên.

Đặc biệt riêng khuôn mặt Ả rập đẹp trai của Lêvitan làm tội ông nhiều hơn cả. Trong các thư từ gửi đi, Tsêkhốp thường nhắc đến sắc đẹp của Lêvitan. *"Tôi sẽ đến với anh, đẹp như Lêvitan"*, - ông viết - *"anh ta uế oái như Lêvitan"*.

Nhưng tên của Lêvitan không phải chỉ là hình tượng của sắc đẹp nam giới mà còn là của cái đẹp đặc biệt của phong cảnh Nga. Tsêkhốp tạo ra tính từ "lêvitan" và dùng nó rất đạt.

1. Nhà văn lớn của nước Nga thế kỷ XIX-XX (1860-1904).

“Phong cảnh ở đây còn “lêvitan” hơn ở chỗ các anh” - ông viết trong một bức thư. Cả tranh của Lêvitan cũng khác nhau nữa - những bức này “lêvitan” hơn những bức kia.

Lúc đầu cái đó tưởng như chỉ là một câu nói đùa, nhưng càng về sau càng thấy rõ trong cái chữ bông đùa đó có một ý chính xác - chữ đó biểu hiện được cái duyên dáng của phong cảnh miền trung nước Nga mà trong tất cả các họa sĩ thời bấy giờ chỉ có mỗi một mình Lêvitan là đưa được lên nền vải.

Thỉnh thoảng trên cánh đồng cỏ gần nhà Bapkin xảy ra những chuyện kỳ lạ. Lúc hoàng hôn xuống, Lêvitan cuời con lừa già đi ra đồng cỏ mặc giả như một người du mục Ả Rập. Ông xuống lừa, ngồi xổm và bắt đầu quay về hướng đồng cầu nguyện. Ông giơ tay lên hát một cách thâm thiết và cúi đầu về phía Mekkka mà lạy. Đó là buổi cầu kinh của người Hồi giáo.

Antôn Tsêkhốp ngồi trong bụi rậm với khẩu súng trường cũ kỹ, đạn nhồi bằng giấy và giẻ rách. Ông dữ tợn nhằm Lêvitan và bóp cò. Những đám khói mù mịt lan tỏa trên cánh đồng. Ngoài sông, ếch nhái kêu chuộc chuộc một cách tuyệt vọng. Lêvitan thét lên ngã vật xuống đất giả chết. Mọi người đặt ông lên cáng, luồn tay ông vào một đôi ủng cũ bằng da và khiêng ông đi quanh công viên. Đội đồng ca nhà Tsêkhốp hát những bài lâm khốc nào nùng bằng đủ mọi lời vớ vẩn mà họ nghĩ ra. Lêvitan cười rũ rượi,

rồi không chịu được nữa, ông nhảy xuống và chạy biến vào nhà.

Sáng sớm Lêvitan và Antôn Paplôvich Tsêkhốp đi câu cá ở sông Ixtra. Họ chọn chỗ câu ở những bờ dốc đứng đầy bụi cây rậm rạp, những vực sâu êm ả nơi có hoa súng nở và những con cá vây đỏ kéo đi từng đàn trong nước ấm. Lêvitan thì thầm đọc thơ Tiutsép ⁽¹⁾, Tsêkhốp trợn mắt lên dọa nạt và cũng thầm thì như thể ông mắng bạn - cá đang cắn câu của ông mà thơ lại làm cho con cá nhút nhát sợ hãi.

Những gì Lêvitan mơ ước khi còn ở Xamtukópka đã thành sự thật: những cuộc chơi “Cháy đi” trong những buổi chập choạng tối, lúc trăng lưỡi liềm mỏng dính treo trên những bụi rậm của khu vườn quê, những nụ cười và vẻ bối rối của thiếu phụ trẻ, giọng nói dịu dàng của họ, những cuộc cãi lộn đáng yêu, những vì sao run rẩy trên những cánh rừng thưa, tiếng chim kêu, tiếng kéo kệt của những chiếc xe trên những cánh đồng đêm, sự gần gũi những người bạn tài năng, gần gũi với vinh quang xứng đáng, cảm giác nhẹ nhàng trong thân thể và tâm hồn.

Mặc dầu cuộc sống tràn đầy vẻ đẹp mùa hè, Lêvitan vẫn làm việc rất nhiều. Tường trong nhà kho của ông - trước kia là chuồng gà - treo đầy phác thảo suốt từ trên

1. Fêdô Ivanóvich Tiutsép (1803-1873) nhà thơ và triết gia. Thơ trữ tình của ông thấm đượm sự lo âu, cảm giác về tính chất bi thảm trong cuộc sống.

xuống dưới. Mới thoát nhìn người ta cũng chẳng thấy gì mới trong những phác thảo ấy - vẫn những con đường uốn khúc quen thuộc biến mất sau những ngọn núi nghiêng nghiêng, những cánh rừng, những chân trời xa, trắng sáng bên trên những hàng rào thôn dã, những con đường mòn đầy dấu giày đan giữa đồng, những đám mây và những con sông lười biếng.

Cái thế giới quen thuộc hiện lên trên nền vải, nhưng trong nó vẫn có một cái gì riêng của nó mà những danh từ nghèo nàn của con người không diễn đạt nổi. Những bức tranh của Lêvitan gọi lên trong con người cái đau như là những hồi ức về những ngày xa lắc xa lơ nhưng bao giờ cũng vẫn cứ làm ta mê mẩn.

Lêvitan là họa sĩ của phong cảnh buồn. Phong cảnh bao giờ cũng buồn khi con người buồn. Nền văn học và hội họa Nga đã nói đến trong hàng thế kỷ những bầu trời đáng ngán, những cánh đồng xơ xác, những mái nhà tranh đen dũi của người, những bài ca ngân trong gió của người đối với ta khác nào những giọt lệ của mối tình đầu.

Từ thế hệ này qua thế hệ khác, con người nhìn thiên nhiên bằng cặp mắt đục mờ vì đói. Thiên nhiên đối với con người cũng cay đắng chẳng khác gì số phận của y, chẳng khác gì một mẫu bánh mì sũng nước. Đối với người đó thì bầu trời nhiệt đới xán lạn cũng trở nên khắc nghiệt.

Món thuốc độc thần hiệu của sự chán nản thành hình

như thế đấy. Nó đè lên tất cả, làm mất đi mọi màu sắc của ánh sáng, trò chơi và vẻ thanh lịch của chúng. Thiên nhiên dẹt dẹt và phong phú của nước Nga đã bị xuyên tạc trong hàng thế kỷ, bị coi là ảm đạm và đầy nước mắt. Các họa sĩ và các nhà văn xuyên tạc nó mà không hề biết mình đã làm chuyện đó.

*

* *

Lêvitan xuất thân từ trong đám người Do Thái ⁽¹⁾ không có quyền trước luật pháp và không có tương lai, là kẻ sinh ra ở miền Tây - xứ sở của những thị trấn nhỏ, của những người thợ thủ công lao phổi, của những nhà thờ Do Thái đen đui, của chật chội và nghèo túng.

Tình trạng không có quyền trước luật pháp theo đuổi Lêvitan cho đến trọn đời. Năm 1892 ông lại bị đuổi khỏi Maxkova lần thứ hai mặc dầu lúc đó ông đã là một họa sĩ danh tiếng trong toàn cõi Nga. Ông buộc lòng phải ẩn dật tại thị trấn Vladimiakôie cho đến khi bạn bè ông xin được cho ông khỏi bị trục xuất.

Lêvitan buồn như lịch sử của dân tộc ông, của ông cha ông. Ở Bapkin ông đùa cợt, say sưa với các cô gái và màu sắc, nhưng ý nghĩ rằng ông là một tên nô lệ, một kẻ khốn

1. Nguyên văn: từ trong xóm người Do Thái.

cùng, đứa con của một nòi giống luôn luôn bị sự dèm pha rẻ rúng đeo đuổi, vẫn còn tồn tại ở một nơi nào đó sâu thẳm trong tâm hồn.

Đôi khi ý nghĩ đó hoàn toàn xâm chiếm tâm hồn ông. Và lúc ấy những cơn u sầu bệnh hoạn lại nổi lên. Sự không hài lòng với những tác phẩm của mình, sự hiểu biết rằng bàn tay không đủ sức truyền đạt bằng màu những gì đã thành hình trong trí tưởng tượng khoáng đạt của mình làm nỗi buồn phiền càng tăng.

Khi nào nỗi buồn chợt đến, Lêvitan chạy trốn mọi người. Lúc đó ông thấy họ như những kẻ thù. Ông trở nên lỗ mãng, ngông ngược không tài nào chịu nổi. Ông giận dữ cạo hết sơn trong những bức tranh của mình, lẩn trốn mọi người, bỏ đi sẵn cùng con chó Vexta, nhưng lại không sẵn gì hết mà chỉ lang thang vô định trong các khu rừng. Trong những ngày như thế chỉ có một mình thiên nhiên thay thế cho người thân đối với ông: thiên nhiên an ủi ông, lấy gió vuốt ve trán ông như bàn tay mẹ hiền. Ban đêm, những cánh đồng im tiếng: những đêm như thế Lêvitan được nghỉ ngơi, không bị tính ngu ngốc và tò mò của con người quấy nhiễu.

Hai lần trong khi nỗi buồn dậy lên, Lêvitan dùng súng lục tự tử, nhưng không chết. Cả hai lần Tsêkhốp đã cứu sống ông.

Nỗi buồn dần qua, Lêvitan dần trở về với người, ông lại vẽ, lại yêu, lại tin, lại lạc vào trong cái rối rắm của những

quan hệ giữa người với người cho đến khi nỗi buồn lại giáng cho ông một đòn mới.

Tsêkhốp cho rằng nỗi buồn của Lêvitan là sự bắt đầu của một bệnh tinh thần. Nhưng đó là chứng bệnh không thể nào chữa khỏi của những con người vĩ đại, con người đòi hỏi nghiêm khắc đối với bản thân và với cuộc đời.

Tất cả những gì đã vẽ, hình như đều bất lực. Đằng sau những màu sắc đặt trên nền vải, Lêvitan nhìn thấy những màu khác, những màu trong sạch hơn và đậm nét hơn. Từ những màu ấy chứ không phải từ sơn, côban và cadmium do xưởng máy chế tạo. Lêvitan muốn dựng nên phong cảnh nước Nga. Phong cảnh đó phải trong suốt như khí trời tháng chín, huy hoàng như một cánh rừng vào mùa lá rụng.

Nhưng nỗi buồn trong tâm hồn giữ lấy tay ông trong lúc ông làm việc, Lêvitan không thể vẽ, không biết vẽ thế nào cho trong sáng, trong một thời gian dài. Một thứ ánh sáng mờ đục phủ lên trên nền vải, màu sắc nhảm nhí. Lêvitan không tài nào bắt được chúng mỉm cười.

*

* *

Năm 1886, lần đầu tiên Lêvitan rời Maxkova đi về miền Nam, tới Krum.

Ở Maxkova suốt mùa đông ông vẽ cảnh cho nhà hát kịch và công việc đó đối với ông không phải là không có ích, Lêvitan bắt đầu mạnh bạo hơn trong việc sử dụng màu sắc. Nét bút cũng trở nên khoáng đạt hơn. Những dấu hiệu đầu tiên của một tính cách đặc biệt của những nghệ sĩ chân chính xuất hiện - dấu hiệu của sự ngược ngạo trong việc sử dụng màu sắc. Đặc tính đó cần thiết đối với tất cả những ai tìm tòi cách thể hiện ý nghĩ và hình tượng của mình. Nhà văn nhất thiết phải can đảm trong việc sử dụng từ và vốn quan sát của mình, nhà điêu khắc - đối với đất sét và cẩm thạch, họa sĩ - đối với màu sắc và đường nét.

Cái quý nhất mà Lêvitan tìm thấy ở miền Nam là những màu trong sạch. Thời gian ở Krum đối với ông giống như một buổi sáng bất tận, khi không khí lắng xuống sau một đêm, giống như nước trong những hồ khổng lồ ở các thung lũng trên núi, trong sạch đến nỗi từ xa ta có thể trông thấy những giọt sương rơi từ những chiếc lá và xa ngoài chực dậm trắng lên màu bọt sóng đi vào những bờ biển đầy đá.

Những khoảng rộng mênh mông của không khí trải dài trên đất đai phương Nam làm cho màu sắc trở nên phân minh và nổi bật hẳn lên.

Ở miền Nam Lêvitan cảm thấy một điều hết sức rõ rệt rằng chỉ có ánh nắng mới là kẻ ngự trị trên mọi màu sắc. Sức mạnh vĩ đại của hội họa ở trong ánh nắng mặt trời và

tất cả các màu xám của thiên nhiên Nga sở dĩ đẹp chỉ là do nó cũng là cái ánh sáng mặt trời ấy, nhưng là cái ánh sáng đã dịu bớt đi khi qua những tầng khí ẩm ướt và những màng mây mỏng.

Ánh nắng và màu đen không thể nào hòa hợp với nhau. Màu đen không phải là màu mà là xác chết của máu. Lêvitán hiểu ra điều đó và sau chuyến đi Krum ông quyết định gạt bỏ khỏi tranh mình những sắc tối. Nói cho đúng không phải là bao giờ ông cũng thực hiện được việc đó.

Cuộc đấu tranh dai dẳng nhiều năm giành ánh sáng bắt đầu là thế.

Vào khoảng thời gian đó ở Pháp họa sĩ Van Gốc ⁽¹⁾ nghiên cứu việc truyền đạt trên nền vải ngọn lửa của mặt trời, ngọn lửa biến những vườn nho ở Aren thành ra vàng thẫm. Cũng vào khoảng thời gian tương đương, Mônê ⁽²⁾ đã nghiên cứu ánh sáng mặt trời trên những bức tường nhà thờ Rem. Ông lấy làm ngạc nhiên khi thấy màn sương mù mỏng manh của ánh sáng làm cho trọng lượng nặng nề của nhà thờ trở thành nhẹ bồng. Tưởng như nhà thờ nọ không xây bằng đá, mà bằng những khối không khí khác nhau và quét bằng một lượt màu mờ nhạt. Muốn trở về với thực tế ta phải đến sát nó và sờ lên đá.

1. Vanhăng Van Gốc, họa sĩ danh tiếng Hà Lan, thế kỷ XIX (1853-1890)

2. Clốt Mônê: họa sĩ danh tiếng Pháp (1840-1926).

Lêvitan làm việc còn rụt rè. Các họa sĩ Pháp, họ làm việc bạo dạn và kiên trì. Cảm giác về tự do cá nhân, truyền thống văn hóa, môi trường các bè bạn thông minh giúp họ làm việc. Lêvitan không có những cái đó. Ông không hề biết cảm giác tự do cá nhân. Ông chỉ có thể mơ ước nó, nhưng mơ ước một cách bất lực, với nỗi căm giận cái đần độn và buồn nản của cuộc sống nước Nga lúc ấy. Không có cả một môi trường các bè bạn thông minh.

Từ sau chuyến đi về phương Nam, cộng với nỗi u sầu quen thuộc, còn thêm nỗi nhớ thường xuyên những màu khô và rõ nét, ánh nắng, cái ánh nắng biến mỗi ngày không có gì đặc sắc của đời người thành một ngày hội.

Ở Maxkova không có nắng, Lêvitan sống trong những phòng trọ của khách sạn “Anh quốc” ở phố Tvenxkaia. Thành phố, suốt đêm bị sương mù lạnh buốt bao phủ dày đặc đến nỗi không kịp sáng lại trong một ngày đông ngán ngủi. Ngọn đèn dầu hỏa cháy trong phòng. Ánh sáng màu vàng lẫn lộn với bóng tối của một ngày ẩm ướt và phủ những vết xám lên mặt người cùng những bức tranh mới bắt đầu vẽ.

Thiếu thốn lại trở lại, tuy giờ đây không còn kéo dài. Lêvitan phải trả tiền phòng cho bà chủ khách sạn không phải bằng tiền giấy mà bằng phác thảo.

Lêvitan cực kỳ hổ thẹn mỗi khi bà chủ đeo kính vào và xem đi xem lại những “cái tranh” để chọn lấy cái để bán

nhất. Đáng ngạc nhiên hơn cả là những lời cầu nhàu của bà chủ khách sạn thường trùng hợp với những bài viết của các nhà phê bình trên các báo:

- *Moxio Lêvitan*, - Bà ta nói - sao không vẽ trên cánh đồng này một con bò giống, còn dưới cây đoan kia ông không đặt thêm vào một đôi tình nhân? Như thế có vui mắt hơn không?

Các nhà phê bình viết cũng đại khái như vậy. Họ yêu cầu Lêvitan làm cho phong cảnh sinh động lên bằng ngỗng, bằng ngựa, những người chăn bò và con gái.

Các nhà phê bình đòi phải có ngỗng, còn Lêvitan thì lại nghĩ đến ánh nắng huy hoàng, cái ánh nắng sớm hay muộn sẽ làm ngập chìm cả nước Nga trên tranh ông và làm cho mỗi cây bạch dương trở thành có trọng lượng và ánh lấp lánh của kim loại quý.

*

* *

Sau Krum, sông Vônga đã bước vào cuộc sống của Lêvitan một cách vững chãi và lâu dài.

Chuyến đi Vônga đầu tiên không mang lại kết quả. Những cơn mưa bụi, nước Vônga đục ngầu. Gió dồn đuổi trên mặt sông những con sóng ngắn buồn tẻ. Trên cửa kính ngôi nhà gỗ nhỏ trong một làng bên bờ sông Vônga, nơi

Lêvitan đến ở, nước chảy lã chã, vì những cơn mưa đáng ngán. Những chân trời mù mịt hơi sương và một màu xám xịt nuốt hết cảnh vật chung quanh.

Lêvitan đau khổ vì rét, vì đất sét trơn trên bờ sông Vônga, vì không thể vẽ ngoài trời.

Những cơn mất ngủ bắt đầu. Bà lão chủ nhà ngáy bên kia vách và Lêvitan ghen với bà. Ông viết về cái ghen đó cho Tsêkhốp. Mưa rơi lộp bộp trên mái và cứ nửa giờ Lêvitan lại đánh diêm một lần xem đồng hồ.

Bình minh chìm lẩn trong những hoang vắng đen kịt màu đêm nơi ngự trị một thứ gió lạnh đậm. Lêvitan sợ hãi. Ông có cảm giác đêm sẽ kéo dài hàng tuần lễ, rằng ông đã bị dầy ra cái làng nhỏ bé bẩn thỉu này và suốt đời buộc phải nghe tiếng những cành bạch dương ướt đầm đập vào vách gỗ.

Đôi khi, đang đêm ông ra ngoài và cành cây đập vào mặt vào tay ông làm ông đau. Lêvitan giận dữ, châm thuốc hút nhưng rồi ông lại quăng điếu thuốc đi ngay. Khói thuốc lá chua loét làm ông sái quai hàm.

Trên sông Vônga nghe rõ tiếng chân vịt tàu thủy đập một cách kiên nhẫn và cam chịu. Đó là con tàu dất nhấp nháy đèn vàng đang kéo những xà lan hôi hám ngược Rubinxkơ.

Lêvitan có cảm giác như dòng sông vĩ đại ấy là ngưỡng

của dân tới địa ngục ảm đạm. Bình minh không mang lại thanh thản trong lòng. Những đám mây đen chen chúc nhau đua nhau phóng từ Tây Bắc đến, kéo lê trên mặt đất những gấu áo dầm nước của những cơn mưa. Gió rú trong những khung cửa sổ cong queo và làm tay đỏ ửng. Những con gián chạy tán loạn từ trong hộp đựng máu.

Lêvitan không có sức chịu đựng về mặt tinh thần. Ông tuyệt vọng vì thấy cái mà ông chờ đợi và cái mà ông thấy trong thực tế chẳng phù hợp với nhau. Ông muốn có mặt trời thì mặt trời lại chẳng lộ ra. Lêvitan bị mù đi vì tức giận trong thời gian đầu, đến nỗi ông cũng chẳng nhận ra những trung độ tuyệt đẹp của màu xám xanh đặc biệt của những buổi xấu trời.

Nhưng cuối cùng thì con người họa sĩ trong ông đã thắng con người mắc bệnh suy nhược thần kinh. Lêvitan đã nhìn thấy vẻ tuyệt kỳ của cơn mưa và tạo ra những “tác phẩm trời mưa” lòng lẫy của ông: bức “Sau trận mưa” và “Trên sự yên tĩnh đời”.

Bức “Sau trận mưa” Lêvitan vẽ mất bốn tiếng đồng hồ. Những đám mây đen và nước sông Vônga màu thiếc tạo thành một thứ ánh sáng êm dịu. Nó có thể mất ngay trong từng phút. Lêvitan vẽ vội vã.

Những bức tranh của Lêvitan đòi hỏi ta phải ngắm nghía chậm chạp và kỹ càng. Chúng không làm ta hoa

mắt. chúng bình dị và chính xác như những truyện ngắn của Tsêkhốp, nhưng càng ngắm kỹ, ta càng thấy nhiều thêm vẻ đáng yêu của cái im lặng những thị trấn tỉnh lý, những dòng sông quen thuộc và những con đường làng.

Trong bức “Sau trận mưa” có cả vẻ tuyệt kỳ của những chiều sẩm tối mưa rơi trong một tỉnh lý bên bờ Vônga. Những vũng nước lấp lánh. Những đám mây trôi về bên kia sông như một làn khói thấp. Hơi nước bay ra từ những ống khói tàu thủy đang hạ xuống mặt nước. Những chiếc xà lan bên bờ đen sẫm lại vì ẩm ướt.

Trong những buổi hoàng hôn mùa hạ như vậy thực dễ chịu biết bao khi ta được bước vào những mái nhà khô, vào những căn phòng thấp với những ván sàn vừa được cọ rửa, nơi những ngọn đèn cháy sáng và bên ngoài cửa sổ khu vườn hoang xào xạc tiếng mưa rơi và đua hương hoang dại. Nghe cung đàn chơi trên chiếc phong cầm cũ là cả một sự thú vị. Những cây đàn yếu ớt khẽ reo lên như tiếng ghita. Một cây vĩ tối sẫm trong chiếc thùng đặt bên cạnh cây đàn. Cô nữ sinh trung học ngồi trong ghế bành, chân co lại, đọc Turghêniép. Con mèo già tha thẩn trong các phòng tai nóng nẩy đung dấy: nó nghe xem trong bếp có tiếng dao thót hay không.

Từ ngoài phố xông lên mùi chiếu gai. Ngày mai phiên chợ, những chiếc xe bò sẽ đổ đôn cả về bãi nhà thờ. Tàu thủy xuôi dòng, đuổi theo đám mây đen của ngày mưa phủ

kín nửa trời. Cô nữ sinh nhìn theo con tàu, mắt cô mở to và mờ đi. Con tàu đang đi tới những thành phố vùng hạ lưu, nơi có những rạp hát, những cuốn sách và những cuộc gặp gỡ đầy quyến rũ.

Chung quanh tỉnh lỵ là những cánh đồng lúa mạch đen tối tả uớt ẩm ngày đêm.

Trong bức “Trên sự yên tĩnh đời đời”, chất thơ mộng của một ngày xấu trời được biểu hiện bằng một sức mạnh còn lớn hơn nữa. Bức tranh đó Lêvitan vẽ trên bờ hồ Udômlí thuộc huyện Tverxkaia.

Từ trên sườn đồi dốc, nơi những cây bạch dương sẫm màu rạp mình, trước những đợt gió giật từng cơn và ngôi nhà thờ gỗ mục nát đứng giữa cây dương ấy, mở ra phương trời xa của một dòng sông im lặng, những cánh đồng tối sẫm lại vì trời xấu, bầu trời mênh mông đầy mây, treo lơ lửng trên mặt đất. Những màn mưa xiên khoai che lấp những khoảng rộng.

Trong giới họa sĩ trước Lêvitan chưa một ai truyền đạt được những phương trời xa tít tắp của một ngày xấu ở nước Nga bằng một sức mạnh u buồn như vậy. Ngày xấu trời ấy bình thản và trang trọng đến nỗi ta có cảm giác nó là một cái gì thật hùng vĩ.

*

* *

Chuyến đi Vônga lần thứ hai thành công hơn chuyến thứ nhất. Lêvitân không đi một mình mà đi cùng nữ họa sĩ Kupsinnikôva. Người thiếu phụ thơ ngây yêu Lêvitân tha thiết ấy đã được Tsêkhốp tả trong truyện ngắn “Một bà hay nhảy”. Lêvitân rất giận Tsêkhốp vì truyện ngắn đó. Tình bạn giữa hai người tan vỡ và sự hòa giải diễn ra đau đớn và chậm chạp. Đến chết Lêvitân cũng không tha lỗi cho Tsêkhốp vì truyện ngắn đó.

Lêvitân cùng Kupsinnikôva đáp tàu tới Riadan, từ đó họ xuống tàu thủy xuôi dòng Ôka đến trấn Tsunkôvô. Ông quyết định dừng lại ở thị trấn này.

Mặt trời xuống trên những cánh đồng làng sau sườn đồi đất sét. Những đứa bé đuổi những con chim bồ câu đỏ màu hoàng hôn. Trên đồng cỏ bờ sông có những đồng lúa cháy, trong các đầm lầy những con vạc kêu rầu rĩ.

Ở Tsunkôvô có tất cả những gì làm cho dòng Ôka trở thành nổi tiếng - tất cả vẻ đẹp kỳ diệu của dòng sông này, “con sông tràn đầy nước lũ mùa mưa với đôi bờ là những cánh rừng sồi rậm rạp và trong khoảng rộng mênh mông của những bãi cát ở Murômxkô nó chảy nhịp nhàng đường bệ, lấp lánh giữa đôi bờ uy nghi”. Không gì có thể truyền đạt vẻ đẹp của dòng Ôka lười biếng hơn là những vần thơ của Iadukôva ⁽¹⁾.

1. Thi sĩ Nga, chủ đề của ông là thơ trữ tình ca ngợi tình yêu, tình bạn và tự do (1803-1847).

Ở bến Tsunkôvô, một ông lão thấp bé chột mắt đến gần Lêvitan. Ông lão nóng nẩy nắm lấy ống tay áo đuôi của Lêvitan, kéo lại gần và lấy những ngón tay xù xì mân mê hồi lâu.

- Ông ơi, ông làm gì thế? Lêvitan hỏi.

- Vải của ông - Ông lão nói và ợ một cái - Lão muốn ngắm vải của ông thôi. Nó kêu xào xạo như tóc đàn bà vậy. Còn bà kia là ai, xin Chúa tha tội, có phải vợ ông không? - Ông lão chỉ Kupsinnikôva, đôi mắt bỗng trở nên dữ tợn.

- Vâng, vợ tôi - Lêvitan trả lời.

- Ra thế? - Ông lão độc ác nói và bỏ đi - Có quỷ sứ biết các người lang thang khắp nơi thế này để làm gì.

Cuộc gặp gỡ không báo trước điều gì tốt lành.

Sáng sau, khi Lêvitan cùng Kupsinnikôva ngồi xuống sườn đồi, vừa mới mở hộp màu ra thì trong làng bắt đầu nhốn nháo. Những mẹ đàn bà te tái từ nhà nọ sang nhà kia. Những người đàn ông cau có, đầu tóc dính đầy rơm, cời thất lung ra, từ từ xúm quanh ụ đất, ngồi lại ở đằng xa, lặng lẽ nhìn hai họa sĩ. Lũ trẻ thở hỗn hển sau lưng, xô đẩy nhau và chửi bới ầm ĩ.

Một mẹ đàn bà răng đã rụng sạch tiến lại gần, nhìn Lêvitan chăm chăm, rồi bất thành linh tru tréo.

- Jêsu lạy Chúa tôi! Mày làm gì ở đây thế, cái thằng vô lễ này.

Những người đàn ông bắt đầu xông xáo. Lévitan ngồi, mặt tái đi, nhưng vẫn giữ bình tĩnh và cố tình pha trò cho qua chuyện.

- Bà lão đừng nhìn vào đây - Ông nói với người đàn bà kia - Nổ mất ra đấy.

- À, à.. quân vô liêm sỉ - Mụ la lên, hỉ mũi vào vạt váy và đến gần những người đàn ông. Trong đám ấy đã có một lão thầy tu mắt đẫm nước đứng run rẩy, chống tay vào một chiếc gậy dài. Không hiểu lão từ đâu đến Tsunkôvô và sống bám trong nhà thờ ở làng kia.

- Quân gian tà! - Lão kêu lên khe khẽ - Không hiểu chúng nó đang làm gì. Đi họa đồ đất đai nhà thánh. Không tránh khỏi hỏa hoạn đâu làng nước ơi! Rồi đến *chai* họa thôi. ⁽¹⁾

- Cút đi ngay! - Ông lão chột mắt quát lên - Ở đây không có cái thói ngồi về tranh với đàn bà đâu! Cút!

Đàn phải xếp hộp màu lại và ra đi.

Cũng ngày hôm đó Lévitan và Kupsinnikôva rời khỏi trấn. Khi họ tới gần bến tàu, bến nhà thờ còn nghe thấy tiếng "cút đi!" lộn xộn và tiếng kêu the thé của lão thầy tu.

- Quân gian đấy. Quân vô đạo. Đàn bà mà để đầu trần thế kia à.

1. Tai họa. Lão thầy tu nói ngọng.

Kupsinnikôva chẳng đội mũ, cũng chẳng chít khăn.

Lêvitan xuôi sông Ôka đến Nigioni. Ở đó ông chuyển sang tàu thủy đi Rubinxko. Suốt ngày này sang ngày khác, ông cùng Kupsinnikôva ngồi trên boong tàu nhìn lên tìm cảnh vẽ phác thảo.

Nhưng không có chỗ nào vừa ý. Lêvitan cau có và luôn kêu mệt. Hai bờ sông từ từ trôi đơ điệu, không thấy đâu những xóm làng nên thơ và những khúc ngoặt nhịp nhàng tư lự làm vui con mắt.

Cuối cùng ở Plexơ, từ trên boong Lêvitan nhìn thấy một ngôi nhà thờ dựng bằng những cột thông. Nó đen ngòm trên nền trời xanh nhạt. Ngôi sao sớm lấp lánh, óng ả bên trên.

Trong nhà thờ ấy, trong cái tịch mịch của chiều hôm, trong giọng nói như ru của những người đàn bà bán sữa trên bến sông, Lêvitan cảm thấy biết bao yên tĩnh và vì thế ông đã quyết định ở lại Plexơ ngay.

Từ đó bắt đầu một khoảng thời gian trong sáng của đời ông.

Tĩnh lý nhỏ bé vắng người và tĩnh mịch. Chỉ có tiếng chuông nhà thờ và tiếng mõ điểm canh trong đêm. Trên các ụ đất và bên các khe ngoài phố ngưu bàng nở hoa và cỏ hoang đã mọc. Trong các nhà, trên bậc cửa sổ người ta hong khô hoa đoan đằng sau những diềm lụa mỏng tang.

Những ngày duộm nắng khô hanh nối tiếp nhau. Mùa hè ở Nga cũng gần sang tiết thu càng nhuốm màu quả chín. Ngay trong tháng tám lá cây trong các vườn táo đã ngả màu hồng, đồng ruộng lấp lánh ánh bạc và chiều đến, những đám mây phủ ngoài một màu đỏ rực đậu trên sông Vônga.

Con ưu phiền bệnh hoạn đã qua. Chỉ nói lại nó cũng đủ xấu hổ. Ngày ngày mang lại những chuyện bất ngờ cảm động. Khi thì một bà lão ngớ Lêvitan là kẻ hành khát, đặt lên nắp hộp màu của họa sĩ một đồng năm xu mòn nhẵn, khi thì bày trẻ xúm lại, đưa nọ thúc vào lưng đứa kia xin ông vẽ cho một bức, rồi cười âm lên và bỏ chạy tán loạn. Khi thì người đàn bà hàng xóm trẻ tuổi, một tín đồ cự giáo lén lút chạy sang và than vãn bằng một giọng êm như ru về thân phận cực nhọc của mình. Lêvitan gọi chị là Katêrina trong vở kịch “Đồng tổ” của Ôxtrôpxki ⁽¹⁾. Ông quyết định cùng Kupsinnikôva giúp cho chị chạy trốn khỏi Plexo, thoát khỏi cái gia đình ngán ngấm kia. Cuộc chạy trốn được bàn bạc trong khu rừng ngoài thành phố. Kupsinnikôva bàn bạc với Katêrina, còn Lêvitan nằm ở lễ rừng báo tin nguy hiểm cho những người đàn bà bằng một tiếng huýt sáo nhẹ. Katêrina đã chạy thoát.

Trước chuyến đi Plexo, Lêvitan chỉ yêu có phong cảnh

1. Ôxtrôpxki A.N. Nhà biên kịch vĩ đại Nga thế kỷ XIX (1823-1886). Vở “Đồng tổ” của ông dựng năm 1859, xuất bản năm 1860.

Nga, còn nhân dân sống trên đất nước lớn lao này ông không hiểu nổi. Ông đã biết những ai? Lão gác cổng vũ phu trong trường học mang biệt hiệu “Con ma”, những tên hầu bàn trong các quán rượu, những tên bồi lão xược trong phòng cho thuê, những nông phu man rợ ở Tsunkôvô. Ông luôn nhìn thấy cảnh hung bạo, bẩn thỉu, sự cam chịu dần dần và lòng khinh rẻ đối với ông, một người Do Thái.

Trước những ngày ở Plexo ông không tin ở tâm hồn hiền hậu của nhân dân, trí tuệ của họ, cũng như khả năng hiểu nhiều biết rộng của họ. Sau Plexo, Lêvitan cảm thấy sự gắn bó của mình không chỉ riêng với phong cảnh Nga mà cả với nhân dân đất nước ấy - một dân tộc tài hoa đau khổ, một dân tộc hình như đang lặn đi, không biết trước một tai họa mới hay trước một cuộc giải phóng vĩ đại.

Trong chuyến đi Vônga lần thứ hai này, Lêvitan vẽ được nhiều. Về bức tranh ấy, Tsêkhốp đã nói với ông: “Trên tranh của anh đã thấy có nụ cười”.

Ánh sáng và ánh lấp lánh lần đầu tiên đã hiện lên trên những tác phẩm “miền Vônga” của ông - trong bức “Plexo vàng”, “Gió mới” và “Chuông chiều”.

Hầu như mỗi người trong chúng ta đều giữ lại từ thuở còn thơ hình ảnh của những bãi cỏ trong khu rừng phủ đầy lá rụng, những mảnh đất lộng lẫy và u sầu nơi quê hương, những mảnh đất rực rỡ bên dưới một mặt trời không nóng bỏng trên nền trời xanh thẳm, trong cái yên tĩnh của

những vùng nước lặng gió, trong tiếng kêu chiêm chiếp của những con chim lang bạt.

Đến tuổi thành niên những kỷ niệm ấy lại dậy lên trong lòng ta một sức mạnh kỳ lạ bởi những nguyên do nhỏ nhặt nhất - chẳng hạn như cái phong cảnh thoáng qua ngoài cửa sổ toa tàu kia - và những kỷ niệm ấy gây ra trong lòng ta nỗi bồi hồi và cảm xúc về hạnh phúc mà chính ta cũng không hiểu, làm ta muốn dứt bỏ tất cả; những thành phố, những ưu tư, những người đã trở thành nhàm để đi về nơi hẻo lánh kia, về những bờ hồ xa lạ, những con đường rừng mà ở đó, mỗi âm thanh đều ngân dài và rõ ràng như ở trên đỉnh núi, giống như một tiếng còi tàu hay tiếng hót của những con chim bay nhảy trong những bụi thanh lương trà.

Tình cảm đối với những vùng thân yêu ta đã gặp từ thuở xa xăm ấy, từ những bức tranh “miền Vônga” và tranh “thu” của Lévitan sẽ còn mãi mãi với ta.

Đời của Lévitan nghèo sự kiện. Ông ít đi đây đi đó. Ông chỉ yêu vùng trung du nước Nga. Đi đâu ông cũng coi là phí thời gian. Đối với những chuyến đi ra ngoại quốc ông cũng nghĩ như vậy.

Ông đã qua Phần Lan, Pháp, Thụy Sĩ và Ý.

Đá hoa cương Phần Lan, nước sông màu đen, bầu trời lạnh giá và biển cả ảm đạm ở đó làm ông chán ngán. “Tôi

lại lên con buồn chết người rồi đây - Từ Phần Lan, Lêvitan viết thư cho Tsékhốp - ở đây không có thiên nhiên”.

Ở Thụy Sĩ, dãy Anpơ làm ông kinh ngạc, nhưng hình dáng của dãy núi này đối với Lêvitan cũng không khác hình thù của những hình núi giả bằng bìa cứng phết phẩm lòe loẹt.

Ở Ý ông chỉ ưa có Vonido. Không khí ở đây chứa đầy những màu bạc do những bờ vịnh tối gây nên.

Ở Pari, Lêvitan đã thấy những bức tranh của Mônê nhưng ông không nhớ những bức tranh ấy. Mãi đến trước ngày chết ông mới coi trọng nền hội họa của những người theo trường phái ấn tượng chủ nghĩa và hiểu ra rằng một phần nào ông đã là bậc tiền bối của họ ở Nga và lần đầu tiên ông công nhận tên tuổi họ.

Trong những năm cuối cùng của đời ông, Lêvitan đã ở lâu trong vùng gần Vusni - Vólôtsốc bên bờ Uđomli. Ở đó trong gia đình nhà điền chủ Panafidinui ông lại rơi vào những quan hệ rối ren giữa người và người, ông dùng súng tự sát, nhưng người ta đã cứu sống ông.

*

* *

Càng về già ý nghĩ của Lêvitan càng dừng lại nhiều hơn ở mùa thu.

Thực ra; Lévitan cũng có sáng tác mấy bức họa tuyệt diệu về mùa xuân, nhưng hầu như bao giờ đó cũng là những mùa xuân giống nhau.

Trong bức “Nước dâng”, cánh rừng bị nước lũ tràn ngập đứng trầm trụi y như lúc cuối thu và cũng không thấy đâu màng khói xanh nhạt bao ngoài cửa lá đầu mùa. Trong bức “Xuân sớm” dòng sông đen đứng chết lặng giữa những miệng hồ còn chất đầy tuyết xốp và riêng có bức “Tháng ba” mới truyền đạt được cái sáng sửa thực sự là xuân của nền trời trên những đồng tuyết đang tan, ánh nắng vàng và ánh lấp lánh thủy tinh của nước tuyết từ các mái nhà lát ván mỏng nhỏ giọt.

Các nhà thơ, nhà văn và các họa sĩ Nga đã sáng tác những bài thơ, những trang sách và những bức họa dịu dàng nhất và cảm động nhất về mùa thua.

Lévitan cũng như Puskin, Tiutsép và nhiều người khác ngóng chờ mùa thu tới như một mùa quý giá nhất và qua mau nhất trong một trong một năm.

Mùa thu giải thoát những khu rừng, đồng ruộng và toàn thể thiên nhiên khỏi những màu đậm mịt, lấy mưa rửa sạch cỏ cây. Những cánh rừng trở nên thoáng đãng. Những màu tối của mùa hè được thay bằng màu vàng rụt rè, màu đỏ thắm và màu bạc. Không những chỉ màu đất mà cả không khí cũng thay đổi. Nó trong sạch hơn, lạnh hơn và những chân trời xa nom như sâu hơn hẳn trong

mùa hè. Cũng hết như ở các bậc thầy của văn học và hội họa, cái hào nhoáng trẻ trung của màu sắc và cái lộng lẫy của ngôn ngữ đến tuổi trưởng thành sẽ được thay thế bởi tính chất nghiêm trang và cao thượng.

Mùa thu trên những tác phẩm của Lêvitan muôn hình muôn vẻ. Không thể nào kể hết tất cả những ngày thu mà ông đã đưa lên nền vải. Lêvitan để lại gần một trăm bức “Thu” không kể những phác thảo.

Trên những bức tranh ấy họa sĩ mô tả những vật ta quen từ nhỏ: đồng cỏ đen lại vì ẩm ướt; những dòng sông nhỏ xoay tròn những đồng lá rụng trong những xoáy nước chậm rãi, những cây bạch dương vàng óng, cô đơn, chưa bị gió đánh trụi; bầu trời giống như một lớp băng mỏng; những trận mưa toi tả trên cánh rừng vừa đốn. Nhưng trong tất cả những bức tranh ấy, dù Lêvitan có vẽ gì chẳng nữa, điều truyền cảm mạnh mẽ hơn cả vẫn là nỗi buồn của những ngày ly biệt, những chiếc lá rụng lá tả, cỏ úa, tiếng đàn ong bay vo vo trước khi trời trở lạnh và mặt trời cuối thu đang nhẹ nhàng sưởi ấm mặt đất.

*

* *

Dần dà, năm này qua năm khác, bệnh đau tim nặng phát triển trong người Lêvitan mà cả ông, cả những người

gần gũi ông, đều không hề biết tới, cho tới khi nó phát ra dữ dội lần đầu.

Lêvitan không chữa bệnh. Ông ngại gặp bác sĩ sợ phải nghe một bản án tử hình. Các bác sĩ dĩ nhiên sẽ cấm Lêvitan không được giao tiếp với thiên nhiên, mà điều đó đối với ông cũng chẳng khác gì cái chết.

Lêvitan càng buồn hơn so với những năm ông còn trẻ. Ông bỏ vào rừng luôn - mùa hè trước khi ông qua đời, Lêvitan ở gần Zvenigôrôt và ở đó nhiều lần người ta bắt gặp ông bối rối và đang khóc. Ông biết rằng không có gì, cả các ông thầy thuốc, cả cuộc sống yên tĩnh, cả thiên nhiên mà ông yêu mến đến điên cuồng kia, cũng không thể xua đuổi cái đoạn kết đang tới gần.

Mùa đông năm 1899 các bác sĩ gửi Lêvitan đi Ianta. Hồi đó Tsêkhốp cũng đang ở Ianta. Hai người bạn cũ gặp nhau, họ đều già đi và xa lạ. Lêvitan đi lại phải chống gậy, thở không được và gặp ai cũng nói về cái chết sắp đến. Ông sợ chết và không giấu giếm điều đó. Trái tim gần như đau mãi không ngừng.

Tsêkhốp buồn nhớ Maxkova, nhớ miền Bắc. Mặc dù biển rất "lớn" theo lời ông, nó thu hẹp cuộc đời lại. Ngoài biển và thành phố Ianta lặng lẽ giữa tiết đông, hầu như không còn lại một cái gì khác trong cuộc đời. Ở một nơi nào đó rất xa bên kia Kháckốp, Kurxko và Ôriôn có tuyết phủ, có những ánh lửa của những xóm làng xơ xác nhấp nháy

mò mẫm trong con bão tuyết bạc trắng. Con bão tuyết có một cái gì gần gũi và tha thiết đối với con tim, gần hơn cả những cây trúc bá bêclin và không khí ngọt ngào vùng ven biển. Cái không khí ấy thường làm ta nhức đầu. Tất cả đều như rất đáng yêu: cả những cánh rừng, cả những con ngòi, cả những làng Pêkhorki và Véctusinki nào đó, những đồng cỏ trên những cánh đồng hoang vắng chiều hôm, những đồng cỏ cô đơn dưới trăng mờ, tưởng như đã bị con người bỏ quên vĩnh viễn.

Lêvitán lúc bấy giờ đang ốm, xin Tsêkhốp một mảnh bìa cứng và trong nửa giờ ông vẽ bằng sơn màu cảnh ruộng đồng chiều hôm với những đụn cỏ đánh đồng. Bức phác thảo ấy, Tsêkhốp đặt lên bệ lò sưởi bên cạnh bàn viết và ông hay ngắm nó trong khi làm việc.

Mùa đông ở Ianta khô và có nắng, gió ấm từ biển thổi vào bờ. Lêvitán nhớ lại chuyến đi Krum lần đầu và ông thềm lên núi. Hồi ức về chuyến đi, khi đứng trên đỉnh núi Ai-Pêtri nhìn bầu trời mây dưới chân mình, luôn theo đuổi ông. Trên đỉnh đầu là mặt trời - ở đây tưởng như nó gần mặt đất hơn, ánh nắng vàng của nó tỏa xuống những hình bóng gọn nét. Mảng trời mây ở dưới kia, trên miệng vực, tỏa khói và từ từ bò tới chân Lêvitán, che phủ những rừng thông.

Bầu trời chuyển động từ phía dưới lên và cái đó làm cho Lêvitán sợ cũng như ông sợ cái im lặng chưa từng nghe

núi tới của núi. Chỉ đôi lúc, tiếng đá lăn trên núi mới phá vỡ cái im lặng ấy. Đá đen lăn từ sườn núi xuống và lay động những đám cỏ gai khô.

Lêvitan muốn được lên núi. Ông đòi người ta đưa ông lên núi Ai-Pêtri nhưng người ta đã từ chối. Không khí loãng trên núi có thể nguy hiểm cho tính mạng ông.

Ianta không làm ông khỏi bệnh. Lêvitan trở về Maxkova. Ông hầu như không ra khỏi nhà ông ở ngõ Tritorxviatitenxki nữa.

Ngày hai mươi bảy tháng bảy năm 1900 ông mất. Lúc đó trời vừa tối, ngôi sao đầu tiên xuất hiện trên trời Maxkova vội vội và những vòm lá cây đã ngập trong lớp bụi vàng và trong ánh phản chiếu của mặt trời đang tắt.

Mùa hè năm ấy rất dài. Đến tháng bảy hoa tử đinh hương còn chưa nở hết. Những khóm hoa mọc đầy mảnh vườn bên nhà. Mùi lá cây, mùi tử đinh hương, mùi sơn dầu đọng lại trong xưởng họa, nơi Lêvitan đang hấp hối, hương vị đã đeo đuổi họa sĩ suốt cuộc đời và truyền đạt trên nền vải nỗi buồn của thiên nhiên Nga - thiên nhiên ấy, cũng giống con người, tưởng như đã chờ đợi những ngày vui tươi khác hẳn.

Những ngày ấy đã đến rất mau sau khi Lêvitan mất, và những đồ đệ của ông đã được thấy điều mà thầy học họ không được thấy: họ đã thấy một đất nước mới với những

phong cảnh trở nên khác hẳn bởi vì con người đã trở nên khác hẳn: họ đã thấy mặt trời hào phóng của chúng ta, đất đai bao la quê hương, bầu trời trong sáng và ánh lấp lánh của những màu sắc hội hè mà trước đây Lêvitán không hề quen thuộc.

Lêvitán đã không thấy điều đó vì phong cảnh tươi vui khi con người được tự do và sung sướng.

Lêvitán muốn cười, nhưng ông đã không đưa được lên nên vãi cả đến một nụ cười yếu ớt.

Ông quá trung thực đến nỗi không thể không nhận thấy nỗi đau khổ của nhân dân. Ông trở thành người ca ngợi một đất nước bao la và nghèo đói, trở thành người ca ngợi thiên nhiên đất nước ấy. Ông nhìn thiên nhiên bằng cặp mắt của một dân tộc đau khổ - sức mạnh nghệ thuật của ông chính là ở chỗ đó và trong đó một phần nào ẩn kín cái bí quyết của duyên ông.

1938

Kim Ân và Mộng Quỳnh dịch

Mục lục

Lời giới thiệu	5
Trái tim nhút nhát	7
Tuyết.....	24
Gió biển	38
Chú bé chăn bò	48
Lời cầu nguyện của mađam Bôvê	58
Bình minh mưa	68
Cầu vồng trắng	92
Bức điện	103
Chiếc nhẫn bằng thép	127
Bình minh tuyết phủ	136
Người đầu bếp già	161
Lăng quả thông.....	168
Bụi quý	185
Chuyến xe đêm	202
Đám đông trên đại lộ bờ biển	225
Cuộc phiêu lưu của Bộ sừng	242
Vườn nhà bà	251
Ixắc Lêvitơ.....	259



Mời các bạn tìm đọc
và cổ động cho bộ sách văn học

NGỌN LỬA TUỔI TRẺ

1. THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐÂY

Nicolai Ôxtrôpxki -

Thép Mới & Huy Vân *dịch*

2. MÃN VÀ TÔI

Phan Tứ

3. SỐNG NHƯ ANH & NGUYỄN VĂN TRỖI VÀ ĐỒNG ĐỘI

Trần Đình Vân

4. DẤU CHÂN NGƯỜI LÍNH

Nguyễn Minh Châu

5. NGƯỜI MẸ CẦM SÚNG

Nguyễn Thi

6. TUỔI MƯỜI BẢY

Ghécman Mátvêép

Tuyết Minh *dịch*

7. BỤI QUÝ

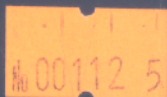
Kônxtantin Pautôpxki

Kim Ân và Mộng Quỳnh *dịch*

8. RUỒI TRÂU

E.L. Vôinitso

Bắc Nam và Hà Ngọc *dịch*



Giá: 21.000 đ